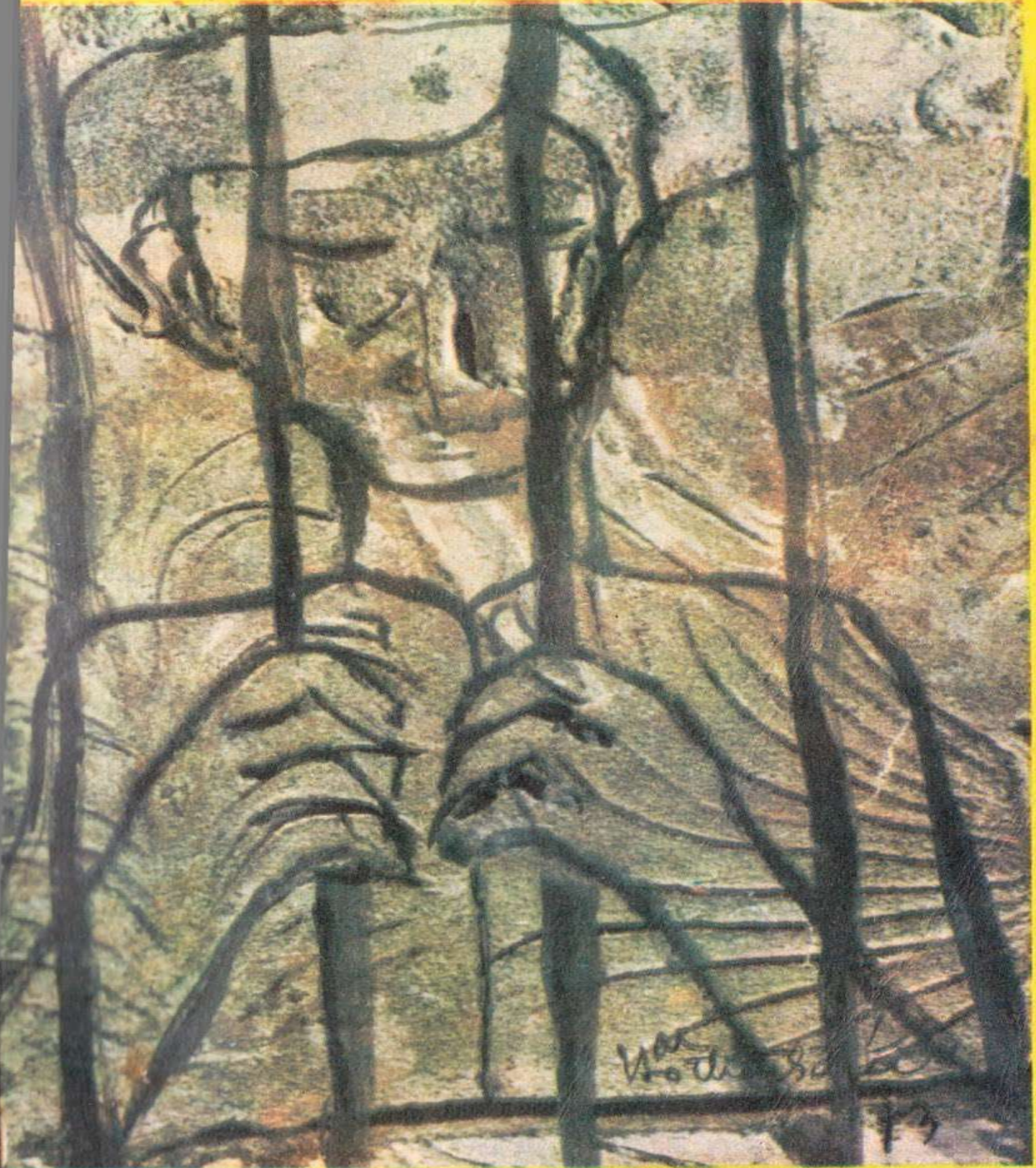


Arthur Koestler

TỘI CÔNG THÀNH



Đen Trắng

TỘI CÔNG THÀNH

Tác giả: **Arthur Koesler**

Người dịch: **Quốc Ấn**

Chuyển text, soát lỗi: **cailubietdi**

Ebook: **Cuibap**

Cuộc Thâm Vấn Thứ Nhứt

Người ta không thể cai trị mà không giản ước

Saint-Just

Kẻ nào thành lập một nền độc tài mà không giết Brutus, hay kẻ nào thành lập một nền Cộng hòa mà không giết con cái của Brutus, thì kẻ ấy chỉ ngự trị không lâu.

Machiavel

(Discorsi)

Nào, nào, ông bạn, người ta không thể sống hoàn toàn không biết thương hại.

Dostoiewski

(Crime et Châtiment)

1.

Cánh cửa xà lim đóng sầm sau lưng Roubachof.

Ông đứng tựa vào cửa vài giây và đốt thuốc. Trên giường phía mặt có trải hai chiếc mền tương đối sạch sẽ và ổ rơm hình như mới dõn. Bồn rửa tay bên trái không có nút chặn, nhưng vòi nước còn dùng được. Kế đó, chiếc bồn vệ sinh mới được khử trùng và không có mùi hôi. Các bức tường đều xây bằng gạch thẻ, ngăn chặn tiếng vỗ, nhưng những nơi đặt ống hơi nóng để sưởi và ống nước, tuy đã lấp lại bằng thạch cao, thì có âm vang khá đầy đủ khi vỗ vào; ngoài ra, ống dẫn hơi nóng hình như truyền âm rất tốt. Cửa sổ ở vào tầm mắt, nhìn xuống sân phải rút mình lên song sắt. Đại để gian phòng không đến nỗi tệ.

Ông ngáp, cởi áo ngoài, cuộn lại đặt lên ổ rơm làm gối. Ông nhìn xuống sân. Tuyết ánh màu vàng dưới ánh sáng trắng và đèn điện. Quanh sân, dọc theo các bức tường, có một con đường hẹp được dọn tuyết sạch để cho tù nhân đi bộ hằng ngày. Bình minh chưa ló dạng; những vì sao còn lấp lánh đưa ra tia sáng lạnh lẽo, đều có đèn điện. Trên vòng rào bên ngoài, trước xà lim của Roubachof một lính canh, súng trên vai, đang đi qua đi lại, nện mạnh gót mỗi bước. Thịnh thoảng, lưỡi lê sáng rực lên trong ánh đèn điện màu vàng.

Đứng bên cửa sổ, Roubachof cởi giày. Ông dụi thuốc, để chiếc tàn trên nền gạch gần giường, và ngồi mấy phút trên ổ rơm. Ông lại trở ra cửa sổ. Sân lặng lẽ; người lính canh đang quay bước; trên vòm chòi canh có đặt súng đại liên, ông thấy một phần dãy Ngân hà.

Roubachof nằm dài lên giường, đắp chiếc mền phía trên. Đã năm giờ sáng, và ở đây, vào mùa đông, người ta khỏi phải thức dậy trước bảy giờ. Ông buồn ngủ dữ dội, và tính rằng có lẽ không bị đưa đi thẩm vấn trước ba hay bốn ngày. Ông gỡ chiếc kiếng kẹp mũi, đặt bên gối thuốc, mỉm cười và nhắm mắt. Ấm áp trong mền, ông cảm thấy được bảo vệ; lần thứ nhất từ mấy tháng nay, ông không còn sợ giấc mơ nữa.

Vài phút sau, khi người gác đàn tắt đèn bên ngoài và nhìn vào xà lim qua chiếc lỗ, thì Roubachof, cựu Ủy viên nhân dân, đã ngủ, lưng quay vào tường, đầu gối lên cánh tay trái cứng ngắc ló ra khỏi thành giường; nhưng bàn tay thõng xuống và các ngón co quắp lại trong giấc ngủ.

2.

Một giờ trước đó, khi hai nhân viên thuộc ủy phủ Nội vụ đến để bắt ông, đập liên hồi vào cửa phòng Roubachof, thì đúng vào lúc ông đang nằm mơ thấy người đến bắt mình.

Họ đập càng lúc càng mạnh và Roubachof cố gắng để thức dậy. Ông có nghệ thuật rút mình ra khỏi những cơn ác mộng; từ nhiều năm nay, giấc mơ từ lần bị bắt đầu tiên thỉnh thoảng trở lại với một nhịp độ đều đều như sự vận hành của chiếc máy đồng hồ.

Lắm khi, với một sự chồm dậy bằng ý chí, ông ngưng được sức vận hành ấy để rút khỏi cơn ác mộng; nhưng lần này lại không hiệu nghiệm; những tuần lễ chót đã làm ông mòn mỏi, ông đổ mồ hôi và thở hồng hộc trong giấc ngủ; sự vận hành của chiếc máy đồng hồ cứ xoay và cơn mơ tiếp tục.

Ông mơ như thường lệ là có người đập mạnh vào cửa, là ba người đàn ông ở bên ngoài, sẵn sàng bắt ông. Xuyên qua chiếc cửa đóng kín, ông thấy họ đứng và đập vào khuôn cửa. Họ mặc đồng phục mới tinh, bánh nhứt của đám cận vệ binh thuộc nền độc tài Đức; mũ và tay áo có mang phù hiệu chữ vạn; mỗi người cầm trong tay kia một khẩu súng ngắn to quá cỡ; dây nịt lẫn y phục nặng nề của họ nức mùi da mới. Giờ đây họ đã ở trong phòng, ngay đầu giường ông. Hai người trong bọn là những anh dân quê trẻ ưỡn ẹo, môi dày, mắt như mắt cá; tên thứ ba là một người lùn mập. Họ đứng cạnh giường, tay cầm súng ngắn, hơi thở của họ hôi hám. Yên lặng hoàn toàn trong bóng đêm; chỉ nghe hơi thở khò khè của tên lùn mập. Bỗng có người giựt nước ở các tầng lầu phía trên và nước tuôn xuống ống trong tường phát lên tiếng đều đều.

Sự vận hành của máy đồng hồ nói đi. Những tiếng đấm vào cửa vang mạnh hơn; ngoài kia, hai người đến bắt Roubachof luân phiên nhau đập cửa

và hà hơi vào các ngón tay tê cứng. Nhưng Roubachof vẫn không thức nổi, dẫu ông biết rằng trong giấc mơ một cảnh rất nặng nề sẽ nổi tiếp: Ba người kia vẫn ở đầu giường và ông cố mặc chiếc áo ngủ vào người. Nhưng tay áo lại ngược; ông không làm sao đưa tay vào được. Ông loay hoay mãi cho đến khi một sự tê dại xâm chiếm ông; ông không thể cử động trong lúc sự cử động rất cần thiết: ông sẽ xỏ tay áo đúng lúc không? Sự hoang mang kéo dài mấy giây đồng hồ, trong lúc ấy thì Roubachof rên rỉ; mồ hôi lạnh đầm màn tang, như những hồi trống loạn xa xa, tiếng đập cửa xuyên qua giấc ngủ; cánh tay dưới gối co rúm lại trong sự cố gắng tìm cách xỏ vào tay áo ngủ. Chót hết, ông được giải phóng bằng một cú báng súng đầu tiên đánh vào sau vành tai...

Dư hưởng quen thuộc của cú báng súng đầu tiên ấy, sống lại trong ông hằng ngàn lần và luôn luôn mới mẻ, thường đánh thức ông. Ông tiếp tục run rẩy một lúc và bàn tay nằm chột dưới chiếc gối, vẫn tìm loạn chiếc tay áo ngủ; vì thường thường, trước khi thức hẳn, ông còn phải trải qua giai đoạn cuối cùng mà cũng là giai đoạn khốn khổ nhất. Đó là thời gian choáng váng đầy cảm giác hỗn độn của một sự thức giấc mà trên thật tế vẫn có thể trong mơ; ông tự hỏi phải chăng thật sự mình không nằm dài trên nền gạch ẩm ướt của một phòng giam tối tăm, với cái bồn dưới chực và gấn trên đầu là bình nước với mấy mảnh bánh mì...

Ngay lần này, sự lo sợ ấy vẫn xâm chiếm ông mấy giây; ông không hiểu khi quờ quạng, bàn tay ông sẽ đụng cái bồn vệ sinh hay đụng cái nút bấm của ngọn đèn đầu giường. Kế đó, ánh sáng làm ông chóa mắt, rồi sương mù tan đi trong đầu. Roubachof thở thật sâu mấy cái liền, và như kẻ đau mới mạnh, khoanh tay trên ngực, tận hưởng một cách khoái trá cảm giác tự do và an ninh. Ông dùng dải giường chạm cái trán đầm mồ hôi và mảnh da sồi sau đầu; ông nhìn với cái nháy mắt mĩa mai chiếc ảnh màu của Người số I, đảng trưởng, treo trên tường phía trên đầu giường - và nó cũng ở trên tường của tất cả các phòng lân cận, từng trên hay từng dưới, khắp các nhà trong thành phố và khắp nước minh mông, cái nước mà vì nó ông đã tranh đấu và chịu khổ sở, và hiện nay nó đang tiếp nhận ông trở lại trong

thân thể to lớn và bảo bọc của nó. Giờ đây, ông đã hoàn toàn tỉnh ngủ; nhưng người ta vẫn tiếp tục đập cửa phòng.

3.

Đứng ở đầu cầu thang tối tăm, hai người đến để bắt ông hỏi ý kiến nhau. Vassilii, người gác cổng đã chỉ đường cho họ, đứng trong thang máy, hốc hác vì sợ hãi. Ông ta là một ông già ốm yếu; trên cái cổ rách của chiếc áo choàng lính mà ông khoác bên ngoài áo ngủ, người ta thấy một cái sẹo to đỏ hồng làm ông có vẻ là kẻ mắc bệnh lao. Đó là dấu vết của một vết thương ở cổ hồi Nội Chiến, mà ông đã tham gia trọn vẹn trong đoàn du kích quân của Roubachof. Sau đó, Roubachof được phái ra hải ngoại, và thỉnh thoảng Vassilii mới nghe nói đến ông ta, qua tờ báo mà con gái ông đọc cho ông nghe mỗi tối. Ông bảo đọc những diễn văn của Roubachof trước Đại hội; những bài diễn văn ấy dài và khó hiểu, và Vassilii không bao giờ tìm lại được giọng điệu của con người nhỏ thó rậm râu, biết rất nhiều tiếng chữ thề nguyền nghĩnh mà cả Đức Mẹ thành Kazan cũng phải mỉm cười. Thường thường, Vassilii ngủ giữa những bài diễn văn ấy, nhưng luôn luôn thức giấc khi con gái ông, đến phần kết luận hay những đoạn được vỗ tay, trịnh trọng cất cao giọng. Mỗi lần nghe những câu nghi thức kết thúc những bài diễn văn: “Quốc tế lao động muôn năm! Cách mạng muôn năm! Người số I muôn năm!”; Vassilii thêm trong thâm tâm để con gái ông không nghe được, tiếng “Amen” thật rõ ràng; rồi ông cởi chiếc áo thợ giặt, len lén làm dấu thập tự giá một cách hổ thẹn, và đi ngủ. Phía trên đầu giường ông, cũng có ảnh của Người số I, và cạnh đó là ảnh Roubachof thời chỉ huy du kích quân. Nếu ảnh ấy bị khám phá, có lẽ ông cũng bị vào tù.

Trời lạnh trong thang máy tối tăm và lặng lẽ. Người trẻ nhút trong số hai nhân viên của ủy phủ Nội vụ muốn bắn vỡ ổ khóa, Vassilii dựa mình vào cửa thang máy; lúc này ông chỉ đủ thì giờ mang giày, và hai tay. Ông run rẩy đến nỗi không cột giày được. Người lớn tuổi hơn không đồng ý bắn súng; cuộc bắt bớ phải diễn hành bí mật. Cả hai hà hơi vào những bàn tay

tên trẻ rồi lại đập cửa nữa; tên trẻ động bằng báng súng. Ở vài tầng phía dưới, một người đàn bà hét lên với giọng chát chúa. Người trẻ bảo Vassilii “Bảo nó câm họng lại”. Vassilii la to: “Nín đi. Nhà chức trách”. Người đàn bà im ngay. Tên trẻ đối phương pháp và dùng giày đập vào cửa. Tiếng âm ã vang lên khắp cầu thang; chót hết, cánh cửa bật tung.

Cả ba đứng ở đầu giường Roubachof, tên trẻ cầm súng ngấn trên tay, tên lớn tuổi đứng thẳng người, Vassilii ở vài bước sau họ, tựa mình vào tường. Roubachof vẫn chậm mồm hôi phía sau đầu; ông nhìn họ bằng đôi mắt cận thị và ngái ngủ.

- Công dân Roubachof, Nicolas Salmanovitch, nhân danh luật pháp, chúng tôi bắt ông. - Tên trẻ nói.

Roubachof mò dưới gối tìm cặp kiếng kẹp mũi và hơi nhồm lên. Với cái kiếng ấy, đôi mắt ông có sắc thái mà Vassilii và tên lớn tuổi đã biết qua những bức ảnh cũ của thời Cách mạng. Tên lớn tuổi càng đứng thẳng người hơn; tên trẻ hơn đã lớn lên dưới thời những nhân vật mới, bước một bước đến cận giường: cả ba đều biết rằng, để giấu sự bối rối, tên ấy sẽ nói hoặc làm một cái gì thô bạo.

- Cất súng đi, đồng chí - Roubachof nói - Hơn nữa, anh muốn làm gì tôi?

- Ông đã nghe rồi - Y nói - Mặc đồ đi, và đừng lộn xộn.

- Các anh có mang lệnh bắt tời đó không? - Roubachof hỏi.

Tên lớn tuổi xuất trình một mảnh giấy, trao cho Roubachof và đứng thẳng người trở lại.

Roubachof đọc kỹ giấy ấy.

- Tốt lắm - Ông nói - Ba cái đồ này không có nghĩa gì cả; quý bắt các anh!

- Mặc đồ rồi đi mau. - Tên trẻ nói. Người ta thấy sự thô bạo không phải vì anh ta bối rối, mà là thái độ tự nhiên của anh ta.

“Chúng ta đã đào tạo được một thế hệ đẹp thật”, Roubachof tự bảo.

Ông nghĩ đến những tấm bích chương tuyên truyền trong đó tuổi trẻ luôn luôn được trình bày bằng những gương mặt tươi cười, ông cảm thấy thật chán chường.

- Đưa cái áo ngủ cho tôi, thay vì vọc cây súng của anh. - Ông nói với tên trẻ.

Tên này đỏ mặt, nhưng lặng im. Người lớn tuổi trao chiếc áo ngủ cho Roubachof, Roubachof xỏ tay vào áo.

- Ít ra lần này như vậy cũng được. - Ông nói với nụ cười gượng.

Ba người kia không hiểu nhưng không nói gì. Họ nhìn ông chậm chạp bước xuống giường và gom những y phục bèo nhèo.

Tòa nhà yên lặng trở lại từ sau tiếng la chối lói của người đàn bà, nhưng người ta cảm thấy tất cả những kẻ cư ngụ nơi đây đã thức giấc trên giường của họ, nín thở.

Kế đó có kẻ giật nước, và nước tuôn xuống ống với một âm thanh đều đều.

4.

Chiếc xe đưa các nhân viên tới đây đậu trước cửa: một chiếc xe hiệu Mỹ, mới toanh. Trời còn tối; người tài xế mở đèn pha; con đường đang ngủ hoặc giả bộ ngủ. Họ lên xe, trước tiên là tên trẻ, rồi Roubachof, kế đó là người lớn tuổi trong số hai viên chức. Người tài xế cũng mặc đồng phục, mở máy. Nhựa đường dừng lại ở một góc đường; họ hãy còn ở trung tâm thành phố; chung quanh họ vươn lên những tòa nhà tân thời chín mười tầng, nhưng đường sá là những con lộ gồ ghề như ở nhà quê, đầy bùn sinh đông đặc, lấm tẩm tuyết ở những nơi nứt nẻ. Người tài xế lái thật chậm và các ống nhún sang trọng của chiếc xe nghiêng ken két và rên rỉ như một chiếc xe bò.

- Lái mau đi - Người trẻ tuổi bảo, vì không chịu nổi sự yên lặng trong xe.

Người tài xế nhún vai, không quay lại. Khi Roubachof lên xe, y đã nhìn ông một cách lạnh lùng, không hảo ý. Trước kia, Roubachof gặp tai nạn; người lái chiếc xe cứu thương cũng đã nhìn ông như vậy. Sự gập ghình chậm chạp trên những con đường vắng ngắt, với ánh đèn pha chập chờn trước họ thật khó chịu.

- Còn xa không? - Roubachof hỏi mà không nhìn những kẻ đồng hành. Ông suýt thêm - Từ đây đến bệnh viện.

- Cũng phải nửa giờ. - Người lớn tuổi mặc đồng phục bảo.

Roubachof rút gói thuốc, lấy một điếu đặt lên môi và đưa gói thuốc mời mọi người do thói quen. Tên trẻ từ chối hẳn, người lớn tuổi lấy hai điếu, trao một điếu cho tài xế đặt một tay lên vành nón kết, quẹt lửa cho mọi người, chỉ lái một tay. Roubachof cảm thấy nhẹ nhàng hơn; đồng thời, ông tự trách mình đã có cảm giác ấy. Đây đúng là lúc gây cảm tình, ông tự

bảo. Nhưng ông không thể ngăn ý muốn nói lên và đưa ra quanh mình một ít hơi nóng của con người.

- Tiếc cho cái xe - Ông nói - Xe hơi ngoại quốc làm tốn vàng của ta không ít, vậy mà sau sáu tháng chạy trên đường của ta là kể như bỏ.

- Cái đó thì đúng, ông có lý. Đường sá của chúng ta quá lạc hậu - Tên lớn tuổi nói.

Giọng nói của người này cho Roubachof thấy rằng y hiểu cảm giác bị bỏ rơi của Roubachof. Roubachof cũng có cảm tưởng con chó được người ta quăng cho khúc xương; ông nhứt định không nói nữa. Nhưng tên trẻ nói với giọng rùng rú :

- Đường sá ở các nước tư bản tốt hơn hả?

Roubachof không thể nén cái mỉm cười :

- Anh chưa bao giờ ra khỏi nhà à?

- Nhưng tôi dư biết đường sá của chúng nó ra sao mà - Tên trả lời - Ông đừng giở trò lòe tôi.

- Nhưng thật sự anh cho tôi là người gì? - Roubachof hỏi một cách bình tĩnh. Tuy nhiên ông cũng phải nói thêm - Anh cần phải học chút đỉnh lịch sử của Đảng.

Tên trẻ nín lặng và nhìn trôn trối lưng người tài xế. Không ai nói tiếng nào nữa. Lần thứ ba, người tài xế thẳng bót làm máy xe khịt khịt mấy cái rồi cho vọt tới, vừa chửi thề. Họ vượt qua vùng ngoại ô trên con đường gập ghềnh; ở đây không có gì thay đổi với những ngôi nhà cây tòi tàn. Trên cao, ánh trăng lợt lạt và lạnh lẽo rọi xuống khung cảnh đổ nát ấy.

5.

Trong mỗi hành lang của khám đường kiểu mẫu đều có ánh đèn điện. Ánh sáng tái nhợt ấy kéo lê thê trên những hàng song sắt, trên tường trống trải quét vôi, trên những cánh cửa xà lim có lỗ nhìn đen thui mang những bảng tên tù nhân. Thứ ánh sáng buồn cười ấy, những bước chân không tiếng vang của tù nhân trên nền gạch gây cho Roubachof cái cảm giác đã thấy qua rồi và trong vài giây đồng hồ, ông chìm đắm trong ảo ảnh mình hãy còn trong cơn mơ. Ông cố tự thuyết phục rằng không có gì trong quan cảnh trước mắt là sự thật. “Nếu ta tin tưởng được rằng mình đang mơ, ông nghĩ, thì thật sự đây là một giấc mơ”.

Ông cố tự dối mình nồng nhiệt đến nỗi cảm thấy chóng mặt; kể đó ông suýt nghệt thở vì hổ thẹn. “Đâm lao phải theo lao, và phải theo tới cùng”, ông nói với mình. Họ đi tới xà lim số 404. Trên lỗ nhìn, có một mảnh giấy cứng mang tên ông, Nicolas Salmanovitch Roubachof. “Họ đã chuẩn bị đầy đủ cả”, ông nghĩ; nhìn tên mình trên tấm giấy làm ông có một cảm giác kỳ lạ. Ông muốn xin người gác khám thân mật cái mền, nhưng cánh cửa đã đóng ập lại.

6.

Cách khoảng đều đều, người gác khám nhìn qua lỗ dòm vào xà lim của Roubachof. Ông bình thản ngủ trên giường; chỉ có bàn tay ông thỉnh thoảng nắm chặt lại trong giấc ngủ. Trên nền gạch cạnh giường ông để cái kiếng kẹp mũi và đoạn thuốc hút còn lại.

Vào bảy giờ sáng, hai giờ sau khi bị đưa đến xà-lim số 404, một hồi kèn đánh thức Roubachof. Ông đã qua một giấc ngủ không mộng mị, và cảm thấy đầu óc sáng suốt. Kèn lặp lại ba lần một đoạn nhạc chát chúa. Những nốt nhạc chói tai vang lên rồi tắt dần; chỉ còn lại một sự yên lặng khó chịu.

Trời chưa sáng hẳn; chiếc bồn vệ sinh và bồn rửa mặt tượng hình lơ mờ trong ánh bình minh. Những song sắt cửa sổ thành những vệt đen trên kiếng dơ dáy; phía trên, bên trái, một mảnh báo dán vào mảnh kiếng bể. Roubachof ngồi lên, vói tay lượm cái kiếng kẹp mũi và khúc thuốc điếu cạnh giường rồi nằm trở lại. Ông gắn kiếng lên sóng mũi rồi đốt khúc thuốc tàn. Yên lặng vẫn kéo dài.

Trong mỗi ngăn quét vôi của cái ổ ong bằng xi-măng này, nhiều người phải ra khỏi giường cùng lúc, vừa chửi thề vừa mò mẫm trên nền gạch; thế mà nơi đây, trong các xà lim giam giữ những tù nhân bí mật, người ta không nghe gì cả, chỉ thỉnh thoảng có những bước chân xa dần trong hành lang. Roubachof biết ông bị bắt một cách bí mật, và ở đây đến bao giờ bị bắn mới thôi. Ông đưa những ngón tay xuyên qua chòm râu nhọn dưới cằm, hút đoạn tàn thuốc và nằm dài bất động.

“Tôi sẽ bị bắn”. Roubachof tự nói với mình. Ông nheo mắt quan sát sự cử động của ngón chân cái dựng đứng dưới chân giường. Trong hơi ấm áp, ông cảm thấy được yên ổn và rất mệt mỏi; ông thấy không có gì miễn người ta để cho ông nằm dài một cách lười biếng trong mền. “Vậy là họ sẽ

bản mây” ông tự bảo. Ông lay động chậm chạp, mấy ngón chân trong vớ, và ông nhớ tới một câu thơ đã ví đôi chân của đấng Ki-Tô với con mang trắng trong một bụi cây gai. Ông chà mắt kiếng lên tay áo, cử chỉ ấy rất quen thuộc đối với những người hoan nghinh ông. Ấm áp trong mền, ông cảm thấy gần như hoàn toàn hạnh phúc và chỉ sợ có một điều, là phải ngồi dậy và cử động. “Vậy là anh sẽ bị tiêu diệt”, ông tự nói gần như la lớn vừa đốt thêm một điếu thuốc, dầu ông chỉ còn có ba điếu. Những điếu thuốc hút trong lúc bụng đói có khi gây cho ông một cái say nhẹ nhàng; và ông đã ở trong trạng thái xuất thần do tiếp xúc với tử thần. Đồng thời, ông hiểu rằng trạng thái đó đáng trách và trên một quan điểm nào đó, không thể chấp nhận được, nhưng lúc này ông không sẵn sàng đón nhận quan điểm đó. Ông thích quan sát trò chơi lay động mấy ngón chân trong vớ hơn. Ông mỉm cười. Ông cảm thấy một làn sóng thiện cảm đối với bản thân dâng lên trong người ông, mà bình thường không ưa thích bản thân mình và sự tàn phá cái cơ thể đó gần đây gây một cái buồn thích thú cho ông. “Đoàn lão vệ binh đã chết - Ông tự nói nho nhỏ - Chúng tôi sắp bị tiêu diệt”. “Ôi! Tử thần, vị thuyền trưởng già nua, đã đến lúc rồi, ta hãy giở neo....”

Ông cố gắng nhớ đoạn còn lại của bài thơ, nhưng chỉ nhớ được bấy nhiêu. “Đoàn lão vệ binh đã chết”, ông lập lại vừa cố nhớ những gương mặt của họ. Ông chỉ gọi được ba hay bốn người. Từ vị chủ tịch của Đế quốc Quốc tế, bị xử tử vì tội phản bội, ông chỉ nhận được một mảnh vạt áo gi-lê bằng vải sọc vuông ở trước bụng hơi to của ông ấy. Người thứ hai là Thủ tướng Quốc gia cách mạng, cũng bị xử tử, đã gặm móng tay vào lúc nguy hiểm... “Lịch sử sẽ phục hồi danh dự cho anh”, Roubachof nghĩ, nhưng không tin tưởng lắm. Lịch sử bất cần anh gặm móng tay hay không. Ông hút thuốc và nghĩ đến những kẻ chết, đến việc hạ nhục họ trước khi họ chết. Tuy nhiên, ông không thể quyết định phải ghét Người số I, đầu người ấy đáng ghét. Thường thường, ông giữ bức ảnh của Người số I trên đầu giường, và đã hoài công cố gắng ghét bức ảnh. Hai người đã gán cho nhau khá nhiều tên riêng, tuy nhiên chót hết ông chỉ nhớ y là Người số I. Sự khùng khiếp mà Người số I gieo rắc chung quanh ông ta, xuất xứ trước tiên từ nguyên do là có thể ông ta có lý, và tất cả những kẻ ông ta đã giết phải

nhìn nhận, dầu đã lãnh một viên đạn sau ót, rằng dầu sao có thể ông ta có lý. Không có gì chắc chắn cả; chỉ còn cầu cứu đến sự phán định chua chát mà họ gọi là lịch sử, và lịch sử chỉ đưa ra lời phán quyết khi nào đôi hàm của kẻ cầu cứu đã tan rã thành bụi từ lâu. Ôi, Tử thần, vị thuyền trưởng...

Roubachof có cảm tưởng bị quan sát xuyên qua lỗ dòm. Không nhìn, ông cũng biết có một con người đang dán vào lỗ nhìn vào phòng giam; một lúc sau, chìa khóa kêu ken két trong ổ khóa. Một thời gian trôi qua trước khi cửa mở. Ngục tốt là một ông già nhỏ thó mang vớ, đứng ở cửa.

- Tại sao ông không ngồi dậy? - Ông ta hỏi.

- Tôi bệnh. - Roubachof nói.

- Bệnh gì? Ông không thể gặp bác sĩ trong ngày hôm nay đâu.

- Nhức răng. - Roubachof nói.

- Nhức răng hả? - Vừa hỏi, ngục tốt vừa lê chân chậm chạp đi ra, rồi đóng cửa.

“Giờ đây, ít ra cũng được nằm yên nơi đây”, Roubachof nghĩ như vậy, nhưng ý nghĩ đó không làm ông vui chút nào. Cái mền có mùi mốc và hơi nóng của nó làm ông khó chịu; ông quăng nó ra một bên. Ông gắng gượng quan sát sự cử động của các ngón chân, nhưng rồi cũng chán. Mỗi chiếc vớ của ông đều lủng một lỗ ở gót. Ông muốn mạm lại, nhưng ý nghĩ phải đập cửa và hỏi ngục tốt kim chỉ ngăn ông lại; có thể người ta không chịu cấp kim cho ông. Bỗng ông có ý muốn đọc báo. Ý muốn ấy nồng nhiệt đến nỗi ông cảm thấy mùi mực in và nghe tiếng ào ào của trang báo được lật qua. Có thể một cuộc cách mạng đã nổ bùng hồi tối vừa qua, hay một nguyên thủ quốc gia nào đó bị ám sát, hay một người Mỹ đã tìm được phương pháp xóa bỏ trọng lực. Vụ ông bị bắt chưa được đăng báo vì ở quốc nội nó sẽ được giữ kín ít lâu nữa, nhưng ở ngoại quốc, tin giựt gân này bị xì ra ngay, và người ta đăng cả ảnh ông, những bức ảnh cũ đã mười năm rút ra từ các tủ tài liệu nhà báo, và người ta công bố cả những câu chuyện vô lý góm ghiett về ông và về Người số I. Giờ đây, ông không còn muốn đọc báo nữa, nhưng lại muốn biết một cách nồng nhiệt những gì trong đầu của Người số I. Roubachof thấy ông ta ngồi ở bàn viết, chống cùi chỏ lên bàn thật vững chắc, nặng nề và ủ rũ, đọc chậm chậm cho một nữ tốc ký viên ghi chép.

Nhiều người khác đi tới đi lui, đọc và phun những vòng khói hay tự đùa với một cây thước. Người số I ngồi bất động, không táy máy, không phun vòng thuốc... Roubachof bỗng thấy mình đã đi tới đi lui cả năm phút rồi; ông xuống khỏi giường mà chính ông không hay. Hiện thời ông đang thực hành một nghi thức quen thuộc, là không đặt chân lên bìa viên gạch hoa mà hình vẽ ông đã thuộc lòng. Nhưng tư tưởng ông không một giây nào rời khỏi Người số I, đang ngồi ở bàn viết, đọc một cánh lạnh lùng, rồi lần lần biến thành bức chân dung của chính ông ta, bức ảnh màu danh tiếng treo ở trên mỗi đầu giường, mỗi tủ rượu khắp nước, và đang nhìn mọi người với đôi mắt lạnh lẽo.

Raubachof tới lui trong xà lim, từ cửa cái đến cửa sổ rồi trở lại, giữa cái giường, bồn rửa mặt và bồn vệ sinh, sáu bước rưỡi mỗi bận. Đến cửa cái ông quay sang phải, đến cửa sổ ông quay sang trái: đó là một thói quen lâu đời trong tù; nếu không đổi hướng mỗi khi quay lại, sẽ bị chóng mặt. Người số I nghĩ gì? Ông tưởng tượng một thiết đồ của bộ óc ấy, sơn xám một cách tỉ mỉ bằng màu nước trên một tờ giấy gắn kim lên một cái giá vẽ. Những vòng của chất xám nổi cuộn lên như những khúc ruột, đoạn này quấn với đoạn kia như những con rắn to, mờ dần một đám sương mờ ảo như vòng ốc của những tinh vân trên các bản đồ thiên văn... Những gì diễn ra trong những cuộc xám nổi vòng kia? Người ta biết tất cả về những tinh vân xa xôi kia, nhưng người ta chẳng biết gì về những tinh vân của khối óc kia. Có lẽ đó là lý do vì đó mà Lịch sử là sự phán định hơn là một khoa học. Có lẽ sau này, ở một tương lai xa xôi, người ta sẽ dạy lịch sử bằng những bảng thông kê và những thiết đồ về giải phẫu học tương tự. Giáo sư vẽ lên bảng một công thức đại số tượng trưng những điều kiện sinh sống của quần chúng một quốc gia nào đó trong một thời kỳ nào đó: “Các công dân, đây là những yếu tố khách quan đã chi phối diễn tiến lịch sử này”. Rồi, với cây thước, giáo sư chỉ một cảnh trí mờ ảo xam xám giữa não thùy thứ hai và thứ ba của bộ óc của Người số I: “Và bây giờ, đây là hình ảnh chủ quan của những yếu tố ấy. Chính hình ảnh này trong phần tư thứ nhì của thế kỷ 20 đã đưa tới chiến thắng của nguyên tắc độc tài”. Bao giờ nhân loại chưa đi tới điểm đó, thì chánh trị nếu chẳng phải là một sự đam mê đắm

máu, cũng là một thứ mê tín thuần túy và yêu thuật mà thôi... Roubachof nghe tiếng nhiều người đi cùng nhịp ngoài hành lang. Ý nghĩ đầu tiên của ông là: “Bây giờ, trận đòn sắp đến”. Ông dừng bước giữa phòng giam, lắng nghe, hàm đưa tới trước. Tiếng bước chân dừng lại trước một xà lim cạnh đó, một khẩu lệnh nhỏ đưa ra, có tiếng lách cách của chìa khóa, rồi yên lặng.

Roubachof đứng sững giữa cái giường và cái bồn vệ sinh, nín thở và nghe tiếng la đầu tiên. Ông nhớ ra rằng tiếng la đầu tiên, trong đó sự hãi hùng lấn lướt phần sau thể xác, thường thường là tiếng la đau khổ nhất; những gì kế tiếp có thể chịu đựng được vì người ta đã quen đi, và một thời gian sau, người ta có thể đoán ra phương tiện dùng để hành hạ khi nghe giọng và nhịp la hét. Chung quy, phần đông con người đều biểu lộ cùng một lối, có khác chăng là khí chất và giọng la; những tiếng hét yếu dần, trở thành rên rỉ và tiếng ai oán bị chặn đứng. Thường thường, cánh cửa khép lại sau đó ít lâu. Tiếng chìa khóa lại khua; và tiếng la hét của nạn nhân nối tiếp thường phát ra trước khi bị đụng tới người, ngay khi nhìn thấy đám đầu trâu mặt ngựa ở ngưỡng cửa.

Đứng giữa phòng giam, Roubachof chờ đợi tiếng hét đầu tiên. Ông chà cái kiếng kẹp mũi vào tay áo và bảo lần này ông sẽ không la đầu chuyện gì xảy tới. Ông lặp mãi câu này như đọc kinh. Ông đứng chờ đợi; vẫn không có tiếng hét. Kế đó ông nghe tiếng chìa khóa lách cách; một giọng thì thầm mấy tiếng, cánh cửa xà lim đóng lại. Những bước chân tiến tới phòng giam kế đó.

Roubachof đến lỗ dòm nhìn qua hành lang. Đám người dừng lại ở phòng giam ngang mặt, số 407. Người ngục tốt già, theo sau là hai lao công kéo lê một thùng cây nhỏ đựng nước trà; người thứ ba mang một giỏ đầy đánh mì đen, và hai nhân viên đồng phục võ trang súng ngắn đoạn hậu. Không phải vụ đánh đập tù nhân, mà là phát bữa ăn sáng.

Đúng lúc họ đưa bánh mì cho người ở phòng giam số 407. Roubachof không thấy mặt người tù. Có lẽ hẳn đứng ở vị trí quy định là một bước cách cửa; Roubachof, chỉ thấy hai cánh tay và bàn tay của hắn. Tay trần và ốm tong; giống như hai cây que song song, hai cánh tay thò ra khỏi cửa mở hé.

Lòng bàn tay ngửa lên, cong cong thành hình cái chén. Nhận xong bánh mì, hẳn ôm ổ bánh rút vào xà lim tối tăm. Cánh cửa đóng ập lại.

Roubachof rời khỏi lỗ dòm, đi qua lại trong phòng. Ông chà kiếng vào tay áo, đặt lên sóng mũi, thở thật dài một cách thoải mái. Ông hút gió chờ đợi bữa điếm tâm của mình. Ông hơi xúc động khi nghĩ tới hai cánh tay ốm yếu và lòng bàn tay của tù nhân. Hình ảnh đó gợi trong trí ông một cái gì mơ hồ mà ông không nhớ rõ. Hai bàn tay ngửa lên và cả cái bóng của chúng nó rất quen thuộc với ông - rất gần, nhưng lại rời khỏi trí nhớ như một bản nhạc thuở xưa hay không khí của một con đường hẹp ở một hải cảng nào đó.

7.

Đoàn người mở và đóng lần lượt các cánh cửa, trừ cửa phòng của ông. Roubachof trở lại lỗ dòm xem họ có tới không; ông muốn uống trà nóng. Ông thấy khói bốc từ thùng trà cùng những khoanh chanh mỏng nổi trên mặt. Ông gỡ kiếng dán một mắt vào lỗ. Tâm mắt bao quát bốn phòng giam ngang đó: Từ số 401 đến 407. Trên những xà lim là hàng song sắt dài hẹp; sau những phòng ấy là các xà-lim ở tầng hai. Đoàn người trở lại dọc theo hành lang bên phải; đúng là họ phát bánh nước cho các phòng số lẻ, rồi tới số chẵn. Họ đã tới phòng số 408; Roubachof chỉ thấy lưng của hai tên đồng phục mang súng ngắn ở dây nịt da: những kẻ khác ở ngoài tầm mắt ông. Cửa đóng; giờ thì tất cả đều ở trước phòng 406. Roubachof thấy lại thùng trà ngút khói và người lao công với giỏ bánh mì. Cửa phòng lại rất nhanh; phòng không người ở. Đoàn người đến gần, đi ngang qua cửa của ông và ngừng trước số 402.

Roubachof dùng năm tay đập liên thình vào cửa.

Ông thấy hai người kéo thùng trà nhìn nhau rồi liếc lại cửa phòng mình. Ngục tốt bận rộn trước số 402 và làm như chẳng nghe gì cả. Hai tên đồng phục quay lưng vào trước lỗ dòm của ông. Họ đang trao bánh mì cho số 402; đoàn người lại đi tới. Roubachof càng đập cửa mạnh hơn. Ông rút một chiếc giày đập tiếp theo.

Tên cao lớn đồng phục quay lại nhìn cửa phòng Roubachof một cách lạnh lùng rồi quay đi. Ngục tốt đóng cửa phòng 402. Hai lao công kéo thùng trà hơi do dự. Tên đồng phục cao lớn nói gì với viên ngục tốt già, y nhún vai, chòm chìa khóa kêu rổn rảng, lê đôi giày rách đến tận cửa phòng Roubachof. Hai người kéo thùng trà theo sau y; lao công vác bánh mì nói gì với người ở phòng 402 qua lỗ dòm.

Roubachof lùi lại một bước chờ cửa mở. Sự căng thẳng ở người ông dẫn ra ngay; giờ thì có trà hay không, ông cũng chẳng cần. Trà không còn bốc khói nữa, và những khoanh chanh trên mặt nước vàng nhạt còn lại có vẻ nhão nhẹt và teo lại.

Chìa khóa quay trong ổ, rồi con mắt gắn vào lỗ dòm biến đi. Cửa mở hoát. Roubachof ngồi trên giường mang giày lại. Ngục tốt để cửa mở cho người cao lớn đồng phục bước vào phòng giam. Người này có cái sọ tròn cạo nhẵn thín và đôi mắt lạnh lùng. Đồng phục cứng ngắt của y phát ra tiếng xột xạt; giày của y cũng nghiêng như thế; Roubachof tưởng như nghe mùi da ở dây nịt y. Hắn dừng lại trước cái bồn vệ sinh và xem xét xà lim, có vẻ như hẹp lại vì hiện diện của y.

- Ông không lau chùi xà lim. - Y nói Roubachof - Tôi nghĩ rằng ông biết điều lệ chứ?

- Tại sao các ông quên bữa điểm tâm của tôi?

Roubachof nhìn thẳng vào viên sĩ quan qua chiếc kiếng kẹp mũi.

- Nếu ông muốn tranh biện với tôi, ông phải đứng lên. - Viên sĩ quan nói.

- Tôi không hề muốn cãi cọ cũng chẳng muốn nói chuyện với ông. - Vừa nói Roubachof vừa cột lạt dây giày.

- Vậy thì lần sau đừng đập cửa, hay tôi phải giải thích cho ông những biện pháp kỷ luật. - Viên sĩ quan trả lời.

Hắn quét mắt một vòng xà lim.

- Tù nhân không có nùi giẻ để lau gạch. - Y nói với ngục tốt.

Ngục tốt nói gì với người mang bánh mì, anh ta chạy ngay theo hành lang. Hai lao công kia đứng như trời trồng trước cánh cửa mở, tò mò nhìn vào phòng. Viên sĩ quan thứ hai đứng quay lưng lại, hai chân soạt ra, hai tay chấp ra sau.

- Tù nhân cũng chẳng có đĩa đựng xúp. - Roubachof nói, vừa loay hoay cột mãi dây giày - Tôi cho rằng người ta muốn tránh cho tôi công khó tuyệt thực. Tôi hoan nghinh những phương pháp mới của quý ông.

- Ông lầm. - Sĩ quan ấy nói, vừa lạnh lùng nhìn Roubachof.

Một cái theọ to vắt trên chiếc sọ cạo nhẵn, và hấn mang ở cổ áo băng Cách mạng bội tinh.

“Anh ta cũng có tham gia trận Nội chiến - Roubachof tự nói thầm - Nhưng thời kỳ ấy xa quá rồi...”

- Ông làm. Ông không có bữa điếm tâm vì ông khai bệnh.

- Nhức răng. - Ngục tốt già nói, tựa mình vào cửa.

Anh ta luôn luôn mang giày vải, bộ đồng phục nhàn nheo và đầy những vết mờ.

- Các ông muốn sao cũng được. - Roubachof nói. Ông muốn hỏi xem có phải sự thực hiện cuối cùng của chế độ này là trị bệnh bằng cách buộc bệnh nhân phải nhịn đói không, nhưng ông nín kíp. Quang cảnh này làm ông se lòng.

Người mang bánh mì chạy trở lại, vừa thở vừa vung một cái nùi giẻ bẩn thỉu. Ngục tốt đón lấy quăng vào một góc phòng, cạnh bồn vệ sinh.

- Ông còn yêu sách nào nữa không? - Viên sĩ quan hỏi với giọng không mỉa mai chút nào.

- Để tôi yên với lớp hài kịch của ông. - Roubachof nói.

Viên sĩ quan bước ra, ngục tốt quơ xâu chìa khóa xõn xảng. Roubachof đến bên cửa sổ, quay lưng lại họ. Cửa đóng lại ông mới nhớ mình quên một điều quan trọng, vội phóng tới cửa.

- Cho tôi giấy và viết chì. - Ông hét qua chiếc lỗ nhỏ.

Ông gỡ kiếng áp mắt vào lỗ xem họ có quay lại không. Ông la thật to, nhưng đoàn người tiếp tục đi trong hành lang như chẳng ai nghe gì hết. Ông chỉ còn thấy cái lưng của viên sĩ quan đầu trọc, bên dây nút lớn bản tròn teng cái bao súng.

8.

Roubachof tiếp tục đi bách bộ trong phòng giam, sáu bước rưỡi về phía cửa sổ, sáu bước rưỡi ở chiều ngược lại. Cảnh vừa rồi chấn động ông; ông nhớ lại từng chi tiết vừa lau kiếng mắt vào tay áo. Ông cố giữ sự oán ghét trong vài phút đối với viên sĩ quan có theo; ông nghĩ cảnh ấy trui rèn thêm ông để chuẩn bị tranh đấu tới đây. Nhưng rồi ông lại rơi vào một cố tật tai hại cường bách ông đặt mình vào địa vị đối phương nhìn cảnh tượng với đôi mắt của kẻ khác. Ông ta ngồi đó, trên chiếc giường, cái ông Roubachof nhỏ thối rậm râu, vênh váo; và, với thái độ khiêu khích, ông ta xỏ chân vào chiếc vớ dầm mồ hôi. Dĩ nhiên, lão Roubachof này có nhiều thành tích giá trị, và tự phụ trước một dĩ vãng oanh liệt, nhưng nhìn ông ta trên diễn đàn một đại hội đồng là một chuyện, và nhìn ông ta trên ổ rơm của một phòng giam là chuyện khác. Đó là lão Roubachof đầy huyền thoại đó sao? Roubachof nhân danh viên sĩ quan có đôi mắt lạnh lùng tự hỏi. Lão ta gầy gò như một đứa học trò để có bữa ăn sáng mà không biết hổ thẹn. Chẳng lau chùi xà lim. Vớ lủng lỗ. Một nhà trí thức câu mâu. Âm mưu chống chánh quyền, dẫu vì tiền hay vì nguyên tắc, điều đó không quan trọng. Chúng tôi làm cách mạng không phải để vui lòng những kẻ độc đoán. Quả thật lão ta đã tham gia cách mạng; thời bấy giờ, lão chỉ là một người thường; nhưng hiện nay lão đã già và quá tự mãn, đúng lúc cần phải thanh toán. Có lẽ vào thời ấy lão cũng thế; trong cuộc Cách mạng có nhiều cái bọt xà bong đã nổ sau đó. Nếu lão còn một chút tự phụ, lão sẽ phải lau chùi xà lim.

Trong nhiều giây, Roubachof tự hỏi mình có nên đánh bóng nền gạch hay không. Ông do dự giữa phòng giam, rồi mang kiếng vào, tựa tay bên cửa sổ.

Trời đã sáng ngoài sân, một ngày xám xịt điểm màu vàng; thứ ánh sáng này không có vẻ cừu địch, và hứa hẹn sẽ đổ tuyết. Lúc ấy vào khoảng tám giờ - chỉ 3 giờ trôi qua thôi từ khi ông vào phòng này. Những bức tường bao quanh sân giống như trại lính, cửa sổ nào cũng có rào sắt, và những xà lim quá tối, ở ngoài nhìn vào chẳng thấy gì cả. Nếu có kẻ đứng ngay sau cửa của họ và nhìn tuyết trên sân như ông, cũng không thể nào thấy được. Tuyết rất đẹp, hơi đông đặc; nó nổ lách tách khi người ta bước lên nó. Bên này và bên kia con đường nhỏ chạy vòng quanh sân, cách tường độ mười bước, tuyết được quét dọn chất đống hợp thành một bao lơn không đều đặn. Trên bức thành nổi liền hai pháo đài phía trước, người lính gác đi tới đi lui. Có lần, khi quay mình lại, anh ta phun xuống tuyết làm thành một cầu vồng, và nghiêng mình trên rào nhìn xem nước miếng đông đặc của anh rơi nơi đâu.

“Bệnh cũ của tôi - Roubachof nói một mình - Nhà cách mạng không nên nhìn sự vật qua tư tưởng của kẻ khác”.

Phải chẳng làm như vậy là đúng? Hoặc đó là một hành động cần thiết?

Làm sao biến cải được thế giới, nếu ta đồng hóa với tất cả mọi người?

Nhưng phải làm cách nào khác hơn để cải tạo thế giới?

Kẻ nào hiểu và tha thứ - kẻ ấy sẽ tìm đâu ra động cơ hành động?

Và tìm ở đâu để không thấy động cơ hành động?

“Chúng sẽ bắn ta - Roubachof nói - Chúng không cần chú ý đến những lý do của ta”. Ông áp trán vào kiếng cửa sổ. Lần lần ông nhận ra một âm thanh nhẹ; nhưng liên tục trong xà lim.

Ông quay lại, lắng nghe. Có kẻ gõ quá nhẹ đến nỗi mới đầu ông không phân biệt tiếng ấy đến từ bức tường nào. Trong khi ông lắng tai thì tiếng đó dứt. Ông bắt đầu gõ, khởi thủy vào tường phía trên bồn vệ sinh, liền với phòng 406, nhưng không thấy trả lời. Ông thử vào bức tường khác, ngăn phòng 402, cạnh giường ông. Nơi đây người ta trả lời ông. Roubachof ngồi thoải mái trên giường, nơi ông có thể xem chừng lỗ dòm; tim ông đập mạnh. Cuộc tiếp xúc đầu tiên bao giờ cũng gây xúc động.

Người bên phòng 402 gõ rất đều; ba lần với những khoảng cách ngắn, rồi dừng lại, rồi ba lần nữa. Roubachof lặp lại y như vậy để chứng tỏ ông

đã nghe. Ông gấp muốn biết người kia hiểu “mẫu tự vuông” chẳng - bằng không phải mò mẫm lâu để dạy y. Tường dày và âm vang rất tẻ; ông phải tựa đầu vào mặt tường để nghe rõ, đồng thời canh chừng lỗ dòm. Người bên phòng 402 chắc hẳn thực tập nhiều; anh ta gõ rõ ràng và không gấp gáp, có lẽ bằng một vật cứng như cây viết chì. Ôn lại số tiếng gõ, Roubachof đã hơi lự về môn này, phải cố gọi ra trước mắt cái hình vuông trong đó các mẫu tự được chia thành hai mươi lăm ô - năm hàng ngang, mỗi hàng năm chữ. Người số 402 ban đầu gõ bốn tiếng - tức là hàng thứ tư: P - T; kế đó hai tiếng; tức là chữ thứ hai của hàng thứ tư: Q. Ngưng một lúc; rồi năm tiếng - hàng thứ năm: U - Z; rồi một tiếng - chữ thứ nhất của loạt đó: U. Rồi hai tiếng và chót hết bốn tiếng; tức chữ thứ tư của hàng thứ nhì: I. Anh ngừng lại.

- QUI? (Nghĩa là: Ai đó?)

Con người thật tế, Roubachof nói. Anh muốn biết ngay người đối thoại là ai. Theo nghi thức cách mạng, đáng lý anh ta phải bắt đầu bằng một khuôn sáo chánh trị nào đó; rồi anh ta có thể nói về chuyện về ăn uống, thuốc hút; và chỉ sau đó thật lâu, nhiều ngày sau, người ta mới tự giới thiệu, cũng có khi không bao giờ xưng tên tuổi. Nhưng đến nay, kinh nghiệm của Roubachof giới hạn ở những nước mà đảng bị đàn áp chớ không phải đảng đàn áp kẻ khác; đảng viên là những người mưu loạn, chỉ biết nhau qua tiểu danh - và hơn nữa họ thay đổi tên thường cho đến nỗi cái tên trở thành vô nghĩa. Ở đây, nhứt định không đúng như vậy. Roubachof tự hỏi có nên cho biết tên mình hay không. Số 402 nóng ruột. Anh lặp lại. Ai đó?

Coi, tại sao không? Roubachof tự nói. Ông gõ cái tên dài của ông: *Nicolas Salmanovitch Roubachof*, và chờ kết quả.

Trong thời gian rất lâu sau, ông không nhận được câu trả lời. Roubachof mỉm cười; ông ở vào tâm trạng hưởng thức sự ngạc nhiên của người láng giềng. Ông chờ trọn một phút, rồi phút nữa; chót hết, ông nhún vai và đứng lên. Ông trở lại cuộc đi dạo trong phòng giam, nhưng ở mỗi lần quay gót, ông ngừng lại lắng tai nghe. Tường vẫn câm lặng. Ông chà kiếng mắt vào tay áo, tiến bước chậm chạp, mệt nhọc về hướng cửa, nhìn hành lang qua lỗ dòm.

Hành lang trống trải; các đèn điện đưa ra thứ ánh sáng giả tạo tái nhợt; không có một tiếng động nhỏ. Sao số 402 lại cảm như hén?

Có lẽ hấn sợ; sợ liên lụy với Roubachof. Có thể số 402 là một bác sĩ, hay một kỹ sư chánh trị, đang run sợ trước ý nghĩ có một kẻ láng giềng nguy hiểm. Chắc hẳn anh ta không có kinh nghiệm chánh trị, đáng lẽ hẳn không nên khởi đầu bằng cách hỏi tên. Chắc hẳn ở trong tù một thời gian, anh ta tiến triển trong nghệ thuật gõ tường, và đang muốn chứng minh sự vô tội của hấn. Hấn còn thăm đầy sự tin tưởng đơn giản rằng có tội hay vô tội chỉ có hấn biết không quan trọng; hấn không có ý kiến nào về những quyền lợi cao cả thật sự đang lâm nguy. Có lẽ hiện giờ hấn ngồi trên giường, viết đơn phản kháng thứ một trăm cho nhà cầm quyền để không bao giờ được họ đọc, hay bức thơ thứ một trăm cho vợ để chẳng bao giờ vợ hấn nhận được; sự thất vọng xui anh để một bộ râu - một bộ râu nhọn như Pouchkine - anh không tắm rửa nữa và mang tạt cắn móng tay cùng tạt tự thỏa mãn dâm tính quá lố. Trong khám không có gì tệ hại hơn là có ý thức về sự vô tội của mình; sự kiện đó ngăn trở tù nhân thích nghi với đời sống trong tù và phá hoại tinh thần tù nhân... Bỗng tiếng gõ nổi lên trở lại.

Roubachof vội vã ngồi lại trên giường; nhưng ông cũng mất hết hai mẫu tự. Số 402 bây giờ gõ rất mau và không được rõ ràng; chắc hẳn anh ta rất xao xuyến. *Đáng đời ông lắm.*

“Đáng đời ông lắm”.

Thật là chuyện bất ngờ. Người số 402 là một kẻ theo công thức chủ nghĩa. Anh ta ghét bọn đối lập là lẽ dĩ nhiên, anh ta tưởng rằng Lịch sử lăn trên đường rầy theo một lược đồ bất di bất dịch nhờ ở một anh bẻ ghi không hề lầm lỗi, là Người số I. Anh tin rằng việc anh bị bắt là kết quả của một sự hiểu lầm, và tất cả những tai biến từ mấy năm sau này - từ Trung Hoa đến Tây Ban Nha, từ nạn đói đến cuộc tiêu diệt đoàn Lão Vệ binh - đều do hoặc những chuyện ngoài ý muốn đáng tiếc, hoặc do hậu quả của những âm mưu quỷ quái của Roubachof và các bạn hữu của ông ấy thuộc phe đối lập. Bộ râu kiểu Pouchkine của số 402 biến mất; hiện nay anh ta có bộ mặt nhẵn nhụi của kẻ cuồng tín; anh siêng năng rửa xà-lim và tuân hành gặt gao quy lệ khám đường. Cần gì cãi cọ với hấn? Những kẻ như vậy vô

phương cải hóa. Nhưng không thể bỏ sự tiếp xúc duy nhất và cuối cùng với thiên hạ.

- Ai? Roubachof gõ rất rõ ràng và chậm chạp.

Câu trả lời đến liền và có vẻ bị kích động:

- *Không dính dáng gì đến ông.*

- *Cũng được*, Roubachof trả lời, và cho rằng câu chuyện đã chấm dứt, nên đứng lên đi bách bộ trở lại trong phòng. Nhưng những tiếng gõ nổi lên trở lại, lần này thật mạnh và âm vang rõ ràng - chắc hẳn số 402 dùng chiếc giày để nhấn mạnh lời lẽ của y:

- *Vạn tuế Đức Hoàng Đế!*

À! hiểu rồi, Roubachof tự nhủ. Thì ra còn những tên phản cách mạng thật sự và chánh cống - vậy mà chúng mình cứ tưởng ngày nay người ta chỉ thấy bọn chúng trong những diễn từ của Người số I, dưới hình thức những con vật tế thần để che đậy những thất bại của ông ấy. Nhưng đây là một con vật tế thần thứ thiệt, một bằng chứng hóa giải tội trạng bằng xương bằng thịt cho Người số I, một kẻ rống lên một cách tận tình: Vạn tuế Đấng Quân vương!...

- *Amen*, Roubachof đánh tiếng ấy nhẹ nhẹ, với một nụ cười nhả nhỏ. Câu trả lời đến tức tốc, vang vang hơn trước:

- *Đồ súc sanh!*

Roubachof cảm thấy vui thích. Ông dùng kiếng gõ để đổi giọng, rõ ràng nhưng uế oải:

- *Không hiểu rõ lắm.*

Hình như số 402 nổi điên. Hẳn gõ *Đồ súc si...* nhưng ngưng ở đó. Có lẽ đánh bấy nhiêu thì cơn giận bỗng nhiên lại hạ, hẳn tiếp:

- *Tại sao ông vào tù?*

Giọng giản dị rất dễ cảm... Mặt người số 402 biến đổi. Nó trở thành gương mặt của một sĩ quan vệ binh, đẹp và ngu ngốc. Biết đâu anh ta có cái kiếng một tròng? Roubachof dùng kiếng gõ:

- *Khác chánh kiến.*

Yên lặng giây lát. Chắc hẳn số 402 bươi óc để tìm câu trả lời chua chát. Và câu ấy đã tìm thấy:

- *Hoan hô! Đám lang sói xâu xé nhau!*

Roubachof không trả lời. Ông chán trò giải trí này và trở lại cuộc bách bộ. Nhưng viên sĩ quan ở phòng 402 có vẻ thích chuyện. Hắn gõ:

- *Roubachof...*

À! Giọng điệu đi lần đến chỗ thân thiện.

- *Sao đó?* Roubachof trả lời.

Số 402 hình như do dự, rồi một câu dài vọng tới: *Ông đã ngủ lần chót với một người đàn bà hồi nào?*

Chắc chắn hắn có cái kiếng một tròng; hắn dùng nó để gõ, và con mắt không kiếng của hắn có lẽ giựt lia vì thần kinh căng thẳng. Roubachof không hề cảm thấy bị xúc phạm. Ít ra, người này tỏ ra chân thật; thà vậy còn khá hơn nếu hắn gõ những lời biểu dương quân chủ. Ông suy nghĩ một chút, rồi đánh:

- *Từ ba tuần qua.*

Câu trả lời tới liền:

- *Kể tôi nghe hết đi!*

Quả thật, anh ta đi hơi quá lỗ. Phản ứng đầu tiên của Roubachof là muốn ngưng cuộc đàm thoại; nhưng ông nhớ ra rằng kẻ lảng giềng của ông rất hữu ích trong vai trò trung gian với số 400 và các xà lim nối tiếp. Phòng bên trái ông chắc không có người ở; sợi dây liên lạc ngừng ở đó. Roubachof nặn óc tìm câu trả lời; khi còn là sinh viên, ông đã từng nghe trong một hí viện lúc những người đàn bà mang vớ đen vũ khích động kiểu Pháp.

Ông thở dài kiên nhẫn và dùng kiếng gõ:

- *Những chiếc vú vàng hực như những trái bom...*

Ông mong mỗi giọng điệu như vậy thích hợp. Ông đoán đúng, vì số 402 khẩn khoản:

- *Tiếp tục đi. Tả rõ chi tiết.*

Giờ đây, hắn anh ta đang nóng nảy vặt râu mép. Thế nào hắn cũng có một bộ râu mép nhỏ hai đầu uốn xoắn. Quý bắt y; anh ta là người trung gian duy nhất; phải giữ sự liên lạc. Các sĩ quan bàn tán với nhau những gì

trong câu lạc bộ của họ? Toàn là về đàn bà và ngựa. Roubachof chùi kiếng vào tay áo và chăm chú gõ:

- *Những chiếc đùi như đùi ngựa cái non rừng rú...*

Ông ngừng lại, hết gì để nói nữa. Dầu thiện chí đến đâu, ông cũng cạn sức. Nhưng số 402 hoan hỉ:

- *Ông quý quá thật!* Anh ta gõ một cách khoái trá. Có lẽ hẳn cười om sòm, nhưng chẳng nghe gì cả; hẳn tự vỗ đùi hay vắn râu mép, nhưng chẳng ai thấy. Sự dâm tà trừu tượng cam lạng gây một sự khó chịu cho Roubachof.

- *Tiếp tục đi, số 402 đòi hỏi.*

- *Không thể được - Hết rồi* - Roubachof báo cho y biết, nhưng ông hối hận ngay. Không nên làm phật lòng số 402. May thay, số 402 không tỏ vẻ phật ý. Hẳn lì lợm gõ bằng chiếc kiếng một tràng:

- *Tiếp tục đi - Tôi van ông...*

Hiện nay Roubachof dượt lại khá đầy đủ để khỏi cần phải đếm ký hiệu nữa; ông tiếp thụ như nghe hẳn bằng lời nói. Hình như ông thật sự nghe giọng của số 402 van xin ông kể thêm về vấn đề luyện ái. Lời kêu gọi trở lại, gấp hơn:

- *Tôi van ông - Tôi khẩn cầu ông...*

Hẳn số 402 hẳn còn trẻ - có lẽ lớn lên trong cơn bôn ba hải ngoại, con của một gia quyến quân phiệt lâu đời, được gởi về nước với một chiếu khán giả - chắc hẳn đang bút rút lăm. Chắc hẳn hẳn đang vắn râu mép và mang kiếng một tràng trở lại, nhìn một cách thất vọng lớp vôi trên tường:

- *Nói nữa đi - Làm ơn mà - Làm ơn mà.*

Có thể hẳn quỳ gối trên giường, hai tay chấp lại - chấp lại như tay của tù nhân ở số 407 để lấy khúc bánh mì.

Roubachof biết ngay cử chỉ ấy làm ông nhớ lại cảnh nào - đó là cử chỉ cầu khẩn của đôi tay gầy ngựa ra trong tranh Pietà...

9.

Pietà... Viện bảo tàng danh họa của một thành phố Nam Đức, một chiều thứ hai. Không một ai trong viện, trừ Roubachof và một thanh niên mà ông đến đó để gặp; cuộc chuyện trò của hai người diễn ra trên một chiếc băng nhỏ vòng tròn bọc nhung, giữa một phòng trống trải, trên tường treo hàng mấy tấn da thịt phụ nữ nặng nề, tác phẩm của các tay danh họa xứ Flandre. Lúc ấy vào năm 1933, trong những tháng đầu khủng bố, trước khi Roubachof bị bắt ít lâu. Phong trào bị truy lùng, các nhân viên bị đặt ngoài vòng pháp luật, nã tróc, hạ sát bằng dùi. Đảng không còn là một tổ chức chánh trị nữa; chỉ còn là một khối thịt đầy máu me có hằng ngàn cánh tay và hằng ngàn đầu. Như tóc và móng tay móng chun của người chết cứ tiếp tục mọc thêm, người ta vẫn nhận thấy những hoạt động trong các tiểu tổ tức là những bắp thịt và tứ chi của Đảng đã chết. Trong khắp nước, có những nhóm nhỏ hội họp những kẻ còn sống sót sau tai biến và tiếp tục mưu đồ trong bí mật. Họ gặp nhau dưới hầm rượu, trong rừng, ở nhà ga, bảo tàng viện và hội sở thể thao. Họ luôn luôn dời phòng, đổi tên và đổi thói quen. Họ chỉ biết nhau qua tiểu danh và không bao giờ hỏi thăm địa chỉ nhau. Mỗi người đặt sanh mạng mình vào tay kẻ khác, và không ai tin cậy đồng chí mình. Họ in truyền đơn để tự thuyết phục chính họ và kẻ khác rằng họ còn sống. Họ lẫn lút ngày đêm trong các đường nhỏ hẹp ở ngoại ô và viết lên tường những khẩu hiệu cũ để chứng minh họ còn sống. Bình minh, họ leo lên các ống khói nhà máy treo cờ, để cho biết họ còn sống. Ít ai thấy truyền đơn của họ, và được là họ mau mau liệng bỏ, vừa run sợ mà thấy thông điệp từ cõi chết hiện về; khi gà gáy, những chiến tử trên tường bị xóa, những lá cờ bị rút khỏi các ống khói, nhưng chúng vẫn tái xuất hiện không ngớt. Vì khắp nước vẫn còn những nhóm nhỏ tự mệnh danh là “Kẻ

chết đang nghỉ hè” và tận dụng đời sống của họ để chứng minh họ hãy còn sống.

Họ thiếu phương tiện liên lạc các nhóm với nhau; sợi dây thần kinh của đảng bị đứt và mỗi nhóm chỉ đại diện cho chính mình. Nhưng lần lần, họ dò đường trở lại chung quanh họ. Những tay chào hàng đáng kính từ ngoại quốc đến, với những chiếu khán giả và những rương hai đáy; đó là các vị Đại biểu. Họ thường bị tra tấn và bị chặt đầu; những kẻ khác thay chân họ. Đảng chỉ còn là một thân thể không sự sống, không thể cựa mình hay hô hấp, nhưng tóc móng vẫn tiếp tục mọc dài ra; các lãnh tụ gởi qua biên giới các giòng điện để tráng lại cái thân thể vô tri và kích động trong tứ chi những trận động kinh.

Pietà... Roubachof quên số 402 và tiếp tục đi sáu bước rưỡi mỗi hướng; ông thấy mình trở lại chiếc băng vòng tròn bọc nhung trong bảo tàng viện thoảng mùi bụi bậm và sập đánh sàn gỗ. Từ nhà ga, ông đi thẳng tới nơi hẹn bằng xe tắc xi, và ông đã đến sớm vài phút. Ông gần như chắc chắn không bị ai quan sát. Chiếc va-li đựng đầy hàng mẫu mới nhứt của một nhà sản xuất Hòa Lan về dụng cụ cho các nha sĩ, được gởi ở nơi giữ đồ vật. Ngồi tại chiếc băng tròn bọc nhung, ông chờ đợi vừa nhìn qua chiếc kiếng kẹp mũi những khối thịt mềm trái trên các bức tường.

Người trẻ tuổi mang tên Richard lúc này là Trưởng nhóm của đảng trong thành phố này, đến trễ vài phút. Anh chưa hề thấy Roubachof và Roubachof cũng chưa thấy anh bao giờ. Anh đã đi xuyên qua hai phòng vắng người mới thấy Roubachof trên chiếc băng tròn. Một quyển sách nằm trên gối của Roubachof: cuốn *Faust* của Goethe do nhà Xuất bản quốc tế của Reclam ấn hành. Thanh niên nhìn quyển sách, liếc nhanh chung quanh, và ngồi xuống cạnh Roubachof. Anh rút rì, ngồi ghé vào chiếc băng, cách một quãng xa Roubachof, chiếc mũ cát kết trên đầu gối. Anh là thợ sửa ống khóa và mặc một bộ y phục đen dành cho ngày chủ nhật; anh biết rằng một người ăn mặc theo lối thợ thuyền sẽ bị chú ý trong một bảo tàng viện.

- Chào ông - Anh nói - Xin thứ lỗi đi trễ cho tôi.

- Được rồi - Roubachof nói - Trước tiên là danh sách các chiến hữu.

Anh có mang theo đó không?

Thanh niên tên Richard lắc đầu.

- Tôi không mang danh sách theo mình - Anh nói - Tôi có tất cả trong đầu, địa chỉ và những gì cần biết.

- Tốt lắm. Nhưng nếu anh bị chúng bắt thì sao?

- Vì vậy, Richard, nên tôi có đưa cho Annie một bản danh sách. Annie, anh biết, là vợ tôi.

Anh ngừng lại, nuốt nước bọt, trái cổ động đậy; rồi lần đầu tiên, anh nhìn thẳng vào mặt Roubachof thấy đôi mắt anh đỏ ngầu; đôi tròng hơi lộ mang nhiều gân đỏ; trên chiếc cổ áo đen, một bộ râu hai ngày chưa cạo phủ cằm và gò má.

- Annie bị bắt hồi chiều hôm qua, anh biết không? - Anh nói, vừa nhìn Roubachof; và Roubachof đọc trong mắt anh niềm hy vọng ấu trĩ rằng ông, Đại biểu của Trung ương Đảng bộ, có thể làm một phép lạ để giúp đỡ anh.

- Thật vậy à? - Roubachof vừa nói vừa chùi kiếng vào tay áo - Vậy thì cảnh sát có cả bản danh sách sao?

- Không, - Richard bảo - bởi vì chị vợ tôi cũng ở trong căn nhà khi họ tới tìm vợ tôi vài chị ấy đã lén lấy được bản danh sách trong người vợ tôi. Đối với chị ấy thì không có gì nguy hiểm, anh biết không. Chị ấy là người của ta.

- Tốt lắm - Roubachof nói - Khi vợ anh bị bắt thì anh ở đâu?

- Chuyện như vậy - Richard nói - Anh biết không, từ ba tháng nay tôi không ngủ ở nhà. Tôi có người bạn thân làm nghề chiếu phim trong một rạp chớp bóng; tôi có thể đến với ảnh và khi trình diễn phim xong, tôi có thể ngủ tại phòng chiếu. Từ đó xuống thẳng dưới đường bằng một cầu thang an ninh. Lại có phim trước mắt... - Anh ngừng lại và nuốt nước bọt - Annie luôn luôn có giấy xem hát do bạn tôi tặng, anh biết không, và khi tắt đèn trong rạp thì nó nhìn về phòng chiếu. Annie không thấy tôi, nhưng nhiều lúc tôi thấy rõ mặt nó khi có nhiều ánh sáng trên màn ảnh.

Hắn ngừng nói. Ngay trước mặt hắn là bức tranh: “Phán xét cuối cùng”: những thiên sứ tóc quăn, móng và chân mập mạp bay giữa cơn giông tố vừa thổi kèn. Phía trái Richard là một bức tranh vẽ bằng nét bút của một họa sư Đức. Roubachof chỉ thấy một phần tranh, phần còn lại bị

cái dựa lưng của băng nhung và đầu của Richard che khuất: hai tay gầy của Đức Mẹ ngửa lên trời, chụm lại thành hình cái chén rượu, và một khoảng trời trống trải vẽ bằng những nét ngang. Không thể thấy nhiều hơn nữa vì trong lúc nói chuyện, Richard giữ cái đầu bất động trên chiếc cổ đo đỏ, hơi cúi xuống.

- À này! - Roubachof nói - Vợ anh mấy tuổi?

- Mười bảy.

- Vậy à! Còn anh mấy tuổi?

- Mười chín.

- Mấy con? - Roubachof hỏi đầu hơi vươn lên, nhưng cũng không thấy bức tranh thêm bao nhiêu.

- Mới có thai đứa đầu. - Richard nói, bất động như một khối chì.

Yên lặng một lúc, rồi Roubachof bảo anh kể hết nhân viên của Đảng theo danh sách. Độ ba mươi cái tên. Ông hỏi vài câu và ghi nhiều địa chỉ trong quyển sổ đặt mua những dụng cụ nha khoa của nhà sản xuất Hòa Lan. Ông ghi trên những khoảng trống danh sách dài gồm những nha sĩ và những công dân lương thiện trong vùng, chép ra theo niên giám điện thoại. Khi ông viết xong, Richard nói :

- Bây giờ, thưa đồng chí, tôi muốn báo cáo vắn tắt về công tác của chúng tôi.

- Tốt lắm - Roubachof nói - Tôi nghe đây.

Richard báo cáo. Ngồi cách Roubachof chừng mấy tấc, trên chiếc băng hẹp, hẳn hơi nghiêng ra trước, hai bàn tay to và đỏ đặt trên gối của cái quần dành cho ngày chủ nhật; chưa lần nào anh đổi cách ngồi trong lúc nói chuyện. Rắn rỏi và chính xác như một kế toán viên, anh nói về những lá cờ trên mấy cái ống khói nhà máy, những khẩu hiệu trên tường và truyền đơn đặt trong các phòng của những nhà máy. Trước mặt anh, các thiên thần thối kèn giữa cơn giông, sau cái đầu nghiêng nghiêng của anh, Đức Mẹ bị che khuất đưa hai bàn tay gầy; chung quanh hai người, trên các bức tường, những hông, đùi, vú khổng lồ đang ngấm họ.

Những cái vú vàng hực như những quả bôm trở lại trong trí Roubachof. Ông đứng sững lại ở viên gạch đen thứ ba kể từ cửa sổ của xà

lim để nghe xem số 402 có còn gõ nữa không. Không có tiếng động nào cả. Roubachof nhìn qua lỗ dòm tìm người ở phòng số 407 đã ngửa tay lấy bánh mì. Ông thấy chiếc cửa sắt xám của xà lim 407 với cái lỗ dòm đen ngòm. Ánh đèn điện vẫn rọi sáng trong hành lang; một sự yên lặng chết chóc trùm phủ; người ta khó tin có những con người sống sau mấy cánh cửa đó.

Trong khi Richard báo cáo, Roubachof không ngắt lời anh lần nào. Trong số ba mươi đảng viên đàn ông và đàn bà mà Richard đã gom lại sau tai biến, hiện chỉ còn mười bảy. Hai trong số đó, một người thợ ở xưởng và người bạn gái của hắn, đã nhảy qua cửa sổ khi lính tới tìm họ. Một người khác đã đào nhiệm, bỏ thành phố, biến mất. Có hai người mà họ nghi là mật báo viên của cảnh sát, nhưng chưa chắc. Trong số ba người đã bỏ Đảng để phản đối Trung Ương đảng bộ, hai đã thành lập một nhóm đối lập và người thứ ba gia nhập vào đảng Ôn hòa. Năm người, trong đó có Annie mới bị bắt chiều hôm qua; người ta biết ít ra cũng hai người trong bọn họ không còn sống. Chỉ còn mười bảy người tiếp tục phát truyền đơn và viết nguệch ngoạc lên tường.

Richard kể chuyện ấy với đầy đủ chi tiết vụn vặt để Roubachof hiểu rõ đầu đuôi gốc ngọn và những giao dịch cá nhân của hắn; hắn không biết rằng trung ương cục có đặt người tin nhiệm trong nhóm của hắn từ lâu, và người ấy đã cho Roubachof phần lớn những hoạt động của hắn. Hắn cũng chẳng biết người đó chính là bạn hắn chuyên viên chiếu phim điện ảnh mà hắn đã ngủ trong phòng chiếu; cũng chẳng biết từ lâu người đó là tình nhân của vợ hắn, Annie, kẻ bị bắt hôm qua. Richard chẳng biết gì hết, mà Roubachof lại biết rõ. Phong trào đổ vỡ nhưng cục tình báo vẫn còn hoạt động; có lẽ chỉ ngành này còn hoạt động, và lúc ấy do Roubachof chỉ huy. Chuyện đó, thanh niên mặc y phục đẹp có cái ót như bò mộng cũng chẳng hay biết. Tất cả những gì hắn biết, là Annie bị bắt đưa đi và bọn anh vẫn phải tiếp tục rải truyền đơn và viết lên tường; và anh cần phải trông cậy vào Roubachof như đối với cha đẻ anh, người đồng chí này được Trung ương Đảng phái đến; nhưng không nên để lộ tình cảm này cũng không nên cho thấy một chút yếu ớt nào của mình. Kẻ nào tỏ ra dụi dằng và tình cảm thì

không xứng đáng với nhiệm vụ, phải bị loại khỏi phong trào, rơi vào sự cô độc và tối tăm.

Trong hành lang, những bước chân tới gần. Roubachof bước đến cửa, gỡ kiếng, đặt sát mắt vào lỗ dòm. Hai viên chức mang dây nịt da to bằng hộ tống một nông dân trẻ tuổi, theo sau là người già nhỏ thó thường mang xâu chìa khóa. Người nông dân có một con mắt sưng húp và một vết máu đọng đen ở môi trên; lúc đi ngang, anh dùng tay áo chùi máu mũi, cái mặt trệt của anh mất cả thần sắc. Cách đó không xa và ngoài tầm mắt của Roubachof, một cánh cửa xà lim mở ra rồi đóng sầm lại. Hai viên chức và ngục tốt trở lại.

Roubachof đi bách bộ trong xà lim. Ông thấy lại mình ngồi gần Richard trên chiếc băng bọc nhung; ông nghe trở lại sự yên lặng đê nặng trên hai người khi thanh niên phúc trình xong. Richard không nhúc nhích; hẩn chờ đợi, hai tay đặt lên đầu gối. Hẩn ngồi đó như kẻ xưng tội và chờ đợi sự phán quyết của vị Giáo đạo. Sự yên lặng kéo dài khá lâu. Kế đó, Roubachof nói :

- Tốt lắm. Hết rồi hả?

Thanh niên gật đầu; trái cổ động đập.

- Có nhiều điều không rõ ràng trong phúc trình của anh - Roubachof nói - Anh nói nhiều lần về những truyền đơn và tài liệu do chính anh thảo ra. Chúng tôi đã thấy rồi, và nội dung bị đã kích nghiêm khắc. Có nhiều ý kiến trong đó mà Đảng không thể nào chấp nhận.

Richard nhìn ông có dáng sợ hãi; hẩn đỏ mặt. Roubachof thấy da ở gò má anh đỏ rần lên và đám gân máu đỏ lòm ở hai mắt anh dày đặc thêm.

- Hơn nữa, - Roubachof tiếp - chúng tôi đã gửi cho các anh nhiều lần những bản văn in sẵn để phân phối, có cả ấn bản đặc biệt khổ nhỏ của cơ quan chánh thức của Đảng. Các anh cũng đã nhận được.

Richard gật đầu. Màu đỏ vẫn không rời mặt hẩn.

- Nhưng các anh không phân phối tài liệu của chúng tôi; anh cũng không đề cập tới điều đó trong báo cáo của anh. Thay vào đó, các anh đã cho luân lưu những bản văn do các anh sáng tác - không có sự kiểm soát và đồng ý của Đảng.

- Nh... Nhưng phải l... làm vậy.

Richard đã cố gắng lắm mới thốt được lời ấy. Roubachof nhìn hần rất kỳ xuyên qua kiếng mắt kẹp mũi; ông đã không nhận thấy tạt cà lăm của hần trước đó. Lạ chưa, ông tự bảo, đây là trường hợp thứ ba trong mười lăm ngày. Những bất thường nho nhỏ mà chúng ta có trong Đảng lên tới một số lượng đáng ngạc nhiên! Phải chăng vì những hoàn cảnh trong đó chúng ta làm việc, hay chính tính chất của phong trào đã tán trợ cho sự tuyển chọn những bất thường ấy?...

- A... Anh ph... phải hiểu, thưa đồng chí - Richard nói với dáng điệu thống khổ càng lúc càng tăng gia - Gi... Giọng của các tài liệu tuyên truyền của các anh không hợp, b... bởi vì...

- Nói nhỏ một chút, - Roubachof bỗng nói với giọng cụt ngùn - và đừng quay đầu về phía cửa.

Một thanh niên cao lớn mặc đồng phục đen cận vệ quân của chế độ bước vào phòng với cô bạn gái của hần. Đó là một cô gái tóc vàng phì nộn; hần choàng tay sau cái lưng vĩ đại của cô gái, còn cô ta đặt cánh tay lên vai hần. Họ không chú ý đến Roubachof và bạn đồng hành của ông, và ngừng lại trước những thiên thần thối kèn, quay lưng về chiếc băng.

- Đừng ngừng nói chuyện. - Roubachof bình tĩnh nói nho nhỏ, và tự động móc túi lấy ra một chiếc hộp đựng thuốc hút. Rồi, nhớ ra không được hút thuốc trong bảo tàng viện, ông bỏ hộp thuốc vào túi trở lại. Thanh niên như tê liệt vì điện giật, nhìn trần trối cặp trai gái.

- Đừng ngừng nói - Roubachof bình thản lặp lại - Có phải anh cà lăm từ nhỏ không? Trả lời và đừng nhìn lại đó nữa.

- V... Vài khi. - Richard nói một cách khó nhọc.

Cặp họ đi dài theo hàng tranh. Họ dừng lại trước bức khóa thân, vẽ một người đàn bà thật mập nằm ngửa trên một lớp xa tanh nhìn khán giả. Người đàn ông thì thầm mấy lời ý chừng muốn tỏ ra dí dỏm, vì thiếu phụ cười một cách ngu ngốc và liếc nhìn về phía hai người ngồi trên băng. Họ đến một bức họa tĩnh vật hình dung mấy con chim trĩ và trái cây.

- T... Ta có n... nên đ... đi không?

- Không. - Roubachof nói. Ông sợ một khi đứng lên thanh niên dao động như vậy có thể làm thiên hạ chú ý - Họ sẽ đi khỏi đây bây giờ. Chúng ta quay lưng lại ánh sáng; họ không thấy ta rõ ràng đâu. Thở chậm chậm và thật sâu nhiều lần liên tiếp. Sẽ khá ngay.

Thiếu phụ vẫn cười mãi và cặp ấy hướng chậm chậm về phía cửa ra. Lúc đi qua cả hai quay lại nhìn Roubachof và Richard. Họ sắp rời khỏi phòng tranh, khi cô ta chỉ ngón tay về bức tranh Pietà, hai người dừng lại xem.

- Có phải tôi nói c... cà lăm l... là bất tiện không? - Richard hỏi nhỏ, mắt nhìn dán xuống sàn gỗ.

- Phải ráng tự chủ. - Roubachof nói với giọng lạnh lùng, ông không thể để cho tình cảm len vào câu chuyện.

- Chỉ một lúc là tôi b... bớt - Richard nói, trái cổ chuyển động liên hồi - Annie ch... chế nhạo tôi mãi vì chuyện đó.

Khi cặp họ còn trong phòng là Roubachof không thể hướng dẫn cuộc đàm thoại. Lưng người đàn ông đồng phục sừng sững bên cạnh Richard. Sự nguy hiểm chung giúp thanh niên vượt qua sự nhút nhát; hấn nhích lại gần Roubachof một chút.

- Annie cũng yêu tôi - Hấn thì thầm tiếp với một giọng bình tĩnh hơn, sự sôi nổi trong lòng hấn đã đổi tính chất - Tôi không bao giờ hiểu thật sự vợ tí nghĩ gì. Nó không muốn có con, nh... nhưng không làm sao thoát được chuyện đó. C... Có lẽ họ không làm gì nó trong khi nó mang thai. Chắc như vậy rồi, anh biết không. Anh nghĩ xem họ có đánh đập đàn bà có thai không?

Hấn hất cằm chỉ người đàn ông mặc đồng phục. Vào lúc đó, người ấy bỗng dừng quay đầu lại nhìn Richard. Họ nhìn nhau khoảng một giây. Người họ nói gì nho nhỏ với cô bạn đồng hành; cô ta cũng quay đầu lại. Roubachof lại nắm hộp thuốc, nhưng lần này ông buông trở lại trước khi rút ra khỏi túi. Cô gái nói nho nhỏ và kéo thanh niên đi. Cả hai đi chậm chậm khỏi bảo tàng viện, nhưng người đàn ông hơi ngập ngừng. Người ta nghe tiếng cười hềnh hếch của cô gái, rồi bước chân của họ xa dần.

Richard đã quay đầu lại nhìn theo họ. Nhờ đó, Roubachof có thể thấy bức vẽ rõ hơn; ông thấy đôi cánh tay mảnh mai của Đức Mẹ đến tận cùi chỏ. Những cánh tay ôm gầy của một cô gái nhỏ, nâng lên với một sự nhẹ nhàng vô hình về phía chiếc thánh giá vô hình.

Roubachof nhìn đồng hồ tay. Thanh niên nhích xa ông một chút trên băng.

- Chúng ta phải chấm dứt câu chuyện - Roubachof nói - Nếu tôi không lầm, anh nói rằng anh không phân phát tài liệu của chúng tôi là một sự cố ý, bởi vì anh không tán thành nội dung. Nhưng chúng tôi cũng không tán thành nội dung những truyền đơn của anh. Đồng chí có biết rằng có nhiều hậu quả xuất phát từ chuyện đó không?

Richard quay nhìn ông với đôi mắt đỏ lòm. Rồi hấn cúi đầu.

- Chính anh cũng biết rằng những bản văn mà các anh gửi đến chứa đầy vụng về. - Richard nói với giọng mất thần. Bỗng nhiên anh không cà lăm nữa.

- Tôi không thấy như vậy bao giờ. - Roubachof nói với giọng gắt gỏng.

- Các anh viết như không có chuyện gì xảy ra - Richard nói một cách chán chường - Đáng bị tàn sát, các anh lại viết những câu đẹp về cuộc trường hành thắng lợi của chúng ta - cùng một loại láo khoét như những thông cáo hồi thế chiến. Đưa truyền đơn ấy cho ai, người ta cũng phỉ nhổ lên nó. Chính anh cũng biết như vậy.

Roubachof nhìn đứa trẻ ấy, hiện nghiêng người ra trước, cùi chỏ chống lên đầu gối, cầm trên hai nắm tay đỏ rần.

Ông xãng giọng :

- Đây là lần thứ hai anh gán cho tôi một ý kiến không phải của chính tôi. Tôi yêu cầu anh đừng làm vậy nữa.

Richard nhìn ông bằng đôi mắt đỏ ngầu với dáng điệu của kẻ không tin người ta nói với mình như vậy. Roubachof tiếp :

- Đảng đang gặp một cuộc thử thách dữ dội. Nhiều đảng cách mạng cũng đã chịu đựng những hồi khó khăn hơn nữa. Yếu tố quyết định là ý chí bất khuất của chúng ta. Kẻ nào ngày nay mềm yếu không xứng đáng ở

trong hàng ngũ của chúng tôi nữa. Kẻ nào gieo rắc một không khí khủng khiếp là nổi giáo cho giặc. Những nguyên do thúc đẩy kẻ ấy làm như vậy đều hoàn toàn bất lợi. Thái độ của kẻ ấy làm cho y trở nên mối hiểm họa cho phong trào chúng tôi, và y sẽ bị đối xử thích đáng.

Richard vẫn ngồi đó, cầm trong hai bàn tay, quay mặt sang Roubachof :

- Như vậy tôi là mối hiểm họa của phong trào, tôi nổi giáo cho giặc. Không biết chừng tôi được người ta muốn làm như vậy. Và Annie cũng vậy...

- Trong những tập tài liệu của anh, - Roubachof vẫn nói giọng gắt gỏng - mà anh nhìn nhận là tác người ta thường đọc thấy những câu như vậy: Chúng ta đã chịu đựng sự thất bại, Đảng đã gặp một tai họa khủng khiếp, và chúng ta phải trở lại điểm khởi đầu để xét lại toàn diện kế hoạch. Đó là sự đầu hàng. Như vậy là làm mất tinh thần và làm hại ý chí đấu tranh của Đảng.

- Tất cả những gì tôi biết, - Richard nói - là ta phải nói sự thật, vì mọi người đều biết tất cả rồi. Nếu ta bảo khác đi là lỗ bịch.

- Đại hội của Đảng vừa qua, - Roubachof nói - đã tuyên bố trong một quyết nghị rằng Đảng không hề gặp thất bại và chỉ thi hành một cuộc di tản chiến thuật; và không một lý do nào sửa đổi chánh sách đã đề ra trước đây.

- Chánh sách như vậy, là đồ liệng giỏ rác. - Richard nói.

- Nếu anh tiếp tục như vậy, tôi sợ mình phải chấm dứt ngay câu chuyện.

Richard nín một lúc. Phòng bắt đầu tối; trên tường những hình thể của các thiên thần và những người đàn bà mờ ảo thêm và trở thành u ám hơn.

- Tôi xin anh thứ lỗi, - Richard nói - tôi muốn nói rằng đường lối của Đảng sai lầm. Các anh nói rằng “di tản chiến thuật” trong khi phân nửa đồng chí chúng ta bị giết, những kẻ còn lại rất sung sướng thấy mình còn sống đến nỗi họ ồ ạt sang phe kia. Những quyết nghị trong đó các anh ở ngoại quốc, các anh chẻ sợi tóc làm bốn, thì ở đây không ai hiểu cả...

Những đường nét của Richard bắt đầu mờ ảo trong hoàng hôn. Hắn ngừng nói, rồi tiếp :

- Tôi thí dụ như Annie, chiều hôm qua đã thi hành một cuộc “di tản chiến thuật”. Tôi khẩn cầu anh. Anh phải thông cảm. Ở đây, anh biết không, chúng tôi sống trong rừng rú...

Roubachof chờ xem hăn còn gì nói nữa không, nhưng Richard không nói gì nữa. Màn đêm trùm phủ rất mau. Roubachof mở kiếng chùi vào tay áo.

- Đảng không bao giờ lầm lẫn - Roubachof nói - Anh và tôi, chúng ta có thể lầm. Nhưng Đảng thì không. Đảng là một cái gì vĩ đại hơn anh và tôi và hơn cả ngàn kẻ khác như anh và tôi. Đảng là hiện thân của tư tưởng cách mạng trong lịch sử. Lịch sử không hề biết tế nhị mà cũng chẳng biết ngần ngại. Vô tri và không hề lầm lẫn, lịch sử chày đến mục đích. Ở mỗi khúc quanh trên giòng của nó, lịch sử để lại số bùn mà nó cuốn theo và những thân người bị đắm. Lịch sử biết con đường đi của mình. Nó không bao giờ lầm lẫn. Kẻ nào không tin tưởng tuyệt đối vào lịch sử thì không có chỗ đứng trong hàng ngũ Đảng.

Richard không nói gì; tay nâng đầu, mặt bất động của hăn quay về phía Roubachof. Thấy hăn nín thinh, Roubachof tiếp :

- Anh đã làm trở ngại sự phân phối tài liệu của chúng tôi; anh đã loại bỏ tiếng nói của Đảng; anh đã phát ra những tập sách mà mỗi chữ đều trật và tai hại; anh đã viết: “Những kẻ còn lại của phong trào cách mạng phải tập hợp và tất cả các lực lượng đối nghịch với bạo lực phải hợp nhứt; chúng ta cần chấm dứt những cuộc huynh đệ tương tàn quá lâu, và tiếp tục cuộc tranh đấu chung”. Như vậy là trật. Đảng, không thể kết hợp với bọn Ôn hòa. Chính bọn ấy không biết bao nhiêu lần, đã quyết tâm phản bội phong trào, và chúng sẽ tái phạm vào dịp tới và kế tiếp. Hòa giải với chúng là chôn cách mạng. Anh đã viết: “Khi lửa tới nhà, mọi người phải hợp tác dập tắt nó; nếu chúng ta tiếp tục tranh luận về những điểm của chủ nghĩa, chúng ta sẽ bị biến thành tro”. Trật. Chúng ta, ta chống lửa bằng nước; những kẻ khác đổ dầu vào lửa. Chúng ta phải quyết định xem phương pháp nào tốt, nước hay dầu, trước khi dung hợp các đoàn chữa lửa. Ta không thể làm chánh trị kiểu đó.; Chúng ta không thể công thức hóa một chánh sách vì phần nộ và vì thất vọng. Đường lối Đảng đã được quy định rõ ràng; như

một con đường mòn nhỏ hẹp trên núi. Bước trật sang phải hay sang trái là xuống hố sâu. Không khí ở đó cũng ít oi, kẻ nào bị chóng mặt là mất mạng.

Bóng mờ hiện thời đã dày đặc đến nỗi Roubachof không còn thấy đôi bàn tay của bức tranh Pietà. Chuông reo hai hồi, chát chúa và thấm thía; mười lăm phút nữa, viện bảo tàng sẽ đóng cửa. Roubachof nhìn đồng hồ tay; còn phải nói tiếng quyết liệt, rồi thì chấm dứt. Richard ngồi bất động bên ông, cùi chỏ đặt lên đầu gối.

- Thưa anh, - Hãn nói - tôi không có câu trả lời về những việc đó - Giọng hãn thều thào và mệt mỏi - Những gì anh nói hãn phải đúng. Và điều anh nói về đường mòn trên núi rất đẹp. Nhưng tất cả những gì tôi biết là chúng ta đã đại bại. Những kẻ còn lại bỏ chúng ta. Có thể vì trời lạnh quá trên con đường núi mòn! Những kẻ khác - họ có nhạc và cờ đẹp và họ ngồi tất cả quanh ngọn lửa thật ấm. Phải chăng nhờ vậy mà họ thắng. Còn chúng ta, thì chúng ta chịu đủ mọi thống khổ.

Roubachof yên lặng nghe. Trước khi đọc bản án quyết liệt, ông muốn biết thanh niên còn muốn nói gì nữa không. Hiện nay không thể thay đổi bản án dầu hãn nói gì đi nữa; nhưng ông vẫn chờ.

Bóng dáng mạnh dạn của Richard càng lúc càng mờ trong hoàng hôn. Hãn nhích ra xa Roubachof hơn nữa trên băng tròn; hai vai hãn cong xuống và mặt hãn vùi gần trọn vẹn trong hai bàn tay. Roubachof ngồi thẳng lên trên chiếc băng; ông chờ đợi. Ông cảm thấy đau nhói ở hàm trên; chắc hãn chiếc răng cửa hư.

Một lúc sau ông nghe giọng nói Richard :

Roubachof đưa lưỡi rà chiếc răng đang làm ông đau. Ông thấy cần phải đưa ngón tay rờ vào nó trước khi nói lời quyết liệt, nhưng ông cố nhịn. Ông nói một cách bình tĩnh :

- Chiếu theo quyết nghị của Trung ương, tôi báo cho anh biết, anh Richard, rằng anh không còn là đảng viên nữa.

Richard không nhúc nhích. Lần này, Roubachof cũng chờ một lúc trước khi đứng lên. Richard vẫn ngồi. Anh chỉ ngẩng đầu lên nhìn ông và hỏi :

- Có phải vì việc này mà anh tới không?

- Đại để là vậy. - Roubachof nói. Ông muốn đi, nhưng đứng lại trước Richard và chờ đợi.

- Giờ đây, tôi sẽ ra sao? Richard hỏi.

Roubachof không nói gì. Một lúc sau, Richard nói :

- Bây giờ, tôi nghĩ rằng tôi cũng không thể ở trong phòng chiếu phim của bạn tôi nữa phải không?

Roubachof hơi do dự trước khi nói :

- Như vậy càng tốt cho anh.

Ông tự trách mình ngay đã thốt ra câu đó, đồng thời ông cũng không chắc Richard hiểu những gì ông muốn nói. Ông nhìn xuống hình hài sụp đổ của Richard :

- Tốt hơn là chúng ta ra khỏi bảo tàng viện riêng từng người. Chào anh.

Richard nhồm lên, nhưng vẫn ngồi. Trong bóng mờ, Roubachof không thể đoán được sự biểu lộ của đôi mắt đỏ ngầu, hơi lộ của hăn; tuy nhiên, chính hình ảnh mờ ảo của cái thân thể nặng nề ngồi bất động đó đã ghi mãi mãi vào tâm não Roubachof.

Ông ra khỏi gian phòng, đi xuyên qua phòng kế đó, cũng trống trải và tối tăm. Bước chân của ông nghiêng ken két trên sàn nhà. Chỉ đến lúc tới cửa ra ông mới nhớ mình đã không nghĩ đến việc nhìn bức vẽ Pietà; hiện thời, ông chỉ biết chi tiết hai tay chắp vào nhau và những cánh tay gầy mà thôi.

Đến những bậc thềm, ông dừng lại. Chiếc răng của ông càng nhưc nhối thêm; bên ngoài, trời lạnh. Ông quần quanh cổ chiếc khăn choàng len màu xám cũ. Những ngọn đèn đường đã cháy sáng trên công trường rộng và yên tĩnh trước bảo tàng viện; vào giờ đó rất ít người; một chiếc xe lửa nhỏ chạy rầm rầm trên thông lộ trồng cây hai bên, vừa giựt chuông. Ông tự hỏi có thể tìm được tắc xi không.

Richard theo kịp khi ông đến bậc thềm chót; hăn thở hào hển, gằn đứt hơi. Roubachof tiếp tục đi, không gấp gáp cũng không chậm lại và không quay đầu. Richard cao hơn ông cái đầu và mập hơn nhiều, nhưng hăn rút đầu xuống hai vai, có vẻ nhỏ nhoi bên Roubachof và bước chậm lại. Đi được vài bước, hăn nói :

- Phải chăng là lời cảnh cáo, khi tôi hỏi anh tôi có nên xa bạn tôi không thì anh nói: “Như vậy càng tốt cho anh”?

Roubachof thấy một chiếc tắc xi bật đèn pha sáng chói đang chạy lên thông lộ. Ông dừng lại bên lề, chờ xe tới. Richard đứng bên ông.

- Tôi không còn gì nói với anh Richard. - Roubachof vừa nói vừa gọi tắc xi.

- Đồng chí - nh... nhưng đồng chí đừng tố cáo tôi, đồng chí... - Richard nói.

Chiếc tắc xi chậm lại, chỉ còn cách chừng hai chục bước. Richard khòm lưng trước Roubachof; hấn nắm tay áo choàng của ông và nói thẳng vào mặt ông; Roubachof cảm thấy những giọt nước miếng của hấn văng lên trán ông.

- Tôi không phải kẻ thù của Đảng - Richard nói - Anh không nên đưa tôi đến lò thịt, đ... đồng chí...

Chiếc tắc xi dừng lại bên lề; hấn người tài xế đã nghe tiếng sau cùng. Roubachof tính toán rất mau rằng mình có xua đuổi hấn cũng chẳng ích lợi gì; một cảnh sát viên ngừng xe cách đó lối một trăm thước. Người tài xế, một lão già nhỏ thó mặc áo da, nhìn hai người một cách bình thản.

- Tới nhà ga. - Roubachof nói khi bước lên tắc xi.

Người tài xế thò tay ra sau đóng ập cửa xe. Richard đứng trên lề đường, mũ cát-két trên tay; trái cổ của anh lay động dữ dội. Tắc xi khởi chạy, hướng về phía người cảnh sát rồi vượt khỏi nhân viên này. Roubachof không quay nhìn lại, nhưng ông biết Richard vẫn đứng trên lề nhìn trân trân đèn đỏ xe tắc-xi.

Vài phút sau, xe đi xuyên qua những con đường đông đảo; người tài xế quay đầu mấy lượt như muốn biết chắc người khách của ông ta còn đó hay không. Roubachof không biết rõ thành phố để chắc chắn quả đúng là xe đang hướng về nhà ga hay không. Đường phố yên lặng hơn; ở đầu một thông lộ là một tòa nhà đồ sộ có một chiếc đồng hồ to sáng loáng; xe ngừng trước nhà ga.

Roubachof bước xuống; những xe tắc xi ở thành này chưa có đồng hồ tính tiền.

- Bao nhiêu? Ông hỏi.

- Khỏi trả tiền. - Người tài xế nói. Ông ta có một gương mặt già hóp và nhăn nheo; ông móc trong túi ra một khăn tay màu đỏ dơ dáy và hi mũi một cách trịnh trọng.

Roubachof nhìn ông ta chăm chú xuyên qua chiếc kính kẹp mũi. Ông chắc chắn chưa hề thấy gương mặt ấy lần nào. Người tài xế bỏ khăn vào túi.

- Đối với những người như ông, thì luôn luôn tôi chạy giùm. - Vừa nói người ấy vừa kéo thắng tay.

Bỗng ông ta đưa bàn tay ra. Một bàn tay già nổi gân đầy và móng đóng ghét.

- Chúc ông may mắn- Ông vừa nói vừa mỉm cười với Roubachof với dáng

bờ ngỡ - Nếu người bạn trẻ của ông cần gì - tôi thường đậu xe trước viện bảo tàng. Ông có thể gọi cho y biết số xe của tôi, thưa ông.

Roubachof thấy bên tay phải mình một người phu khuân vác, đứng tựa cột nhìn hai người. Ông không nắm bàn tay đưa ra của ông tài xế; ông đặt vào đó một đồng tiền và vào nhà ga không nói tiếng nào.

Ông chờ một giờ trước khi xe lửa khởi hành. Ông uống tại quầy giải khát một thứ cà phê thật dở; chiếc răng dầy vò ông. Trong xe lửa, ông ngủ gà ngủ gật và mơ thấy mình chạy trước đầu xe lửa. Richard và người tài xế tắc xi trong đầu xe; họ muốn cán ông vì ông không trả tiền xe cho họ. Những bánh xe âm âm lăn tới gần, và hai chân ông thì đã hết hơi sức. Ông buồn nôn thì giật mình thức dậy, những giọt mồ hôi lạnh ướt trán ông; trong toa, thiên hạ nhìn ông một cách kỳ lạ. Bên ngoài trời đã tối; xe chạy hết tốc lực ngang qua một xứ địch tối tăm; phải chấm dứt vụ này với Richard; chiếc răng của ông nhức thêm. Một tuần sau ông bị bắt.

10.

Roubachof úp trán vào cửa kính nhìn xuống sân. Ông thấy mỗi chân và đầu choáng váng vì đã đi quá nhiều. Ông nhìn đồng hồ tay; mười hai giờ kém mười lăm; ông đã đi bách bộ trong xà lim suốt gần bốn giờ liên tiếp, từ khi ông hồi tưởng đến bức tranh Pietà. Ông không ngạc nhiên điều ấy; ông đã khá quen với những mơ mộng trong tù, với sự say sưa tiết ra từ những bức tường vôi. Ông nhớ một người bạn trẻ, làm nghề hớt tóc, đã thuật với ông rằng trong năm thứ hai cũng là năm khổ cực nhất ở xà lim, hắn đã suốt bảy giờ liên tiếp, hai mắt vẫn mở. Hắn đi mười tám cây số trong một xà lim năm bước bề dài và bị những mọt bong bóng dưới chân mà không hay.

Nhưng lần này, việc ấy đến hơi sớm; ngay ở ngày đầu tiên, thói xấu ấy xâm chiếm ông, còn ở những lần bị giam trước kia, nó chỉ tới những tuần sau đó. Một chuyện kỳ lạ nữa, là ông đã nghĩ tới dĩ vãng; những tay mơ mộng kinh niên trong khám đường gần như luôn luôn chỉ mơ tương lai - và chỉ mơ về quá khứ những gì họ mong ước chớ không phải những gì đã xảy ra trên thật tế. Roubachof tự hỏi tinh thần ông sẽ còn dành cho ông những ngạc nhiên nào nữa. Kinh nghiệm cho ông biết rằng việc đứng trước cái chết bao giờ cũng tác động mạnh vào bộ máy suy tư, và gây những phản ứng ngạc nhiên nhất - tương tự như những động tác của kim chỉ nam khi đến gần từ cực.

Trời vẫn đầy tuyết sắp rơi; trong sân, hai tù nhân đang đi dạo buổi sáng trên con đường nhỏ được quét dọn. Một trong hai người nhìn nhiều lần lên cửa sổ của Roubachof. Hình như tin ông bị bắt đã truyền ra. Đó là một người tiêu tụy có nước da vàng khè và sứt môi; hắn mặc một chiếc áo đi mưa mỏng mà hắn ghì chặt lên vai như hắn đang run rẩy. Người kia nhiều tuổi hơn và trùm một cái mền. Họ không nói chuyện với nhau trong phiên đi dạo, và trong khoảng mười phút, một người đồng phục võ trang

dùi cui bằng cao su và súng sáu dẫn họ trở vào khám. Cái cửa mà ông chờ họ tới ở ngay trước cửa sổ của Roubachof. Trước khi cửa đóng, người sút môi nhìn thêm một lần nữa về hướng Roubachof. Chắc chắn hẳn không thấy Roubachof vì cái cửa sổ ấy, từ sân nhìn lên chắc phải thấy tối đen; nhưng hai mắt anh ta dán vào cửa sổ như đang tìm kiếm vật gì. “Tôi thấy anh mà không biết anh là ai; anh không thấy tôi nhưng hẳn anh biết tôi”, Roubachof tự nói với mình. Ông ngồi lên giường và hỏi người ở phòng số 402 :

- *Những người đi dạo là ai?*

Ông tưởng tượng rằng số 402 phật lòng sẽ không trả lời. Nhưng viên sĩ quan tỏ vẻ không hờn giận lâu; hẳn trả lời ngay :

- *Tù chánh trị.*

Roubachof ngạc nhiên; ông tưởng người gầy còm sút môi là một thường phạm trọng tội.

- *Cùng loại với ông hả?* - Roubachof hỏi.

- *Không - Với ông.* - Số 402 gõ, có lẽ với một nụ cười hài lòng. Câu tiếp theo âm vang hơn, có lẽ được gõ bằng kiếng một tròng.

- *Sút môi, người láng giềng của tôi số 400, đã bị tra tấn hôm qua.*

Roubachof yên lặng độ một phút và chùi kiếng vào tay áo, dẫu ông chỉ dùng nó để gõ. Thoạt tiên ông muốn hỏi “tại sao?”, nhưng ông gõ :

- *Bị tra cách nào?*

402 đánh cộc lốc :

- *Tắm hơi.*

Roubachof đã từng bị đánh đập nhiều lần trong thời kỳ ở tù vừa qua, nhưng phương pháp này, ông chỉ nghe nói thôi. Do kinh nghiệm, ông biết rằng tất cả sự đau đớn thể xác đều chịu đựng được; nếu ta biết trước những gì xảy đến cho ta, thì ta chịu đựng được như một cuộc giải phẫu - thí dụ như nhổ một cái răng. Chỉ có mù mờ không biết trước mới thiệt là tệ hại; ta không một hy vọng nào đoán được trước phản ứng của ta, và không cho ta một tỷ lệ nào để đo lường khả năng chịu đựng của ta. Tai hại nhất là sự sợ nói hay sợ làm một điều gì không thể cứu vãn được.

- *Tại sao?* - Roubachof hỏi.

- *Khác biệt chánh kiến.* - Người số 402 gõ với giọng mỉa mai.

Roubachof mang kiếng vào và tìm bao thuốc trong túi. Rồi ông gõ :

- *Còn ông, mạnh giỏi thế nào?*

- *Mạnh luôn, cám ơn.* - Số 402 gõ, rồi bỏ câu chuyện.

Roubachof nhún vai; ông đốt điều thuốc áp chót rồi đi giông dài trở lại. Chuyện lạ lùng, những gì đang chờ đợi ông lại làm cho ông gần như vui thích, ông không buồn vãn vợ nữa, cảm thấy đầu óc sáng sủa hơn, tinh thần linh hoạt hơn. Ông tới bồn rửa mặt, tay và ngực bằng nước lạnh, súc miệng rồi lau bằng khăn tay. Ông hút gió một đoạn nhạc và mỉm cười - ông hút gió sai nhạc một cách thảm hại, và chỉ cách đó mấy hôm có kẻ nói với ông: “Nếu Người số I là nhạc sĩ, có lẽ từ lâu ông đã tìm một lý do để xử bản anh rồi”.

- Ông ta sẽ tìm được một lý do, ông trả lời song không tin tưởng chuyện sẽ xảy ra như vậy.

Ông đốt điều thuốc cuối cùng và đầu óc minh mẫn, ông bắt đầu chuẩn bị một đường lối phải theo khi bị thẩm vấn. Khi còn đi học, bao giờ ông cũng bình tĩnh tự tin mỗi khi sắp phải qua một kỳ ghi đặc biệt khó khăn. Ông hồi tưởng lại tất cả những gì ông biết về đề tài “Tắm hơi”. Ông tưởng tượng chi tiết của tình trạng đó và cố gắng phân tách những cảm giác thể xác mà người ta có thể chờ đợi, hầu loại bỏ tất cả tính cách siêu nhiên của nó. Điều quan trọng là đừng để mình rơi vào trạng huống bất ngờ. Hiện thời ông tin chắc những kẻ sắp tra khảo ông sẽ không đạt được mục tiêu mong muốn; ngoài kia, những kẻ ấy chưa tới. Ông biết ông sẽ không nói điều gì không cứu vãn được. Phải chi họ có thể bắt đầu sớm sớm.

Giấc mơ lại đến trong đầu ông: Richard và người tài xế tắc xi già đuổi theo ông vì họ cảm thấy bị ông lừa đảo và phản bội.

“Tôi sẽ trả tiền cuộc tắc xi”, ông nói với mình và mỉm cười ngượng ngập. Điều thuốc cháy sắp hết làm nóng đầu ngón tay, ông buông nó xuống. Ông toan dùng chân dập tắt, nhưng lại thôi, cúi xuống lượm tàn thuốc dí chậm chậm đầu cháy đỏ vào lưng bàn tay, giữa hai lằn gân xanh ngoằn ngoèo. Ông kéo dài động tác ấy đúng nửa phút mà ông đo bằng kim

chỉ giây của chiếc đồng hồ tay. Ông rất bằng lòng: bàn tay ông không rứt lại một lần nào trong ba mươi giây ấy. Ông trở lại cuộc đi bách bộ.
Con mắt quan sát ông từ nhiều phút qua rút khỏi lỗ dòm.

11.

Đoàn người phát bữa ăn trưa đi qua trong hành lang; lần này, xà lim của Roubachof cũng bị bỏ quên. Ông không muốn tự hạ mình nhìn qua lỗ dòm; vì vậy, ông không biết bữa ăn gồm những món gì; những mùi đồ ăn len vào đây phòng, nghe cũng ngon.

Ông cảm thấy thèm hút thuốc dữ dội. Phải tìm thuốc lá bằng cách này hay cách khác, để có thể tập trung tư tưởng; thuốc lá còn quan trọng hơn là ăn nữa. Ông chờ nửa giờ sau khi phân phối bữa ăn, rồi bắt đầu đập vào cửa. Mười lăm phút sau mới nghe tiếng giày cũ rách của viên ngục tốt già.

- Ông muốn gì? - Lão ta hỏi với giọng khó chịu.

- Đi tới câu lạc bộ kiểm thuốc lá cho tôi. - Roubachof nói.

- Ông có phiếu mua hàng không?

- Khi tôi tới đây, người ta lấy tiền của tôi hết rồi. - Roubachof trả lời.

- Nếu vậy phải chờ đổi tiền thành phiếu.

- Bao giờ xong chuyện đó trong cái khám kiểu mẫu của mấy người? -

Roubachof hỏi.

- Ông có thể viết đơn khiếu nại. - Lão già nói.

- Ông biết rằng tôi không có giấy viết gì hết. - Roubachof nói.

- Muốn có giấy viết, phải có phiếu. - Ngục tốt bảo.

Roubachof cảm thấy cơn giận nổi lên; một sự ngăn tức quen thuộc dâng lên trong lồng ngực và hơi nghẹn chặn ở cổ họng; nhưng ông cố gắng nén xuống. Lão già thấy đồng tử của Roubachof sáng lên một cách nghiêm khắc sau cái kiếng kẹp mũi; lão nhớ tới những bức tranh màu của Roubachof trong bộ đồng phục mà xưa kia người ta thấy khắp nơi; ông mỉm cười hóm hình nhưng già yếu và lùi một bước.

- Thiệt là cái quân đồ bỏ. - Roubachof nói chậm chậm vừa quay lưng lại hẳn và đi về phía cửa sổ.

- Tôi báo cáo rằng ông mắng tôi. - Lão già nói sau lưng ông, và cánh cửa đóng sầm lại.

Roubachof chùi kiếng vào tay áo và chờ đợi hơi thở của mình trở lại bình thường. Ông cần thuốc hút, bằng không là không chịu nổi. Ông gắng gượng chờ mười phút. Kế đó, ông gõ vào tường của số 402.

- Ông có thuốc lá không?

Yên lặng một lúc, câu trả lời mới tới, rõ ràng và phân biệt từng tiếng :

- Không phải để cho anh.

Roubachof chầm rãi trở lại cửa số. Ông thấy viên sĩ quan trẻ với bộ râu mép nhỏ, mang kiếng một tròng, mặt nhăn nhó một cách ngu đần nhìn trân trân vào bức tường ngăn cách hai người; sau chiếc kiếng một tròng con mắt đờ đẫn, mí mắt đỏ hoét mở thau láu. Anh ta nghĩ gì trong đầu? Chắc hẳn nghĩ “Cho anh một bài học”. Hoặc “Đồ súc sanh, mày đã bắn bao nhiêu người thuộc phe chúng tao rồi?”

Roubachof nhìn tường vô; ông cảm thấy người kia đứng sau tường, mặt quay sang ông; ông tưởng như nghe hản thở gấp. Ủ, bọn này đã bị tao hành hình bao nhiêu người rồi, tao tự hỏi như vậy? Thật sự ông cũng không nhớ rõ. Từ lâu, lâu lắm rồi, trong cuộc Nội chiến. Ông đã cho hành quyết vào khoảng từ bảy chục tới một trăm. Rồi sao nữa? Có gì thắc mắc đâu; việc ấy diễn ra trên một bình diện khác hẳn vụ Richard, và ông sẵn sàng làm trở lại ngày nay. Dẫu hồi đó ông biết trước cuộc cách mạng chót hết sẽ đưa Người số I lên chánh quyền, ông cũng vẫn làm như vậy.

“Với mày, - Roubachof tự nói vừa nhìn bức tường vô sau đó kẻ kia đang đứng, và có lẽ đã đốt một điếu thuốc rồi phả khói vào vách - với mày, tao không có việc gì phải thanh toán. Tao cũng chẳng thiếu mày cuộc xe nào. Giữa mày và tao, không có một điểm liên hệ nào cả, về tiền tệ cũng như về ngôn từ... Cái gì? Mày muốn gì bây giờ đây?”

Số 402 lại gõ. Roubachof trở lại bên tường, ông nghe :

- Gởi thuốc lá cho ông đây.

Kế đó, ông nghe hản đập cửa nhẹ nhệ để cho ngục tốt chú ý.

Roubachof nín thở; vài phút sau, ông nghe tiếng chân kéo xà lết của viên ngục tốt già. Hẳn không mở cửa phòng số 402, nhưng hỏi qua cái lỗ

nhỏ :

- Ông muốn gì?

Roubachof không nghe câu trả lời; ông rất muốn nghe giọng nói của số 402. Kể đó, lão già nói khá to để Roubachof nghe :

- Việc đó không được phép; nó trái với quy lệ.

Lần này, Roubachof cũng chẳng nghe câu đáp. Rồi viên ngục tốt nói :

- Tôi sẽ báo cáo ông về lời lẽ nhục mạ tôi.

Lão kéo lê đôi giày rách trên nền gạch rồi tiếng chân mất hút ở cuối hành lang.

Yên lặng một lúc. Sau đó, số 402 gõ :

- *Không may cho ông.*

Roubachof không trả lời. Ông đi đi lại lại, cơn thèm thuốc lá như nung đốt cổ họng khô khan. Ông nghĩ đến số 402. “Nhưng đầu sao, tao cũng sẵn sàng cho hành hình chúng bây trở lại, nếu cần, ông nói to lên. Đó là hành động cần thiết và đúng. Có thể tao thiếu may một cuộc xe. Đâu có ai hối hận về những hành động đúng và cần thiết?”

Cổ ông càng lúc càng khô. Ông thấy nặng đầu; ông đi đi lại lại không ngừng, và càng nghĩ ngợi, môi ông càng rung động.

Có cần phải đền bồi những hành động được chứng minh là chánh đáng không? Có một tiêu chuẩn nào khác hơn lý lẽ không?

Món nợ về một hành động đúng phải chẳng là món nợ nặng nhứt nếu được đặt lên cán cân khác kia chẳng? Món nợ của ông phải chẳng được tính bằng hai, chỉ vì những kẻ khác không biết họ làm những gì?...

Roubachof ngừng lại ở miếng gạch đen thứ ba kể từ cửa sổ.

Ông mắc chứng gì vậy? Một cơn gió điên loạn tôn giáo chẳng? Ông nhận thấy từ nhiều phút qua ông nói lầm thảm với chính mình. Và ngay bây giờ, ông cũng cảm thấy môi ông, ngoài ý muốn của ông, động đậy để nói :

- Tôi sẽ trả.

Lần thứ nhất từ khi bị bắt, Roubachof sợ. Ông tìm thuốc lá, nhưng không còn nữa.

Ông lại nghe những tiếng gõ nhỏ và rõ ràng vào từng khoảng trên giường. Số 402 đánh tin cho ông :

- *Thằng sứт môi gởi lời chào ông.*

Ông thấy lại gương mặt vàng ỏ quay về hướng ông: tin ấy làm ông khó chịu. Ông gõ :

- *Hắn tên gì?*

Số 402 trả lời :

- *Hắn không muốn nói tên. Nhưng hắn gởi lời chào ông.*

12.

Trong buổi chiều, Roubachof cảm thấy càng bịnh hoạn hơn.

Ông bị những cơn rung từng chập. Cái răng cũng đau trở lại - răng chó hàm trên bên phải, dính liền với dây thần kinh thị giác. Ông không ăn chút gì từ khi bị bắt, nhưng những cơn lạnh run cầm cập làm ông rất khổ sở, hợp với sự ngứa ngáy nóng bỏng ở cổ họng ngăn ông lại. Tư tưởng của ông đu đưa giữa hai cực hấp lực: cực hình thềm muốn hút thuốc và câu: Tôi sẽ trả.

Những kỷ niệm vây bọc ông, làm ông ù cả tai. Những khuôn mặt, những giọng nói hiện ra rồi biến mất; mỗi khi ông toan giữ chúng lại thì chúng làm ông đau khổ; cả một dĩ vãng trở thành chông gai, mụn nhọt, đụng đến là đau tay, là vấy mủ. Dĩ vãng của ông là Phong trào, là Đảng; hiện tại và tương lai của ông cũng thuộc về Đảng; nhưng dĩ vãng, chính là Đảng đó. Và cũng cái dĩ vãng bỗng nhiên được đặt thành vấn đề. Thế xác nóng hổi và sống động của Đảng trước mắt ông hình như đầy vết thương - những vết ung độc rướm máu. Không còn đâu được trong lịch sử những đấng thánh thần bịnh hoạn như vậy. Chưa bao giờ một chánh nghĩa lại được tượng trưng tệ hại như vậy. Nếu Đảng là hiện thân ý chí của lịch sử, thì chính lịch sử đã bịnh hoạn.

Roubachof nhìn những vết thấm ướt trên tường. Ông kéo cái mền trên giường trùm vai; ông tăng gia tốc độ, đi tới đi lui với những bước ngắn mà mau, quay mình lại thật nhanh khi tới cửa hay cửa sổ, nhưng những cơn lạnh run vẫn tiếp tục luôn dài xuống xương sống. Tai vẫn ù và có những giọng mơ hồ pha lẫn với những giọng chát chúa mà ông không phân biệt được từ hành lang bay vào hay chính ông bị ám ảnh. “Chính dây thần kinh thị giác, ông tự bảo; đó là do cái chân răng chó bị gãy. Tôi sẽ nói chuyện ấy với bác sĩ ngày mai, nhưng trong khi chờ đợi, tôi còn nhiều việc phải làm. Ta phải tìm nguyên do những sự suy nhược của Đảng. Tất cả các nguyên

tắc đều hay mà kết quả lại tệ hại. Thế kỷ này bịnh hoạn. Chúng ta đã bắt mạch sự tệ hại ấy và những nguyên do với một sự chính xác tinh vi, nhưng bất cứ nơi nào ta đặt dao mổ xuống, là một ung nhọt lại hiện ra. Ý chí của ta thuần khiết và nghiêm minh, đáng lý ta phải được dân thương. Nhưng dân lại ghét chúng ta. Tại sao chúng ta trở thành khả ố và bị thù ghét?

Chúng ta mang đến cho dân sự thật, thế mà trong miệng ta nó lại có vẻ là sự dối trá. Chúng ta mang đến cho dân tự do, vậy mà trong tay ta nó giống như con roi. Chúng ta mang đến cho dân một đời sống thật sự, vậy mà nơi nào ta cất tiếng là cây cối khô cằn và người ta nghe tiếng lá rụng. Chúng ta mang đến cho dân lời hứa hẹn về tương lai, nhưng lưỡi ta lại cà lăm và phát ra tiếng ăng ăng...”

Ông rùng mình. Một hình ảnh hiện trong đầu ông, một bức ảnh to trong khuôn gỗ: các đại biểu của Đại hội đồng Đảng đầu tiên. Họ họp chung quanh một chiếc bàn dài bằng cây, có những người chống cùi chỏ lên bàn, những người khác đặt tay lên đầu gối; râu rậm và tin tưởng, họ nhìn ống ảnh. Phía trên đầu mỗi người có một vòng tròn bao quanh một con số đối ứng với một cái tên in ở dưới. Tất cả đều có vẻ trịnh trọng, chỉ có cụ già nhỏ thó chủ tọa có trong đôi mắt hí của người Hung Nô một cái gì hóm hỉnh và thích thú. Roubachof là người thứ hai ở bên phải cụ, mang kiếng kẹp trên mũi. Người số I, nặng nề và thẳng tính, ở khoảng gần đầu bàn phía dưới. Người ta có thể bảo đó là buổi họp của một hội đồng tỉnh nào đó, tuy nhiên, chính những người ấy đã chuẩn bị một cuộc cách mạng vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Họ lúc ấy chỉ là một nhóm nhỏ thuộc hạng mới mẻ: những triết gia tranh đấu. Họ biết cả các nhà tù Âu châu như những tay chào hàng biết các khách sạn. Họ mơ chánh quyền, mục đích của họ là tiêu diệt chánh quyền, là cai trị các dân tộc hầu chấm dứt thói quen để cho người khác cai trị mình. Tất cả những tư tưởng của họ đều được diễn dịch thành hành động, và tất cả mơ ước của họ đều được thể hiện. Họ hiện giờ ở đâu? Những khối óc đã thay đổi tiến trình thế giới, đã lãnh mỗi người một viên đạn. Kẻ thì ở trán, kẻ thì ở ót. Chỉ còn vài ba người, rải rác khắp thế giới, kiệt lực. Và hẳn: Người số I.

Ông bị lạnh cóng và thèm hút thuốc thật dữ dội. Ông thấy mình trở lại hải cảng cũ kỹ ở Bỉ, cùng đi với một người mà ông gọi là chú bé Loewy. Loewy tánh vui vẻ, hơi có tật và hay ngậm ống vố thủy thủ. Hẳn nặc mùi hải cảng, cái mùi do sự pha trộn của mùi rong biển hư thúi và mùi dầu hỏa; ông nghe tiếng chuông từ lâu chuông xưa cũ của Tòa thị sảnh; và thấy lại những con đường hẻm hẹp có những cửa sổ lồi ra, và trên lưới rào của những cửa sổ đó, mấy cô gái đi trong hải cảng phơi quần áo suốt ngày. Chuyện xảy ra hai năm sau vụ Richard. Người ta không có bằng chứng gì để kết tội ông. Ông không khai gì cả dưới những trận đòn của họ, dẫu họ đã đánh ông gãy hết cái răng này đến cái răng khác, và dậm nát kiếng mắt ông dưới gót giày cao cổ. Ông lặng im, chối tất cả và lạnh lùng nói láo một cách dụng tâm. Ông đã đi đi lại lại trong xà lim, và bò bốn cẳng trên nền đá của khám tối kỷ luật; và khi người ta xối nước vào ông để ông tỉnh lại, là ông mò mẫm tìm điếu thuốc rồi tiếp tục nói láo nữa. Thời ấy, ông không ngạc nhiên trước sự thù ghét của những kẻ tra tấn ông và ông tự hỏi tại sao họ lại thấy ông đáng ghét. Cả bộ máy tư pháp của nền độc tài đều nghiêng rằng, nhưng họ cũng chẳng tìm được bằng chứng gì về ông. Sau khi phóng thích ông, họ đuổi ông về nước - tổ quốc của cách mạng. Người ta tổ chức nào là tiếp tân, met-ting hoan hỉ và duyệt binh. Chính Người số I cũng đã xuất hiện bên ông nhiều lần trước công chúng.

Đã nhiều năm ông chưa trở về quê hương, và ông nhận thấy có nhiều điều thay đổi. Phân nửa số người rậm râu trong bức ảnh không còn nữa. Không ai được nhắc tên tuổi họ, hay có nhắc cũng chỉ để nói xấu - trừ cụ già nhỏ thó có đôi mắt của người Hung Nô, vị lãnh tụ trước kia, đã chết đúng lúc. Người ta sùng bái cụ như Đức Chúa Cha, còn Người số I như Đức Chúa Con; nhưng người ta xăm xì khắp nơi rằng Người số I đã làm chúc ngôn giả của cụ già để trở thành kẻ thừa hưởng của cụ. Nhiều người rậm râu trong bức ảnh cũ kỹ dẫu còn sống cũng không nhìn ra được. Họ cạo râu nhẵn nhụi, kiệt lực và đã tỉnh ngộ, đầy âu sầu. Thịnh thoảng, Người số I vươn tay dài hạ một nạn nhân mới trong bọn họ. Thế là họ đập ngực thành thịch và đồng thanh sám hối tội lỗi. Mười lăm ngày sau, dẫu hầy còn chống cặp nạng khi xê dịch, Roubachof cũng xin một sứ mạng mới ở hải

ngoại. “Ông có vẻ gấp quá vậy”, Người số I nói, vừa nhìn tận mặt ông xuyên qua làn khói thuốc. Đã hai mươi năm qua hai người đứng đầu Đảng và họ luôn luôn gọi nhau bằng “ông”. Trên đầu Người số I có treo bức ảnh của cụ già nhỏ thó; bên cạnh đó trước kia là bức ảnh mà mỗi đầu người đều có đánh số, nhưng bức ảnh đó không còn nữa. Cuộc hội họp đàm chỉ có mấy phút, nhưng khi ông từ già, Người số I đã siết tay ông thật lâu một cách đặc biệt. Sau đó, Roubachof đã suy nghĩ rất lâu về ý nghĩa của cái bắt tay đó, cũng như về sự mĩa mai kỳ lạ của cái nhìn đồng lõa mà Người số I đã ném cho ông qua đám mây khói thuốc. Rồi Roubachof đi ra trên cặp nạng; Người số I không đưa ông ra cửa. Hôm sau, ông đi Bỉ.

Trên tàu, ông hơi bình tĩnh trở lại và nghiền ngẫm về sứ mạng của ông. Chú bé Loewy, với cái ống vố thủy thủ, đến đón tiếp ông. Hẳn là trưởng khu phụ bến tàu tại đây. Roubachof có cảm tình ngay với hẳn. Hẳn hướng dẫn Roubachof viếng các vũng tàu đậu, đưa ông đi trên những con đường ngoằn ngoèo trong hải cảng một cách hãnh diện như chính hẳn đã kiến thiết tất cả vùng này. Trong mỗi tửu quán, hẳn quen rất nhiều người, nào là phu dỡ hàng, thủy thủ và dĩ nhiên; đâu đâu, người ta cũng mời hẳn uống rượu và hẳn chào trả lễ bằng cách nâng cái ống vố đến tận mang tai. Cả nhân viên cảnh sát chỉ huy lưu thông tại công trường trước chợ cũng nháy mắt chào lúc hẳn đi qua, và các bạn hữu thủy thủ của những tàu ngoại quốc, vì bất đồng ngôn ngữ không nói chuyện được, cũng vỗ thân mật trên cái bấu của hẳn. Thấy vậy, Roubachof không khỏi ngạc nhiên hài lòng. Không, chú bé Loewy không khả ố cũng không đáng ghét. Khu phụ bến tàu tại thành phố này đối với thế giới là một trong những khu khéo tổ chức nhất của Đảng.

Tối lại, Roubachof, chú bé Loewy và hai người nữa trong một quán rượu ở hải cảng. Một người tên Paul cũng đến với bọn họ; hẳn là thư ký hành chánh của khu, một cựu đô vật, sói đầu, mặt rỗ hoa mè, có hai lỗ tai vĩnh ra. Bên trong chiếc áo vét-tông, hẳn mặc áo len đen thủy thủ, và hẳn có một cái nón trái dưa đen. Hẳn có tài nhúc nhích lỗ tai đến nỗi hẳn được chiếc nón khỏi đầu cho rơi xuống. Một người cùng đi với hẳn tên Bill; cựu thủy thủ đã viết một quyển tiểu thuyết về đời thủy thủ, từng được một năm

nổi tiếng trước khi rơi vào quên lãng, và hiện thời hẳn viết bài cho các nhật báo ở Paris. Những người khác toàn là phu dỡ hàng, lực lưỡng và uống rượu rất dữ. Người vào không ngừng, ngồi hay đứng gần bàn, trả một “tuộc-nê” rồi chệnh choáng đi ra. Người chủ quán to con ngồi vào bàn của họ mỗi khi hẳn rồi rảnh được một lát. Hẳn chơi kèn. Mọi người uống như hũ chìm.

Chú bé Loewy giới thiệu Roubachof là “một đồng chí từ bên kia” và không lời phê bình nào. Loewy biết ông là ai. Những người ngồi ở bàn, thấy Roubachof không có vẻ thích nói chuyện hoặc có những lý lẽ nào đó nên ra vẻ như vậy, cũng không đặt nhiều câu hỏi; và những câu hỏi họ đưa ra liên quan đến những điều kiện sinh sống ở “bên kia”; lương bổng, vấn đề nông nghiệp, sự khuếch trương kỹ nghệ. Những gì họ nói tỏ ra họ hiểu biết một cách đáng ngạc nhiên về những chi tiết kinh tế, và một sự dốt nát cũng đáng ngạc nhiên về tình hình tổng quát và không khí chánh trị ở “bên kia”. Họ hỏi thăm về sự bành trướng sản xuất trong kỹ nghệ kim khí nhẹ, như trẻ con hỏi thăm độ to chính xác của những quả nho Chanaan. Một lão phu bến già, đứng khá lâu gần quầy mà không gọi thức uống nào cả, đến khi chú bé Loewy mời lão uống một ly, lão mới nói với Roubachof sau khi bắt tay ông: “Ông giống cha già Roubachof quá”. “Nhiều người cũng nói như vậy”, Roubachof trả lời: “Quả là một cái tượng của cha già Roubachof”, lão phu bến nói vừa uống cạn ly. Ông được phóng thích chưa đầy một tháng, và biết mình còn sống chưa quá sáu tuần lễ; người chủ quán to lớn thổi kèn. Roubachof đốt một điếu thuốc rồi gọi rượu. Họ uống chúc thọ ông và nhân dân “bên kia”, còn Paul, thơ ký, thì đỡ chiếc nón quả dưa của anh bằng hai vành tai.

Sau đó, Roubachof và chú bé Loewy ngồi rất khuya trong một quán rượu ở hải cảng. Chủ quán buông sáo xuống và chông ghế lên bàn, rồi tựa vào quầy mà ngủ. Chú bé Loewy kể với Roubachof cuộc đời của hẳn. Roubachof không hề hỏi hẳn và ông tiên đoán ngay những chuyện phức tạp xảy ra mai kia một nọ: không phải lỗi tại ông nếu các đồng chí cảm thấy bị thúc đẩy tâm tình với ông. Quả thật ông có ý muốn đi khỏi nơi này, nhưng

bỗng nhiên ông cảm thấy thật mệt mỏi - phải nhìn nhận ông đã đánh giá quá cao sức lực của ông; vì vậy ông ở lại nghe.

Chú bé Loewy gốc gác không phải ở xứ này, mặc dầu hẳn nói ngôn ngữ tại đây như hẳn vẫn ở chốn này từ trước đến nay và quen biết tất cả mọi người. Sự thật, hẳn sanh trưởng ở một tỉnh miền Nam Đức quốc, và học nghề thợ mộc; chủ nhật, hẳn chơi đàn ghi-ta và thuyết trình về học thuyết Darwin cho các du khách của câu lạc bộ thanh niên thợ thuyền cách mạng. Trong những tháng dao động trước khi chế độ độc tài nắm chánh quyền, khi Đảng cần gấp khí giới, một cú táo bạo được thi hành trong thành phố: một chiếc chủ nhật, năm súng trường, hai mươi súng lục, và hai tiểu liên bị đưa lên một xe cam nhông chuyên dọn nhà từ một bót cảnh sát trong một khu phố tấp nập nhứt. Những người trên xe hàng đã xuất trình một bút lệnh đầy những con dấu chánh thức; trong bọn họ có hai người tự xưng là cảnh sát viên mang đồng phục chính cống. Số khí giới ấy sau đó bị khám phá tại một thành phố khác trong cuộc khám xét xưởng sửa xe của một đảng viên.

Vụ ấy chưa bao giờ ra ánh sáng một cách rõ ràng thì ngày sau đó, chú bé Loewy bỏ thành phố ra đi. Đảng hứa cung cấp cho hẳn một chiếc khán và giấy căn cước, nhưng những trù liệu không có kết quả. Nghĩa là sứ giả của giới cao cấp trong đảng có bốn phận mang chiếc khán và lộ phí đã không đến nơi hẹn.

- Cũng những vụ tréo căng ngồng đó xảy ra hoài trong đảng ta. - Chú bé Loewy tiếp với một giọng triết nhân. Roubachof không nói gì.

Tuy vậy, chú bé Loewy vẫn thoát được và cuối cùng vượt qua biên giới. Vì có trát câu lưu và ảnh hẳn với cái vai mang bấu được dán ở các bót cảnh sát, hẳn phải đi lang thang mấy tháng ngoài đồng bằng. Khi hẳn đi đón đồng chí ở cấp “thượng tầng”, trong túi hẳn chỉ có tiền đủ xài ba ngày. “Trước kia tôi tưởng chỉ trong sách mới có những người nhai vỏ cây - Hẳn nói - Chỉ có những cây Dương ngô đồng non là ngon hết cả”. Kỷ niệm ấy thúc đẩy anh đứng lên lấy hai khúc xúc xích trên quầy. Roubachof nhớ tới xúp trong tù và các cuộc tuyệt thực, nên ăn với hẳn.

Cuối cùng, chú bé Loewy qua biên giới Pháp. Vì không chiếu khán, mấy ngày sau hắn bị bắt; họ bảo hắn đi xứ khác rồi thả hắn ra. “Chẳng khác nào họ bảo tôi leo lên tận mặt trăng”, hắn đưa ra nhận xét. Hắn kêu gọi sự giúp đỡ của Đảng; nhưng tại xứ này, Đảng không biết hắn và trả lời rằng phải điều tra tại quốc gia nơi hắn được sanh ra. Hắn tiếp tục đi lang thang; mấy ngày sau, hắn bị bắt và kết án ba tháng tù ở. Hắn vào tù và làm một loạt thuyết trình cho một bạn cùng xà-lim, vốn là một người đầu đường xó chợ, về những quyết nghị của Đại hội đồng đảng vừa rồi. Đối lại, con người lang thang ấy dạy hắn bí quyết kiếm ăn mỗi ngày bắt cách bắt mèo để bán da. Ba tháng trôi qua, một đêm nọ, người ta đưa hắn tới một cánh rừng trên biên giới Bỉ. Những anh hiến binh cho hắn bánh mì, phó mát cùng một gói thuốc lá Pháp. Họ bảo hắn: “Đi thẳng. Trong nửa giờ, anh sẽ tới Bỉ quốc. Nếu anh bị bắt lại nơi này, người ta sẽ đập anh vỡ mồm”.

Trong nhiều tuần lễ, chú bé Loewy đi vãn vợ trên đất Bỉ. Hắn lại tìm đến Đảng, nhưng người ta nói y như ở Pháp. Vì hắn đã chán cây dương ngô đồng, nên làm thử nghề buôn mèo. Bắt mèo cũng dễ, và hắn đổi một da mèo trẻ không có ghẻ lấy được nửa ổ bánh mì tròn và một gói thuốc lá Pháp. Giữa việc bắt mèo và nhận bánh mì, có một nghiệp vụ tương đối không mấy thích thú lắm. Mau hơn cả là tay này nắm hai vành tai mèo, tay kia nắm đuôi rồi kê vào đầu gối bẻ cái rộp gãy lợi xương sống. Ban đầu, việc ấy làm ta phát nhợn; rồi lần lần quen đi. Khốn thay, chú bé Loewy bị bắt vài tuần sau đó, vì ở Bỉ cũng phải có đủ giấy tờ tùy thân. Thế là một cuộc diễn tiến xảy ra theo thứ tự thời gian, trực xuất, khoan hồng, bắt lần thứ hai, tù. Một tối đẹp trời, hai hiến binh Bỉ đưa hắn tới một khu rừng sát biên giới Pháp. Họ cho hắn bánh mì, phó mát với một gói thuốc lá Bỉ. “Đi thẳng - Họ bảo hắn - Trong nửa giờ anh sẽ tới đất Pháp. Nếu anh bị bắt lại nơi đây, họ sẽ đập anh vỡ mồm”.

Suốt năm kể đó, chú bé Loewy vượt biên lậu ba lần, với sự đồng lõa khi thì của các nhà cầm quyền Pháp, khi thì của các nhà cầm quyền Bỉ. Hắn cho rằng trò ấy đã diễn ra bao nhiêu năm rồi với mấy trăm người cùng loại với hắn. Hắn tiếp xúc không biết bao nhiêu lần với Đảng, vì mỗi lo ngại quan trọng nhứt của hắn là không để mất liên lạc với phong trào. “Chúng

tôi không được tổ chức của anh báo trước việc anh tới đây, Đảng nói với hẳn. Chúng tôi phải chờ kết quả cuộc điều tra. Nếu anh là đảng viên, anh phải trọng kỷ luật Đảng”. Trong khi chờ đợi, chú bé Loewy lo buôn bán mèo và cứ bị xua đuổi từ biên giới này sang biên giới khác. Hơn nữa, nền độc tài đã chiến thắng ở nước anh. Một năm nữa lại trôi qua và chú bé Loewy, chịu ảnh hưởng của những cuộc ngao du bất đắc dĩ đó, bắt đầu khặt ra máu và mơ mộng thấy mèo. Anh bị ám ảnh rằng cái gì cũng hôi mèo, đồ ăn, cái ống điếu, và cả những gái điếm tốt bụng đã thỉnh thoảng nuôi anh. “Vẫn không có trả lời về việc chúng tôi thăm dò tin tức”, Đảng nói. Lại một năm nữa, và có lẽ các đồng chí có thể cung cấp tài liệu về hẳn hoặc đã bị ám sát, hoặc đang ở tù, hoặc đã mất tích.

- Chúng tôi rất tiếc, nhưng chúng tôi không thể làm gì được cho anh, Đảng nói. Đáng lý ra anh không nên tới mà chẳng chánh thức báo tin cho chúng tôi biết trước. Chính anh cũng không nên vắng mặt mà không được Đảng cho phép. Làm sao chúng tôi biết được? Có quá nhiều điệp viên và bọn người chuyên viên kích động toan len lỏi vào hàng ngũ ta. Đảng có bốn phận phải thận trọng.

- Tại sao anh kể cho tôi nghe tất cả những chuyện đó? - Roubachof hỏi. Phải chi ông đi trước thì hơn...

Người mà ông gọi là “chú bé Loewy” mở vòi vặn cho y một ly bia, rồi chào với cái ống vố.

- Bởi vì rất hữu ích- Hẳn nói - Bởi vì đó là một thí dụ điển hình. Tôi có thể cung cấp cho đồng chí hàng trăm chuyện như vậy. Trong nhiều năm qua, những đồng chí lỗi lạc của chúng ta đã bị tan nát vì thế. Mỗi ngày đảng đã hủ hóa thêm. Đảng bị bệnh thống phong và sưng tingle mạch khắp tứ chi. Người ta không thể làm cách mạng như vậy được.

“Tôi có thể nói nhiều về chuyện đó”, Roubachof nghĩ, nhưng ông lặng im.

Tuy nhiên, câu chuyện của chú bé Loewy đi đến một ngõ thoát may mắn một cách bất ngờ. Trong khi thụ hình hết án này đến án khác, có lần nọ hẳn ở chung xà lim với Paul, cựu đồ vật. Paul lúc ấy là phu bến; hẳn ngồi tù vì trong một cuộc đình công bạo động, hẳn đã nhớ tới nghề xưa:

hắn đã cho một cảnh sát viên ném hai cái cú đầu cường bách tên là Nelson. Cú ấy được thi thố bằng cách luồn hai tay mình dưới nách đối phương, rồi đan hai bàn tay mình sau ót địch, buộc y phải cúi đầu cho đến khi xương cổ của y kêu răn rắc. Hắn được bạn hữu bao quanh đó vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt, nhưng sau đó, hắn cũng hiểu rằng trong cuộc đấu tranh giai cấp, cú Nelson đúp không phải là ngón đòn hay. Chú bé Loewy và Paul đô vật trở thành đôi bạn thân. Paul là thư ký phụ trách hành chánh ở khu phụ bến của Đảng; khi cả hai ra khỏi khám đường, Paul cày cục giúp Loewy giấy tờ và công ăn việc làm, đồng thời đưa hắn trở lại Đảng. Thế là chú bé Loewy có thể làm lại những cuộc thuyết trình về thuyết Darwin và về Đại hội đồng mới nhất của Đảng trước các phu bến tàu, như chẳng có việc gì xảy ra. Hắn rất hài lòng, quên những con mèo và quên cả sự giận hờn của hắn đối với những kẻ cạo giấy của Đảng. Sáu tháng sau, hắn trở thành thư ký phụ trách chánh trị của khu bộ sở tại. Miễn là kết quả tốt là kể như tốt từ đầu chí đuôi...

Roubachof đã cảm thấy mệt mỏi và già nua, hết lòng mong mỏi cho câu chuyện xuôi thuận. Nhưng ông lại biết ông được gởi đến đây với sứ mạng nào, và chỉ có một đặc tính cách mạng mà ông không bao giờ học được, tức là không thành thật với chính mình. Ông yên lặng nhìn chú bé Loewy qua chiếc kiếng kẹp mũi của ông. Trong khi chú bé Loewy không hiểu được cái nhìn ấy, có hơi ngượng ngập nên mỉm cười chào với cái ống vố, Roubachof nghĩ đến mấy con mèo. Ông lo ngại nhận thấy khí lực mình suy nhược vì có lẽ uống nhiều rượu quá; ông cũng không xua đuổi được ám ảnh thấy mình bị bắt buộc phải nắm hai lỗ tai và hai chân của chú bé Loewy rồi kê vào đầu gối bẻ gãy xương sống lẫn cái bươu. Ông thấy muốn bệnh và đứng lên để đi khỏi nơi đây. Chú bé Loewy đưa ông tận nơi ngủ; hắn tưởng Roubachof bỗng nhiên suy nhược; và kính cẩn yên lặng. Một tuần lễ sau, chú bé Loewy treo cổ tự tử.

Từ buổi tối ấy đến cái chết của Loewy, tiểu tổ Đảng họp nhiều phiên cũng không bi tráng cho lắm. Sự việc cũng giản dị.

Hai năm trước đây, Đảng đã kêu gọi giới cần lao khắp thế giới đấu tranh chống nên độc tài vừa hình thành tại trung tâm Âu châu, và áp dụng

đối với chế độ ấy một cuộc tẩy chay chánh trị lẫn kinh tế. Không nên mua hàng hóa xuất xứ từ nước địch, không để một kiện hàng nào được gửi đến tiếp tế cho kỹ nghệ chiến tranh rộng lớn của quốc gia đó. Các khu bộ của Đảng thi hành các chỉ thị ấy một cách nhiệt thành. Các phu bến tại hải cảng nhỏ ở Bỉ này từ chối bốc dỡ các tàu hàng từ nước ấy tới, hoặc sẽ đi tới nước đó. Nhiều nghiệp đoàn khác cũng hưởng ứng với họ. Cuộc đình công rất gay gắt; có nhiều cuộc xung đột với cảnh sát, nhiều người bị thương và chết. Kết quả cuộc tranh đấu hãy còn ngang ngửa thì một đoàn thương thuyền gồm năm tàu hàng đen, cũ kỹ một cách lạ lùng, tiến vào bến. Mỗi chiếc đều mang ở sau lái tên của một đại lãnh tụ Cách mạng, vẽ bằng thứ chữ lạ lùng đang dùng ở “bên kia”, và ở mũi tàu phát phới lá cờ Cách mạng. Dân đình công say sưa chào đón đoàn tàu ấy. Họ tức tốc dỡ hàng trên đoàn tàu ấy ngay. Vài giờ sau, họ mới phát giác ra rằng các kiện hàng gồm toàn một thứ kim khí ít có được gửi cho kỹ nghệ chiến tranh của quốc gia bị tẩy chay.

Khu bộ bến tàu của Đảng triệu tập ngay một buổi họp ủy ban; họ trao đổi quan điểm với nhau. Cuộc tranh luận lan rộng khắp nước trong các hệ thống của phong trào. Báo chí phản động khai thác biến cố để chế nhạo Đảng. Cảnh sát không còn tìm cách phá vỡ cuộc đình công nữa, tuyên bố đứng trung lập và để cho giới lao động bến tàu tự do quyết định dỡ hàng cho đoàn thuyền đen ấy hay không. Cấp chỉ huy Đảng bãi bỏ cuộc đình công và ra lệnh dỡ hàng. Cấp ấy đưa ra những lời giải thích hữu lý về đường lối của Quốc gia Cách mạng, viện dẫn những lý lẽ khéo léo, nhưng số người bị thuyết phục rất ít. Khu bộ tách ra làm hai; đa số những đảng viên cũ từ chức. Trong nhiều tháng, Đảng chỉ còn cái tên; nhưng lần lần, sự suy sụp kỹ nghệ trong nước tăng gia Đảng tìm lại được nhân tâm và uy lực.

Hai năm trôi qua. Tại miền Nam Âu châu, một nền độc tài tham lam khác mở một cuộc chiến tranh xâm lược. Lần này nữa, Đảng cũng yêu cầu tẩy chay. Phản ứng của giới cần lao lần này càng bùng nổ hơn lần đầu nữa. Hơn nữa, kỳ này chính các chánh phủ của nhiều quốc gia trên thế giới cũng quyết định ngăn chặn những nguồn cung cấp nguyên liệu đến với nước xâm lược.

Không nguyên liệu, nứt là không có xăng, thì kẻ xâm lược nguy ngay. Chuyện đang diễn tiến đến đó thì đoàn thương thuyền đen lụ lùng bắt đầu lên đường. Chiếc to nứt của đoàn thuyền này mang tên cụ già nhỏ thó có đôi mắt của dân Hung Nô; các cột cờ đều có mang cờ Cách mạng, và trong các khoang có chứa xăng cho nước xâm lược. Chỉ còn vài hôm nữa là đoàn tàu đến bến này, nhưng chú bé Loewy và các bạn của hắn chưa biết chuyện đó. Roubachof có sứ mạng chuẩn bị việc này.

Ngày đầu, ông không nói gì cả mà chỉ dọn dẫm đường đất. Ngày hôm sau một cuộc hội thảo mở ra tại phòng họp của Đảng.

Phòng này rộng lớn, trống trải và hỗn độn, như tất cả những văn phòng Đảng ở các nơi khác trên thế giới. Việc đó một phần do sự nghèo khổ, nhưng nứt là do một truyền thống kham khổ ứ đọng. Các vách tường được trang trí bằng những bích chương tranh cử, cũ kỹ, những biểu ngữ chánh trị và thông tri đánh máy. Trong một góc phòng là chiếc máy quây rô-nêo đóng bụi. Trong một góc khác có một đồng quần áo cũ dành cho các gia đình của những người đình công; cạnh đó những chồng sách mỏng và truyền đơn vàng cháy. Chiếc bàn dài là hai tấm ván đặt song song trên hai cái giá kê. Các cửa sổ đều bôi sơn lem luốt như trong một ngôi nhà đang xây cất. Trên trần thòng xuống ngay bàn một bóng đèn điện, bên cạnh là cái bẫy ruồi bằng giấy có keo dán. Hiện diện quanh bàn gồm có chú bé Loewy với cái bấu của hắn; Paul, cự đồ vật; Bill, nhà văn và ba người khác.

Roubachof nói rất lâu. Không khí này rất quen thuộc với ông; sự xoàng xĩnh của căn phòng làm ông thoải mái. Trong không khí này, ông nhận thức được sự cần thiết và tính cách hữu ích của sứ mạng mình và ông không hiểu vì sao ông lại bức bối trong quán cà-phê ồn ào hồi hôm. Ông giải thích một cách chủ quan nhưng không phải là thiếu nhiệt thành tình trạng hiện hữu của các sự kiện, không quên gián tiếp ám chỉ mục tiêu thật tế của chuyến viếng thăm này. Cuộc tẩy chay của thế giới đối với nước xâm lăng đã thất bại vì sự giả trá và tham lam của các chánh quyền Âu châu. Nhiều chánh phủ làm ra vẻ kính trọng cuộc tẩy chay, còn nhiều chánh phủ khác lại trắng trợn vi phạm. Kẻ xâm lược cần dùng dầu xăng. Trong quá khứ, quốc gia Cách mạng đã đảm nhiệm cung cấp một phần lớn nhiên liệu

cho nước đó. Nếu bây giờ mình ngưng bán, các nước khác sẽ ủa nhau chen vô kể hờ đó: họ không đòi hỏi gì hơn là xua đuổi Quốc gia Cách mạng khỏi thị trường quốc tế. Những cử chỉ lằng mạn kiểu đó sẽ làm hại kỹ nghệ “bên kia” và luôn cả phong trào cách mạng trên toàn thế giới.

Paul và ba người thợ kia gật đầu chấp nhận. Họ suy luận chậm chạp; những gì đồng chí từ “bên kia” tới nói ra đối với họ đều xác đáng; không phải là một cuộc thuyết trình về lý thuyết, chẳng có ảnh hưởng thật tế đến họ. Họ không thấy rõ điểm chính xác mà Roubachof muốn đạt tới; không một ai trong bọn họ ngờ rằng đoàn thương thuyền đang đến gần bến họ. Chỉ có chú bé Loewy và văn sĩ trao đổi nhau một thoáng mắt. Roubachof thấy rõ thái độ họ. Ông chấm dứt với một giọng lạnh nhạt :

- Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với các anh về vấn đề nguyên tắc. Các anh phải thi hành các định quyết của Trung ương Đảng và giải thích đầu đuôi vụ này cho các đồng chí yếu kém chánh trị hơn, vì ta phải thí dụ rằng trong số đó có những người còn ngờ vực. Hiện giờ, tôi không còn gì nói nữa.

Một phút yên lặng. Roubachof gỡ kiếng ra và đốt thuốc. Chú bé Loewy nói với một giọng bình thường :

- Chúng tôi xin cảm ơn diễn giả. Có ai muốn đặt câu hỏi không?

Không ai hỏi gì cả. Một lúc sau, một trong ba người phu bốc hàng nói một cách vụng về :

- Không có gì quan trọng đáng thắc mắc. Các đồng chí bên kia biết rõ họ phải làm gì. Còn chúng tôi thì tự nhiên chúng tôi phải hoạt động cho cuộc tẩy chay. Đồng chí có thể tin cậy vào chúng tôi. Tại hải cảng của chúng tôi, không có một món gì được chuyển tới quân khốn nạn đâu.

Hai người bạn của hắn gật đầu tán thành. Paul đô vật xác nhận những lời nói đó: “Nhứt định rồi”; hắn

nói với một cái nhăn mặt gây hấn, rồi hắn lay động hai vành tai để làm mọi người cười.

Roubachof ban đầu tưởng mình ngồi trước một đám chống đối nổi loạn; lần lần ông hiểu ra rằng thật sự những người kia chưa hiểu rõ lời lẽ

ông đưa ra. Nhưng chú bé Loewy nhìn xuống và im lặng. Bỗng nhiên, văn sĩ nói một cách nóng nảy :

- Các anh không thể tìm một hải cảng khác cho những áp phe nhỏ của các anh lần này sao? Tại sao cứ chọn chúng tôi mãi?

Các phu bến nhìn hấn ngạc nhiên; họ không hiểu hấn muốn nói gì với mấy tiếng “áp phe nhỏ”; họ không hề nghĩ tới việc đoàn thương thuyền đen sấp sửa len qua sương và khói mù để cập bến của họ. Nhưng Roubachof đã chờ đợi câu hỏi như vậy :

- Chuyện đó đã được chỉ định, trên bình diện chánh trị lẫn địa lý - Ông nói - Hàng hóa sẽ được chuyển đi từ đây bằng đường bộ. Chúng tôi không có lý do gì giấu diếm hành động của chúng tôi: ta nên thận trọng tránh những xúc động, chớ để cho báo chí phản động khai thác.

Văn sĩ trao đổi một cái nhìn với Loewy. Các phu bến nhìn Roubachof, không hiểu gì cả; người ta thấy ông đang chậm chạp bươi óc tìm giải pháp cho vấn đề.

Thình lình Paul nói với một giọng thay đổi hấn và cộc lốc :

- Nhưng thật ra là chuyện gì?

Mọi người nhìn hấn. Cổ hấn đỏ lòm, và hấn lỗ mắt nhìn Roubachof. Chú bé Loewy cũng nói cộc lốc với Paul :

- Bây giờ anh mới thấy chuyện như vậy sao?

Roubachof nhìn một vòng rồi bình tĩnh bảo :

- Tôi quên không cho các anh biết chi tiết. Năm tàu hàng của ủy phủ ngoại thương sẽ tới đây sáng mai, nếu thời tiết tốt.

Ngay lúc ấy mà gần trọn một phút sau họ mới hiểu. Không ai nói lời nào. Tất cả đều nhìn Roubachof. Kế đó, Paul từ từ đứng lên, liệng chiếc mũ cát kết xuống đất rồi rời phòng họp. Hai bạn anh quay đầu đưa mắt theo dõi anh. Không ai nói gì. Chót hết, chú bé Loewy tăng hấn và nói :

- Đồng chí thuyết trình viên vừa trình bày lý do của vụ này: nếu họ không cung cấp hàng, kẻ khác sẽ cung cấp. Ai còn muốn nói nữa?

Người phu bến đã nói khi này đứng lên :

- Người ta dư biết bài hát đó rồi. Khi đình công, luôn luôn có kẻ nói: nếu ta không làm, kẻ khác sẽ làm thay ta. Ta nghe nhiều những câu như vậy

rồi. Bọn ôn hòa cũng nói như vậy.

Lại lặng im. Bên ngoài, người ta nghe Paul đóng cửa ra vào vang lên. Kế đó Roubachof nói :

- Thừa các đồng chí, quyền lợi của việc khuếch trương kỳ nghệ của ta “bên kia” phải được đặt ra trước hết. Những tình cảm đẹp không đưa ta đến đâu cả. Các đồng chí hãy nghĩ lại.

Người phu bến hát hàm một cách khiêu khích và nói :

- Nghĩ kỹ rồi. Chúng tôi nghe luận điệu đó nhiều rồi. Các ông bên đó, các ông phải nêu gương. Cả thế giới đều nhìn về các ông. Các ông nói chuyện đoàn kết, hy sinh, kỷ luật, và đồng thời các ông lại dùng hạm đội vào một công cuộc của bọn ôn hòa.

Nghe những lời ấy, chú bé Loewy thành linh ngẩng đầu lên; hăn tái mặt; hăn đưa ống điếu chào Roubachof và nói nhỏ rất mau :

- Những lời của đồng chí vừa nói cũng là ý kiến của tôi. Có ai còn nói gì nữa không? Phiên họp bế mạc.

Roubachof chống nạng đi ra. Những biến chuyển tiếp theo đã đã quy định và không thể tránh được. Trong khi đoàn tàu nhỏ cũ kỹ vào bến, Roubachof trao đổi vài công điện với giới chức thẩm quyền bên kia. Ba ngày sau, các lãnh tụ của khu bộ phu bến bị khai trừ khỏi Đảng, chú bé Loewy bị tố cáo là chuyên viên khích động trong cơ quan chánh thức của Đảng. Ba hôm sau, chú bé Loewy thắt cổ chết.

13.

Đêm càng tệ hại hơn nữa. Roubachof không thể ngủ trước bình minh. Những cơn run rẩy đến với ông từng chập đều đều: chiếc răng làm ông nhức nhối. Ông có cảm giác tất cả các trung tâm phối hợp trong óc ông đều đau đớn và sưng vù; hơn nữa ông còn bị kết tội phải gọi lại một cách khổ sở những hình ảnh và giọng điệu. Ông nghĩ tới Richard với bộ lễ phục đen ngày chủ nhật và cặp mắt đỏ au: “Nhưng anh không thể đưa tôi vô lò thịt, đồng chí...” Ông nghĩ tới chú bé có bướu Loewy: “Có ai muốn nói nữa?” Có biết bao nhiêu người muốn nói. Vì phong trào không cần phải tế nhị: nó lặn đến mục đích với sự vô tâm và đặt thân của những kẻ chết đuối dài theo các khúc quanh của giòng nước. Đáy của nó có nhiều xoáy và nhiều khúc quanh; đó là luật của bản thể nó. Và kẻ nào không thể theo được giòng khúc khuỷu của nó là bị quăng lên bờ ngay; đó cũng là luật của nó. Các nguyên động lực của mỗi cá nhân không làm nó bận tâm. Lương tâm cá nhân cũng chẳng dính dáng đến Đảng vì Đảng chỉ lưu tâm đến những gì diễn ra trong đầu và trong lòng cá nhân đó thôi. Đảng chỉ biết có một tội: đi ra ngoài con đường đã vạch sẵn; một hình phạt duy nhất: chết. Cái chết không phải là sự bí mật trong phong trào; cái chết không có gì là cao cả; đó là giải pháp hợp lý cho những vụ khác biệt chánh kiến.

Roubachof kiệt lực, chỉ ngủ được trên giường trong những giờ đầu của buổi sáng. Điệu kèn tuyên bố bình minh của một ngày mới đánh thức ông; một lúc sau, viên ngục tốt già và hai người đồng phục đến tìm ông để đưa ông đi khám bệnh.

Roubachof mong được đọc tên trên mảnh giấy cứng dán trước cửa phòng của người sút môi và số 402, nhưng họ đưa ông sang hướng khác. Xà lim bên mặt ông không người ở. Đó là một trong những phòng giam cuối cùng ở đầu hành lang này; cánh giam những tù nhân bí mật được đóng

bằng một cửa bê-tông cốt sắt nặng nề, mà viên ngục tốt già mở một cách mệt nhọc. Họ đi xuyên qua một hành lang dài, Roubachof đi trước với ngục tốt già, hai người đồng phục đoạn hậu. Nơi đây, nhiều tên người được ghi trên mảnh giấy của mỗi xà lim; và từ mỗi phòng bay ra những tiếng chuyện trò, tiếng cười và cả tiếng hát; họ đang đi trong khu thường tội. Họ đi qua cánh cửa mở của người thợ hớt tóc, một tù nhân có bộ mặt của một tù khổ sai lâu năm, giống như mỗ chim đang được cạo râu, và thợ đang hớt tóc hai nông dân; cả ba nhìn một cách hiếu kỳ Roubachof và đoàn hộ vệ ông đi qua. Họ tới một cánh cửa có vẽ dấu hiệu hồng thập tự. Ngục tốt kính cẩn gõ rồi cùng vào với Roubachof; hai người đồng phục chờ đến ngoài.

Phòng y tế nhỏ hẹp, có mùi mốc, mùi phénol và thuốc lá. Một cái thùng và hai cái chậu đều đầy gòn và băng dơ tận miệng. Viên bác sĩ ngồi ở bàn, quay lưng lại, đang đọc báo vừa nhai một miếng bánh thoa thịt mỡ.

Tờ báo đặt trên một đồng dụng cụ, kèm và ống chích. Khi ngục tốt khép cửa lại, viên bác sĩ chăm rãi quay người. Ông sói đầu và có một cái sọ mang những chùm tóc bạc, làm Roubachof nghĩ đến con đà điểu.

- Ông nói ông nhức răng. - Viên ngục tốt già nói.

- Nhức răng hả? - Bác sĩ hỏi, vừa nhìn Roubachof mà không cần thấy ông - Mở miệng ra, mau lên.

Roubachof nhìn ông xuyên qua cặp kiếng kẹp mũi.

- Tôi hân hạnh lưu ý ông, - Roubachof bình tĩnh nói - tôi là chánh trị phạm và tôi có quyền được đối xử đàng hoàng.

Bác sĩ quay sang ngục tốt :

- Y là thứ người gì vậy?

Lão già nói tên Roubachof. Ông nhận thấy hai con mắt châu quẩu của chim đà điểu đè nặng lên ông một giây. Rồi viên bác sĩ bảo :

- Ông bị sưng má. Mở miệng ra.

Vào lúc có, cái răng của Roubachof không làm ông đau nhức nữa. Ông há miệng.

- Ông không có cái răng nào cả ở hàm trên bên trái. - Bác sĩ nói, vừa đưa ngón tay vào miệng Roubachof.

Bỗng Roubachof tái mặt phải tựa vào tường.

- Nó đây! - Viên bác sĩ bảo - Chưng răng chó bên mặt bị gãy và còn dính trong hàm.

Roubachof phải thở thật sâu mấy lượt. Sự đau nhức chạy dài từ hàm đến mắt và lan đến ót. Ông nhận thấy từng chập đều đều mỗi cái bôm của máu trong đầu. Bác sĩ ngồi xuống trở lại và mở tờ báo.

- Nếu ông bằng lòng thì tôi nhổ cái chưng đó - Ông nói, rồi cắn vào chiếc bánh - Tôi không có thuốc tê ở đây. Cuộc giải phẫu có thể kéo dài nửa giờ hoặc cả giờ.

Roubachof nghe tiếng nói của bác sĩ như xuyên qua một đám sương mù. Ông dựa vào tường và thở thật sâu.

- Cám ơn ông - Roubachof nói - Thôi để khi khác.

Ông nghĩ tới người sút môi và trò “tắm hơi” mà hẳn phải chịu đựng, và cử động kỳ dị của ông hôm qua khi ông châm tàn thuốc vào mu bàn tay. “Sự việc càng thêm tệ”, ông tự nói.

Về tới xà-lim, ông nằm vật xuống giường và ngủ ngay.

Buổi trưa, khi phát xúp, họ không quên ông nữa; từ đó, ông nhận đều đều phần ăn của mình. Nhưng cơn nhức răng cũng bớt và ở mức độ chịu đựng được. Roubachof mong rằng mụt mủ quanh chưng răng tự nó đã bể rồi.

Ba ngày sau ông được đưa đi thăm vấn lần đầu tiên.

14.

Lúc đó là mười một giờ sáng khi họ tới tìm ông.

Nhìn vẻ nghiêm trọng của ngục tốt, Roubachof đoán biết ngay họ đi đâu. Ông theo ngục tốt với một sự sáng suốt uể oải, ảnh hưởng của một sự từ bi bất ngờ nào đó mà ông thường gặp trong những giờ phút nguy hiểm.

Họ đi trên con đường cũ mà cách đây ba hôm họ đã đến bác sĩ. Cánh cửa xi-măng mở ra rồi đóng lại vang động; điều lạ lùng, Roubachof nghĩ, sao mình, lại thích nghi mau lẹ với một nơi hung dữ như vậy; ông có cảm giác thở không khí của hành lang này từ bao năm rồi, như cái không khí độc hại của tất cả các khám đường mà ông đã biết qua đều được chất chứa nơi này.

Họ đi qua cửa người thợ hút tóc và cánh cửa đóng kín của bác sĩ, nơi đây có ba tù nhân chờ đợi dưới sự canh gác của một ngục tốt ngủ gà ngủ gật.

Sau cánh cửa này, Roubachof phát giác những vùng xa lạ. Ông đi gần một cầu thang khu ốc đưa xuống dưới sâu. Có gì ở dưới đó? Những nhà kho? Những xà-lim kỷ luật? Với kinh nghiệm của một chuyên viên, Roubachof cố suy đoán. Cái dáng của cầu thang này không có vẻ gì tốt lành.

Họ đi qua một cái sân hẹp và không cửa sổ; đó là một cái hầm giữa các khu nhà, nhưng nhìn lên còn thấy một mảnh trời. Phía bên kia sân này các hành lang có vẻ tươi sáng hơn; các cánh cửa không còn bằng xi-măng nữa, mà bằng cây có sơn với những tay nắm bằng đồng; những viên chức bận rộn đi ngược chiều với họ; sau một cánh cửa, người ta nghe tiếng ra-điô; sau cánh cửa khác, có tiếng máy đánh chữ. Họ đang ở trong các văn phòng hành chánh.

Họ ngừng trước một cánh cửa chốt, ở cuối hành lang; ngực tốt gõ cửa. Ở trong, có người đang điện đàm; một giọng bình tĩnh nói to: “Chờ một chút”, và tiếp tục trả lời một cách kiên nhẫn “Phải” và “Đúng rồi” trong ống nói. Giọng nói có vẻ quen lắm với Roubachof, nhưng ông không nhận ra của ai. Đó là một giọng đàn ông dễ nghe, có hơi khàn khàn; ông chắc chắn đã nghe giọng nói đó ở đâu rồi. “Vào đi”, giọng ấy bảo; ngực tốt mở cửa rồi khép ngay lại sau khi Roubachof bước vào. Roubachof thấy một cái bàn; một bạn cũ ở trường đại học cũng là vị cựu đại đội trưởng của ông, Ivanof, ngồi sau chiếc bàn đó; ông nhìn Roubachof mỉm cười rồi trả ống nghe vào chỗ cũ.

- Ta lại gặp nhau trở lại. - Ivanof nói.

Roubachof đứng gần cửa.

- Thật là một ngạc nhiên thích thú. - Ông lạt lẽo trả lời.

- Anh ngồi đi! - Ivanof nói một cử chỉ lễ phép. Ông đứng lên, cao hơn Roubachof nửa cái đầu. Ông nhìn Roubachof mỉm cười. Cả hai ngồi xuống - Ivanof sau học tử, Roubachof phía trước. Họ nhìn nhau một lúc cho thỏa hiếu kỳ. Có một ít trêu mếu trong nụ cười của Ivanof. Roubachof ở vào thế chờ đợi thận trọng. Ông nhìn xuống phía dưới bàn, hướng về chân phải Ivanof.

-Ồ! Tốt lắm - Ivanof nói - Chân giả, có những khớp tự động, bằng thép cởrômê không sét; tôi lộ, cỡi ngựa, lái xe và khiêu vũ. Hút một điếu thuốc ngen?

Ông đưa sang Roubachof một bao đựng thuốc bằng cây.

Roubachof nhìn những điếu thuốc và nghĩ đến chuyến thăm viếng đầu tiên của ông tại bệnh viện quân sự sau khi chữa chân Ivanof. Ivanof đã yêu cầu ông tìm giúp cho loại thuốc cực độc vêrônol, và trong cuộc tranh luận kéo dài suốt buổi chiều, ông ta đã cố gắng chứng minh với Roubachof rằng ai cũng có quyền tự sát. Chót hết, Roubachof yêu cầu cho mình thời gian suy nghĩ; và tối đó thì ông phải dời đi một vùng khác của mặt trận. Nhiều năm trôi qua trước khi ông gặp lại Ivanof. Ông nhìn những điếu thuốc trong hộp cây, được vắn bằng tay với thuốc lá Mỹ màu vàng và xoắn.

- Những lời hỏi thăm thường lệ còn không hay là sự khai hấn đã mở ra rồi? - Roubachof hỏi - Nếu giả thuyết thứ hai đúng thì tôi không tham dự đâu. Anh biết nghi thức?

- Anh làm bộ đần, Ivanof.

- Vậy thì tốt, chúng ta hãy làm bộ đần. - Roubachof nói. Ông đốt một điếu thuốc của Ivanof, hít một hơi dài, cổ không ra vẻ thích khoái.

- Còn bệnh tê thấp ở hai vai anh ra sao!

- Tốt lắm, cảm ơn - Ivanof nói - Còn vết phỏng của anh thì sao?

Ông mỉm cười rồi thản nhiên đưa ngón tay chỉ vào bàn tay trái của Roubachof. Trên mu bàn tay, giữa những lằn gân xanh, nơi mà ba ngày trước đây ông đã châm tàn thuốc, một mụn trong bóng cõ bằng đồng xu nổi lên. Trong một phút, cả hai nhìn bàn tay Roubachof đặt trên đầu gối. “Sao hấn biết? - Roubachof tự hỏi - Hấn cho người dọ dẫm mình”. Ông cảm thấy thẹn hơn là giận; ông hít một hơi chót rồi liệng điếu thuốc.

- Về phần tôi, thì những lời hỏi thăm thường lệ đã chấm dứt. - Ông nói.

Ivanof thổi những vòng khói tròn và quan sát Roubachof, vẫn với nụ cười mỉa mai một cách thân ái :

- Đừng kiểm chuyện.

- Nếu tôi không lầm, - Roubachof đáp - chính các người kiểm chuyện với tôi mà. Ai trong hai chúng mình đã bắt người kia? Anh hay tôi?

- Chính chúng tôi đã bắt anh. - Ivanof nói.

Ông dập điếu thuốc, đốt điếu khác và đưa hộp thuốc sang Roubachof, nhưng ông này không nhúc nhích.

- Quý bắt anh! - Ivanof nói - Anh nhớ vụ vêrônai?

Ông nghiêng mình tới thổi khói thuốc vào mặt Roubachof.

- Tôi không muốn người ta bắn anh. - Ông nói chậm chậm. Ông ngã ngửa trên ghế bành - Quý bắt anh! - Ông lặp lại với một nụ cười.

- Anh tử tế với tôi lắm - Roubachof nói - Mà tại sao các người có ý định bắn tôi chớ?

Ivanof để vài giây trôi qua. Ông hút thuốc và vẽ trên giấy chậm với cây viết chì. Hình như ông tìm chữ.

- Nghe đây, Roubachof. Có một điều tôi muốn lưu ý anh. Tự này giờ nhiều lần anh nói “các người” - để chỉ Nhà nước và Đảng, đối chọi lại tiếng “Tôi” - tức là Nicolas Salmanovitch Roubachof. Đối với công chúng, lẽ tất nhiên phải có một vụ án và một sự chứng minh hợp pháp. Từ cá nhân tôi đến cá nhân anh, những gì tôi vừa nói với anh là đầy đủ lắm rồi.

Roubachof suy gẫm lời nói của Ivanof; ông sững sờ. Trong một lúc, làm như Ivanof đã đánh đúng âm giai mà trí óc ông đáp ứng tức tốc. Tất cả những gì ông tin tưởng và thuyết cho kẻ khác cũng tin tưởng như vậy, tất cả những gì mà cho những cái đó ông đã đấu tranh từ bốn mươi năm nay đang xâm chiếm tâm trí ông như một lượn thủy triều không thể cưỡng lại được. Cá nhân không là gì cả, Đảng mới là tất cả; cành cây tách khỏi cây mẹ sẽ phải khô... Roubachof chùi kiếng vào áo. Ivanof, tựa vào lưng ghế, hút thuốc và không cười nữa. Bỗng mắt Roubachof chú ý đến một hình vuông sáng hơn phần còn lại của giấy hoa dán tường. Ông biết ngay bức ảnh có những gương mặt nhiều râu và những cái tên có đánh số trước kia máng ở đó. Ivanof nhìn theo mắt bạn nhưng không thay đổi sắc mặt.

- Lý lẽ của anh đã hơi quá thời rồi - Roubachof nói - Điều anh lưu ý tôi rất đúng, chúng ta đã quen dùng số nhiều “chúng ta” và cố gắng tránh ngôi thứ nhất của số ít. Tôi lại mất đi thói quen của cách nói chuyện đó; anh còn giữ nó. Nhưng ai là “chúng ta” mà anh nhân danh để nói chuyện ngày nay? Cần phải định nghĩa rõ ràng tiếng đó.

- Tôi đồng ý với anh - Ivanof nói - Tôi rất vui mừng thấy mình đi rất mau tới trung tâm điểm của vấn đề. Nói cách khác: anh nhìn nhận rằng tiếng “chúng ta” - nghĩa là Đảng, Nhà nước và quần chúng đứng sau lưng - chỉ đại diện cho quyền lợi của cách mạng.

- Tôi không đề cập tới quần chúng trong vụ này. - Roubachof nói.

- Từ bao giờ anh có thái độ khinh khi giới bình dân như vậy? - Ivanof hỏi - Phải chăng điều đó cũng có liên hệ ít nhiều đến sự thay đổi văn phạm nghiêng về ngôi thứ nhất của số ít?

Ông ngả người tới trước với một dáng điệu đùa cợt hảo ý. Hiện thời, đầu ông đã che khuất vết sáng của tường; và bỗng nhiên cái màn tại bảo tàng viện đến trong óc của Roubachof; đầu của Richard ở giữa ông và hai

tay chấp lại trong tranh Pietà. Ngay lúc đó, một cái đau nhói xuyên qua hàm, trán và tay. Trong một giây, ông nhắm mắt lại.

“Bây giờ, tôi trả”, ông nghĩ. Ngay sau đó, ông không nhớ gì nữa nếu ông đã chẳng nói to lên.

- Anh muốn nói gì? - Giọng Ivanof hỏi: Hình như giọng đó ở sát bên tai ông, bồn chột và hơi ngạc nhiên.

Sự đau đớn đi qua; sự yên lặng và bình an đến trong tâm trí ông.

- Đừng xen quần chúng vào - Ông lặp lại - Các người chẳng biết gì về họ. Có lẽ cả tôi cũng vậy. Xưa kia, khi hãy còn tiếng “chúng ta” lớn, chúng ta hiểu rõ quần chúng hơn ai cả. Chúng ta đã đi vào chiều sâu của họ, chúng ta hoạt động trên chính chất liệu của lịch sử...

Ông rút một điều thuốc trong cái bao để mở trên bàn của Ivanof mà không nhận thức được cử động của mình. Ivaaof chồm tới đốt cho ông.

- Vào thời đó, - Roubachof tiếp - người ta gọi chúng ta là Đảng của Bình dân. Những kẻ khác, họ biết gì về lịch sử? Những cái nhãn mảy thoáng qua, những cơn xoáy nhỏ, và những lượn sóng tràn bờ. Họ ngạc nhiên về những hình thức đổi thay trên mặt mà chẳng biết giải thích. Nhưng chúng ta đã lặn xuống dưới sâu, trong những khối không hình thức như định, những khối không tên mà ở thời nào cũng hợp thành chất liệu của lịch sử; và chúng ta là những người đầu tiên đã tìm ra các quy luật chi phối những vận chuyển đó - những quy luật về sự bất động của nó, về những chuyển biến chậm chạp trong cách cấu tạo phân tử và quy luật về những đợt phún xuất bất ngờ. Đó là sự vĩ đại của học thuyết chúng ta. Đám Jacobins là những nhà luân lý học; chúng ta là những nhà kinh nghiệm học. Chúng ta đã đào trong lớp bùn sơ khai của lịch sử và tìm ra được những quy luật của nó. Chúng ta biết rõ nhân loại hơn bất cứ kẻ nào khác; vì vậy mà cuộc cách mạng của chúng ta thành công. Bây giờ, các người đã chôn tất cả trở lại đất đen...

Ivanof, ngồi sâu vào ghế bành, chân vươn dài ra, vừa nghe vừa vẽ trên giấy chậm.

- Tiếp đi - Ông nói - Tôi hiếu kỳ muốn biết anh muốn đi tới đâu.

Roubachof hít thuốc lá một cách sáng khoái. Chất nicotine làm ông hơi cháng váng sau một thời gian vắng thuốc.

- Như anh thấy, tôi nói khá đủ để người ta chặt đầu tôi. - Ông nói với một nụ cười, vừa nhìn vào khoảng vuông sáng trên tường, nơi mà trước kia đã treo bức hình đoàn lão vệ binh. Lần này, Ivanof không theo dõi ánh mắt ông nữa - Nhưng được - Roubachof nói - Thêm hay bớt một người có nghĩa gì? Tất cả đều bị chôn vùi, con người, sự khôn ngoan và những mơ ước của họ. Các người đã tiêu diệt nó. Các người thật sự cho rằng quần chúng đứng sau lưng các người à? Những tên soán nghịch khác ở Âu châu cũng quá quyết như vậy với sự chứng minh như các người.

Ông lấy một điếu thuốc nữa và tự đốt lấy vì Ivanof ngồi bất động :

- Xin lỗi về sự tự mãn của tôi, - Roubachof tiếp - nhưng thật sự anh có tin rằng dân luôn luôn ở sau lưng các người không? Họ chịu đựng các người, câm nín và nhẫn nại, như họ đã chịu đựng những kẻ khác ở những nước khác, nhưng họ không phản ứng nữa trong các tầng lớp của họ. Quần chúng đã trở lại điếc và câm, họ lại trở thành khối vô danh im lặng của lịch sử, đứng đưng như biển cả đối với thuyền bè mang trên mặt. Tất cả ánh sáng đi qua đều được phản chiếu trên mặt, nhưng dưới sâu là bóng tối và yên lặng. Từ lâu rồi, chúng ta đã xốc lên những chiều sâu, nhưng việc đó đã dứt rồi. Nói cách khác - Ông ngừng lại và đặt kiếng lên sống mũi - hồi thời ấy, chúng ta đã làm lịch sử; giờ đây, các người làm chánh trị. Đó là tất cả sự khác biệt.

Ivanof ngồi sâu vào ghế bành và phun những vòng khói :

- Rất tiếc, nhưng sự khác biệt không được rõ ràng trước mắt tôi. Có lẽ anh nên vui lòng giải thích thêm.

- Đúng rồi - Roubachof nói - Một nhà toán học có lần nói rằng đại số là khoa học của những kẻ lừa dối - Người ta không tìm biết xem X đại diện cho cái gì, mà lại giải toán với ẩn số đó như đã biết rõ giá trị của nó. Trong trường hợp của chúng ta, X đại diện cho những khối người vô danh tức là nhân dân. Làm chánh trị, tức là giải toán với ẩn số X mà không cần biết tính chất thật sự của nó. Làm lịch sử, tức là nhìn nhận ẩn số X với cái giá trị thật sự của nó trong phương trình.

- Hay, - Ivanof nói - nhưng có hơi trừu tượng. Để trở lại những sự việc cụ thể hơn: vì những lẽ đó, anh muốn nói rằng “chúng ta” - nghĩa là Đảng và Nhà nước - không còn đại diện các quyền lợi của Cách mạng, của quần chúng, hoặc theo ý anh, không đại diện được cho sự tiến hóa của nhân loại được nữa.

- Lần này anh đã hiểu. - Roubachof cười nói.

Ivanof không đáp lại nụ cười của ông.

- Anh có quan niệm đó từ bao giờ.

- Tuần tự: trong những năm sau này. - Roubachof nói.

- Anh có thể nói rõ hơn không? Một năm? Hai? Ba năm?

- Đó là một câu hỏi dẫn độn - Roubachof nói - Anh thành niên hồi mấy tuổi? Mười bảy? Mười tám tuổi rưỡi? Mười chín tuổi?

- Chính anh giả bộ dẫn độn - Ivanof nói - Mỗi giai đoạn mở mang trí thức của ta là kết quả của những biến cố nhứt định. Nếu thiệt sự anh anh muốn biết: tôi thành niên hồi mười bảy tuổi, lần đầu tiên tôi bị đày.

- Thời đó, anh là một con người khá đàng hoàng - Roubachof nói - Mà thôi, đừng nghĩ tới vụ đó nữa.

Ông liếc nhìn khoảng trống sáng trên tường và liệng tàn thuốc.

- Tôi lặp lại câu hỏi - Vừa nói, Ivanof hơi ngả người tới trước - Anh thuộc tổ chức đối lập từ bao giờ?

Điện thoại reo. Ivanof giở ống nghe, nói: “Tôi bận việc”. Và gác máy. Ông lùi trở lại trên ghế bành, đưa thẳng chân, chờ đợi câu trả lời của Roubachof.

- Anh biết rõ cũng như tôi, rằng chưa bao giờ tôi tham dự một khối đối lập có tổ chức nào cả.

- Cũng được - Ivanof nói - Anh buộc tôi phải làm cái công việc khổ sở của người cạo giấy.

Ông rút trong hộp tủ ra một tập hồ sơ.

- Ta khởi sự từ năm 1933 - Vừa nói, ông vừa mở những giấy tờ ra trước mặt - Khởi đầu nền độc tài tiêu diệt Đảng trong quốc gia mà sự chiến thắng của ta rõ rệt đến rất gần. Anh được gởi đến đó một cách bất hợp pháp với nhiệm vụ thanh trừng và tổ chức lại các cấp cán bộ...

Roubachof dựa lưng vào ghế nghe tiểu sử mình, ông nghĩ tới Richard, vào lúc hoàng hôn trên thông lộ trước bảo tàng viện, nơi đó ông đã gọi tắc xi.

- ... Ba tháng sau: anh bị bắt. Hai năm tù. Tán hạnh gương mẫu, họ không tìm được bằng chứng nào về anh. Anh được phóng thích và hồi hương vinh quang...

Ivaaof ngừng lại, liếc nhìn bạn và tiếp :

- Người ta tổ chức các lễ mừng anh trở về. Chúng ta không gặp nhau, có lẽ anh quá bận... Nhưng không vì vậy mà tôi phiền anh. Dầu sao, không ai mong anh đi viếng thăm bạn cũ. Nhưng tôi thấy anh trong hai buổi họp trên diễn đàn. Anh còn chống nạng và có vẻ mệt đừ. Đáng lý anh phải vào một viện bài lao nào đó dưỡng sức vài tháng, rồi giữ một ghế trong chánh phủ - sau bốn năm công cán ở ngoại quốc. Nhưng trong vòng mười lăm ngày, anh lại xin một sứ mạng mới ở hải ngoại...

Thình lình, ông chồm tới sát mặt Roubachof :

- Tại sao? - Và lần đầu tiên giọng Ivanof chua chát - Tôi cho rằng anh không thấy thoải mái nơi đây phải không? Trong khi anh vắng mặt, có những thay đổi trong nước mà anh không tán thành.

Ông chờ Roubachof nói một điều gì; nhưng Roubachof ngồi yên trên ghế và chùi kiếng vào tay áo, không trả lời.

- Ít lâu sau, bọn đối lập đầu tiên bị nhìn nhận là phạm tội rồi bị thanh toán. Có nhiều bạn thân của anh trong số đó. Khi được biết phe đối lập mục nát đến mức độ nào, thì sự phẫn nộ trong nước nổ bùng. Anh không nói gì cả. Mười lăm ngày sau, anh đi ngoại quốc, dầu anh vẫn còn phải chống nạng...

Roubachof tưởng như uế khí ở các bến tàu trong hải cảng nhỏ bé, gồm mùi rong biển mục thúi pha lẫn với mùi dầu hỏa đang quanh quẩn trước mũi ông; Paul đô vật lay động hai vành tai; chú bé Loevvy chào với cái ống điếu... Chú ấy đã tự treo cổ vào cây đà của gian phòng sát nóc nhà. Cái nhà cũ kỹ rung động mỗi khi một chiếc xe cam nhông chạy ngang qua; sáng ngày tìm thấy chú bé Loewy, người ta nói với ông rằng thân của hắn quay chậm chậm dưới sợi dây, đến nỗi mới đầu họ tưởng hắn còn động đậy.

- “Sứ mạng anh thành công vẻ vang, anh được cử làm Trưởng phái bộ thương mại ở B... Lần này, anh cũng làm tròn nhiệm vụ một cách hoàn toàn. Hiệp ước thương mại với nước B... là một thành công cụ thể. Bên ngoài, hạnh kiểm của anh luôn luôn gương mẫu và không chê trách vào đâu được. Nhưng sáu tháng sau khi anh giữ chức vụ đó, thì hai cộng sự viên thân cận nhất của anh trong đó có nữ bí thư của anh là cô Arlova, bị triệu hồi, tình nghi âm mưu hoạt động cho phe đối lập. Cuộc điều tra xác nhận những sự hoài nghi đó. Người ta chờ đợi anh công khai phủ nhận hành động của họ. Anh vẫn giữ yên lặng.

Sáu tháng sau nữa, chính anh bị triệu hồi. Vụ án đối lập thứ hai đang xúc tiến. Trong vụ án đó, tên anh được nhắc nhở nhiều lần; cô Arlova mong chờ ở anh để được giải tội. Trong những trường hợp như vậy, im lặng đồng nghĩa với thú tội. Anh biết vậy mà vẫn từ chối đưa ra lời tuyên bố công khai trước khi Đảng gửi tối hậu thư cho anh. Chỉ đến lúc cái đầu của anh bị hăm dọa, anh mới chịu chiều ý Đảng đưa ra một tuyên ngôn trung thành, do đó Arlova bị kết án ngay. Anh biết chuyện gì đã xảy ra cho cô ấy...”

Roubachof nín lặng; ông nhận thấy cái răng của ông nhức trở lại. Ông biết rõ chuyện gì đã xảy ra cho Arlova. Chuyện gì ra cho Richard, cho chú bé Loewy và cho chính ông sau này nữa. Ông nhìn lên cái khuôn sáng trên tường, dấu vết duy nhất còn lại của những người mà đầu được đánh số. Một lần nọ, Lịch sử đã chọn một con đường ít ra cũng đã hứa hẹn với nhân loại một hình thức của đời sống xứng đáng hơn; giờ đây là hết rồi. Như vậy, cần gì những lời lẽ, những nghi lễ như thế nữa? Cô Arlova cao lớn hiện ở một nơi nào đó trong không gian trống rỗng, ngăm nhìn bằng đôi mắt bò cái tư đồng chí Roubachof, đã là thần tượng của cô và cũng đã đưa cô đến cõi chết. Chiếc răng của ông càng lúc càng đau thêm.

- Anh có muốn tôi đọc bản tuyên bố công khai của anh lúc đó không?

- Ivanof hỏi.

- Không, cảm ơn. - Roubachof nói và nhận thấy giọng ông khàn khàn.

- Anh nhớ bản tuyên bố của anh - mà người ta có thể xem như lời thú tội - chấm dứt bằng những lời kết án quyết liệt phe đối lập, và xác nhận sự

ủng hộ vô điều kiện của anh đối với chính sách của Đảng cũng như đối với cá nhân của Người số I.

- Đủ rồi - Roubachof nói với giọng giận run - Anh biết cái loại tuyên bố như vậy được làm cách nào rồi. Nếu anh không biết là cái may cho anh. Vì Thượng đế, yêu cầu anh chấm dứt hài kịch này đi.

- Chúng ta chấm dứt - Ivanof nói - Chúng ta ở vào thời gian hai năm trở lại đây. Trong hai năm đó, anh đã đảm nhiệm chức vụ Trưởng cơ sở sản xuất Nhôm. Một năm trước đây, vào dịp vụ án đối lập thứ ba, những bị cáo quan trọng đã kể tên anh nhiều lần trong những thời điểm tương đối mơ hồ. Sự kiện đó không phát giác được điều gì đích thực, nhưng sự nghi ngờ lan rộng trong Đảng. Anh lại đưa ra một tuyên cáo mới trong đó một lần nữa anh tuyên bố trung thành với chính sách của ban Lãnh đạo tối cao, và anh kết án bằng những lời lẽ rõ ràng hơn tội trạng của phe đối lập... Chuyện đó cách đây sáu tháng. Và bây giờ, anh nhìn nhận rằng, từ nhiều năm nay, anh cho rằng chính sách của Trung ương sai lầm và nguy hại...

Ông ngưng một chút rồi ngồi lại trong ghế bành cho thật thoải mái.

- Những lời tuyên bố trung thành đầu tiên của anh chỉ là những chiến lược để đi đến một mục đích nào đó. Tôi yêu cầu anh lưu ý rằng tôi không giảng luân lý với anh. Cả hai chúng ta đã được đào tạo trong một truyền thống chung, và về các vấn đề này, chúng ta có những quan niệm giống nhau. Anh đã tin tưởng rằng chúng tôi sai lầm và anh mới đúng. Nếu lúc đó anh nói huých toẹt như vậy là bị khai trừ khỏi Đảng, anh không thể tiếp tục hoạt động cho sự thành công của những tư tưởng của anh. Anh phải hy sinh bớt những gì chương ngại để có thể theo đuổi một chính sách mà anh cho rằng chỉ có chính sách đó mới hay đẹp mà thôi. Ở địa vị anh, có lẽ tôi cũng phải hành động như vậy. Cho đến nay, mọi việc đều xuôi thuận.

- Rồi sao nữa? - Roubachof hỏi.

Ivanof tìm lại được nụ cười khả ái :

- Đây là điều tôi chưa hiểu. Hôm nay anh nhìn nhận công khai đã tin tưởng trong nhiều năm qua rằng chúng tôi đã làm hư cuộc Cách mạng; và đồng thời, anh chối không hề âm mưu chống chúng tôi. Có phải quả thật

anh tưởng tượng chúng tôi sẽ tin anh chỉ đứng đờng nhìn chúng tôi trong khi anh tin chắc rằng chúng tôi đưa quốc gia và Đảng đến chỗ diệt vong?

Roubachof nhún vai :

- Có thể tôi đã quá già, đã hết đường rồi.... Nhưng anh tin sao cũng được.

Ivanof đốt một điếu thuốc. Giọng ông dịu dàng và thăm thía :

- Anh nên nói thật với tôi, có phải anh đã hy sinh Arlova và phủ nhận những người ấy - Ông hất hàm chỉ về hướng vệt sáng trên tường - chỉ để bảo vệ tánh mạng anh thôi phải không?

Roubachof nín thình. Một thời gian khá lâu trôi qua. Đầu của Ivanof càng tiến sát đầu Roubachof :

- Tôi không hiểu anh. Cách đây nửa giờ, anh làm một bài diễn văn đầy giọng điệu đả kích dữ dội chánh sách của chúng tôi; một vài lý lẽ trong đó đủ cho anh mất mạng. Thế mà bây giờ anh lại chối một suy diễn hợp lý, giản dị vô cùng, là anh có tham gia một nhóm đối lập, vì về điều này, chúng tôi lại có bằng chứng thật phong phú.

- Vậy à! - Roubachof nói - Nếu các người có nhiều bằng chứng như vậy thì cần gì những lời tự thú của tôi? Mà bằng chứng về cái gì?

- Trong số đó, - Ivanof chậm rãi nói - có những bằng chứng về một mưu toan sát hại Người số I.

Yên lặng. Roubachof mang kiếng trở lại.

- Tôi phiên tôi hỏi một câu - Ông nói - Thật tình anh tin một câu chuyện ngu xuẩn như vậy, hay anh giả bộ tin?

Ánh mắt Ivanof lóe ra một nụ cười gần như dịu dàng.

- Tôi đã nói với anh. Chúng tôi có nhiều bằng chứng. Rõ ràng hơn: những lời thú nhận. Rõ ràng hơn nữa: những lời thú nhận của kẻ do anh xúi dục phạm tội mưu sát đó.

- Hoan nghinh - Roubachof nói - Nó tên gì?

Ivanof vẫn mỉm cười :

- Câu hỏi quá tò mò.

- Tôi có thể đọc lời tự thú đó không? Có thể nào đối chứng không?

Ivanof mỉm cười. Ông phun khói thuốc thẳng vào mặt Roubachof với dáng điệu bồn chồn thân thiết. Roubachof không thích cử chỉ ấy, nhưng không tránh.

- Anh nhớ vụ Véronal? - Ivanof chậm rãi nói - Tôi tưởng đã từng xin anh thứ độc dược đó. Bây giờ, địa vị đã đảo lộn, chính anh sắp sửa nhảy xuống vực sâu. Nhưng tôi sẽ không tìm thuốc độc giúp anh đâu. Lúc đó, anh thuyết phục tôi rằng tự tử là một thứ lãng mạn tiểu tư sản. Tôi sẽ giữ thể nào cho anh không tự tử được. Thế là chúng ta sẽ huề nhau.

Roubachof im lặng, và tự hỏi Ivanof nói láo hay thành thật. Vào lúc đó, ông cảm thấy một ý muốn lạ lùng, gần như một sự cần dùng của cơ thể, là chính những ngón tay mình sờ rẫm vệt sáng trên tường. “Ám ảnh, ông tự nhủ. Tôi đi trên những miếng gạch đen, tôi lẩm nhẩm những câu vô lý, tôi chùi kiếng mắt vào tay áo - Coi, bây giờ cũng bị ám ảnh nữa...”

- Tôi hiểu kỳ muốn biết, - Ông nói lớn lên - anh có phương pháp nào trong đầu để cứu tôi. Chớ còn cái lối anh mở cuộc thăm vấn thì hình như có mục đích trái ngược.

Nụ cười của Ivanof nở to ra một cách vui vẻ :

- Anh ngu quá! - Vừa nói, ông vừa vói tay qua bàn nắm nút áo veste của Roubachof - Tôi bắt buộc phải để anh nổi giận một lần, bằng không, anh có thể nổi giận không đúng lúc. Anh không thấy rằng tôi không có tấc ký viên sao?

Ông rút điều thuốc khỏi hộp, nhét vào miệng Roubachof, tay vẫn nắm nút áo.

- Anh hành động như một đứa trẻ. Một đứa trẻ lãng mạn. Bây giờ, ta phải tạo ra một lời tự thú nho nhỏ, và bấy nhiêu đó cũng đủ cho hôm nay.

Roubachof gỡ được tay Ivanof. Ông nhìn bạn xuyên qua cặp kiếng :

- Lời tự thú đó chứa đựng những gì?

Ivanof vẫn tươi cười :

- Trong đó sẽ viết rằng anh nhìn nhận, từ năm nào đó, có tham gia nhóm đối lập nào đó; nhưng anh quyết liệt chối rằng đã tổ chức hay chuẩn bị một cuộc ám sát; ngược lại, anh đã rút khỏi nhóm đó khi được biết những kế hoạch sát nhân và khủng bố của phe đối lập.

Lần thứ nhất từ khi mở đầu cuộc tranh luận, Roubachof mỉm cười :

- Nếu đó là mục đích của cuộc nói chuyện này, chúng ta có thể ngừng ở đây.

- Để tôi nói hết những gì tôi muốn nói với anh - Ivanof tiếp mà không biểu lộ sự nóng nảy - Tôi biết chắc là ngay bây giờ anh không chịu. Ta thử nhìn qua khía cạnh luân lý hay khía cạnh tình cảm của vấn đề. Anh không tổ giác ai trong việc thú nhận này. Tất cả bọn họ đã bị bắt rất lâu trước anh và phân nửa trong bọn họ đã bị thanh toán; anh cũng biết như vậy. Còn những kẻ khác, thì chúng tôi đã có đầy đủ lời thú nhận và tất cả những bản tự thú như chúng tôi muốn. Tôi nghĩ rằng anh hiểu và sự thành thật của tôi thuyết phục được anh.

- Nói cách khác, chính anh cũng không tin câu chuyện âm mưu chống Người số I - Roubachof nói - Vậy tại sao anh không để tôi đối chứng với cái tên X vô danh nào đó, đã đưa ra lời tự cho là thú nhận

như vậy?

- Hãy suy nghĩ một chút đi - Ivanof nói - Anh hãy đặt mình vào cương vị tôi - mà cương vị của chúng ta cũng có thể đảo ngược - và hãy tự trả lời câu hỏi của chính anh.

Roubachof suy nghĩ.

- Anh đã nhận được những chỉ thị minh bạch từ cấp trên về lẽ lối hướng dẫn vụ án của tôi phải không?

Ivanof cười.

- Nói như vậy thì có hơi sống sượng. Thật sự, người ta chưa quyết định trường hợp của anh phải sắp vào hạng A hay hạng P. Anh có biết là gì không?

Roubachof gật đầu. Ông đã biết việc ấy.

- Anh bắt đầu hiểu - Ivanof nói - A, có nghĩa là vụ án hành chánh; và P có nghĩa là vụ án công khai. Đa số các vụ án chánh trị đều được xử theo lối hành chánh - nghĩa là những vụ không có lợi gì nếu đem ra xử công khai... Nếu anh thuộc hạng A, thì anh sẽ bị truất khỏi thẩm quyền của tôi. Thủ tục tố tụng của ủy ban hành chánh là bí mật, và như anh biết, có hơi sơ sài. Không hy vọng đối chứng hoặc những trò kiểu đó. Nghĩ đến vụ...

Iranof kể ra ba bốn cái tên, và liếc nhanh về vệt sáng trên tường. Khi ông quay sang, Roubachof nhận thấy lần đầu tiên gương mặt ông lộ vẻ băn khoăn, mắt bất động như ông không lấy Roubachof làm điểm nhắm, mà điểm nhắm là một vật ở một khoảng cách sau lưng ông.

Ivanof lặp lại nho nhỏ tên của những người bạn cũ.

- Tôi biết rõ họ như anh biết - Ông tiếp - Nhưng anh phải nhìn nhận rằng chúng tôi vẫn tin tưởng những người đó và anh đại diện cho tàn cuộc của Cách mạng, con các anh thì tin tưởng ngược lại. Đó là điểm trọng yếu. Các phương pháp tiếp tục theo đường lối suy diễn hợp lý. Chúng tôi không có thì giờ để mất trong những điểm pháp lý tế nhị. Hồi thời anh, anh có làm như vậy không?

Roubachof không nói gì cả.

- Tất cả đều tùy thuộc, - Ivanof tiếp - nếu anh được sắp vào hạng P, và nếu vụ này còn trong tay tôi. Anh cũng biết những vụ đưa ra xử trước công chúng được chọn lựa trên quan điểm nào. Tôi phải chứng minh một thiện chí nào đó ở anh. Muốn vậy, tôi cần lời khai của anh với một số thú nhận. Nếu anh ra vẻ anh hùng, nếu anh cứ muốn cho người ta cảm giác rằng không ai làm gì được anh, anh sẽ bị xử quyết, tin vào những lời thú nhận của tên X. Nếu anh thú nhận từng phần, sự kiện đó giúp nền tảng cho một cuộc thẩm sát sâu rộng hơn. Trên nền tảng đó, tôi có thể đạt được một cuộc đối chứng; chúng ta sẽ bác bỏ phần nguy hại của cáo trạng và chúng ta chỉ nhận tội trong một vài giới hạn thật hạn chế. Dầu vậy, chúng ta cũng khó thoát khỏi dưới hai mươi năm tù; như vậy, trên thật tế, chỉ ở hai hoặc ba năm, rồi thì ân xá; và trong năm năm anh sẽ trở về với chúng tôi. Giờ đây, anh nên vì tôi mà suy nghĩ chính chắn trước khi trả lời cho tôi.

- Đã nghĩ tất cả rồi - Roubachof nói - Tôi bác đề nghị của anh. Đúng lý, thì anh có thể hữu lý. Nhưng tôi đã chán cái loại luận lý đó rồi. Tôi đã mệt mỏi và không muốn chơi trò đó nữa. Anh vui lòng cho dẫn tôi về xà lim.

- Cũng được - Ivanof nói - Tôi cũng chẳng trông mong anh nhận ngay. Một cuộc đàm thoại loại này thường có ảnh hưởng rất chậm. Anh có mười

lăm ngày. Anh sẽ xin gặp tôi khi nào anh suy nghĩ kỹ rồi, hoặc gọi cho tôi một tờ khai. Tôi tin anh sẽ làm một tờ khai.

Roubachof đứng lên; Ivanof cũng đứng lên; ông ta lại cao hơn Roubachof nửa cái đầu. Ông bấm một cái nút gần bàn viết. Trong khi hai người chờ ngục tốt tới tìm Roubachof, Ivanof nói :

- Cách đây vài tháng, anh có viết trong bài báo chót của anh rằng thập niên đang tới này sẽ quyết định về số phận thế giới trong kỷ nguyên của chúng ta. Chắc anh không muốn ở trong này để nhìn sự kiện đó xảy ra!

Ông mỉm cười với Roubachof. Trong hành lang nhiều tiếng bước chân tới gần; cánh cửa mở ra. Hai ngục tốt bước vào và chào. Không nói một tiếng nào Roubachof đứng vào giữa hai người; họ lên đường trở về xà lim, của ông. Không còn tiếng động nào nữa trong các hành lang; từ một vài xà lim vang ra những tiếng ngáy to, người ta tưởng như tiếng rên siết. Trong khắp ngôi nhà, ánh sáng đèn điện đưa ra một màu vàng nhạt và hài hước.

Cuộc Thâm Vãn Thứ Hai

Khi sự sống còn của mình bị hăm dọa, Giáo hội được bãi miễn tuân hành các giới luật luân lý. Sự nhất trí là mục đích thánh hóa mọi thủ đoạn, xảo trá, phản trắc, bạc lược, bán đồ thờ, giam cầm và tử hình. Bởi mọi trật tự tồn tại là vì những mục đích của cộng đồng, và cá nhân phải bị hy sinh cho quyền lợi chung.

Dietrich Von Nieheim

Giám mục thành Verden

(De Schismota Libri III, A.D. 1411)

1.

Trích trong tập Hồi Ký của N. S. Roubachof ngày thứ năm trong tù.

"...**S**ự thật tối hậu bao giờ cũng có vẻ sai lầm trong cuộc phân tách áp chót. Kẻ có lý sau cùng thường lại hình như bậy trong ý nghĩ và trong hành động của hẳn.

Nhưng ai lại có lý sau cùng? Điều đó chỉ có thể biết sau này thôi. Trong khi chờ đợi, hẳn phải hoạt động vô hiệu và bán linh hồn cho quỷ để mong Lịch sử xá tội.

Người ta đồn rằng Người số I giữ thường trực ở đầu năm quyền Ông Hoàng của Machiavel. Ông ta có lý: từ Machiavel đến nay, không ai nói điều gì thật tình quan trọng về các quy điều của đạo đức chánh trị. Chúng ta là những người đầu tiên thay thế đạo đức tự do của thế kỷ 19, đặt nền tảng trên trò chơi ngay thẳng, bằng đạo đức cách mạng của thế kỷ 40. Về việc này, chúng ta cũng có lý: một cuộc cách mạng được chỉ đạo theo các quy lệ của trò quần vợt là một sự vô lý. Chánh trị có thể tương đối ngay thẳng vào

những thời mà giòng Lịch sử chảy một cách uể oải; ở những khúc quanh nguy cấp, quy lệ duy nhất là kết quả minh chứng cho thủ đoạn. Chúng ta đã đưa vào thế kỷ này tân giáo quyết chủ nghĩa; những kẻ khác, những nền độc tài phản cách mạng đã chịu ảnh hưởng nặng nề của ta. Chúng ta là những tín đồ của tân giáo quyết chủ nghĩa nhân danh lý trí đại đồng - đó là sự vĩ đại của chúng ta; những kẻ khác cũng thế nhưng nhân danh một chủ nghĩa lãng mạn quốc gia, đó là sự lỗi thời của họ. Vì vậy, chung cuộc, Lịch sử sẽ xá tội cho chúng ta, chớ không xá tội cho họ...

Nhưng hiện giờ, chúng ta suy tư và hoạt động một cách vô hiệu. Đã liệng bỏ hết những quy ước và tinh thần của trò quần vợt, nguyên tắc chỉ đạo duy nhất của chúng ta là nguyên tắc của sự kết quả hợp lý. Chúng ta lệ thuộc một sự bó buộc ghê gớm là theo dõi tư tưởng ta đến những kết quả tối hậu, để rồi hành động cho phù hợp. Chúng ta lái một chiếc thuyền chông chênh, không dẫn nặng, do đó, mỗi cái chèo là một vấn đề sống chết.

Cách đây không lâu, B., một nhà nông học sáng chói nhất của ta đã bị bắn với ba mươi cộng sự viên của anh, bởi vì anh chủ trương rằng những hóa chất nitrates trong vấn đề phân bón, tốt hơn potasse. Người số I chọn chất potasse. Thế là phải thanh toán B. và ba mươi cộng sự viên của anh ta về tội phá hoại. Đối với một nền nông nghiệp đặt nền tảng trên sự tập trung về nhà nước, thì việc chọn lựa giữa nitrates và potasse có một tầm quan trọng rộng lớn: kết quả của cuộc chiến tranh sau này có thể tùy thuộc vào sự chọn lựa đó. Nếu Người số I có lý; lịch sử sẽ xá tội cho ông, và việc hành quyết ba mươi một người đó sẽ được xem là một chuyện nhỏ mọn. Nhưng nếu Người số I lầm...

Chỉ còn điểm này là có giá trị thôi: Tìm hiểu xem ai có lý một cách khách quan. Các nhà luân lý học của trường phái trò quần vợt sôi nổi về một vấn đề khác hẳn: Tìm hiểu xem B. có thiện ý một cách chủ quan không khi anh ta khuyên dùng chất Azote. Nếu anh có thiện ý thì bây giờ ta phải tha bổng anh và cho phép anh truyền tuyền cho chất nitrates, dầu việc đó có thể làm quốc gia suy sụp.

Chắc chắn chuyện đó là một sự vô lý hoàn toàn. Đối với chúng ta, vấn đề thiện ý chủ quan không đáng chú ý. Kẻ nào bậy phải bị tiêu diệt, kẻ nào

hữu lý sẽ được xá miễn. Đó là luật của tín dụng lịch sử; đó cũng là luật của chúng ta.

Lịch sử cho ta biết rằng thường thường những sự dối trá phục vụ lịch sử hữu hiệu hơn là sự thật; vì con người vốn biếng lười, và phải bắt họ vượt sa mạc trong bốn mươi năm, trước mỗi chặn bành trướng của họ. Và để bắt buộc họ vượt sa mạc, thì hăm dọa và hứa hẹn rất cần; con người cần những sự khủng khiếp tưởng tượng và những sự an ủi tưởng tượng, bằng không họ sẽ ngồi và ngơi nghỉ quá sớm và giải trí bằng A cách sùng bái kim tiền.

Chúng ta đã học lịch sử kỹ lưỡng hơn những kẻ khác. Chúng ta khác mọi người nhờ ở lối lý luận minh bạch của chúng ta. Chúng ta biết rằng đạo đức không có nghĩa gì trước Lịch sử, và những tội ác vẫn không bị trừng trị; nhưng mỗi sai lầm đều có hậu quả và trừng phạt đến thế hệ thứ bảy. Bởi vậy, chúng ta tập trung nỗ lực vào những biện pháp có mục đích ngăn ngừa sai lầm và suy luận để tìm kiếm sự sai lầm đó tận mằm móng. Chưa bao giờ trong Lịch sử một khả năng hành động cho tương lai nhân loại lại tập trung vào số người ít như vậy. Mỗi tư tưởng sai lầm mà ta diễn thành hành động là một trọng tội đối với những thế hệ tương lai. Do đó, chúng ta quyết trừng trị tội ác: bằng cái chết. Người ta cho chúng ta là những kẻ điên vì chúng ta theo dõi mỗi tư tưởng cho đến kết quả tối hậu rồi hành động cho thích hợp. Người ta so sánh chúng ta với Tôn giáo pháp đình thời Trung cổ, bởi vì, như những Pháp quan thời đó, chúng ta lúc nào cũng ý thức triệt để trách nhiệm của chúng ta đối với một tương lai vượt khỏi cá thể. Chúng ta giống như các Pháp quan bởi vì chúng ta tiêu trừ mằm móng tội lỗi không những trong hành động của con người mà cả trong tư tưởng của họ nữa. Chúng ta không chấp nhận sự tồn tại của bất cứ một ngành hoạt động tư nhân nào cả, dầu là trong đầu óc của một cá nhân. Chúng ta sống trong sự bắt buộc thúc đẩy sự phân tích luận lý đến cùng tột. Tư tưởng của chúng ta được “sặt” cao thế đến nỗi một sự đụng chạm nhỏ mọn cũng có thể gây ra một cuộc “chạm điện” chết người. Chúng ta bị định mạng đưa tới cảnh tàn sát lẫn nhau.

Tôi là một trong những khối óc ấy. Tôi suy tư và hành động theo đường lối đó: tôi đã tiêu diệt nhiều kẻ thương tôi, và tôi đưa quyền hành

đến cho nhiều kẻ tôi không ưa thích. Lịch sử đã đặt tôi vào địa vị mà tôi đã chiếm; tôi đã xài hết khoản tín dụng mà lịch sử đã dành cho tôi; nếu tôi có lý, tôi không phải hối hận; nếu tôi bậy, tôi sẽ trả.

Nhưng trong hiện tại làm thế nào người ta quyết định được những gì được xem là sự thật trong tương lai? Chúng ta làm công tác của các nhà tiên tri mà chẳng có thiên tư về môn ấy.

Chúng ta đã thay thế thị lực đặc biệt nhìn thấy tương lai bằng sự suy diễn hợp lý; nhưng mặc dầu tất cả đều phát khởi từ một điểm, chúng ta đã đi đến những kết quả khác biệt. Một bằng chứng này bác một bằng chứng khác và chót hết, chúng ta phải nhờ đến đức tin - một đức tin không cần chứng giải trong sự chính xác của những lối suy luận của chính chúng ta. Đó là điểm quyết định. Chúng ta đã liệng tất cả vật nặng dẫn thuyền xuống biển; chỉ một con neo giữ ta lại: đức tin ở chính mình. Hình học là sự thực hiện minh bạch nhất của lý trí nhân loại; nhưng cũng chẳng có cách nào có thể chứng minh được những định đề của Euclide. Kẻ nào không tin tưởng như vậy là thấy ngay cả tòa lâu đài sụp đổ.

Người số I tin tưởng ở ông, một con người ngoan cố, chậm chạp, câu mâu và không lay chuyển được. Ông đã cột neo bằng sợi cáp chắc hơn tất cả. Sợi cáp của tôi đã hư mòn trong những năm sau này...

Sự thật là tôi không còn tin vào tính cách không thể sai lầm của tôi nữa. Vì vậy mà tôi tiêu đời”.

2.

Sau ngày thăm vấn Roubachof lần đầu tiên, viên dự thẩm Ivanof và đồng nghiệp của ông là Gletkin ngồi ở quán ăn sau bữa trưa. Ivanof ngồi đó, chiếc chân giả đặt vững vàng trên một chiếc ghế và mở cổ của chiếc áo rộng. Ông rót đầy hai ly với thứ rượu nho hạng tồi bán trong quán, và lẳng lẳng thán phục trước Gletkin, ngồi thẳng trên ghế trong bộ đồng phục, kiểu cách ở từng điệu bộ. Ông cũng chẳng cời dây nịt và súng sáu; tuy nhiên, ông ta cũng phải mệt. Gletkin uống cạn ly; cái thẹo làm cho người ta phải nhìn trên đầu hớt tóc của ông đã hơi đỏ. Ngoài hai người, trong quán chỉ còn ba sĩ quan ngồi ở một bàn cách đó không xa; hai người đánh cờ, người thứ ba xem họ chơi.

- Mình sẽ tính sao về vụ Roubachof đây. - Gletkin hỏi.

- Ông ta không được khỏe lắm, - Ivanof đáp - nhưng ông ta vẫn là một luận lý gia hơn bao giờ hết. Như vậy, ông ta sẽ đầu hàng.

- Tôi không nghĩ như vậy. - Gletkin nói.

- Sẽ có - Ivanof nói - Khi ông ta theo đuổi tất cả những ý nghĩ của ông ta đến đoạn kết thúc hợp lý, ông ta sẽ đầu hàng. Như vậy, trước tiên phải để cho ông ta yên và đừng quấy rầy ông. Tôi đã cấp cho ông giấy, viết chì và thuốc lá để thúc đẩy mức tiến của tư tưởng ông ta.

- Tôi cho đó là một sự sai lầm. - Gletkin nói.

- Anh không thích phải không - Ivanof nói - Phải chăng cách đây mấy bữa, anh đã có chuyện lôi thôi với ông?

Gletkin nhớ lại cảnh Roubachof ngồi trên giường xỏ chân mang vớ rách nát vào giày.

- Chuyện đó không đáng kể - Ông nói - Đây không phải là vấn đề tình cảm. Tôi nhận thấy phương pháp không hay. Phương pháp đó không thể làm ông ta chịu thua đâu.

- Roubachof sẽ đầu hàng, - Ivnof nói - không phải vì khiếp nhược mà vì lý luận. Dùng biện pháp mạnh với ông không ích gì. Thân thể ông ta được cấu tạo bằng một chất kim khí càng cứng rắn thêm khi ta đập vào.

- Nhầm - Gletkin nói - Không một con người nào có thể chống trả lại một áp lực vật chất vô hạn định. Tôi chưa từng gặp một kẻ như vậy bao giờ. Kinh nghiệm cho thấy rằng sức chịu đựng của thần kinh hệ con người có những giới hạn tự nhiên.

- Tôi không thích rơi vào tay anh - Ivanof nói với một nụ cười mà nghi ngờ lẫn lộn với lo ngại - Nhưng dầu sao, anh cũng là hiện thân của sự bài bác chính cái lý thuyết của anh.

Cái nhìn tươi cười của ông dừng lại trên cái thẹo của Gletkin. Câu chuyện cái thẹo đó đã nổi tiếng. Trong thời nội chiến, Gletkin rơi vào tay địch; để khai thác vài tin tức, họ đã gắn lên chiếc đầu cạo trọc của ông một tim bạch lạp đốt cháy. Vài giờ sau, khi phe Gletkin chiếm trở lại vị trí thì thấy ông bất tỉnh. Cái tim đèn đã cháy tới hết. Gletkin đã không khai.

Ông nhìn Ivanof bằng đôi mắt lạnh lùng.

- Nhầm nữa. Nếu tôi không chịn thua là vì tôi bất tỉnh. Nếu tôi còn tỉnh một lúc nữa, thì tôi đã khai rồi. Nhưng hai hạ sĩ quan cùng được giải thoát đồng thời với tôi quả quyết trái ngược. Thế là tôi được thưởng huy chương. Đó là một vấn đề cơ thể; những chuyện khác đều là huyền thoại.

Ivanof cạn ly. Ông đã uống nhiều rượu bã nho. Ông nhún vai.

- Từ bao giờ anh chủ trương cái thuyết thể chất hay ho đó? Dầu sao thì trong những năm đầu, những phương pháp đó không có. Lúc đó chúng tôi còn đầy ảo ảnh. Hủy bỏ thuyết trừng trị và luật trả thù; những an dưỡng viện và những vườn giải trí dành cho những phần tử bất hảo. Toàn là những thứ vô giá trị.

- Tôi không đồng ý - Gletkin nói - Anh là một trí nô. Trong một trăm năm nữa, chúng ta sẽ có tất cả những thứ đó. Nhưng trước tiên, phải qua giai đoạn đầu cái đã. Càng mau càng tốt. Ảo ảnh duy nhất là tưởng rằng thời cơ đã tới. Khi tôi mới được cử tới đây, tôi cũng đồng ý với ảo ảnh đó. Chúng tôi muốn khởi ngay với những khu vườn giải trí. Đó là một sai lầm. Trong một trăm năm nữa, chúng ta sẽ kêu gọi kẻ tội lỗi trở về với lẽ phải và

với bản năng xã hội. Bây giờ, ta phải hành động trên thể chất của họ, nếu cần thì đè bẹp họ vừa thể chất vừa tinh thần.

Ivanof tự hỏi Gletkin có say không. Nhưng căn cứ vào đôi mắt bình thản, lạnh lùng của ông ta thì ông ta chưa say. Ivanof mỉm cười băng quơ.

- Tóm lại, tôi là một trí nô còn anh là nhà luân lý.

Gletkin không nói gì. Ông ngồi cứng ngắc trên ghế, trong bộ đồng phục hồ bột; sợi dây nịt còn xông mùi da mới.

- “Cách đây nhiều năm, - Gletkin nói một lúc sau - người ta mang đến cho tôi một anh nông phu để thẩm vấn. Chuyện ấy xảy ra ở tỉnh, trong cái thời mà tôi còn tin tưởng vào khu vườn giải trí như anh đã nói. Cuộc thẩm vấn diễn ra thật đàng hoàng. Tên nông phu đó đã chôn hết hoa màu; đó là lúc khởi đầu công cuộc cộng đồng thổ trạch. Tôi tuân đúng những nghi thức. Tôi giải thích một cách thân ái với hăn rằng chúng ta cần lúa mì để nuôi dân số đang tăng gia ở các thành phố và để xuất cảng, hầu bắt đầu xây dựng kỹ nghệ. Vậy hăn nên nói cho tôi biết nơi hăn giấu hoa màu. Tên nông phu tưởng thế nào cũng bị đòn, đã rụt đầu rụt cổ khi người ta đưa hăn vào văn phòng của tôi. Khi, thay vì đập hăn, tôi lý luận với hăn, nói chuyện một cách ngang hàng, gọi hăn là “công dân” thì hăn cho rằng tôi là thằng ngu. Tôi nhìn thấy ý nghĩ đó trong đôi mắt hăn. Tôi nói với hăn cả nửa giờ. Hăn không mở miệng, cứ gãi mũi, gãi tai. Tôi tiếp tục nói và nhận thấy hăn cho rằng tất cả những cái đó chỉ là trò giỡn chơi nên không thèm nghe tôi nữa. Những lý lẽ không chui được vào tai hăn. Hai lỗ tai hăn đã bị bít từ bao nhiêu thế kỷ bởi ráy tai của bệnh tê liệt thần kinh truyền kiếp. Tôi triệt để tuân theo mạng lệnh; tôi cũng chẳng nghĩ tới còn nhiều phương pháp khác...

Thời đó, mỗi ngày tôi có hằng hai mươi hoặc ba mươi trường hợp như vậy. Các đồng nghiệp của tôi cũng vậy. Cuộc cách mạng có thể bị ngập lụt bởi những tiểu nông gia phì nôn. Các thợ thuyền bị thiếu ăn; nhiều vùng hoàn toàn bị bệnh thương hàn và nạn đói tàn phá; chúng ta thiếu tín dụng để khuyến khích kỹ nghệ chiến tranh, và chúng ta chờ đợi bị tấn công từ tháng này sang tháng khác. Hai trăm triệu vàng bị giấu trong những chiếc vớ len của mấy gã đó và phân nửa mùa màng bị chôn vùi. Thế mà trong khi

thăm vấn, chúng ta gọi họ là “công dân”; họ nhìn ta vừa nhấp nháy những cặp mắt nhỏ âm hiểm của họ; họ cho tất cả những chuyện đó là một trò đùa ngộ nghĩnh và họ gãi mũi.

Cuộc thăm vấn lần thứ ba anh chàng nọ xảy ra vào hai giờ sáng; tôi làm việc mười tám giờ liên tiếp. Họ đánh thức hẳn; hẳn đang ngáy ngủ và sợ; hẳn chịu tiết lộ. Từ đó, tôi thăm vấn họ thường thường về đêm... Có lần, một người đàn bà than phiền phải đứng suốt đêm trước văn phòng tôi để chờ đến phiên chị. Hai chân chị rung và chị ta kiệt sức; chị ngủ ngay trong phiên thăm vấn. Tôi đánh thức chị; chị tiếp tục nói bằng giọng ngáy ngủ và làm nhảm nói mà chính chị cũng chẳng hiểu rõ, rồi ngủ lại. Tôi đánh thức chị một lần nữa; chị thú nhận tất cả, rồi ký tên vào tờ khai không cần đọc lại để tôi cho chị ta đi ngủ. Chồng chị giấu hai cây đại liên trong vựa lúa và thuyết phục các trại chủ trong làng đốt lúa mì bởi vì Quý vương báo mộng cho hẳn phải làm vậy. Chị vợ bị đứng chờ tôi suốt đêm là do sự lơ đãng của anh trung sĩ của tôi; từ đó, tôi khuyến khích những lơ đãng kiểu đó; những tên cứng đầu phải đứng tại chỗ đó đến bốn mươi tám giờ. Sau đó, ráy tai tan trong lỗ tai họ, và ta có thể nói chuyện với họ được....”

Hai kẻ chơi cờ ở góc phòng đằng kia xóa bàn chơi lại. Người thứ ba đã đi rồi. Ivanof quan sát Gletkin: giọng ông ta vẫn đều đều và bình thản.

- Các đồng nghiệp của tôi làm những cuộc thí nghiệm như thế. Đó là lối duy nhất để đạt kết quả. Người ta vẫn tuân theo mạng lệnh; không một tù nhân nào bị động tới thân thể. Nhưng anh ta bị bắt buộc phải chứng kiến - có thể nói rằng một cách bất đắc dĩ - việc hành quyết những tù nhân khác. Ảnh hưởng của những cảnh như vậy gồm một phần tâm lý, một phần thể xác. Thí dụ khác: vì những lý do vệ sinh, trong các nhà tù có những bồn sen tỏa nước và nhà tắm. Nếu vào mùa đông mà máy nước nóng vận chuyển không đều, đó là do những khó khăn kỹ thuật; và thời khoảng của buổi tắm tùy thuộc mấy ông giám thị. Hoặc là lắm khi, hệ thống đun và phân phối nước nóng hoạt động quá tốt; cái đó cũng do mấy ông giám thị. Họ đều là những đồng chí lâu đời; không cần phải cho họ những chỉ thị đầy đủ chi tiết; các ông biết họ phải làm gì.

- Tôi tưởng bấy nhiêu cũng đủ rồi. - Ivanof nói.

- Anh đã hỏi tại sao tôi phát minh được lý thuyết của tôi và tôi vừa giải thích đó - Gletkin nói - Điều đáng kể, là lúc nào cũng giữ trong đầu sự cần thiết hợp lý của tất cả những cái ấy; nếu không, ta có thể trở thành trí nô, như anh chẳng hạn. Thôi trễ rồi tôi phải đi đây.

Ivanof uống cạn ly và dời cái chũn giả trên chiếc ghế mà ông đã đặt nó lên đó. Ông tự trách mình đã thảo luận một câu chuyện như vậy với Gletkin.

Gletkin trả tiền. Khi người dọn bàn đi khỏi, ông hỏi :

- Ta tính sao với Roubachof đây?

- Tôi đã nói với anh rồi. Hãy để ổng yên.

Gletkin đứng dậy. Giày “bốt” của ông rít lên. Ông đứng bên chiếc ghế mà Ivanof gác chân.

- Tôi biết những công trạng trước kia của ông ấy. Nhưng bây giờ, ông ta trở thành nguy hiểm như thằng nhà quê phì nộn của tôi; nguy hiểm hơn nữa là khác.

Ivanof nhìn vào đôi mắt lạnh lùng của Gletkin.

- Tôi đã cho ổng mười lăm ngày để suy nghĩ. Trong thời gian đó, tôi muốn anh để ổng yên.

Ivanof nói với giọng kẻ cả. Gletkin là thuộc hạ ông. Ông ta chào và ra khỏi quán với những tiếng rít của đôi giày cao cổ.

Ivanof vẫn ngồi. Ông uống thêm một ly, đốt thuốc phun khói tới trước. Một lúc sau, ông đứng lên đi cà nhắc lại phía hai sĩ quan xem họ đánh cờ.

3.

Từ sau buổi thăm vấn đầu tiên, Roubachof nhận thấy mức sống của ông tăng tiến như gặp phép lạ. Ngay hôm sau, viên ngục tốt già mang tới giấy, viết chì, xà bông và một chiếc khăn mặt. Đồng thời, lão cũng trao cho Roubachof một số tín phiếu của khám đường giá trị tương đương với số tiền trong người ông lúc ông bị bắt, và lão giải thích hiện nay ông có quyền đặt mua thuốc lá và những thức ăn bổ túc tại quán trong khám đường.

Roubachof đặt mua thuốc lá và thức ăn. Lão già vẫn hay càu nhàu và nói dặt một dặt hai, nhưng ông trở lại ngay với hàng đặt mua. Roubachof có lúc nghĩ đến việc yêu cầu một bác sĩ ở ngoài, nhưng ông quên mất. Tạm thời, chiếc răng ông cũng chẳng đau lắm, và sau khi rửa ráy và ăn uống, ông cảm thấy khá hơn trước nhiều.

Tuyệt trong sân đã được quét dọn, và những nhóm tù nhân đi vòng vòng trong buổi hoạt động hằng ngày. Cuộc đi dạo này bị ngưng vì tuyết; chỉ có người sứt môi và kẻ đồng hành với hắn được phép đi bách bộ mười phút, có lẽ do lời dặn riêng của bác sĩ; mỗi lần hai người kia vào hay ra khỏi sân, người sứt môi đã đưa mắt lên hướng cửa sổ của Roubachof. Cửa chỉ của hắn chính xác đến nỗi không còn nghi ngờ gì nữa.

Mỗi khi Roubachof không ghi chú hay không đi tới đi lui trong xà-lim, ông đứng trước cửa sổ, tì trán vào kiếng cửa để nhìn đám tù nhân đi dạo. Họ đi từng nhóm mười hai người, vòng vòng trong sân, từng cặp, cách nhau khoảng mười bước. Ở giữa sân có bốn người đồng phục canh chừng để tù nhân không nói chuyện với nhau; họ họp thành cái trục của bộ máy chạy chậm chậm và đều đều trong đúng hai mươi phút. Rồi thì các tù nhân được đưa vào trong băng cửa bên phải, trong khi một nhóm khác vào sân băng cửa bên trái, và khởi sự cuộc đi vòng vòng một cách đều đều cho tới lúc thay tốp khác.

Trong những ngày đầu, Roubachof đã tìm những mặt quen, nhưng không thấy. Điều đó làm ông nhẹ nhàng: riêng lúc này, ông muốn tránh tất cả những gì nhắc nhở ông về thế giới bên ngoài, tất cả những gì làm ông xao lãng công việc. Công việc của ông là theo đuổi đến cùng những suy tư, hòa mình vào dĩ vãng và tương lai, với người sống và kẻ chết. Thời hạn mà Ivanof định cho ông chỉ còn mười ngày.

Ông chỉ có thể tập trung tư tưởng bằng cách ghi chép các suy tư; nhưng hễ viết thì mệt, nên ông chỉ có thể ép mình vào khuôn khổ một hay hai giờ mỗi ngày. Trong thời gian còn lại, bộ óc ông làm việc một mình.

Roubachof luôn luôn nghĩ rằng ông tự biết mình khá nhiều. Mất hết những thành kiến luân lý, ông không có ảo tưởng về cái hiện tượng gọi là “ngôi thứ nhứt của số ít”. Ông chấp nhận mà không một xúc động riêng biệt nào, rằng hiện tượng đó bắt nguồn từ một số tình cảm nhứt thời mà con người thường không dám thú nhận. Hiện thời, khi ông tì trán vào kiếng cửa sổ hay dùng chân thành linh trên viên gạch đen thứ ba, thì ông có những phát giác bất ngờ. Ông nhận thấy rằng diễn tiến được chỉ định sai lầm bằng từ ngữ “độc thoại” thật sự là một lối đối thoại đặc biệt; một thứ đối thoại trong đó một trong hai người im lặng trong khi người kia, trái hẳn với tất cả các quy tắc văn phạm, gọi kẻ đối thoại là “tôi” thay vì “anh”, hầu lấy lòng và thăm dò ý tứ của người ấy; nhưng kẻ đối thoại câm nín vẫn im lặng, tránh né sự quan sát và từ chối việc tự đặt mình vào thời gian hay không gian.

Nhưng hiện thời, đối với Roubachof hình như kẻ đối thoại thường thường câm nín thỉnh thoảng lại nói, dẫu kẻ kia chẳng nói gì, và cũng không có lý do rõ rệt; giọng nói của hắn hoàn toàn xa lạ với Roubachof và ông nghe hắn một cách thật sự ngạc nhiên, và ông cũng nhận thấy rằng chính môi của mình cử động. Không có gì thần bí, cũng chẳng có gì bí hiểm trong hiện tượng đó; đó là những sự kiện hoàn toàn cụ thể; và những quan sát của Roubachof lần lần thuyết phục ông rằng trong ngôi thứ nhứt của số ít ấy có một phần tử xác thực đã giữ yên lặng suốt bao nhiêu năm qua, đến bây giờ lại nói.

Sự phát giác ấy làm bận Roubachof hơn là những chi tiết của cuộc đàm thoại giữa ông và Ivanof. Ông cho rằng chuyện ấy kể như xong rồi, ông sẽ không chấp nhận những đề nghị của Ivanof, ông sẽ từ chối tiếp tục vấn đề với Ivanof. Như vậy đời sống của ông đã được đếm trước; tín niệm đó được dùng làm nền tảng cho những suy tư của ông.

Ông không thềm nghĩ tới câu chuyện vô lý mưu sát Người số I; ông chú ý nhiều đến con người của Ivanof. Ivanof đã nói rằng vai trò của hai người có thể đảo ngược. Về việc đó, ông ta quả có lý. Ivanof và ông là hai anh em sanh đôi về phương diện tăng trưởng; họ không sanh ra từ một buồng trứng, nhưng họ được dưỡng nuôi bằng một cuống nhau, đó là những tín niệm giống nhau; môi trường mãnh liệt của Đảng đã điêu khắc và un đúc tính chất của cả hai trong những năm quyết liệt cho sự tăng trưởng của họ. Họ có một nền luân lý chung, một triết lý chung, họ suy nghĩ bằng những từ ngữ chung. Họ cũng có thể thay đổi vai trò với nhau. Bây giờ, chính Roubachof có thể ngồi sau chiếc bàn và Ivanof ngồi trước; và ở địa vị đó, Roubachof có thể đưa ra những luận điệu như Ivanof. Quy luật của trò chơi bất di bất dịch. Nó chỉ cho phép những thay đổi về chi tiết.

Khuynh hướng cũ kỹ thúc dục ông nghĩ ngợi bằng trí óc của kẻ khác một lần nữa lại xâm chiếm ông; ông ngồi ở chỗ của Ivanof và với đôi mắt của Ivanof, ông nhìn chính mình trong tư thế bị cáo, như trước kia ông đã nhìn Richard và chú bé Loevvy. Ông thấy một Roubachof đòi trụ, hình bóng của người đồng đội ngày xưa, và ông hiểu sự thân ái xen lẫn với khinh miệt mà Ivanof đã đối xử với ông. Trong cuộc tranh luận, nhiều lần ông tự hỏi xem Ivanof thành thật hay giả trá; ông ta gài bẫy hay thật tình muốn chỉ cách cho mình thoát nguy. Giờ đây, ông đặt mình vào địa vị Ivanof, ông nhận thấy Ivanof thành thật - cũng bằng hay cũng rất ít, như sự thành thật của chính ông đối với Richard và chú bé Loewy.

Những suy tư ấy diễn ra dưới hình thức một độc thoại, nhưng theo một đường lối thân mật; kẻ đối thoại câm nín, một thực thể mà ông vừa khám phá, không hề tham dự. Dầu hẳn được xem là kẻ nghe chuyện trong các cuộc độc thoại, hẳn luôn luôn im lặng, và sự hiện diện của hẳn chỉ được giới hạn trong một quên sót văn phạm mà người ta gọi là “ngôi thứ nhất số

ít”. Những câu hỏi thẳng hay những lời lý luận không làm cho hắn cất tiếng; những câu chuyện của hắn hiện đến không có lý do rõ ràng và, điều lạ, là luôn luôn tiếp theo bằng một cơn đau răng dữ dội. Bối cảnh tinh thần của hắn hình như được cấu tạo bằng những yếu tố rời rạc không liên hệ nhau, như những bàn tay chấp lại trong tranh Pietà, những con mèo của chú bé Loewy, một điệu nhạc, một nhịp điệu trong câu thơ như: Hỡi Thần chết, vị Thuyền trưởng già nua... Hay một câu do Arlova nói lên một hôm nào đó. Phương tiện diễn tả của hắn cũng từng đoạn: thí dụ sự cần thiết chùi kiếng mắt vào tay áo, sự cần thiết rờ vào vệt sáng trên tường trong văn phòng Ivanof, những cử động không dẫn được của đôi môi để thì thào những câu vô nghĩa như “Tôi sẽ trả”, hay tình trạng si dại gây ra bởi những cơn mơ về những thời khoảng đã qua trong đời ông.

Trong những cuộc đi bách bộ trong xà-lim, Roubachof cố nghiên cứu tận gốc cái thực thể mà ông vừa khám phá; ngại ngùng với sự e thẹn thường lệ trong Đảng trong việc dùng ngôi thứ nhất của số ít, ông đặt tên cho ngôi này là sự “giả tưởng văn phạm”. Ông có thể chỉ còn sống trong vài tuần nữa, và nhận thấy bị thúc đẩy phải tìm cho ra lẽ, theo đuổi tận cùng giòng tư tưởng của mình. Nhưng biên cương của cái “giả tưởng văn phạm” hình như khởi điểm đúng vào nơi chấm dứt cái “tư tưởng được theo đuổi tận cùng”. Một khía cạnh quan yếu của bản thân ông có lẽ là phải ở ngoài tầm của lý luận để rời xuất kỳ bất ý, như trong một cuộc phục kích, nhào ra tấn công ông với những cơn mơ và những cơn nhức răng. Do đó, Roubachof dùng suốt ngày thứ bảy trong tù, tức là ngày thứ ba sau cuộc thẩm vấn, để sống lại một đoạn đời đã qua - đoạn đời gồm những liên hệ giữa ông và Arlova, cô gái bị xử bắn.

Vào lúc nào, mặc dầu những quyết định của ông, ông tự đắm mình trong mơ mộng, cũng khó mà biết lúc nào thức cũng như khó biết lúc nào mình ngủ. Trong buổi sáng của ngày thứ bảy, ông ghi chú, và hình như ông đứng lên để bớt cồng cặng. Rồi khi nghe tiếng chìa khóa trong ổ khóa, ông mới nhận ra lúc ấy đã giữa trưa, và ông đã đi bách bộ trong xà-lim suốt mấy giờ đồng hồ. Ông cũng đã liệng chiếc mền lên vai, có lẽ cũng vì, trong mấy giờ đó, ông bị một loại sốt lay chuyển từng chập và nghe đập trong

màng tang cái gân của chiếc răng, ông đã lơ đãng uống cạn chén sữa mà mấy người lao công đã đồ đầy bằng cái muổng to, và tiếp tục đi. Người ngục tốt, thỉnh thoảng quan sát ông qua chiếc lỗ dòm, thấy ông rút đầu vào vai như kẻ bị lạnh rung, môi mấp máy.

Roubachof thở trở lại không khí trong văn phòng cũ của ông tại Phái bộ thương mại, đầy mùi dầu thơm riêng biệt quen thuộc từ thân thể to lớn hòa hợp và uể oải của Arlovj; ông thấy lại trên chiếc áo choàng trắng lẫn cong của chiếc cổ nghiêng xuống quyền số của cô, trong khi ông đang đọc, và đôi mắt tròn của cô nhìn theo ông lúc ông đi dạo trong phòng trong những khoảng cách giữa hai cầu. Luôn luôn cô mặc áo choàng trắng như các em gái ông ở nhà, những chiếc áo choàng có thêu hoa nhỏ, trên cổ cao, và luôn luôn những đôi hoa tai rẻ tiền rời xa đôi má mỗi khi cô cúi xuống quyền số. Với những dáng điệu chậm chạp và thụ động, hình như cô được sanh ra cho công việc này, và cô có một ảnh hưởng làm dịu cân não của Roubachof khi ông làm việc quá sức. Ông đã đến nhậm chức Trưởng Phái bộ Thương mại ở B. ngay sau vụ chú bé Loewy; và ông xung phong ngay vào công việc; ông cảm ơn Trung ương đã cung cấp cho ông loại công việc văn phòng như thế này. Ít khi nào các lãnh tụ thuộc Quốc tế lao động lại được chuyển sang ngành ngoại giao. Chắc hẳn Người số I có những chủ định riêng biệt, vì thường thường, hai hệ thống được giữ hoàn toàn cách biệt, không được phép tiếp xúc nhau, và lắm khi tuân hành hai chánh sách trái ngược nhau. Chỉ có nhãn quan của các giới cao cấp thân cận Người số I mới thấy được và giải quyết các mâu thuẫn hiện ra và làm sáng tỏ các nguyên cơ.

Phải qua một thời gian, Roubachof mới thích nghi được với lối sống mới; ông thấy thín thích khi được một thông hành ngoại giao, một giấy thông hành thật sự được lập với tên thật của ông; ông thấy thín thích khi phải tham dự những cuộc tiếp tân trong lễ phục; khi thấy những cảnh sát viên thẳng người chào ông, và cũng thấy thín thích khi nghĩ rằng các ông này, ăn mặc kín đáo và đội mũ quả dưa đen, lắm khi theo dõi ông chỉ với một lo âu khả ái cho sự an ninh của ông mà thôi.

Ông cảm thấy ban đầu có hơi lạc lõng trong không khí các văn phòng của Phái bộ thương mại, được đặt bên cạnh sứ bộ. Ông biết rằng trong thế giới trường giả, phải cư xử tương xứng với chức vị, phải hòa hợp với những lề lối của họ, nhưng ông nhận thấy cho đến nay họ đóng trò quá hay, hay cho đến nỗi chẳng biết đâu là màu mè, đâu là sự thật. Khi viên Đệ nhất Tham vụ sứ quán lưu ý Roubachof về một vài thay đổi cần thiết trong lối phục sức và nếp sống - viên Đệ nhất Tham vụ này, trước cách mạng, đã làm bạc giả cho Đảng - ông ta đã không có thái độ của một đồng chí là làm một cách hài hước, mà lại trình bày thật kính cẩn và với một dáng điệu lịch sự được nghiên cứu tỉ mỉ cho đến nỗi cảnh ấy làm Roubachof bối rối và khó chịu.

Nhân viên của ông gồm mười hai cộng sự viên, mỗi người đều thuộc thứ bậc quy định rõ ràng; có các Phụ tá hạng Nhất và hạng Nhì, những Kế toán viên hạng Nhất và hạng Nhì; các Tham vụ và Phó tham vụ cũng vậy. Roubachof có cảm giác tất cả xem ông như anh hùng dân tộc pha lẫn với đầu đàn. Họ xử sự với ông một cách kính nể quá độ và một sự khoan dung ngạo mạn. Khi viên Tham vụ của sứ bộ cần phải báo cáo với ông về một tài liệu gì, ông ta cố gắng diễn tả bằng những từ ngữ giản dị mà người ta dùng để nói với kẻ dã man hay một đứa trẻ con. Cô thư ký riêng của Roubachof, Arlova, là người làm ông ít khó chịu nhất; nhưng ông không hiểu tại sao, với những áo choàng tuyệt đẹp và những cái váy giản dị, cô ta lại mang giày vệt-ni với gót cao một cách kỳ dị.

Một tháng trôi qua trước khi ông đưa ra một nhận xét cá nhân. Ông mỗi một vì vừa đọc vừa đi tới đi lui, và thỉnh thoảng ông nhận thấy sự lạng lẽ ngự trị trong văn phòng.

- Tại sao không bao giờ cô nói gì hết vậy, đồng chí Arlova? - Ông hỏi vừa ngồi vào chiếc ghế bành đầy tiện nghi sau bàn làm việc.

- Nếu Ngài muốn, - Cô trả lời với giọng như ngái ngủ - tôi sẽ lặp lại chữ chót của mỗi câu.

Mỗi ngày cô ngồi trước bàn, với áo choàng thêu, đôi vú nặng và thật đẹp nghiêng xuống quyền sở, đầu cúi xuống và đôi bông tai song song với hai má. Một phần tử duy nhất không hòa hợp là đôi giày vệt-ni gót nhọn,

nhưng không bao giờ cô tréo chân như phần đông phụ nữ mà Roubachof được biết. Vì lúc nào cũng đi tới đi lui để đọc, ông thường thấy cô từ phía sau hoặc ba phần tư, và cái mà ông nhớ rõ ràng hơn hết là lằn cong của cái ót nghiêng nghiêng. Chiếc ót ấy không nhiều tóc măng cũng không cạo sạch; làn da trắng và thẳng trùn lên các xương cổ: phía dưới, có những hoa thêu trên cổ của chiếc áo choàng trắng.

Khi còn trẻ, Roubachof không liên hệ nhiều với phụ nữ; gần như lúc nào ông cũng chỉ tiếp xúc với các đồng chí, và gần như lúc nào sự tiếp xúc đó cũng bắt đầu bằng một cuộc thảo luận kéo dài đến khuya làm cho kẻ đến nhà người khác phải trở xe lửa.

Mười lăm ngày nữa trôi qua sau khi cuộc toan tính bắt chuyện với Arlova thất bại. Ban đầu, Arlova lặp lại với giọng như buồn ngủ tiếng chót của câu được đọc; rồi cô không làm nữa, và khi Roubachof ngưng, thì vẫn phòng lại lạng lẽ và đầy mùi thơm thân thiết. Một chiều nọ, chính ông cũng ngạc nhiên về chuyện này, Roubachof dừng lại sau ghế Arlova, đặt hai tay một cách êm đềm lên vai cô và hỏi cô có muốn tối ấy đi chơi với ông không. Cô không giựt nảy mình và hai vai cô vẫn bất động dưới bàn tay ông; cô gật đầu trong im lặng và cũng chẳng quay lại. Roubachof không quen bỡn cợt, nhưng tối lại, ông không ngăn được vừa cười vừa nói với cô: “Có thể nói em đang viết những điều tôi đọc”. Hình thức tròn đẹp của đôi gò đảo vun chùng hình như cũng thân thiết trong bóng của gian phòng, làm như cô vẫn ở đó từ bao giờ; nhưng hiện thời, đôi bông tai đã nằm sát trên gối. Đôi mắt cô vẫn không thay đổi khi cô nói câu này, cũng như hai tay chắp lại trong tranh Pietà và mùi rong biển trong hải cảng nhỏ bé, không bao giờ ra khỏi trí nhớ của Roubachof :

- Ngài muốn gì đối với tôi lúc nào cũng được.

- Mà tại sao vậy? - Roubachof hỏi, ngạc nhiên và có hơi hoảng hốt nữa.

Cô không trả lời. Có lẽ cô đã ngủ rồi. Trong giấc ngủ, hơi thở cô vẫn lạng lẽ như khi cô thức. Roubachof không bao giờ nhận thấy cô thở. Ông cũng chẳng bao giờ thấy cô nhắm mắt. Điều đó gây một dáng điệu khác lạ cho gương mặt cô, vì gương mặt diễn tả nhiều với đôi mắt nhắm hơn là mở.

Cũng lại lạ lùng những bóng đen của nách cô; cảm cô, thường cúi xuống ngực, giờ đưa thẳng lên như cảm một xác chết. Nhưng mùi thơm nhẹ nhàng thân thiết tiết từ thân cô vẫn thân mật đối với ông, dầu lúc cô ngủ.

Hôm sau và những ngày nối tiếp, cô vẫn ngồi đó trong áo choàng trắng, cúi xuống bàn; đêm sau và tất cả các đêm, bóng dáng nhợt nhạt của đôi vú cô vươn thẳng lên nền sậm của cái màn trong phòng ngủ. Đêm và ngày, Roubachof song trong cảnh giới ảnh hưởng của thân hình to lớn uể oải của cô. Trong lúc làm việc, cô không hề đổi thái độ, giọng nói và ánh mắt vẫn như cũ, không hề mang bóng dáng một ảo vọng. Thỉnh thoảng, khi Roubachof mệt mỏi vì đọc, ông ngừng sau lưng cô và đặt hai tay lên vai cô; ông không nói gì, và dưới làn áo choàng, đôi vai ấm áp của cô không lay động; khi tìm được ý, ông đi bách bộ trở lại trong phòng và tiếp tục đọc.

Có khi ông thêm vào lời đọc những câu phê bình chua chát thì cô ngừng viết chờ cho đến khi nào ông chấm dứt; nhưng không bao giờ cô cười về những lời chua chát đó, và Roubachof không thể khám phá được cô nghĩ thế nào về những lời ấy. Chỉ một lần thôi, sau một lời diễu cợt đặc biệt nguy hiểm, Roubachof ám chỉ đến vài thói quen riêng biệt của Người số I, thì cô bỗng nói với giọng buồn buồn thường lệ: “Ngài không nên nói như vậy trước những kẻ khác; Ngài cần thận trọng hơn một chút...”. Nhưng thỉnh thoảng, nhất là khi có chỉ thị hay thông điệp “từ trên cao” gửi đến, ông vẫn thấy cần tuân thủ cửa những tiếng dí dỏm bất kể quân thần của ông.

Lúc này, vụ án đối lập lớn thứ hai đang chuẩn bị. Không khí trong sứ bộ trở thành hiếm hoi một cách kỳ lạ. Hình ảnh và chân dung biến mất khỏi các bức tường chỉ trong một tối; những vật ấy được treo từ bao nhiêu năm nay, không ai thèm nhìn, nhưng bây giờ, những vật sáng lại nổi bật trước mọi con mắt. Nhân viên giới hạn các cuộc đàm thoại trong công việc của sở; họ nói chuyện với nhau một cách lễ phép thận trọng và rào trước đón sau cẩn thận. Trong các bữa ăn ở câu lạc bộ của sứ quán, những cuộc đàm thoại không thể tránh được, thì người ta xào lại những luận điệu của chánh quyền thành thử các cuộc chuyện trò trở thành vụng về, cục mịch, nhất là trong cái không khí thân mật như ở nơi này; làm như sau khi nhờ nhau lấy

muối và hột cải, người ta lại gọi nhau bằng những biểu ngữ trong tuyên ngôn chói hết của Trung ương. Thường xảy ra những việc như một người phản đối kẻ khác vì kẻ này diễn dịch sai câu nói của hẳn và phân chứng với những người ngồi gần một cách hấp tấp và thiết tha: “Tôi đâu có nói như vậy”, hoặc: “Không đúng như ý tôi muốn nói”. Tất cả những cái ấy cho Roubachof cảm giác một đám hát hình nộm dị kỳ và trang trọng, trong đó, những hình tượng múa rối theo sự chỉ huy của dây sắt, thay phiên nhau trả thuộc lòng hàng chuỗi lời kích. Chỉ có Arlova, với dáng điệu trầm lặng và buồn ngủ, có vẻ không thay đổi.

Chẳng những các chân dung trên tường, mà cả các tủ sách cũng trống bốt nhiều. Nhiều quyển sách biến đi một cách kín đáo, thường thường sau ngày nhận được một thông điệp từ thượng tầng. Roubachof xem thông điệp vừa đọc những lời bình luận chua chát; Arlova nghe mà không nói tiếng nào. Phần lớn những quyển sách về ngoại thương biến khỏi các ngăn sách, vì tác giả là một ủy viên nhân dân về tài chánh vừa bị bắt; phần lớn những quyển về lịch sử Cách mạng cũng vậy; phần lớn những quyển về thủ tục tố tụng và triết học của các tác giả đương thời; tất cả những quyển luận về vấn đề hạn chế nhân khẩu theo thuyết của Malthus; những quyển về sự thành lập quân đội nhân dân; những quyển về nghiệp đoàn và quyền đình công trong Quốc gia bình dân; và gần hết những sách xuất bản từ hai năm nay nghiên cứu về các vấn đề chánh trị và lập hiến; chói hết là bộ Bách khoa tự điển do Hàn lâm viện ấn hành: một ấn bản mới nhuận chính đang được hứa hẹn.

Những quyển mới lại xuất hiện; người ta vừa gửi đến những sách cổ điển về các vấn đề xã hội vừa được chú giải và bình luận; các quyển sử cũ được thay bằng những quyển sử mới, những hồi ký của các lãnh tụ cách mạng đã mất được thay thế bằng những hồi ký mới cùng tác giả đã chết. Roubachof nói với Arlova chỉ có thiếu có việc đưa ra một ấn bản mới xem lại và sửa chữa cẩn thận của toàn thể các nhật báo xuất bản từ trước tới nay.

Trong khi chờ đợi, vài tuần trước đây đã có lệnh từ thượng tầng bảo phải đề cử một Thủ thư viện đảm nhận trách nhiệm chánh trị về nội dung thư viện của sứ quán. Arlova được đề cử vào chức vụ đó. Ban đầu,

Roubachof cầu nhàu cho là “vườn trẻ”. Ông nghĩ đây chỉ là một hành động vô lý thôi. Nhưng một tối nọ, tại buổi kiểm thảo hằng tuần của tiểu tổ Đảng tại sứ quán, Arlova bị nhiều người tấn công dữ dội. Ba bốn diễn giả, trong đó có viên Đệ nhất Tham vụ, đã than phiền nhiều diễn văn thật quan trọng của Người số I không có trong thư viện, trong khi nơi đó còn đầy dãy sách của phe đối lập; những quyển của các chánh khách đã bị vạch mặt là gián điệp, là phản quốc và những nhân viên mật vụ ngoại bang hãy còn chiếm những chỗ quan trọng trên các ngăn tủ để thấy nhứt, cho đến nỗi người ta khó tránh nghi ngờ rằng đây là trình diễn cố ý. Các diễn giả nói không có vẻ thù hận và với sự chính xác chua chát; họ dùng toàn những từ ngữ chọn lựa kỹ lưỡng. Có thể bảo rằng họ là những con vẹt lặp lại những đoạn văn đã soạn sẵn từ trước. Tất cả những lời lẽ của họ đều kết luận một kiểu: bốn phận quan trọng của Đảng là sự cẩn trọng trong việc tố cáo tàn nhẫn những sự lạm dụng, và kẻ nào không làm bốn phận đó là đồng lõa của bọn phá hoại hèn hạ. Bị bắt buộc phải đưa ra một lời tuyên bố, Arlova nói với sự sáng suốt thường lệ rằng cô không hề có một hậu ý đen tối nào cả, mà chỉ theo đúng những chỉ thị đã nhận được; nhưng trong khi nói bằng giọng trầm trầm và hơi khao khao, cô nhìn thẳng về Roubachof rất lâu, điều mà bình thường cô không bao giờ làm khi có mặt một kẻ thứ ba. Cuộc kiểm thảo chấm dứt bằng quyết nghị cảnh cáo nghiêm trọng Arlova.

Roubachof, quá quen thuộc với những phương pháp vừa áp dụng trong Đảng, bắt đầu lo ngại. Ông đoán một sự hăm dọa đang đè nặng lên Arlova và cảm thấy mình bất lực, vì không thấy điều gì cụ thể để chống lại.

Không khí trong sứ quán càng ngột thở thêm. Roubachof ngưng những lời phê bình riêng thường đưa ra trong khi đọc, và điều đó làm ông nhận thấy một cảm giác tội lỗi kỳ lạ. Bề ngoài, không có gì thay đổi trong những liên hệ của ông với Arlova, nhưng cái cảm giác tội lỗi kỳ dị kia, phát sanh từ một sự kiện duy nhứt là ông không còn thấy hứng thú đưa ra những nhận xét dí dỏm trong lúc đọc, ngăn ông dừng lại sau lưng Arlova và đặt tay lên vai cô như trước kia nữa. Một tuần sau, tối nọ, Arlova không đến phòng ông; những tối kế tiếp cũng thế. Ba đêm trôi qua trước khi Roubachof quyết định hỏi Arlova lý do của sự vắng mặt đó. Cô trả lời với

cái giọng uể oải, lấy cố là nhức đầu, và Roubachof không hỏi thêm nữa. Từ đó, cô không trở lại một lần nào nữa.

Ba tuần sau buổi họp kiểm thảo của tiểu tổ mà Arlova bị “cảnh cáo nghiêm trọng”, và mười lăm ngày sau đêm cô đến phòng Roubachof lần chót, cô trở lại với ông và có thái độ gần như thường, nhưng suốt buổi tối, Roubachof có cảm giác rằng cô chờ ông nói những lời quyết định. Nhưng ông chỉ nói rằng ông rất vui mừng mà thấy cô trở lại, và ông bị làm việc quá sức nên mệt mỏi - đó cũng là sự thật. Đêm đó, ông nhận thấy nhiều lần cô vẫn thức và cô nhìn trừng trừng trong bóng tối. Ông không xua đuổi được mặc cảm tội lỗi đang dày vò ông, rồi ông lại bị đau răng. Đó là cuộc viếng thăm chót hết của Arlova.

Sáng lại, trước khi Arlova đến văn phòng, viên Tham vụ nói với Roubachof, bằng một giọng được xem là mật, nhưng câu nào của ông ta cũng rất đần đo, rằng cả vợ chồng người anh của Arlova đã bị bắt ở “bên kia” cách đây tám ngày. Anh của Arlova có một người vợ ngoại quốc; cả hai bị cáo về tội giao dịch với quốc gia của người vợ với mục đích phản loạn và có lợi cho phe đối lập.

Vài phút sau, Arlova tới làm việc. Cô ngồi như thường ngày, trên chiếc ghế trước bàn, với áo choàng thêu, hơi nghiêng về phía trước. Roubachof đi dọc ngang sau lưng cô, và lúc nào ông cũng thấy trước mắt ông cái ót nghiêng tới, làn da hơi căng thẳng trên những chiếc xương cổ. Ông không thể rời mắt khỏi vùng da đó, và điều ấy làm ông khó chịu đến choáng váng. Ông không xua được ý nghĩ rằng ở “bên kia” những kẻ thành án bị bắn một viên sau ót.

Vào buổi họp sau đó của tiểu tổ Đảng, do một kiến nghị của viên Đề nhứt Tham vụ, Arlova bị mất ghế thủ thư viện với cố bất trung thành về chánh trị. Không ai bình luận cũng chẳng có cuộc thảo luận nào cả. Roubachof bị đau răng không chịu nổi, phải xin lỗi rút lui trước. Vài ngày sau, Arlova và một viên chức khác trong sứ quán bị triệu hồi. Tên họ không còn được đồng nghiệp cũ nhắc nhở; nhưng trong những tháng ông còn ở sứ quán trước khi bị triệu hồi, mùi thơm thân thiết từ thân thể to lớn uể oải của

Arlova vẫn tiếp tục phảng phất quanh các bức tường trong văn phòng không bao giờ rời.

4.

- *Đứng lên, những kẻ bị đầy ải trên địa cầu.*

Từ buổi sáng ngày thứ mười sau khi Roubachof bị bắt, người láng giềng mới bên trái, kẻ chiếm ngụ xà lim số 406, gõ một câu thơ duy nhất trong những khoảng cách đều nhau, luôn luôn với cái lỗi: “Búng” thay vì “Đứng”. Nhiều lần Roubachof toan bắt chuyện với hắn. Khi Roubachof đánh thì hắn yên lặng nghe; nhưng câu trả lời duy nhất mà ông nhận được là một dọc chữ rời rạc không dính dáng gì với nhau và luôn luôn chấm dứt bằng câu thơ què quặt:

- *Búng lên, những kẻ bị đầy ải trên địa cầu.*

Người mới đó bị đưa đến hồi tối vừa qua. Roubachof thức giấc, nhưng chỉ nghe những tiếng bị dập tắt và tiếng chìa khóa tại phòng số 406 mở ra rồi đóng lại. Sáng ra, ngay hồi kèn đầu tiên, số 406 đã khởi gõ ngay: “Búng lên, những kẻ bị đầy ải trên địa cầu”. Hắn gõ nhanh, và với bàn tay lạnh lẽ, với kỹ thuật của nhạc sĩ tài hoa, hay cho đến nỗi cái lỗi chánh tả và những thông điệp không ai hiểu được ấy xuất phát từ những lý do không phải kỹ thuật mà là tinh thần. Có lẽ người mới tới ấy có đầu óc không được bình thường.

Sau bữa ăn sáng, viên sĩ quan trẻ số 402 thông báo hắn muốn nói chuyện. Giữa Roubachof và số 402 đã hình thành một thứ tình bạn. Viên sĩ quan mang kiếng một tròng và có bộ râu mép cong vút hẳn phải sống trong một tình trạng buồn thảm kinh niên, vì hắn luôn luôn cảm tạ Roubachof về những mẫu đàm thoại nho nhỏ. Năm sáu lần mỗi ngày, hắn cầu khẩn Roubachof:

- *Nói chuyện với tôi đi...*

Ít khi nào Roubachof cao hứng nhận lời, và ông không biết nói gì với số 402. Thường thường, hắn gõ những câu chuyện cổ điển trong các câu lạc

bộ sĩ quan. Khi đến đoạn cuối, thường hay có một sự yên lặng bối rối. Đó là những câu chuyện cũ kỹ chứa đựng một sự tọc tuu lưu truyền từ bao nhiêu đời; thì ra khi gõ đến hết, số 402 chờ đợi những tiếng cười om sòm và hẩn nhìn một cách tuyệt vọng vào bức tường quét vôi im lìm. Vì thiện cảm và thủ lễ, Roubachof thỉnh thoảng gõ bằng cái kiếng kẹp mũi mấy tiếng HA HA! thật rõ thay thế cho những tiếng cười điên cuồng. Lúc bấy giờ, cũng không thể giữ số 402 được; hẩn bắt chước một cơn vui nổ bùng bằng cách dùng quả đấm và giày đập vào tường mấy tiếng: HA-HA! HA-HA! và thỉnh thoảng ngưng lại như để kiểm xem Roubachof có cười không. Nếu Roubachof nín êm, hẩn có vẻ trách cứ:

- Ông không cười sao...

Muốn được yên thân, Roubachof gõ một hay hai lần HA-HA! Sau đó, số 402 báo cho ông hay:

- Chúng ta vui cười thật thỏa thích.

Lắm khi, hẩn mắng chửi Roubachof. Thỉnh thoảng, không được trả lời, hẩn gõ cả một bài hát của quân lính với những đoạn ca bất tuyệt. Nhiều lúc Roubachof đi tới đi lui, chìm đắm trong một cơn mơ hay một cuộc trầm tư, lại lắm cầm hát một điệp khúc của một bài quân hành lâu đời mà tai ông đã vô tình nghe phải qua những tín hiệu của số 402.

Tuy nhiên, số 402 cũng có ích. Hẩn ở đó đã hơn hai năm, thông thuộc đường đất, giao thiệp với nhiều người lân cận và biết tất cả những chuyện nhảm nhí; hẩn có vẻ hay biết tất cả những gì xảy ra trong khám đường.

Sau ngày số 406 tới, khi viên sĩ quan khởi chuyện như thường lệ, Roubachof hỏi người láng giềng mới là ai. Số 402 trả lời ngay:

- Rip Van Winkle.

Số 402 thích nói bằng ẩn ngữ cho câu chuyện thêm sôi nổi. Roubachof bối rối cố nhớ chuyện của người ngủ suốt hai mươi lăm năm và khi thức dậy thì khám phá ra một thế giới hoàn toàn xa lạ, không còn nhìn ra được nữa.

- Hẩn có mất trí không? - Roubachof hỏi.

Số 402, bằng lòng ảnh hưởng mà hẩn đã gây ra, nói những gì hẩn biết với Roubachof. Số 406 trước kia là giáo sư xã hội học trong một nước nhỏ

ở Đông nam Âu châu. Sau cuộc thế chiến cuối cùng, hắn tham dự cuộc cách mạng nổ bùng ở nước của hắn. Một “Công xã” được hình thành, kéo dài mấy tuần lễ sự hiện diện ảo tưởng của nó, và chìm đắm trong máu như thường lệ. Những người cầm đầu cách mạng là dân tay mơ, nhưng sự đàn áp tiếp theo đó lại được hướng dẫn một cách hoàn mỹ do những tay chuyên nghiệp; số 406 đã được công xã phong cho một chức vụ rất kêu là “Bộ trưởng Phân phối Ánh sáng trong Nhân dân”, bị kết án thắt cổ đến chết. Hắn chờ đợi sự hành quyết suốt một năm, rồi án ấy được đổi thành tù chung thân. Hắn ở tù được hai mươi năm.

Hai mươi năm trong tù, một phần lớn thời gian ấy hắn bị giữ trong bí mật, không giao dịch được với thế giới bên ngoài, không được đọc báo chí. Hắn đã bị mặc nhiên quên lãng; nền tư pháp của cái nước ở Đông nam châu Âu ấy hãy còn tính cách phụ mẫu chi dân. Một cuộc ân xá bỗng nhiên phóng thích hắn từ một tháng nay, và Rip Van Winkle, sau hai mươi năm ngủ trong bóng tối, lại trở lên mặt đất.

Hắn tức tốc lên chuyến xe lửa đầu tiên đến xứ này, đất mộng của hắn. Mười lăm ngày sau khi đến đây, hắn bị bắt. Có lẽ sau hai mươi năm trong bí mật, hắn trở thành người quá nhiều chuyện? Có lẽ hắn đã kể lại trong những ngày những đêm trong xà lim, hắn đã tưởng tượng đời sống ở đây ra sao? Có lẽ hắn tìm hỏi địa chỉ của những bạn cũ, anh hùng Cách mạng, không biết những người ấy sau này bị mang tội phản quốc hay gián điệp? Có lẽ hắn đã đặt một vòng hoa lên một cái mộ nào đó - lại trúng phải mộ không tốt - hay hắn tỏ ý tìm thăm người láng giềng vang danh của hắn là đồng chí Roubachof?

Giờ đây, hắn có thể trầm tư để xem cái nào hay hơn, hai thập niên mơ mộng trên ổ rơm của một xà lim tối tăm, hay hai tuần lễ sống trong thật tế ngoài ánh sáng ban ngày. Có lẽ hắn đã mất trí? Đó là câu chuyện về Rip Van Winkle...

Ít lâu sau khi số 402 chấm dứt cái báo cáo dài dòng đó, Rip Van Winkle khởi sự trở lại; năm sáu lần, hắn lặp lại câu thơ què quặt “Búng lên, những kẻ bị đẩy ả trên địa cầu”, rồi hắn nín.

Roubachof đã nằm trên giường, mắt nhắm lại. Cái “già tưởng văn phạm” lại lớn vồn trong đầu ông; nó không diễn tả ra lời, chỉ đến dưới hình thức một sự khó chịu trong người, có nghĩa :

- Cái đó nữa, anh cũng phải trả; anh phải chịu trách nhiệm về cái đó; vì anh hành động, trong khi hấn mơ mộng.

Chiều ấy, Roubachof được đưa tới thợ hớt tóc để cạo râu.

Lần này, đoàn tùy tùng chỉ gồm viên ngục tốt già và một vệ binh đồng phục; lão già kéo lê đôi giày vải rách hai bước phía trước, người lính đi hai bước sau Roubachof. Họ đi ngang số 406; nhưng không có mảnh giấy mang tên hấn trên cửa. Tại phòng hớt tóc chỉ có một trong số hai tù nhân đảm nhận sự hớt tóc cạo râu; chắc hấn người ta muốn Roubachof không tiếp xúc được với quá nhiều người.

Ông ngồi trên ghế. Phòng hớt tóc tương đối sạch sẽ; có cả một tấm kiếng soi mặt. Ông gỡ cặp kiếng và nhìn mặt mình trong gương; ông không nhận thấy một sự thay đổi nào cả ngoại trừ râu mọc dài trên hai má.

Người thợ cạo im lặng làm việc, với những cử chỉ mau lẹ và kỹ lưỡng. Cánh cửa vẫn mở; lão ngục tốt đã đi, vệ binh đồng phục chống tay vào khuôn cửa nhìn người thợ làm việc. Mớ bọt âm ỉm trên mặt cho Roubachof một cảm giác dễ chịu; ông cảm thấy gần như ham muốn những thú vui nhỏ của cuộc sống. Ông thích nói chuyện với người thợ hớt tóc, nhưng biết đó là chuyện cấm và không muốn gây phiền lụy cho người thợ mà ông thích gương mặt vui vẻ. Theo gương mặt đó, ban đầu Roubachof đoán là một thợ ổng khóa hoặc thợ máy. Sau khi thoa xà-bông, và cạo lát dao đầu tiên, người thợ hỏi ông lưỡi dao có làm ông đau không; hấn gọi ông là “Công dân Roubachof”.

Đó là câu đầu tiên từ khi Roubachof vào phòng, và mặc dầu giọng hấn tự nhiên, nhưng vẫn có một ý nghĩa đặc biệt. Rồi lại yên lặng; người vệ binh đứng ngang cửa đốt một điếu thuốc; người thợ tia chòm râu dưới cằm của Roubachof rồi cắt tóc với những động tác mau lẹ và chính xác. Trong lúc hấn cúi xuống, có lần Roubachof gặp cái nhìn của hấn; cũng lúc đó, hấn thọc hai ngón tay vào cổ áo Roubachof, như để dễ hớt mớ tóc dưới cổ; hấn rút tay, Roubachof nhận thấy dưới cổ áo có một viên giấy làm ông hơi nhột.

Vài phút sau, công việc xong xuôi, Roubachof được đưa trở về xà lim. Ông ngồi trên giường, mắt nhìn lỗ dòm để chắc ý không ai quan sát mình, ông rút lọn giấy, căng ra và đọc. Chỉ có mấy chữ, hình như quẹt gấp rút: “Hãy chết trong yên lặng”.

Roubachof liệng mảnh giấy vào thùng và đi tới lui. Đó là thông điệp đầu tiên mà ông nhận được từ bên ngoài. Trong quốc gia địch, người ta thường lén đưa thư vào khám cho ông; họ bảo ông hãy lên tiếng đổ ngược tội lại cho những kẻ tố cáo ông. Phải chăng trong lịch sử có những lúc mà nhà cách mạng phải giữ im lặng? Trong lịch sử có chẳng những khúc quanh mà tất cả những gì người ta đòi hỏi ông, và chỉ có một sự việc đúng, đó là chết trong im lặng?

Những trầm tư của Roubachof bị số 402 làm gián đoạn vì hấn bắt đầu gõ khi ông trở về; hấn bị tánh tò mò thúc dục muốn biết người ta đã đưa Roubachof đi đâu.

- *Đi cạo râu.* - Roubachof giải thích.

- *Tôi sợ có chuyện tệ hại.* - Số 402 gõ một cách nồng nhiệt.

- *Sẽ có, nhưng sau ông.* - Roubachof trả lời.

Như thường lệ, số 402 tỏ vẻ cảm ơn được Roubachof tiếp chuyện.

- *HA HA!*- Hấn gõ - *Ông thật là đồ quý...*

Điều lạ, là lời khen cũ kỹ đó lại gây một thứ thích thú cho Roubachof. Ông thèm thường được được như số 402, một kẻ thuộc đẳng cấp có những luật lệ về danh dự thật gắt gao quy định con người trong hàng ngũ họ phải sống và chết như cách nào. Đó là một cái gì mà con người nên níu chặt. Đối với những người thuộc hạng Roubachof không có sách vở gì cả, tự mình phải tìm lấy.

Cả đến việc chết cách nào cũng chẳng có một nghi thức nào quy định. Lối chết nào danh dự đây: Chết trong im lặng - hay cúi đầu chịu nhục trước công chúng để đi đến những mục tiêu của mình? Ông đã hy sinh Arlova vì đời sống của ông quý giá hơn cho Cách mạng. Đó là luận điệu quyết định mà các bạn đã dùng để thuyết phục ông; bốn phận giữ mình cho đại sự sau này quan trọng hơn là những quy điều luân lý của bọn tiểu tư sản. Với những kẻ đã thay đổi bộ mặt của lịch sử, không có bốn phận nào hơn là

phải sống và sẵn sàng chuẩn bị. “Ngài muốn làm gì tôi cũng được cả”, Arlova đã nói như vậy. Và ông cũng đã làm như vậy. Tại sao ông xem trọng chính mình như vậy? “Thập niên đang đến sẽ quyết định số phận của kỷ nguyên chúng ta”. Ivanof đã nhắc lời đó. Có thể nào ông trốn tránh vì chán chường, vì mệt mỏi hay vì tự kiêu chẳng? Và sau hết, nếu Người số I có lý thì sao? Nếu ông ta đang liệng tất cả những nền móng vĩ đại của tương lai vào bùn nhơ, vào máu và dối trá? Lịch sử luôn luôn đã chẳng là một người thợ hồ vô nhân đạo và vô liêm sỉ, trộn hồ bằng dối trá, máu và bùn?

Chết trong yên lặng - tan biến đi trong đêm tối - điều đó nói thì dễ...

Roubachof bỗng dừng lại trên tấm gạch đen thứ ba khởi từ cửa sổ; ông ngạc nhiên nhận thấy mình lớn tiếng lặp đi lặp lại nhiều lần mấy tiếng “chết trong im lặng” bằng một giọng không tán thành chua chát, như để nhấn mạnh sự vô lý...

Bấy giờ ông mới nhận thức quyết định bác bỏ đề nghị của Ivanof không phải là không thể lay chuyển được như ông tưởng. Bấy giờ, ông nghi ngờ chẳng biết thật sự mình đã có ý cương quyết bác bỏ đề nghị ấy và từ giã sân khấu không nói lời nào hay không.

5.

Mức sống của Roubachof vẫn tiếp tục tăng tiến. Sáng ngày thứ mười một, lần thứ nhất ông được đưa xuống sân để vận động.

Viên ngục tốt già tới tìm ông sau bữa ăn sáng ít lâu, cùng với người vệ binh đã hộ vệ ông lúc đi đến thợ hớt tóc. Lão ngục tốt báo cho ông hay kể từ hôm nay ông có quyền hoạt động hai mươi phút mỗi ngày trong sân. Ông được đưa vô tốp đầu sau bữa điểm tâm. Rồi viên ngục tốt kể một hơi luật lệ: cấm nói chuyện với người bên cạnh hay bất cứ tù nhân nào khác trong lúc đi dạo; cấm ra hiệu với nhau, trao cho nhau thơ từ hay ra khỏi hàng; mọi vi phạm quy lệ sẽ bị trừng trị bằng cách hủy bỏ ngay ưu quyền tham dự cuộc vận động; những trường hợp vô trật tự nặng nề có thể bị phạt bốn tuần trong hầm tối. Kể đó, viên ngục tốt đóng ập cửa lại và cả ba lên đường. Bước đi ít bước, viên ngục tốt dừng lại mở cửa phòng số 406.

Roubachof đứng bên người vệ binh đồng phục cách cửa không xa, thấy chân của Rip Van Winkle ở trong xà lim lúc hẵn nằm trên giường. Hẳn mang giày “bốt” đen có nút, và mặc quần ô vuông, đã tưa lai, nhưng có vẻ được chải kỹ lưỡng. Ngục tốt lại kể quy lệ; hai chân trong quần ô vuông bước khỏi giường, và một cụ già nhỏ thó nháy mắt hiện ra ở cửa. Mặt lão đầy những râu hoa râm tám ngày không cạo; với chiếc quần bệ vệ, ông mặc áo gi-lê đen có dây đồng hồ bằng kim khí và áo ngoài bằng nỉ đen. Lão đứng ở cửa, nhìn Roubachof với một sự hiếu kỳ trịnh trọng, rồi lão gật nhẹ đầu chào một cách thân thiện, và bốn người cùng đi. Roubachof tưởng mình sẽ đứng trước một người loạn óc, nhưng ông đổi ý. Mặc dầu chân mày lão giựt dữ dội, có lẽ vì bao nhiêu năm bị nhốt trong một xà lim tối tăm, đôi mắt của Rip Van Winkle vẫn sáng và bộc lộ sự hảo tâm ngây ngô. Lão bước có vẻ khó khăn, nhưng với những bước ngắn và cương quyết, thỉnh thoảng lại liếc nhìn Roubachof một cách thân ái. Khi xuống thang, cụ

già nhỏ thó bỗng vấp chân suýt té nếu người lính không giữ tay lão kịp. Rip Van Winkle lẩm bẩm mấy tiếng, vì quá nhỏ nên Roubachof không nghe, nhưng có lẽ lão cảm ơn bằng những lời lẽ lễ phép; người lính cười với dáng điệu xuân ngốc. Họ do một cánh cửa rào mở sẵn đi vào sân, nơi đã có nhiều tù nhân khác đứng sắp hàng hai. Hai tiếng còi ngắn xuất phát từ đám lính ở giữa sân, và cuộc đi dạo mở đầu.

Trời trong với một màu xanh tái ngắt, và không khí trong suốt đầy một mùi cay cay của tuyết. Roubachof quên mang mền theo nên run rẩy. Rip Van Winkle phủ lên vai một chiếc mền xám sờn rách mà người ngục tốt đã trao cho lão khi lão vừa tới sân. Lão yên lặng đi cạnh Roubachof với những bước ngăn chắc chắn; lão nhấp nháy đôi mắt nhìn trời xanh trong trên đầu họ; chiếc mền xám trùm tận đầu gối lão, bao bọc lão như cái chuông. Roubachof tính thử xem chiếc cửa sổ của xà lim mình ở đâu; cửa ấy dơ và đen tối như những cái khác; không thể thấy gì sau cánh cửa đó. Ông nhìn giây lâu lên cửa sổ của số 402, nhưng cũng chỉ thấy lớp kiếng tối đen sau các chấn song. Số 402 không được phép đi dạo; họ cũng không đưa hẳn tới thợ hớt tóc hay đi thăm vấn; Roubachof chưa bao giờ nghe người ta đưa hẳn ra khỏi xà lim.

Họ đi trong yên lặng, bước chậm chạp quanh sân. Giữa đám râu hoa râm, môi lão lay động mãi; lão lẩm bẩm những gì với chính lão. Roubachof ban đầu không hiểu; nhưng rồi ông nhận ra lão già hát nho nhỏ: “Bưng lên, những kẻ bị đẩy ải trên địa cầu”. Điên, hẳn là không, nhưng bảy ngàn ngày và bảy ngàn đêm trong ngục tù đã làm cho lão có hơi kỳ dị. Roubachof quan sát lão và thử tưởng tượng một người bị biệt lập với thế giới bên ngoài suốt hai thập niên thì bị ảnh hưởng gì. Cách đây hai mươi năm, xe hơi rất ít và có những hình thức cục mịch; thuở ấy không có ra-điô, và tên của các chánh khách hiện nay lúc bấy giờ không ai biết. Không ai đoán trước được những phong trào quần chúng mới mẻ, những cuộc xê dịch vĩ đại mảnh đất của chánh trị, cả những con đường khúc khuỷu mà Quốc gia Cách mạng đã đi trong những giai đoạn khủng khiếp; trong thời đó, người ta tưởng các cửa của không tưởng sắp mở và người ta từng tưởng tượng nhân loại đã đứng trên thềm của thời vàng son...

Roubachof nhận thấy đầu trí tưởng tượng của ông có cố gắng đến đâu đi nữa cũng không thể hình dung được trạng thái tinh thần của người lân cận, tuy kinh nghiệm về nghệ thuật “nghĩ bằng đầu óc kẻ khác” của ông rất dồi dào. Ông đã thành công không khó nhọc lắm trong trường hợp nghĩ thay cho Ivanof, hay Người số I, hay ngay cả viên sĩ quan mang kiếng một tròng; nhưng đối với Rip Van Winkle, ông thú nhận chịu thua. Ông nhìn ngang sang lão; lão vừa quay đầu về phía ông; ông mỉm cười với lão; hai tay nắm cái mền trùm từ vai xuống, lão đi bên ông với những bước nhỏ, hát gần như không thể nghe được “Búng lên, những kẻ bị đẩy ải trên địa cầu”.

Sau khi được đưa trở về tòa nhà, đến cửa xà lim, lão già còn quay lại gật đầu chào Roubachof; đôi mắt lão chớp lia với một sự thay đổi cảm giác bất ngờ, lão có vẻ khùng khiếm và thất vọng; Roubachof tưởng chừng lão sắp kêu cứu với ông, nhưng viên ngục tốt đã đóng cửa số 406. Khi Roubachof vào tới xà lim, ông đi thẳng tới bức tường; nhưng Rip Van Winckle nín không trả lời những tiếng gõ của ông.

Số 402, ngược lại, đã nhìn họ qua cửa sổ của hăn, muốn ông kể lại cuộc đi dạo với tất cả chi tiết. Roubachof phải nói với hăn không khí ra sao, trời lạnh hay chỉ mát thôi, ông có gặp những tù nhân khác trong hành lang hay không và chót hết, ông có trao đổi được vài lời với Rip Van Winkle hay không. Roubachof phải kiên nhẫn trả lời tất cả những câu hỏi của hăn; so với số 402, kẻ không bao giờ được phép ra khỏi xà lim, ông cảm thấy mình được ưu đãi hơn, ông tội nghiệp hăn và cảm thấy gần như một mặc cảm tội lỗi.

Hôm sau và hôm sau nữa, họ đến tìm Roubachof để đi dạo vào giờ đó sau bữa ăn sáng. Rip Van Winkle luôn luôn là kẻ đồng hành với ông. Họ đi cạnh nhau, mỗi người với cái mền trên vai, cả hai đều im lặng: Roubachof, chìm đắm trong suy tư, thỉnh thoảng nhìn chăm chú xuyên qua kiếng kẹp mũi những tù nhân khác hay các cửa sổ của khám đường; lão già, với bộ râu xồm xoàm mỗi ngày một dài thêm, và nụ cười dịu dàng như trẻ con, hát nho nhỏ câu hát muôn thuở của lão.

Đến phiên dạo thứ ba cạnh nhau, họ vẫn không trao đổi một lời nào cả, mặc dầu Roubachof nhận thấy các ngục tốt không áp dụng triệt để lệnh

im lặng, và những cặp khác nói chuyện không ngắt, họ vừa trò chuyện vừa giả bộ nhìn thẳng tới trước, môi gần như không động đậy.

Ngày thứ ba, Roubachof mang theo sổ và viết chì; Quyển sổ ló cao lên ở túi trái của chiếc áo ngoài. Độ mười phút, lão già nhận thấy; đôi mắt lão sáng lên. Lão lên nhìn bọn ngục tốt đứng ở giữa sân đang nói chuyện âm ỉ với nhau không để ý đến các tù nhân rồi lão rút mau quyển sổ và cây viết chì ở túi Roubachof hí hoáy viết, vừa giấu dưới cái mền. Viết xong lão xé tờ giấy nhét vào tay Roubachof; lão vẫn giữ viết và quyển sổ tiếp tục viết nữa. Roubachof xem thấy bọn ngục tốt không nhìn mình liền đọc trang giấy. Không có chữ nào trong đó, mà là một hình vẽ: bức địa đồ của quốc gia họ đang ở, vẽ với một sự chính xác đáng ngạc nhiên. Người ta thấy những thành phố quan trọng, núi non và sông ngòi, và một cây cờ cắm ở giữa có mang biểu tượng của Cách mạng. Khi họ đi vòng trở lại, số 406 xé trang thứ hai trao sang tay Roubachof và chờ đợi với một nụ cười để xem Roubachof có thái độ nào. Roubachof cảm thấy bối rối trước cái nhìn đó và thì thầm mấy lời cảm ơn. Lão già nháy mắt.

- Tôi có thể vẽ mà không cần mở mắt.

Roubachof gật đầu.

- Ông không tin, - Lão già nói vừa mỉm cười - nhưng mà tôi tập vẽ như vậy đã hai mươi năm qua.

Lão liếc mau về đám lính canh, mắt nhắm lại, không chậm bước, bắt đầu vẽ trên trang giấy trắng, dưới vòm mền. Hai mắt lão hoàn toàn nhắm lại, và lão hát hàm lên với một cử động cứng ngắt như kẻ mù. Roubachof nhìn đám lính canh một cách lo ngại; ông sợ lão già vấp chân hay đi ra khỏi hàng. Nhưng chỉ nửa vòng, bức vẽ đã xong, nét hơi run hơn những bức kia, nhưng cũng gần đúng như vậy; chỉ có biểu tượng trên lá cờ ở giữa bức địa đồ có kích thước không tương xứng thôi.

- Bây giờ ông tin tôi phải không? - Số 406 thì thầm với một nụ cười rạng rỡ.

Roubachof ra dấu nhìn nhận. Bây giờ gương mặt lão già tối sầm lại; Roubachof nhận thấy đáng khùng khiếp mà lão thường có mỗi lần người ta nhốt ông trở lại trong xà lim.

- Tôi bắt lực trong vụ này - Lão nói nho nhỏ - Họ đưa tôi lên một chuyến xe lửa không đúng.

- Sao vậy? - Roubachof hỏi.

Rip Van Winkle mỉm cười với một cách dịu dàng và buồn thảm.

- Lúc khởi hành, họ dẫn tôi tới một nhà ga không đúng như tôi muốn, - Lão nói - và họ tưởng là tôi không biết. Đừng nói với ai là tôi biết. - Lão thì thầm, vừa láy mắt chỉ đám lính canh.

Roubachof gật đầu. Một lúc sau tiếng còi vang lên cho biết cuộc di dạo chấm dứt.

Lúc đi qua cửa rào, họ được một dịp không ai chú ý tới họ. Đối mắt của số 406 trở lại trong sáng và đầy hảo ý :

- Có lẽ ông cũng gặp trường hợp như tôi? - Lão hỏi Roubachof bằng giọng thông cảm.

Roubachof gật đầu.

- Đừng thất vọng. Một ngày nào đó, ta cũng tới được Tổ quốc của Cách mạng. - Rip Van Winkle nói, ngón tay chỉ vào bức địa đồ nhàu nát trong tay Roubachof.

Rồi lão trao trả số và viết chì vào túi áo Roubachof. Trong thang, lão lại hát nho nhỏ câu hát bất diệt của lão.

6.

Cái đêm mà sáng hôm sau thì chấm dứt thời hạn mà Ivanof đã định cho ông, trong lúc người ta phân phát bữa ăn tối, Roubachof có cảm giác một cái gì bất thường lớn vờn trong không khí. Ông không thể giải thích tại sao; bữa ăn được phát như thường lệ, những tiếng kèn buồn thảm vang lên đúng vào giờ đã định; tuy nhiên Roubachof tưởng như nhận thấy một sự căng thẳng trong không khí. Có lẽ một lao công đã nhìn ông có hơi khác hơn bình thường; có lẽ giọng nói của lão ngục tốt già không như mọi ngày? Roubachof không quyết định được là cái gì, nhưng ông không thể làm việc được; ông thấy sự căng thẳng trong cân não, như kẻ bị bệnh tê thấp cảm thấy trước trận cuồng phong.

Sau hồi kèn thứ hai, ông nhìn vào hành lang, những ngọn đèn thiếu điện rọi một thứ ánh sáng mơ hồ xuống nền gạch. Roubachof nằm trên giường, ngồi lên cố gắng viết mấy giòng, đập tắt một mẫu thuốc, và đốt điếu khác. Ông nhìn xuống sân; giá bắt đầu tan, tuyết dơ và mềm, trời mù mịt: trên lũy trước mặt, người lính canh, súng trên vai, đi tới đi lui. Roubachof trở lại nhìn qua lỗ dòm vào hành lang: yên lặng, cô đơn và ánh sáng đèn điện.

Trái với thói quen, và đầu đã khuya, ông bắt chuyện với số 402.

- Ông ngủ hả? - Ông hỏi.

Không có tiếng trả lời và Roubachof chờ đợi, thất vọng. Kế đó, có tiếng gõ, bình thản hơn và chậm hơn bình thường:

- Không, ông cũng cảm thấy rồi hả?

- Có gì mà cảm thấy? - Roubachof hỏi. Ông thở một cách khó nhọc, vẫn nằm dài trên giường, gõ bằng kiếng mắt.

Số 402 do dự một lúc. Rồi hẳn gõ nhẹ nhàng đến nỗi có thể bảo là hẳn nói thì thầm:

- *Tốt hơn là ông ngủ đi...*

Roubachof nằm yên trên giường và ông thẹn vì 402 nói với ông bằng giọng kẻ cả. Ông nằm ngửa nhìn cái kiếng kẹp mũi mà ông để tựa vào tường, tay đưa lên nửa chừng. Sự yên tĩnh bên ngoài dày đặc đến nỗi ông cảm thấy như ù tai. Thành linh có tiếng từ bức tường :

- *Lạ quá - Ông lại cảm thấy chuyện đó ngay...*

- *Cảm thấy gì? Giải thích đi!* - Roubachof gõ vừa ngồi lên trên giường.

Số 402 có vẻ nghi ngại. Sau một lúc do dự ngần, hấn gõ:

- *Tối nay giải quyết những khác biệt chánh kiến...*

Roubachof hiểu. Ông ngồi tựa vào tường, trong bóng tối, chờ được cho biết nhiều hơn. Nhưng số 402 không nói gì nữa. Một lúc sau, Roubachof gõ:

- *Những cuộc hành quyết?*

- *Phải.* - Số 402 trả lời ngắn ngủn.

- *Sao ông biết?* - Roubachof hỏi.

- *Người sát môi nói.*

- *Mấy giờ?*

- *Không biết.*

Sau khi ngừng một lúc:

- *Gần đây.*

- *Biết tên không?* - Roubachof hỏi.

- *Không.* - Số 402 trả lời.

Một lúc sau, hấn thêm:

- *Cùng loại với ông. Khác biệt chánh kiến.*

Roubachof nằm xuống chờ. Một lúc sau, ông mang kiếng lại, nằm yên, một tay dưới cổ. Bên ngoài vẫn yên tĩnh. Tất cả những hoạt động đều bị dập tắt, tê cứng trong bóng tối khám đường.

Roubachof chưa bao giờ chứng kiến một cuộc hành quyết. Ông suýt phải chứng kiến cuộc hành quyết chính ông, hồi Nội chiến. Ông không hình dung được sự kiện đó giống như cái gì trong những trường hợp bình thường, khi nó nằm trong một thời biểu bình thường. Ông biết một cách mơ

hồ rằng những cuộc hành quyết xảy ra ban đêm trong những hầm rượu, và tội phạm bị giết bằng một viên đạn sau ót; nhưng ông không biết rõ chi tiết. Trong Đảng, sự chết không phải là chuyện bí mật, nó cũng chẳng có gì lằng mạn. Đó là một kết quả hợp lý, được người ta xem như là một yếu tố đáng kể, và nó mang một tánh cách trừu tượng. Hơn nữa, người ta ít nói đến cái chết, gần như không bao giờ người ta dùng chữ “hành quyết”; từ ngữ quen dùng là “thanh toán vật chất”. Những tiếng này chỉ gợi một ý cụ thể: sự chấm dứt mọi hoạt động chánh trị. Hành động chết tự nó chỉ là một chi tiết kỹ thuật, không một tham vọng nào gây chú ý cho bất cứ ai: sự chết với địa vị là yếu tố trong một phương trình hợp lý đã mất tất cả đặc điểm nhục thể thân mật.

Roubachof nhìn trong bóng tối qua chiếc kiếng kẹp mũi. Chuyện đó đã khởi đầu? Hay nó còn phải làm? Ông đã tháo giày vớ; ở đầu mền dưới kia, hai chân trần của ông dựng lên, tái ngắt trong bóng tối. Sự yên tĩnh càng có vẻ bất thường. Không phải là sự vắng âm thanh thường lệ và thoải mái; đó là một thứ vắng lặng đã nuốt chửng mọi âm thanh và dập tắt chúng nó, một thứ vắng lặng rung động như da trống căng thẳng. Roubachof nhìn hai bàn chân trần và lay động chậm chậm những ngón chân. Chúng có vẻ cục mịch và siêu nhiên, như hai chân trắng của ông sống một đời sống riêng rẽ. Ông ý thức với một cường độ bất bình thường về sự hiện diện của cơ thể ông, ông cảm thấy sự đùng chạm ấm áp của cái mền trên đôi chân và sức ép của bàn tay dưới cổ. Sự “thanh toán vật chất” được thực hiện ở chỗ nào? Ông có cảm tưởng lơ mờ rằng việc ấy được thực hiện dưới kia, dưới cầu thang khu ốc, sau phòng hút tóc. Ông cảm thấy mùi da dây nịt của Gletkin và nghe bộ đồng phục của ông ta cọ xào xạt. Ông ta nói gì với nạn nhân? “Quay mặt vào tường”? và thêm: “xin mời ông”? Hay ông ta nói: “Đừng sợ gì cả. Việc đó không làm ông đau đâu...”? Có thể ông ta bắn mà không báo trước, từ sau lưng tới lúc đang đi? - nhưng nạn nhân hay quay mặt lại luôn. Có thể ông ta giấu cây súng sáu trong tay áo, như nha sĩ giấu chiếc kềm? Có thể còn những nhân vật khác ở đó nữa? Họ có dáng điệu ra sao? Người chết ngã sấp tới hay ngã lui? Hẳn có kêu lên không? Có thể ông ta phải bắn viên đạn thứ nhì để kết thúc?

Roubachof hút thuốc và nhìn các ngón chân. Đầu đó đều lặng yên đến nỗi ông nghe tiếng giấy thuốc xoắn lại. Ông hít một hơi thuốc dài. Nhảm, ông tự nói với mình. Một loại tiểu thuyết dành cho các cô gái bán hàng thuê trong các hiệu buôn. Sự thật, ông không bao giờ tin cái thực tế kỹ thuật của “sự thanh toán vật chất”. Cái chết là một cái gì trừu tượng, nhứt là cái chết của chính ông. Phải chăng giờ đây mọi việc đều chấm dứt, và cái gì thuộc dĩ vãng là không có sự thật. Đầu đó đều tối om và im phăng phắc, và số 402 cũng chẳng còn gõ nữa.

Ông ao ước có kẻ nào hét lên bên ngoài để xé tan sự yên lặng to rộng này. Ông hít không khí và nhận thấy tự nãy giờ ông có mùi dầu thơm của Arlova trong mũi. Cả thuốc cũng có mùi của cô, cô đã để những điếu thuốc của cô trong một túi da trong xách tay, và tất cả những điếu thuốc móc trong đó ra đều thơm mùi phấn của cô... Sự lặng lẽ tiếp nối. Chỉ có cái giường rít lên nhẹ nhẹ khi ông lay động.

Đúng vào lúc Roubachof định ngồi lên đốt thêm một điếu thuốc thì có những tiếng gõ vào tường:

- *Họ tới.*

Roubachof lảng tai. Ông chỉ nghe tiếng mạch máu gõ ở màng tang. Ông chờ đợi. Sự yên tĩnh vẫn dày đặc. Ông mở kiếng và gõ:

- *Tôi không nghe gì hết...*

Một lúc lâu, số 402 không trả lời. Thành linh hấn gõ, mạnh và rõ ràng:

- *Người số 380. Chuyển dùm.*

Roubachof vội ngồi dậy. Ông đã hiểu: tin tức này được chuyển qua mười một xà lim, bởi những người lân cận của số 380. Những kẻ chiếm ngụ các xà lim từ số 380 đến 402 họp thành một trạm âm thanh xuyên qua đêm tối và yên lặng. Bị nhốt trong bốn bức tường, họ không tự vệ; đó là một hình thức đoàn kết của họ. Roubachof nhảy xuống giường, chạy chân không đến tường trước mặt, đứng gần cái bồn vệ sinh và gõ cho số 406:

- *Coi chừng. Số 380 sắp bị bắn. Chuyển dùm.*

Ông lắng nghe. Chiếc bồn vệ sinh xông mùi hôi thay thế cho mùi dầu thơm của Arlova. Không có tiếng trả lời. Ông chạy gấp sang giường. Lần này ông gõ không phải bằng chiếc kiếng mà bằng nắm tay:

- *Số 380 là ai?*

Vẫn không có tiếng trả lời. Roubachof đoán rằng số 402, cũng như ông, phải làm con thoi chạy từ bức tường này sang bức tường khác của phòng giam. Trong mười một xà lim bên trái, các tù nhân chạy không tiếng động, chân không, từ tường này sang tường nọ. Kìa, số 402 đã trở lại bức tường phía ông; hấn báo tin:

- *Chúng đang đọc bản án. Chuyển dùm.*

Roubachof lập lại câu hỏi trước:

- *Hấn là ai?*

Nhưng số 402 đã đi. Chuyển tin cho Rip Van Winkle vô ích, nhưng Roubachof vẫn chạy về phía chiếc bồn vệ sinh và đánh tin; ông bị một ý niệm mơ hồ về bốn phận thúc đẩy để khỏi làm đường dây gián đoạn. Mùi hôi từ chiếc bồn làm ông muốn mửa. Ông chạy về giường mình chờ đợi. Bên ngoài vẫn không có một tiếng động nhỏ nào. Chỉ có bức tường tiếp tục âm vang:

- *Hấn kêu cứu.*

- *Hấn kêu cứu;* Roubachof chuyển cho số 406. Ông lẳng tai. Không nghe gì cả. Roubachof sợ phải ói lần tới khi đến gần chiếc bồn.

- *Họ đưa hấn đi. Hấn la và giãy giụa. Chuyển giùm.*

- *Hấn tên gì?* - Roubachof đánh nhanh, trước khi số 402 dứt câu. Lần này ông được trả lời:

- *Bogrof. Đối lập. Chuyển giùm.*

Hai chân Roubachof bỗng dừng nặng trĩu. Ông qua bên kia, tựa mình vào tường đánh cho số 406:

- *Michel Begrof, cựu thủy thủ của thiết hạm “Potemkine”, Tư lệnh hạm đội Đông phương, được thưởng Cách mạng bội tinh đệ nhất hạng, sắp bị hành quyết.*

Ông lau mồ hôi ướt đầm trán, mửa vào bồn và chấm dứt câu:

Chuyển dùm.

Ông không thể gọi lại được dung mạo Bogrof, nhưng ông thấy rõ dáng dấp đồ sộ của ông ấy, hai cánh tay ve vẩy vụng về, những nốt đỏ trên gương mặt trệt và rộng, mũi hơi hình. Hai người đã sống lưu đày cùng một

phòng sau 1905; Roubachof tập ông ta đọc, viết và dạy ông những căn bản về tư tưởng lịch sử; từ đó, dẫu ở đâu, mỗi năm hai lần ông đều nhận được bằng câu bất di bất dịch: “Người đồng chí của anh, trung thành cho đến chết, Bogrof”.

- *Họ tới, số 402 hấp tấp gõ, mạnh đến nỗi Roubachof vẫn đứng bên chiếc bồn, đầu tựa vào tường, nghe được từ phía bên kia xà lim.*

- *Đứng ở lỗ dòm. Đập tay vào tường. Chuyển dùm.*

Roubachof cứng người. Ông chuyển tin cho số 406:

- *Đứng ở lỗ dòm. Đập tay vào tường. Chuyển dùm.*

Ông chạy trong tối đến cửa và chờ. Đây đó đều lặng lẽ như trước.

Vài giây sau, có tiếng đập vào tường:

- *Họ tới rồi.*

Dài theo hành lang, tiếng động thành hồi trầm trọng và âm vang như trong hang thẳm chạy tới gần. Không phải gõ cũng không phải đập: những người bị nhốt trong các xà lim từ số 380 đến 402, họp thành một chuỗi âm thanh và đứng sau cửa như một hàng rào danh dự trong bóng tối, bắt chước thật giống tiếng trống đổ hồi bị trấn áp bởi âm lượng nhưng vẫn trịnh trọng, do gió đưa từ xa tới. Roubachof, mắt dán vào lỗ dòm, hưởng ứng bằng cách đập cả hai tay một cách nhịp nhàng vào cánh cửa xi-măng. Ông ngạc nhiên nghe lượng sóng âm thanh đục ấy tiếp nối ở phía mặt ông bởi số 406 và liên kế; Rip Van Winkle đã hiểu và cùng đập từng hồi vào cửa. Cùng lúc ấy, Roubachof nghe từ bên trái, ở một khoảng còn cách nhãn tuyến của ông, những cánh cửa sắt lăn trên các khe trượt. Phía bên trái ông, trống đổ hồi lớn hơn khi nãy; Roubachof hiểu rằng cửa sắt phân cách tù bí mật và các xà lim thường vừa được mở. Những chiếc chìa khóa chạm vào nhau và bây giờ cửa sắt được đóng lại; ông nghe tiếng chân đến gần, lẫn với tiếng kéo lê vật gì trên nền gạch. Hồi trống bên trái to phồng lên như một làn sóng âm thanh bỗng liên tục nhưng đục. Tầm mắt của Roubachof, giới hạn bởi các xà-lim số 401 đến 407 vẫn còn trống. Tiếng vật gì đó bị kéo chuỗi trên nền gạch đến gần rất nhanh, và bây giờ, ông phân biệt được tiếng rên rỉ và tiếng khóc, có thể bảo là của một đứa trẻ. Tiếng chân bước mau hơn, hồi trống nhỏ dần bên trái, còn bên mặt thì to lên.

Roubachof đập vào cửa. Ông đã mất hết quan niệm về thời gian và không gian, và chỉ nghe tiếng trống âm vang như từ hang sâu trong rừng thẳm; người ta có thể bảo là đàn khí đằng sau song sắt của những cái chuồng, vừa đấm ngực vừa đập trống; ông dán mắt vào lỗ dòm, nhón chân lên xuống vừa đổ hồi trống. Như trước đây, ông chẳng thấy gì khác hơn là những cánh cửa sắt của các số từ 401 đến 407, nhưng hồi trống to hơn, tiếng chân xéo trên nền gạch cùng tiếng khóc gằn dần. Bỗng nhiên, nhiều bóng đen bước vào tầm mắt ông: họ đây rồi. Roubachof ngưng đập cửa để nhìn. Thoáng cái, họ không còn ở đó nữa.

Những điều trông thấy trong mấy giây ấy được khắc bằng sắt đỏ vào tâm khảm Roubachof. Hai bóng người không rõ ràng đi qua, họ mặc đồng phục, to lớn và lờ mờ; hai kẻ ấy xoắn nách một người thứ ba. Bóng người ở giữa rũ xuống nhưng với sự cứng ngắc như búp bê giữa hai cánh tay, hai chân hằn thồng dài ra sau, mặt úp xuống, bụng cong về phía mặt đất. Hai chân hằn lết phía sau, mũi giày chạm trên nền gạch gây ra một âm thanh đinh tai mà Roubachof đã nghe từ xa.

Trên gương mặt úp xuống lòa xòa mấy lọn tóc bạc. Miệng mở to. Mặt đầy những giọt mồ hôi lấm tấm, và một giòng nước miếng chảy từ miệng dọc theo cằm. Khi họ lôi người ấy ngoài tầm mắt của Roubachof, sang phía tay mặt và đến tận cùng hành lang, những tiếng rên siết và khóc lóc tắt lần lần trong xa xăm; những âm thanh đó chỉ đến tai Roubachof như tiếng vọng từ xa gồm ba mẫu âm rền rĩ: “u-a-o”. Nhưng trước khi họ đến khúc quanh ở đầu hành lang, gần phòng hớt tóc, Bogrof la ãm lên hai lần và lần này, Roubachof chẳng những nghe những mẫu tự, mà là một tiếng trọn vẹn; đó là tên ông; ông nghe Bogrof la rõ ràng: Roubachof.

Kế đó, như đáp lại một tín hiệu, sự yên lặng tái lập. Những bóng đèn điện rọi sáng như bình thường, hành lang trống trải trở lại như trước. Nhưng số 406 gõ vào vách:

- Búng lên, những kẻ bị đầy ải trên địa cầu.

Roubachof thấy mình nằm dài trên giường mà không nhớ mình đã nằm như thế hồi nào. Những tiếng trống đổ hồi hãy còn vang vang trong tai ông, nhưng sự yên lặng hiện thời mới là yên lặng thật sự, được trút đi hết

mọi vấn đực và hết còn căng thẳng. Chắc hẳn số 402 ngủ rồi. Bogrof hay những gì còn lại ở hẳn có lẽ hiện thời cũng đã chết.

“Roubachof, Roubachof...” Tiếng gọi cuối cùng đó ghi bằng lửa đỏ không bao giờ phai trong thính giác của ông. Hình ảnh xuyên qua thị giác không rõ rệt bằng. Ông khó mà nhận ra Bogrof qua cái bóng mờ giống như búp bê bằng sáp có cái mặt ướt đẫm, đôi chân cứng ngắc bị kéo lết, mà người ta đã lôi ngang tầm mắt ông trong vài giây. Họ đã làm gì Bogrof? Họ đã làm gì người thủy thủ lực lưỡng ấy để hẳn phát ra những tiếng khóc lóc trẻ con đó? Arlova có khóc như vậy không khi bị kéo lôi dài theo hành lang?

Roubachof ngồi trên giường, úp trán vào tường mà số 402 đang ngủ bên kia; ông sợ phải ói nữa. Cho đến nay, chưa lần nào ông tưởng tượng được cái chết của Arlova với nhiều chi tiết như vậy. Sự kiện đó luôn luôn đối với ông là một biến cố trừu tượng; cái chết ấy đã lưu lại trong lòng ông một cảm giác khó chịu nặng nề, tuy nhiên bao giờ ông cũng tin tưởng rằng lối xử sự của ông như vậy là hợp với luận lý. Giờ đây, trong lúc sự buồn nôn làm lộn cả ruột gan và làm khô cả mồ hôi ướt đẫm trán, ông mới thấy lối suy nghĩ từ trước đến giờ thật là điên rồ. Tiếng khóc lóc của Bogrof đảo ngược cái phương trình hợp lý. Trước kia, Arlova là một yếu tố trong cái phương trình đó, một yếu tố nhỏ so với những cái khác trong phương trình. Nhưng bây giờ, phương trình ấy không còn đứng vững nữa. Hình ảnh hai chân Arlova với gót giày cao bị kéo lê dài theo hành lang đảo lộn sự quân bình toán học. Yếu tố không quan trọng đã trở thành vô cực, tuyệt đối; sự rên siết của Bogrof, âm thanh không còn là của con người trong giọng của Bogrof lúc hẳn gọi tên ông, tiếng trống đổ hồi như trong hang sâu do những nắm tay đập vào cửa, tất cả những cái ấy tuôn đầy vào tai ông, chận nghẹt tiếng nói quá nhỏ của lý lẽ, chôn vùi nó như thủy triều chôn tiếng ọc ọc của kẻ đang chết đuối.

Kiệt sức, Roubachof ngủ ngồi, đầu tựa vào tường, kiếng kẹp mũi ở trước đôi mắt nhắm.

7.

Ông rên rỉ trong khi ngủ. Giấc mơ lúc ông bị bắt lần đầu tiên trở lại; bàn tay buông lỏng lên thành giường tìm tòi một cách sốt ruột cái tay của chiếc áo ngủ; ông chờ đợi viên đạn bắn vào đầu, nhưng viên đạn ấy đã không tới.

Ông thức dậy, vì đèn điện trong xà lim thành linh bật sáng. Có người đứng bên giường đang nhìn ông. Roubachof đã ngủ không quá mười lăm phút, nhưng sau cơn mơ đó, ông cần nhiều phút mới tỉnh hẳn. Ông nhấp nháy đôi mắt trong ánh sáng chói lòa ấy, trí óc ông xây dựng một cách cực nhọc những giả thuyết thông thường, giống như ông làm một hành động mà ông không hay biết mình đang làm gì. Ông ở trong một xà lim, chớ không phải ở trong một nước cừu địch - việc đó chỉ là giấc mơ. Như vậy là ông đang tự do - nhưng bức ảnh màu của Người số I máng trên đầu giường không có đó, và đằng kia là cái bồn vệ sinh. Hơn nữa, Ivanof đứng ở đầu giường và thổi khói thuốc vào mặt ông. Sự kiện đó cũng là giấc mơ nữa sao? Không, Ivanof là thực tế, cái bồn cũng thực tế. Ông đang ở trong nước của ông, nhưng giờ đây đã trở thành nước cừu địch; và Ivanof trước kia là bạn, bây giờ đối với ông cũng là cừu địch; và những tiếng khóc lóc của Arlova cũng không phải là giấc mơ nữa rồi. Nhưng không, không phải Arlova, mà là Bogrof bị người ta kéo lết như một hình nộm bằng sáp; đồng chí Bogrof, kẻ trung thành với ông cho đến chết; hẳn đã gọi tên ông; đó không phải là giấc mơ. Arlova, trái lại, đã nói: “Ngài muốn làm gì tôi cũng được...”

- Anh đau hả? - Ivanof hỏi.

Bị chói mắt, Roubachof nhấp nháy đôi mắt nhìn ông.

- Cho tôi chiếc áo ngủ. - Ông nói.

Ivanof quan sát ông. Má bên trái sưng lên.

- Anh muốn uống rượu mạnh không? - Ivanof hỏi.

Không đợi trả lời, ông đi cà nhắc ra lỗ dòm và hướng về hành lang ra lịnh. Roubachof nhìn theo ông, nháy mắt lia. Ông há hốc miệng ngạc nhiên. Ông đã thức, nhưng nhìn, nghe, suy nghĩ như xuyên qua một đám sương mù.

- Anh cũng bị họ bắt nữa sao? - Roubachof hỏi.

- Không - Ivanof bình thản nói - Tôi chỉ tới thăm anh. Tôi tưởng anh bị sốt.

- Cho tôi một liều thuốc. - Roubachof nói.

Ông hít khói thuốc thật dài một hay hai lần, và ông nhìn rõ hơn. Ông nằm trở lại hút thuốc và nhìn lên trần nhà. Cánh cửa xà lim mở ra; ngục tốt mang một chai rượu mạnh và một cái ly. Lần này, không phải lão già mà một thanh niên ốm mặc đồng phục, mang kiếng trắng gọng sắt. Hắn chào Ivanof, trao chai và ly rồi ra ngoài khép cửa lại. Tiếng chân hắn xa dần trong hành lang.

Ivanof ngồi trên thành giường của Roubachof, rót đầy ly. “Uống đi”, ông nói. Roubachof cạn ly. Đám hơi mù trong đầu ông biến lần, những biến cố và những con người - lần ở tù thứ nhất và thứ nhì, Arlova, Bogrof, Ivanof - sắp thứ tự trong thời gian và không gian.

- Anh bệnh hả? - Ivanof hỏi.

- Không. - Roubachof nói. Điều mà ông không hiểu nổi là lý do sự có mặt của Ivanof trong xà lim của ông.

- Gò má anh bị sưng nhiều. Và tôi thấy hình như anh bị sốt.

Roubachof xuống khỏi giường, nhìn qua lỗ dòm ra hành lang, không thấy ai cả, ông đi tới đi lui trong xà lim. Đi vài bận như thế, ông cảm thấy đầu óc hoàn toàn sáng suốt và ngừng lại trước Ivanof. Ông này ngồi ở đầu giường, kiên nhẫn phun những vòng khói thuốc.

- Anh làm gì ở đây? - Roubachof hỏi.

- Tôi muốn nói chuyện với anh. Nằm xuống đi và uống thêm ly nữa.

Roubachof nhìn ông qua kiếng mắt :

- Cho tới nay, tôi muốn tin rằng anh có thiện ý. Bây giờ tôi mới thấy anh là thằng bọm. Ra khỏi đây đi.

Ivanof ngồi yên.

- Tôi yêu cầu anh cho tôi biết những lý do tại sao anh nói như vậy.

Roubachof dựa lưng vào tường chung với số 406 và nhìn Ivanof. Ivanof hút thuốc bình thản.

- Điều thứ nhất, - Roubachof nói - anh biết rõ tình bạn giữa Bogrof với tôi. Do đó, anh mới tìm cách cho Bogrof - hay những gì còn lại ở anh ấy - bị kéo trước xà lim tôi để cho tôi nhớ lại. Để chắc rằng tôi chứng kiến cảnh đó, có người kín đáo cho tôi hay trước vụ hành quyết Bogrof, nghĩ rằng tin đó sẽ được những người lân cận chuyển đến tôi, và chuyện xảy ra đúng như vậy. Một tế nhị khác của nhà dàn cảnh: ngay trước khi mang anh ta đi, họ cho Bogrof biết tôi ở đây, trong hy vọng là mách khéo đó làm cho anh ấy có những biểu lộ rằm rộ; chuyện đó cũng đã xảy ra. Tất cả đều được tính toán để làm cho tôi mất tinh thần. Đúng vào lúc khẩn trương đó, đồng chí Ivanof xuất hiện với tư cách tế độ, một chai rượu cặp dưới nách. Sau đó là một màn hòa giải cảm động, chúng ta sẽ ôm nhau, trao đổi nhau những kỷ niệm giặc giả cảm động, rồi tôi ký một tờ tự thú. Xong, tù nhân ngủ một giấc êm đềm; đồng chí Ivanof nhẹ nhàng đi ra, tờ tự thú trong túi, và ít ngày sau được đề cử vào một chức vụ ngon hơn... Bây giờ, xin anh vui lòng đi ra.

Ivanof không nhúc nhích. Ông phun khói lên không khí, mỉm cười lộ mấy chiếc răng vàng.

- Anh gán cho tôi những phương pháp dã man như vậy sao? - Ông hỏi - Hay, nói rõ hơn, quả thật anh xem tôi là một nhà tâm lý học hạng tồi như vậy à?

Roubachof nhún vai :

- Những mưu ngầm của anh làm tôi nhòm gớm. Nếu anh còn lại một chút gì tôn kính dư luận, anh hãy để tôi yên. Anh không thể tưởng tượng tôi ghê tởm anh đến bậc nào, tất cả những gì ở anh.

Ivanof lấy chiếc ly trên nền gạch, rót đầy và uống một hơi.

- Tôi đề nghị một thỏa thuận như sau- Ông nói - Anh để tôi nói năm phút mà không ngắt lời tôi, và anh hãy nghe tôi với tất cả sự sáng suốt của anh. Nếu sau đó, anh còn giữ ý định rằng tôi phải đi, chùng đó tôi sẽ đi.

- Tôi nghe. - Roubachof nói. Ông vẫn tựa mình vào tường trước mặt Ivanof và nhìn đồng hồ.

- Trước tiên, - Ivanof nói - để phá tan mọi nghi ngờ và lầm tưởng có thể còn lại: Bogrof đã bị bắn rồi. Thứ hai, hắn ở trong tù từ mấy tháng rồi, và chót hết, hắn bị tra tấn mấy ngày liên tiếp. Nếu anh ám chỉ chuyện đó trong những cuộc tranh luận công khai hay anh chỉ cần thông báo với những người lân cận là chết tôi. Còn những lý do tại sao đối xử với Bogrof như vậy, ta sẽ nói sau. Thứ ba, việc anh ta bị dẫn ngang xà-lim anh là việc có dụng tâm, cả việc cho hắn biết sự có mặt của anh ở đây cũng vậy. Thứ tư, cái mưu ngầm dơ bẩn mà anh nói, không phải là hành động của tôi, mà từ đồng nghiệp tôi là Gletkin, trái ngược với những chỉ thị gắt gao của tôi.

Ông ngừng lại. Roubachof vẫn dựa lưng vào tường, không nói gì.

- Không bao giờ tôi phạm lỗi lầm như vậy - Ivanof tiếp - Không phải tôi nể nang gì những tình cảm của anh, mà vì nó trái với chiến thuật của tôi và với những gì tôi biết về tâm lý học. Anh vừa tỏ ra có khuynh hướng về những sự nể trọng dư luận và những tình cảm loại đó. Hơn nữa, câu chuyện về Arlova hãy còn trong lòng anh. Cái màn với Bogrof chỉ có thể làm cho sự giảm sút tinh thần của anh thêm trầm trọng và tăng gia sự tán dương luân lý của anh - chuyện đó đã được đoán trước: chỉ có kẻ phá hư công việc và không hiểu khoa tâm lý mới phạm lỗi lầm như vậy. Đã mười ngày nay Gletkin nhai đi nhai lại mãi bên tai tôi rằng phải dùng “phương pháp mạnh” với anh. Điều thứ nhất, hắn không thích anh vì anh đã đưa những lỗ vớ rách vào mắt hắn; điều thứ hai, anh ta quen thói với những nông dân... Đó là những sự kiện để giải thích với anh về vụ Bogrof. Rượu mạnh, tôi bảo mang tới bởi vì anh không đầy đủ trí năng khi tôi vào đây. Tôi không có lợi gì phục rượu cho anh say. Tôi không có lợi gì gây những xúc động mạnh cho anh. Tất cả những cái đó chỉ làm cho anh đi sâu thêm vào việc tán dương luân lý. Tôi cần anh bình tĩnh và hợp lý. Tôi chỉ có lợi trong một việc, là thấy anh bình tĩnh phân tách trường hợp của anh để đi tới những kết luận hợp lý. Vì chỉ khi nào anh nghiên ngẫm vụ này tới những kết luận hợp lý, thì chừng ấy anh mới đầu hàng...

Roubachof nhún vai; nhưng trước khi ông nói được một tiếng, Ivanof đã ngăn lại :

- Tôi biết chắc, anh tự nhủ không bao giờ anh đầu hàng. Hãy nói cho tôi biết điều này: nếu anh bị thuyết phục về sự cần thiết hợp lý và sự xác đáng khách quan của việc đầu hàng - thì chừng đó anh có nhượng bộ không?

Roubachof không trả lời ngay. Ông cảm thấy cuộc đàm luận đã đi đến chỗ mà ông không thể nào chịu được. Năm phút đã qua, và ông chưa tống Ivanof ra khỏi cửa. Chỉ việc đó thôi, đối với ông, đã là một phản bội đối với Bogrof và với Arlova; và cả đối với Richard cùng chú bé Loewy.

- Đi đi - Ông nói với Ivanof - Vô ích.

Bấy giờ ông mới nhận thấy mình đã đi tới đi lui từ một lúc rồi trước Ivanof.

Ivanof đang ngồi trên giường.

- Theo lối nói của anh, tôi thấy anh đã nhìn nhận sự lầm lẫn của anh về vai trò của tôi trong vụ Bogrof. Như vậy tại sao anh đuổi tôi? Tại sao anh không trả lời câu hỏi của tôi?...

Ông nghiêng nhẹ tới trước nhìn vào mặt Roubachof với vẻ mĩa mai, rồi ông nói chậm chậm, gần từng tiếng :

- Tại sao anh sợ tôi. Bởi vì lối nghi ngại và lập luận của tôi cũng là lối của anh, và anh sợ tiếng vang trong đầu anh. Trong một lúc nữa, anh sẽ la lên: “Lui ra sau, quý Sa tăng...”

Roubachof không trả lời. Ông đi tới đi lui gần cửa sổ, trước Ivanof. Ông cảm thấy mình bất lực, không thể tranh luận rõ ràng được. Mặc cam phạm tội mà Ivanof gọi là sự “tán dương luân lý”, không thể giải thích bằng những công thức luân lý - nó thuộc về địa hạt của sự “giả tưởng văn phạm”. Tuy nhiên, mỗi câu của Ivanof lại đánh thức một tiếng vang trong lòng ông. Ông tự bảo không nên để cho bị lôi cuốn vào cuộc tranh luận này. Ông thấy mình đang ở trên một bình đồ nghiêng trơn trượt và cảm thấy bị tuột xuống không thể nào gượng lại được.

Lui ra sau, quý Sa tăng! Ivanof lặp lại vừa rót thêm một ly rượu mạnh. Trong thời đó, sự căm dỗ chỉ có tính chất nhục thể. Bây giờ, nó lấy hình

thức hoàn toàn lý trí. Các giá trị thay đổi. Tôi muốn viết một bi kịch về sự đam mê trong đó Thượng đế và Quỷ giành giật linh hồn của thánh Roubachof. Sau một cuộc sống đầy tội lỗi, ông quay về với Thượng đế - đấng Thượng đế có cái cằm đôi của chủ nghĩa giải phóng kỹ nghệ và những thứ xúp bình dân từ thiện của quân đội giải phóng. Quỷ Sa tăng, ngược lại, ốm và kham khổ; hăn là tín đồ cuồng tín của luận lý học. Hăn đọc Machiavel, Ignace de Loyola, Marx và Hegel; sự lạnh nhạt tàn nhẫn của hăn đối với loài người xuất phát từ một lòng thương hại có tính cách toán học. Hăn bị bắt buộc phải luôn luôn làm những điều mà hăn ghê tởm như: trở thành đồ tể để xóa bỏ lò thịt, hy sinh những con chiên để thiên hạ không bao giờ còn hy sinh loài chiên được nữa, đánh dân chúng bằng roi buộc cục sắt ở đầu để dạy họ đừng để bị quất roi nữa, trút bỏ hết mọi tế nhị nhân danh những sự tế nhị cao siêu hơn, và hấp dẫn về mình sự thù ghét của nhân loại vì tình yêu nhân loại - một tình yêu trừu tượng theo các nguyên tắc hình học. Lui ra sau, quỷ Sa-tăng! Đồng chí Roubachof thích tử vì đạo. Các nhà bình luận của báo chí thuộc huynh hướng tự do đã ghét ông hồi ông còn sanh tiền, sẽ phong thánh ông khi ông qua đời. Ông đã phát minh được một thứ lương tâm, cái thứ lương tâm làm cho mình không thích hợp với cách mạng giống như một cái cằm đôi. Lương tâm gặm nhấm đầu óc ta như bịnh ung thư, cho đến bao giờ nó ăn hết chất xám trong óc ta. Sa-tăng thua và rút lui - nhưng ta không nên tưởng tượng nó nghiêng rãnh và phun lửa trong cơn thịnh nộ. Nó nhún vai; nó ốm và khắc khổ; nó đã từng thấy nhiều kẻ yếu đi và ra khỏi hàng ngũ của nó với những cố nghiêm trọng...

Ivanof ngừng lại để tự rót cho mình một ly rượu mạnh. Roubachof đi tới đi lui trước cửa sổ. Một lúc sau, ông hỏi :

- Tại sao các người hành hình Bogrof.

- “Tại sao? Vì vấn đề tiềm thủy đỉnh. - Ivanof nói - Đó là vấn đề trọng tải - một cuộc tranh chấp xa xưa mà anh đã không quên lúc khởi đầu.

Bogrof chủ trương kiến tạo những tiềm thủy đỉnh hạng nặng có tầm hoạt động lớn. Đảng chọn loại tiềm thủy đỉnh nhỏ có tầm hoạt động ngắn. Cùng một số tiền, người ta có thể đóng tàu nhỏ ba lần nhiều hơn tàu lớn. Hai phe đưa ra những lập luận kỹ thuật hữu hiệu. Các chuyên viên tung ra

vô số đồ thức và công thức đại số; nhưng vấn đề thật sự khác hẳn. Tiềm thủy đình lớn có nghĩa: chánh sách xâm lăng với mục đích làm cuộc Thế giới cách mạng. Tiềm thủy đình nhỏ, nghĩa là chánh sách tự vệ; tức là đời cuộc cách mạng thế giới lại sau này. Hãn chậm tiến những hai thập niên. Hãn không muốn hiểu rằng thời cơ nghịch với ta, rằng Âu châu đang đi qua một thời khoản phản ứng, rằng chúng ta ở trong chỗ trùng của lượng sóng và chúng ta phải chờ lúc được lượng sóng kế tiếp nâng lên cao. Trong một vụ án công khai, hãn sẽ chỉ gây ra sự hỗn độn trong nhân dân. Phương pháp duy nhất là thanh toán anh ta theo lối hành chánh. Phải chăng anh cũng làm như vậy trong trường hợp tương tự?”

Roubachof không trả lời. Ông ngừng đi và lại tựa lưng vào tường chung với số 406, cạnh chiếc bồn vệ sinh đang xông lên những luồng hơi hôi thúi buồn mửa. Ông gỡ kiếng mắt và nhìn Ivanof bằng cặp mắt đầy tia máu của con thú bị dồn đến bước đường cùng.

- Anh không nghe hãn rên siết sao? - Ông hỏi.

Ivanof đốt thuốc bằng cái tàn thuốc; chính ông ta cũng khó chịu vì mùi hôi của cái bồn.

- Không, - Ông nói - tôi không nghe. Nhưng tôi đã từng thấy và nghe những loại tương tự. Rồi sao?

Roubachof nín thình. Giải thích làm gì vô ích? Như một tiếng vang, sự rên siết và tiếng trống đồ hồi điếc tai lại vang lên trong tai ông. Sự kiện đó không thể diễn tả được. Giống như nét cong của đôi vú Arlova với những điểm nóng và gần như dựng đứng cũng không diễn tả được. Không có gì có thể diễn tả được. Mảnh giấy của người thợ hút tó nói gì? “Hãy chết trong yên lặng”.

- Rồi sao nữa? - Ivanof lặp lại.

Ông đưa thẳng chân và chờ đợi. Không được trả lời, ông tiếp :

- Nếu tôi có một chút gì tội nghiệp anh, tôi để anh yên thân ngay. Nhưng tôi chẳng có chút gì tội nghiệp anh. Tôi uống rượu; gần đây, như anh biết, tôi dùng cả ma túy, nhưng thói xấu được gọi là lòng thương hại, cho tới bây giờ tôi đã tránh nó được. Chỉ cần một liều nhỏ thương hại thôi, là tiêu đời anh. Khóc lóc cho loài người và thở than - anh biết giống người

chúng ta mang chứng bệnh đó đến bậc nào. Những thi sĩ vĩ đại nhất của chúng ta bị tiêu diệt bởi thứ thuốc độc đó. Cho đến bốn mươi, năm mươi tuổi, họ là những nhà cách mạng - Kế đó họ tự để cho lòng thương hại ăn tươi nuốt sống, và thế giới xem họ là những bậc thánh. Hình như anh cũng có tham vọng như vậy, và anh tưởng đó là một hiện tượng cá nhân, nó sẽ dành cho anh một cái gì vô tiền khoáng hậu...

Ông nói khá to và thở ra một vầng khói.

- Hãy coi chừng những cảm hứng đó - Ông nói - Mỗi chai tinh tửu chứa đựng một trọng lượng tửu tinh đo lường được. Khốn thay, chỉ có một số ít người, nhất là trong số đồng bào ta, biết ngờ vực rằng những cảm hứng về sự khiêm tốn và sự đau khổ là một loại hàng xấu như những loại mà người ta tự cung cấp cho mình bằng những phương tiện hóa học. Khi tôi tỉnh lại sau lúc bị đánh thuốc mê, và nhận thấy cơ thể mình chấm dứt tới đầu gối trái, tôi cũng cảm thấy một loại cảm hứng về bất hạnh tuyệt đỉnh. Anh nhớ những lời kinh mà anh mang ra thuyết tôi thời đó?

Ông rót một ly rượu nữa và uống một hcri.

- Đây là điểm mà tôi muốn đi tới, - Ông nói - ta không được phép xem thế giới là một loại bọt-đền để hưởng thụ những cảm giác siêu hình. Sự kiện đó, đối với chúng ta, là quy điều đầu tiên. Thiện cảm, lương tâm, nhòm góm, thất vọng, ăn năn, đền tội, những cái ấy đối với chúng ta chỉ là một loại trụ lạc ghê tởm. Ngồi và tự để cho mình bị thôi miên bằng cái lỗ rún của mình, nhìn lên và đưa ót một cách khiêm cung trước họng súng sáu của Gletkin - đó là một giải pháp giản dị. Sự cảm dỗ mạnh nhất đối với những con người như chúng ta, là tránh bạo động, là ăn năn, là muốn được bình yên đối với chính mình. Phần đông những nhà đại cách mạng đã xiêu lòng trước sức cảm dỗ đó, từ Spartacus đến Danton và Dostoievsky; họ đại diện cho hình thức cổ điển của sự phản bội của một tư tưởng. Những cảm dỗ của Thượng đế bao giờ cũng nguy hiểm cho nhân loại hơn của quỷ Sa-tăng. Khi mà hỗn độn sẽ còn ngự trị trên thế giới, Thượng đế sẽ là sự lỗi thời; và mọi hòa giải với lương tâm ta sẽ là một sự dối trá âm hiểm. Khi tiếng nói đáng nguyên rủa từ thâm tâm anh nói lên, anh hãy bịt tai bằng cả hai bàn tay của anh...

Ông mò tìm chai rượu sau lưng ông rót thêm một ly. Roubachof nhận thấy chai rượu đã lưng phân nửa.

“Chính anh, - Ông tự nói thầm - anh cũng cần phải quên”.

- Những tay đại gian ác trong lịch sử, - Ivanof tiếp - không phải loại Néron và Fouché, mà là loại Gandhi và Tolstoï. Tiếng nói tự thâm tâm của Gandhi đã ngăn trở sự giải phóng Ấn Độ nhiều hơn là súng đại bác của người Anh. Tự bán mình vì ba chục đồng bạc là một nghiệp vụ lương thiện; nhưng tự bán mình cho lương tâm là ruồng bỏ nhân loại. Lịch sử bị chấp nhận khỏi phải chứng minh là vô luân; nó không có lương tâm. Muốn dẫn dắt lịch sử theo các cách ngôn trong sách giáo lý, tức là để các sự việc ở trình trạng nguyên thủy của nó. Anh biết điều đó hơn cả tôi. Anh biết cái gì đang được đặt ra trong ván bài này rồi, thế mà anh còn nói với tôi về những lời rên siết của Bogrof...

Ông cạn ly và tiếp :

- Hay là lương tâm anh nó cắn mổ anh vì cô Arlova cao lớn của anh.

Roubachof biết từ lâu rằng Ivanof uống rượu nguyên chất: việc đó không thay đổi gì những phương pháp của ông ta. Nhiều lắm là ông ta gằn từng tiếng nhiều hơn bình thường. “Ừ, anh cần quên, Roubachof tự nhủ một lần nữa, và có lẽ còn cần hơn cả tôi”. Ông ngồi trên chiếc ghế đầu nhỏ hẹp trước mặt Ivanof và nghe. Những điều đó không có gì mới đối với ông; ông đã bình vực quan điểm đó trong bao nhiêu năm, với những ngôn từ như thế hoặc những ngôn từ tương tự. Nhưng lúc bấy giờ, ông chỉ biết dưới hình thức ảo giác những hiện tượng trong lòng mà Ivanof nói một cách khinh miệt ấy; còn bây giờ, ông đã gặp “giả tưởng văn phạm” như là một thực tế vật chất có thật trong chính bản thân ông. Nhưng những hiện tượng phi lý ấy phải chẳng trở thành chấp nhận được chỉ vì hiện nay chính bản thân ông đã gặp. Phải chẳng không cần phải chống “sự say sưa thần bí” chỉ vì chính ông ta cũng đã say? Một năm trước đây, khi ông đưa Arlova đến cái chết, ông không đủ tưởng tượng để hình dung các chi tiết của một cuộc hành quyết. Phải chẳng hiện nay ông phải xử sự khác đi chỉ vì ông biết một vài khía cạnh của sự kiện đó? Hoặc ông đã có lý, hoặc ông đã bậy khi ông hy sinh Richard, Arlova và chú bé Loewy. Nhưng tạt cà lăm của Richard,

làn cong của đôi vú Arlova hay tiếng khóc lóc của Bogrof, ông còn gì phải làm đối với sự công bình hay bất công khách quan của biện pháp đã áp dụng rồi?

Roubachof lại đi qua đi lại. Đối với ông, hình như những gì ông đã kinh lịch từ khi bị cầm tù chỉ là một sự mở đầu; hình như những trăm mặc của ông đã đưa ông tới ngõ bí - đến ngưỡng cửa mà Ivanof gọi là “bọt-đền siêu hình” - và ông cần phải khởi lại từ đầu. Nhưng thời gian còn lại với ông được bao nhiêu? Ông dừng lại, lấy ly rượu trong tay Ivanof uống cạn. Ivanof nhìn ông.

- Tôi thích anh như vậy - Ông nói với một thoáng cười. Những độc thoại dưới hình thức đối thoại là một sáng lập hữu ích. Tôi mong bắt chước đúng giọng của ác quỷ. Rất tiếc cái “tôi” không được đại diện. Nhưng đó là kỹ xảo của nó: nó không bao giờ để bị lôi cuốn vào một cuộc tranh luận hợp lý. Nó tấn công ta trong lúc bất ngờ, khi ta chỉ có một mình, không tự vệ, và với một màn dàn cảnh tế nhị: trong những bụi rậm nóng bức hay ở trên những ngọn núi cao đầy mây mù. Nó tỏ ra thích chọn một nạn nhân đang ngủ hơn cả. Những phương pháp của nhà luân lý vĩ đại lại có hơi bất lương và nhiều mùi sân khấu...

Roubachof không nghe nữa. Ông đi đi lại lại, tự hỏi hiện nay, nếu Arlova còn sống, ông có hy sinh nữa không. Vấn đề này hấp dẫn ông; hình như nó chứa đựng câu giải đáp cho tất cả những câu hỏi khác... Ông dừng lại trước Ivanof và hỏi :

- Anh còn nhớ Raskolnikof không?

Ivanof mỉm cười mỉa mai :

- Tôi biết sớm muộn gì anh cũng đi tới chỗ này. Tội ác và trừng phạt... Đây là chúng ta trở về với thời niên thiếu...

- Chậm chậm - Roubachof nói, vừa đi tới đi lui có vẻ khích động - Tất cả những cái đó chỉ là lời nói, nhưng bây giờ chúng ta sắp tới trung tâm của vấn đề. Nếu tôi nhớ không lầm, vấn đề là biết xem sinh viên Raskolnikof có quyền giết mẹ già cho vay hay không. Hẳn trẻ và có thiên khiếu; mẹ kia già và hoàn toàn vô ích cho đời. Nhưng phương trình không ổn. Trước tiên, tình thế bắt buộc hẳn ám sát người thứ hai; đó là kết quả bất ngờ và bất hợp

lý của một hành động bề ngoài có vẻ giản dị và hợp lý. Điểm thứ hai, phương trình đầu sao cũng bị đánh đổ, bởi vì Raskolnikof nhận thấy hai lần hai không phải là bốn, khi mà những đơn vị toán học là những con người....

- Đây này, - Ivanof nói - nếu anh muốn biết ý kiến tôi, là cần phải đốt tất cả các bản của quyển sách ôn dịch đó. Hãy xem lại coi triết lý mù mờ về con người đó đưa ta đến đâu, nếu chúng ta tuân theo từng chữ, nếu chúng ta phải nghe theo lời giáo huấn rằng con người phải thiêng liêng, và chúng ta không được đối xử với những mạng sống con người theo những quy tắc của số học. Như vậy có nghĩa là một đại đội trưởng không thể hy sinh một tiểu đội để cứu cho cả một liên đội. Rằng chúng ta không có quyền hy sinh những thằng ngốc như Bogrof, và chúng ta phải nhận lãnh hiểm họa có thể bị dội bom xuống các thành phố miền duyên hải hai năm tới đây...

Roubachof lắc đầu :

- Tất cả những thí dụ của anh đều rút từ chiến tranh - nghĩa là từ những trường hợp bất thường.

- Từ khi phát kiến được máy chạy bằng hơi nước, - Ivanof đáp lại - thế giới ở vào tình trạng bất thường thường trực; chiến tranh và cách mạng chỉ là sự diễn tả thấy được của tình trạng đó. Tên Raskolnikof của anh cũng là một thằng ngốc và một ác đồ; không phải nó hành động một cách bất hợp lý khi giết mục già, nhưng bởi vì nó làm việc ấy vì quyền lợi cá nhân của nó. Nguyên tắc thủ đoạn nào cũng tốt để đi tới mục đích vẫn là quy tắc duy nhất của đạo đức chánh trị; tất cả những gì còn lại chỉ nói nhảm và chảy hết xuống kẽ tay... Nếu Raskolnikof đã ám sát mục già do lệnh của Đảng - thí dụ để tăng gia quỹ đình công hay để lập một nhà in lậu - thì chừng đó phương trình đứng vững, và quyển tiểu thuyết, với vấn đề lừa phỉnh của nó, không nên được viết ra; và như vậy thì tốt hơn.

Roubachof không trả lời. Ông bị hấp dẫn bởi vấn đề là biết xem nếu ngày nay, sau những kinh nghiệm trong những tháng chót và những ngày chót này, ông có còn đưa Arlova đến chỗ chết nữa không. Ông chẳng biết thế nào. Đúng luận lý, Ivanof có lý trong những điều ông ta nói; đối phương vô hình vẫn giữ im lặng, và chỉ tỏ ra có mặt bằng cảm giác khó chịu ngấm ngấm. Và về điểm này Ivanof cũng có lý, “đối phương vô hình”

không hề ra mặt tranh luận và chỉ tấn công người ta trong những lúc không tự vệ, lối xử sự đó của “đối phương vô hình” rơi vào ông một thứ ánh sáng quá mơ hồ...

- Tôi không chấp nhận sự pha trộn những lý tưởng- Ivanof tiếp - Chỉ có hai quan niệm về luân lý con người, và chúng ở hai thái cực đối nhau. Một trong hai quan niệm đó là của Thiên Chúa giáo và nhân bản, nó tuyên bố rằng con người thiêng liêng, và quả quyết các quy tắc số học không được đưa ra áp dụng với những đơn vị con người - những đơn vị đó, trong phương trình của chúng ta, đại diện cho con số không, hoặc vô cực. Quan niệm kia xuất phát từ một nguyên tắc căn bản là tất cả các phương tiện đều tốt cho một mục đích cộng đồng, và chẳng những cho phép mà còn bắt buộc cá nhân phải lệ thuộc và hy sinh cho tập thể - tập thể đó có thể sử dụng cá nhân hoặc như một con vật hy sinh trong một cuộc thí nghiệm, hoặc như con cừu được đưa ra tế thần.

Quan niệm thứ nhất có thể mệnh danh là luân lý chống giải phẫu cơ thể người sống; quan niệm thứ hai, luân lý giải phẫu cơ thể người sống. Bọn người lừa phỉnh và những kẻ thích hưởng lạc luôn luôn tìm cách pha trộn hai quan niệm; trên thực tế, chuyện đó không thể được. Kẻ nào mang gánh nặng chánh quyền và trách nhiệm thấy ngay họ phải chọn lựa; và họ bị dẫn dắt một cách tàn nhẫn đến việc phải chọn quan niệm thứ hai. Từ ngày đạo Thiên Chúa được lập thành quốc giáo, anh có biết một quốc gia nào đã thật sự theo một chánh sách Thiên Chúa giáo không? Anh không thể chỉ cho tôi một quốc gia nào cả. Trong những lúc khó khăn - và chánh trị là một chuỗi liên tục những lúc khó khăn - những kẻ thống trị luôn luôn có thể viện dẫn những “tình trạng đặc biệt” bắt buộc phải có những biện pháp đặc biệt. Từ ngày có những quốc gia và những giai cấp, những thứ ấy sống chống báng nhau trong một tình trạng thường trực tự vệ, bắt buộc chúng phải dời lại việc áp dụng trên thật tế nhân đạo chủ nghĩa vào những thời gian khác....

Roubachof nhìn ra cửa sổ. Tuyết tan đóng giá và lóng lánh, làm thành một mặt lồi lõm những tinh thể màu trắng vàng vàng. Trên lũy, người lính

canh đi bách bộ, khí giới trên vai. Trời trong nhưng không trăng; phía trên vọng lâu lấp lánh giải Ngân Hà.

Roubachof nhún vai :

- Hãy chấp nhận rằng nhân đạo và chánh trị không thể đi đôi, sự kính trọng cá nhân và tiến bộ xã hội cũng vậy. Hãy chấp nhận rằng Gandhi là một tai họa cho Ấn Độ; rằng sự cao thượng trong việc chọn lựa phương tiện đưa đến bất lực chánh trị. Trong thuyết phủ định, chúng ta đồng ý. Nhưng thử nhìn xem phương pháp kia đưa chúng ta tới đâu...

- Tới đâu? - Ivanof hỏi.

Roubachof lau kiếng mắt vào tay áo, và nhìn Ivanof với dáng điệu cận thị.

- Vững bền, - Ông nói - chúng ta đã biến cái thời vàng son thành một vũng bùn!

Ivanof mỉm cười.

- Cũng có thể như vậy, ông nói với giọng hài lòng. Nhưng hãy nghĩ đến anh em Gracques, và Saint Just, và Ba Lê công xã. Cho tới nay, tất cả những cuộc cách mạng đều do những tay răn đời thích hưởng lạc thực hiện. Họ luôn luôn có thiện ý và họ chết vì thuyết hưởng lạc của họ. Chúng ta là những người đầu tiên hợp lý đối với chính mình.

- Phải, hợp lý đến nỗi vì quyền lợi của một cuộc phân chia ruộng đất, chúng ta đã cố ý để cho chết trong vong một năm độ năm triệu nông gia với gia đình họ. Chúng ta đã đẩy khá xa luận lý học trong việc giải phóng con người khỏi những ngăn trở của việc khai thác kỹ nghệ, đến nỗi chúng ta đã dày độ mười triệu người đi công tác khổ sai trong các vùng Bắc Bạng Dương và các rừng rú Đông phương, trong những điều kiện tương tự với đám tù bị chèo thuyền thời Trung cổ. Chúng ta đã đẩy khá xa luận lý học cho đến nỗi muốn giải quyết một sự khác biệt chánh kiến, chúng ta chỉ biết có một lý lẽ: cái Chết, dầu về vấn đề tiềm thủy đình, phân bón hay chánh sách của Đảng ở Đông Dương. Các kỹ sư của ta làm việc với ý nghĩ luôn luôn ở trong đầu rằng mọi tính toán sai lầm có thể đưa họ vô tù hay lên đoạn đầu đài; các công chức cao cấp trong chánh phủ làm hại thuộc viên và giết những người ấy vì biết rằng họ sẽ bị quy trách về một sự lơ đãng nhỏ

nhật và chính họ sẽ bị giết; các thi sĩ của ta giải quyết các cuộc tranh luận về các vấn đề văn pháp bằng cách tố cáo lẫn nhau với Mật vụ, bởi vì các nhà thơ thuộc phái biểu hiện xem văn pháp tả thực là phản Cách mạng, và ngược lại. Hành động hợp lý trong quyền lợi của các thế hệ tương lai, chúng ta đã cưỡng đặt những sự tước đoạt ghê gớm đối với thế hệ hiện tại cho đến nỗi đời sống trung bình của họ bị rút ngắn cả một phần tư. Để bảo vệ sự sống còn của đất nước, chúng ta phải áp dụng những biện pháp đặc biệt và làm những đạo luật chuyển tiếp, hoàn toàn đi ngược các mục đích của Cách mạng. Mức sống của nông dân thấp kém hơn trước Cách mạng; các điều kiện làm việc khắc khe hơn, kỷ luật vô nhân đạo hơn, cực hình làm việc ăn công từng món nặng hơn ở các thuộc địa, nơi người ta dùng lao công bốn xứ; chúng ta đã rút đến mười hai tuổi là tuổi giới hạn để chịu tử hình; tinh thần những đạo luật về tính dục còn hẹp hòi hơn cả những luật lệ như thế ở Anh quốc, sự tôn thờ người cầm đầu cổ lỗ hơn cả trong những nền độc tài phản động. Báo chí và trường học của ta nuôi dưỡng chủ nghĩa bài ngoại, chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa công thức và sự dốt nát. Quyền chuyên chế của chánh phủ vô biên và chưa bao giờ có trong lịch sử; tự do báo chí, tự do dư luận, tự do hoạt động hoàn toàn biến mất làm như Tuyên ngôn Nhân quyền không bao giờ có. Chúng ta đã thành lập bộ máy cảnh sát vĩ đại nhất, trong đó những tên do thám trở thành một chế độ quốc gia, và chúng ta đã cho nó một hệ thống tinh vi và khoa học nhất về tra tấn tinh thần và vật chất. Chúng ta hướng dẫn bằng roi vọt những đám quần chúng rên siết đến một hạnh phúc tương lai và lý thuyết, chỉ chúng ta mới nhìn thấy được. Vì nguồn sinh lực của thế hệ này đã cạn; nguồn sinh lực đó tan trong Cách mạng; vì thế hệ này bị hút hết máu mủ và nó chỉ còn là một mảnh thịt vụn vô tri dành để hy sinh, đang rên rỉ trong cơn mê. Đó là những kết quả của nền luận lý học của chúng ta. Anh gọi cái đó là luân lý giải phẫu cơ thể người sống. Đối với tôi, các nhà thí nghiệm đã lột da nạn nhân và để họ đứng với các mô, cơ và gân não bị lột trần...

- Rồi sao nữa? - Ivanof nói với vẻ thỏa mãn - Anh không thấy như vậy là tuyệt diệu sao? Trong suốt lịch sử, có cái gì tuyệt diệu hơn thế sao? Chúng ta lột cái da cũ của nhân loại để cho nó một bộ da mới. Đó chẳng

phải là một công tác cho những kẻ có những sợi dây thần kinh bịnh hoạn sao; nhưng đã có một lúc điều đó làm anh khoái trá. Cái gì đã làm anh thay đổi, để ngày nay anh còn tệ hơn cả một cô gái già nữa?

Roubachof muốn trả lời: “Từ khi tôi nghe Bogrof gọi tên tôi”. Nhưng ông biết rằng câu trả lời đó vô nghĩa. Ông nói :

- Ta hãy tiếp tục cái ẩn dụ này: Tôi thấy cơ thể của thế hệ này bị lột da tươi, nhưng tôi không thấy dấu vết da mới. Chúng ta đều tin rằng có thể áp dụng với lịch sử như ta làm những cuộc thí nghiệm vật lý. Sự khác biệt là về vật lý, ta có thể lặp lại cuộc thí nghiệm một ngàn lần, nhưng về lịch sử, ta chỉ làm có một lần thôi. Danton và Saint-Just bị lên đoạn đầu đài một lần thôi; và nếu ta nhận thấy loại tiềm thủy đĩnh lớn mới là hợp với chúng ta thì đồng chí Bogrof cũng chẳng sống lại được.

- Như vậy rồi anh suy luận ra sao? - Ivanof hỏi - Phải chăng chúng ta không cần làm gì cả vì các kết quả của một hành động không bao giờ đoán trước được, và vì vậy mà mọi hành động đều không tốt? Chúng ta phải cam kết bằng cái đầu của mình để trả lời cho từng hành động, không ai đòi hỏi gì thêm được. Trong phe đối thủ, họ không thận trọng được như vậy. Bất cứ một ông tướng ngu xuẩn nào cũng thí nghiệm được với bao nhiêu ngàn cơ thể sống; và nếu hấn phạm một lỗi lầm, hấn sẽ bị về hưu ngay. Quân lực phản động và phản cách mạng không thận trọng cũng không có những vấn đề luân lý. Anh tưởng tượng một Sylla, một Galliffet một Koltshak lại đọc quyển *Tội ác và hình phạt* sao? Những con chim hiếm hoi như anh chỉ có thể đậu trên những cây của Cách mạng thôi. Đối với những kẻ khác thì dễ hơn...

Ông nhìn đồng hồ. Cửa sổ xà lim mang một màu xám dơ bẩn; mảnh giấy báo dán trên miếng kiếng bể phồng lên và kêu xào xạt trong gió ban mai. Trước mặt, trên tường thành, người lính gác vẫn đi bách bộ.

- Đối với người có một dĩ vãng như anh, sự xoay chiều thành linh chống cuộc thí nghiệm như thế này thật là ngậy thơ. Mỗi năm, bao nhiêu triệu người chết vô ích vì bị dịch và những thiên tai. Vậy mà chúng ta phải thối lui trước việc hy sinh ít trăm ngàn người cho cuộc thí nghiệm có triển vọng nhiều nhất trong lịch sử sao? Ấy là chưa kể nhiều quân đoàn gồm

những kẻ chết vì thiếu ăn và ho lao trong các mỏ than và mỏ bạch kim, trong các sở trồng lúa và bông vải. Không ai nghĩ tới chuyện đó; không ai hỏi tại sao; vậy mà khi chúng ta bắn bỏ ít ngàn người khách quan nguy hiểm, các nhà nhân bản học trên toàn thế giới đã sôi bọt mép. Ừ, chúng ta đã thanh toán cái đám nông dân ăn hại và để cho họ chết đói. Đó là một cuộc giải phẫu làm một lần rồi thôi; trong cái thời vàng son trước Cách mạng, họ cũng chết bấy nhiêu trong một năm hạn hán - nhưng họ chết vô cớ. Những nạn nhân các trận lụt của sông Hoàng hà bên Trung Quốc có khi cả mấy trăm ngàn người. Thiên nhiên rất là rộng rãi trong các cuộc thí nghiệm không mục tiêu, áp dụng thẳng vào con người. Tại sao nhân loại lại không có quyền thí nghiệm trên chính mình!

Ông ngừng lại. Roubachof không trả lời. Ông tiếp :

- Có khi nào anh đọc những tập tài liệu của một hội chống thí nghiệm trên cơ thể người sống chưa? Trong đó có những điều thuyết phục được anh và làm anh nát lòng; khi người ta đọc thấy một con chó nhỏ bị cắt lá gan vừa rên rĩ vừa liếm tay đao phủ của nó, người ta buồn nôn, như anh tối nay. Nếu những kẻ đó có quyền, thì chúng ta không có thuốc chủng ngừa dịch tả, thương hàn và bạch hầu...

Ông uống hết chai rượu, ngáp, vươn vai rồi đứng lên. Ông đi cà nhắc tới bên Roubachof trước cửa sổ và nhìn ra ngoài :

- Đã bắt đầu sáng rồi. Đừng làm ra vẻ đần độn, Roubachof. Tất cả những gì tôi nói tối nay đều sơ đẳng, và anh cũng biết như tôi. Anh đã ở trong tình trạng bứt rứt nóng nảy của kẻ tuyệt vọng, nhưng bây giờ thì hết rồi.

Đứng sát bên Roubachof, trước cửa sổ, ông đặt tay lên vai Roubachof, giọng nói của ông gần như thân ái :

- Bây giờ anh hãy đi ngủ để quên tất cả những chuyện đó đi, anh giống như con ngựa trận già nua; ngày mai là hết hạn rồi; cả hai chúng ta đều cần sáng suốt để làm tờ khai của anh. Đừng nhún vai; anh chỉ cần bị thuyết phục độ phân nửa là anh sẽ ký. Nếu anh chối bỏ chuyện đó, thì đó chỉ là sự khiếm nhược tinh thần. Sự khiếm nhược tinh thần đã đưa nhiều người đến chỗ tử vì đạo.

Roubachof nhìn ánh sáng xam xám bên ngoài. Người lính canh vừa quay lại về phía mặt. Phía trên pháo tháp và những cây đại liên, trời một màu xám nhạt với một vùng ánh đỏ lóe lên.

- Tôi sẽ suy nghĩ. - Roubachof nói.

Khi cánh cửa đóng lại sau lưng Ivanof, Roubachof biết rằng ông đã đầu hàng phân nửa. Ông nằm vật xuống giường, kiệt lực, tuy nhiên lại cảm thấy dễ chịu một cách kỳ lạ. Ông nhận thấy đầu óc trống rỗng, đồng thời gánh nặng đè lên người ông hình như được trút bỏ. Tiếng gọi đáng tội nghiệp của Bogrof đã mất đi một ít chính xác về âm thanh trong trí nhớ của ông. Ai có thể bảo là phản bội nếu, thay vì trung thành với kẻ chết, người ta trung thành với người sống?

8.

Trong khi Roubachof ngủ bình thân và không chiêm bao - cơn nhưc rãng cũng êm trở lại - Ivanof, trên đường về phòng mình, đã ghé viếng Gletkin.

Trong bộ đồng phục, Gletkin ngồi ở bàn viết và nghiên cứu hồ sơ. Từ nhiều năm rồi, ông có thói quen làm việc suốt đêm ba hay bốn lần một tuần. Khi Ivanof bước vào, ông đứng thẳng người chào.

- Tốt lắm - Ivanof nói - Ngày mai, hăn sẽ ký tên. Nhưng tôi phải hết sức khó nhọc để cứu vãn chuyện làm tâm bậy của anh.

Gletkin không trả lời; ông vẫn đứng thẳng người trước bàn. Nhớ lại cái màn chua chát giữa ông và Gletkin trước khi ông tới xà lim của Roubachof, và biết rằng Gletkin không quên dễ dàng một vụ bị bạc đãi, Ivanof nhún vai thối khói thuốc vào mặt hăn.

- Đùng làm vẻ đần độn - Ông nói - Các anh đều đau khổ vì những tình cảm riêng tư. Ở địa vị của hăn, anh cũng sẽ cứng đầu hơn hăn nữa.

- Tôi biết sợ, còn hăn thì không. - Gletkin nói.

- Anh là thằng ngốc. Vì câu trả lời đó, đáng lẽ anh phải bị bắn trước hăn.

Ông đi tập tễnh ra cửa rồi đóng sầm lại.

Gletkin ngồi lại. Ông không tin Ivanof thành công, đồng thời, ông cũng nghi ngờ cả sự thành công của chính ông. Câu chót của Ivanof hình như chứa đựng một lời hăm dọa, và với ông ấy, không biết đâu là nói giỡn, đâu là nói thiệt. Có lẽ chính Ivanof cũng chẳng biết, như tất cả cái đám trí thức cổ hủ, nô lệ giai cấp ấy.

Gletkin nhún vai, sửa cái cổ áo giả và hai tay áo hồ cứng kêu xào xạt. Ông tiếp tục làm việc với chồng hồ sơ trước mặt.

Cuộc thâm vấn thứ ba

Có khi lời nói phải được dùng đi che giấu hành động. Nhưng việc đó phải được làm thế nào cho không ai nhận thấy; hoặc nếu bị lộ, phải có ngay những lời tạ lỗi để thoát liền khỏi ngõ bí.

Machiavel

(Chỉ thị cho Roffaello Girolomi)

Dầu lời của người là dạ, dạ, không, không: những điều mà người ta thêm vô đó phải phát xuất từ kẻ điếm đàng.

(Evangile theo Thánh Mathieu, V, 37)

1.

Trích trong Hồi Ký của N. S. Roubachof ngày thứ hai mươi trong tù.

"... Vladimir Brogrof đã rơi xuống khỏi chiếc đu. Cách đây một trăm năm mươi năm, ngày chiếm ngục Bastille, chiếc đu Âu châu từ lâu bất động, đã hoạt động trở lại. Nó đã rời khỏi sự bạo tàn một cách sáng khoái; với một cái vọt đi hình như không gì cản trở được, nó phóng lên tận trời xanh của tự do. Trong một trăm năm, nó đã lên càng lúc càng cao trên những tầng không gian của chủ nghĩa tự do và dân chủ. Nhưng kìa, lần lần chiếc đu chậm lại; nó tới gần đỉnh, và gần giai đoạn tối hậu của chuyển nhảy vọt ấy; kể đó, sau một giây bất động, nó bắt đầu lùi lại với một tốc độ càng lúc càng nhanh. Với cái đà như lúc lên, chiếc đu đưa các hành khách từ tự do trở về với bạo tàn. Kẻ nào nhìn lên không khí thay vì nắm thật vững, đã bị chóng mặt té xuống.

Kẻ nào muốn tránh chóng mặt phải cố tìm quy luật chi phối sự vận hành của chiếc đu. Trong lịch sử, hình như chúng ta thấy mình đứng trước

sự vận hành của một quả lắc, nó đu đưa từ chủ nghĩa độc tài đến chủ nghĩa dân chủ, từ dân chủ đến độc tài chuyên chế.

Số lượng tự do cá nhân mà một dân tộc có thể chiếm đoạt được tùy thuộc ở trình độ trưởng thành chánh trị của dân tộc đó. Sự vận hành của quả lắc nói trên hình như chỉ cho ta thấy tiến trình của quần chúng đến độ trưởng thành không theo một khúc tuyến lên cao, như việc tăng trưởng của một cá nhân, mà khúc tuyến ấy chịu sự chi phối của nhiều quy luật phức tạp hơn.

Sự trưởng thành chánh trị của quần chúng là do khả năng giác ngộ quyền lợi của chính họ. Nhưng việc ấy phải được xem như đã có trước một sự hiểu biết về mức tiến triển của sự sản xuất và phân phối tài sản. Khả năng tự cai trị lấy một cách dân chủ của nhân dân phải tương xứng với mức độ hiểu biết, lối kiến trúc và điều hành của các cơ cấu tổng quát của xã hội.

Nhưng mỗi tiến bộ kỹ thuật lại sanh ra những phức tạp mới trong bộ máy kinh tế, mà quần chúng phải cần một thời gian mới hiểu. Một bước vọt tới của tiến bộ kỹ thuật lại đẩy sự tăng tiến trí thức tương đối của quần chúng lùi ra sau một bước, và gây ra việc sụt độ của cái nhiệt kế trưởng thành chánh trị. Phải mấy mươi năm, lắm khi phải nhiều thế hệ để mức hiểu biết của một dân tộc thích nghi lần lần với tình trạng mới của sự vật, cho đến bao giờ dân tộc đó tìm được khả năng tự cai trị lấy mà họ đã có ở giai đoạn thấp hơn trong nền văn minh của họ. Sự trưởng thành chánh trị của quần chúng không thể đo lường bằng một con số tuyệt đối, mà chỉ một cách tương đối, nghĩa là tương xứng với mức văn minh vào một thời khoản nhất định nào đó.

Khi trình độ giác ngộ của quần chúng theo kịp tình trạng khách quan của sự vật, tự nhiên nền dân chủ sẽ đi đến một cuộc thắng trận hoặc ôn hòa, hoặc bằng võ lực. Cho đến bao giờ bước nhảy vọt kế tiếp của nền văn minh cơ khí - thí dụ như sự phát kiến của máy dệt - đẩy lùi quần chúng trong tình trạng thiếu trưởng thành tương đối, và giúp cho việc thành lập một chánh quyền độc tài, dưới hình thức này hay hình thức khác, trở thành cần thiết nữa.

Hiện tượng này có thể so sánh với sự kiện nâng cao một chiếc tàu lên cái đập có nhiều ngăn. Khi chiếc tàu vào ngăn thứ nhất, nó ở một mực độ không cao lắm đối với dung tích của ngăn đó; nó được nâng cao lần lần đến khi nước tới mực độ tối đa. Nhưng cái độ lớn này chỉ là ảo giác, vì ngăn kế đó của cái đập còn cao hơn nữa, và sự tiến triển của phương pháp làm ngang mực nước bằng lối dâng nước lên cao cứ tái diễn như trước. Các bức tường của các ngăn đập đại diện cho tình trạng khách quan của sự chế ngự các sức mạnh thiên nhiên, nền văn minh cơ khí chẳng hạn; mực nước trong các ngăn đại diện cho sự trưởng thành chánh trị của quần chúng. Nó sẽ vô nghĩa nếu ta đo lường mực nước đó như một độ cao tuyệt đối trên mực nước biển; điều đáng kể, là độ cao tương đối của mực nước trong mỗi ngăn của đập nước.

Sự phát minh máy chạy bằng hơi nước đã mở một thời kỳ tiến bộ khách quan rất nhanh và do đó, sự thụt lùi chánh trị chủ quan cũng cùng một tốc độ. Kỹ nguyên kỹ nghệ hãy còn trẻ trong lịch sử, sự cách biệt rất nhiều giữa sự kiến trúc kinh tế vô cùng phức tạp và sự hiểu biết về kiến trúc ấy của quần chúng. Bởi thế có thể giải thích rằng sự trưởng thành chánh trị tương đối của các quốc gia trong tiền bán thế kỷ 20 ít hơn hồi hai trăm năm trước Thiên Chúa hay hồi cuối thời phong kiến.

Sự sai lầm của chủ thuyết xã hội là tưởng rằng mức giác ngộ của quần chúng tăng tiến luôn luôn một cách đều đặn. Từ đó phát sanh sự bất lực của nó trước cái đong đưa cuối cùng của quả lắc, sự cắt xẻo lý tưởng của các dân tộc bởi chính họ. Chúng ta tưởng rằng sự thích nghi quan niệm của quần chúng đối với xã hội trong những hoàn cảnh mới là một sự tiến triển đơn giản, có thể đo bằng số năm được; nhưng, theo kinh nghiệm của lịch sử, thì đo bằng số thế kỷ thì đúng hơn. Các dân tộc Âu châu còn lâu mới tiêu hóa nổi những ảnh hưởng của máy chạy bằng hơi nước. Hệ thống tư bản sẽ sụp đổ trước khi quần chúng hiểu rõ nó.

Còn về quốc gia Cách mạng, quần chúng cũng bị cai trị bằng những quy luật tâm lý như ở các nơi khác. Họ đã tiến đến ngăn kế đó của đập nước, nhưng luôn luôn họ lại ở một mực thấp của bồn nước mới. Hệ thống kinh tế mới thay thế cho hệ thống cũ đối với họ vẫn chưa hiểu được. Cuộc

tiến lên một cách cần cù và khó nhọc phải khởi sự lại. Có thể phải nhiều thế hệ nữa thì dân chúng mới hiểu tình trạng mới của sự vật mà chính họ đã tạo ra với cuộc Cách mạng.

Nhưng đến bây giờ, một hình thức chánh phủ dân chủ không thể có được, và số lượng tự do cá nhân có thể chấp nhận lại thấp hơn ở các quốc gia khác. Đến nay, các nhà lãnh đạo bắt buộc phải cai trị như trong chỗ trống không. Đo lường bằng các tiêu chuẩn tự do cổ điển thì tình trạng đó không phải là một quang cảnh đẹp mắt. Nhưng tất cả ghê tởm, giả trá và tước đoạt đập vào mắt chỉ là sự diễn đạt thấy rõ và không tránh được về quy luật đã xác định trên kia. Khốn khổ cho thằng ngốc hay nhà thẩm mỹ nào hỏi để biết vì lẽ gì chớ không phải tại sao! Nhưng cũng khốn khổ cho phe đối lập trong một thời kỳ quần chúng tương đối chưa trưởng thành như thời kỳ mà chúng ta đang trải qua!

Trong những thời kỳ trưởng thành cần phải kêu gọi quần chúng đảm nhận bốn phận và vai trò đối lập.

Trong thời kỳ chưa trưởng thành về tinh thần, chỉ có những kẻ mị dân mới viện dẫn ‘sự phán xét tối cao của nhân dân’. Trong những tình trạng như vậy đối lập phải chọn lựa một trong hai giải pháp: chiếm chánh quyền bằng một cuộc đảo chánh, không thể tin vào sự ủng hộ của quần chúng; hoặc, trong sự tuyệt vọng câm nín, nhảy xuống từ chiều cao của chiếc đu - ‘chết trong yên lặng’.

Còn một giải pháp thứ ba cũng không kém hợp lý và trong nước chúng ta đã được lập thành hệ thống phủ nhận và hủy diệt niềm tin của mình khi không còn một hy vọng nào tìm lối thoát cho niềm tin đó. Tiêu chuẩn tinh thần duy nhất mà chúng ta nhìn nhận là sự ích lợi cho xã hội, do đó, sự phủ nhận trước công chúng những niềm tin của mình để còn được ở trong hàng ngũ của Đảng, là giải pháp danh dự hơn là theo gương Don Quichotte kéo dài cuộc tranh đấu vô vọng.

Những vấn đề kiêu hãnh cá nhân; những thành kiến như đã có đối với một vài hình thức tự khuất nhục; những tình cảm cá nhân, sự mệt mỏi, chán chường và hồ thẹn, phải bị tàn nhẫn cắt bỏ và nhổ tận gốc rễ”.

2.

Roubachof đã bắt đầu ghi lại những suy tư của ông về “chiếc đu” ngay hồi kèn đầu tiên trời lên sau đêm hành quyết Bogrof và cuộc viếng thăm của Ivanof. Khi người ta mang đến bữa ăn sáng, ông uống một ngụm cà-fê, phần còn lại để nguội. Nét chữ của ông, từ mấy lúc sau này có vẻ mềm và không quyết đoán, đã trở nên quả quyết và kỷ luật, những chữ nhỏ hơn, những vòng lớn phóng khoáng nhường chỗ cho những góc nhọn. Đọc lại ông mới nhận thấy sự thay đổi.

Đến mười một giờ, người ta đến tìm ông để đi vận động như mọi ngày, và ông phải ngưng viết. Đến sân, người cùng đi cặp với ông không phải là lão già Rip Van Winkle, mà là một nông dân gầy ốm mang giày gai. Rip Van Winkle không có trong sân, bấy giờ Roubachof mới nhớ ra hồi bữa ăn sáng, ông không nghe câu hát quen thuộc “Bưng lên, những kẻ bị đẩy ải trên địa cầu”. Hình như họ đưa lão đi nơi khác. Trời biết lão ở đâu; con bướm đáng tội nghiệp từ năm qua, cánh rách nát, do phép lạ đã sống một cách vô ích quá hạn định của cuộc đời, để rồi hiện ra quá mùa, bay lượn quanh quẩn một cách mù quáng một hai lần, và rơi xuống cát bụi ở một góc trời nào đó.

Nông dân đi cà nhảy lạng lẽ bên cạnh Roubachof, lén liếc mắt nhìn ông. Sau vòng đầu, hẵn tăng hẵn mấy lần, và sau vòng thứ hai, hẵn nói :

- Tôi từ tỉnh D. tới. Ngài có tới đó lần nào chưa?

Roubachof trả lời không. Tỉnh D. ở xa xôi về miền Đông, ông không rõ lắm.

- Tỉnh đó chắc cùng đường rồi - Hẵn nói - Phải ngồi trên lưng lạc đà mới đến được. Ngài là chánh trị phạm?

Roubachof ừ. Đôi giày gai của người nông dân đã mòn hết nửa đế; hẵn bước đi với những ngón chân trần nằm trong tuyết bị dậm nát. Cổ hẵn ốm,

và gật đầu luôn trong lúc nói, như hần lặp lại những tiếng “amen” trong buổi đọc kinh.

- Tôi cũng vậy, tôi cũng chánh trị, - Hần nói - nghĩa là tôi là một kẻ phản động. Họ nói rằng bọn phản động phải đi xa nhà trong mười năm. Ngài nghĩ họ sẽ gọi tôi đi xa trong mười năm không?

Hần lắc đầu và e ngại liếc nhìn về hướng những lính gác họp thành một nhóm ở giữa sân, đang phui gót giày và không để ý gì đến đám tù nhân.

- Anh đã làm gì? - Roubachof hỏi.

- Tôi bị vạch mặt là phản động khi họ tới chích con nít, người nông dân nói. Ở đó, mỗi năm chánh phủ gọi cho chúng tôi một ủy ban. Cách đây hai năm, họ gọi cho chúng tôi giấy để đọc và một đồng hình của ông chánh phủ. Năm rồi họ gọi một cái máy để đánh chữ và bàn chải cho răng. Năm nay, họ gọi những cái ống bằng chai với nhiều kim, để chích mấy đũa nhỏ. Có một người đàn bà mặc quần đàn ông; cô đó muốn chích hết con nít, từ đũa một. Cô ta tới nhà tôi, tôi với vợ tôi tấn cửa lại và chúng tôi bị lật mặt nạ là phản động. Kế đó, chúng tôi đốt giấy, đốt hình và đập luôn cái máy để đánh chữ; một tháng sau họ tới tìm chúng tôi.

Roubachof lẩm bẫm mấy tiếng và nghĩ đến đoạn sau của thiên tùy hứng của ông về việc cai trị dân chúng bởi chính dân chúng. Ông nhớ trước kia ông có đọc những gì đó về dân bốn xứ ở Tân Guinée. Họ cũng cùng trình độ trí thức với nông dân này, nhưng họ lại sống trong sự hòa hợp xã hội hoàn toàn và có những cơ cấu dân chủ phát triển một cách đáng ngạc nhiên. Họ đã tiến đến một mực độ cao trong cái bồn thấp của đập nước.

Nông dân cho sự yên lặng của Roubachof là một dấu hiệu không tán thành và hần co rút người hơn nữa. Những ngón chân của hần đông giá xanh lè; hần thở dài mãi; cam chịu số phận, hần đi cà nháy cạnh Roubachof.

Khi về tới xà lim, Roubachof tiếp tục viết, ông cho rằng mình đã làm được một cuộc phát minh với “luật trường thành tương đối” và ông viết trong sự hứng khởi vui vẻ. Khi người ta mang đến bữa ăn trưa, ông mới vừa chấm dứt. Ông ăn phần của mình và nằm dài thỏa mãn trên giường.

Ông ngủ yên một giờ đồng hồ, không chiêm bao, và cảm thấy khỏe khoắn lúc thức giấc. Số 402 gõ lên tường từ một lúc rồi; chắc hẳn cảm thấy bị bỏ quên. Hẳn hỏi về người láng giềng mới cùng đi dạo bên Roubachof mà hẳn đã quan sát từ cửa sổ, nhưng Roubachof ngắt ngang. Mím cười với mình, ông gõ bằng cái kiếng mắt:

- *Tôi đầu hàng.*

Ông chờ đợi, tò mò muốn biết ảnh hưởng do ông gây ra.

Một lúc lâu sau, không có gì xảy ra, số 402 yên lặng. Cả phút sau, hẳn mới trả lời:

- *Tôi thà chịu bị thắt cổ...*

Roubachof mím cười, gõ:

- *Mỗi người một lối.*

Ông chờ đợi sự nổi giận của số 402. Nhưng những tín hiệu hình như dập tắt bớt, và có vẻ kiên nhẫn.

- *Tôi đã có khuynh hướng thấy ở ông một ngoại lệ. Trong ông không còn một tia danh dự nào sao?*

Roubachof nằm ngửa, kiếng mắt trên tay. Ông cảm thấy bình thản và thỏa mãn. Ông gõ:

- *Quan niệm về danh dự của chúng ta khác nhau.*

Số 402 gõ rất mau và chính xác:

- *Danh dự là sống chết cho lý tưởng của mình.*

Roubachof cũng trả lời thật mau:

- *Danh dự, là trở thành hữu ích mà không kiêu hãnh.*

Số 402 trả lời, lần này mạnh hơn và với một giọng chua chát hơn:

- *Danh dự là phẩm cách - không phải hữu ích.*

- *Phẩm cách là gì?* - Roubachof hỏi, vừa đánh rời rạc từng chữ và chậm rãi. Ông càng gõ một cách bình thản, thì những tiếng trên tường càng tỏ ra giận dữ.

- *Một cái gì mà những kẻ như ông không bao giờ hiểu nổi.* - Số 402 trả lời. Roubachof nhún vai.

- *Chúng tôi thay phẩm cách bằng lý lẽ.* - Ông đáp lại.

So 402 không trả lời nữa.

Trước bữa ăn tối, Roubachof đọc lại những gì ông đã viết. Ông sửa vài chỗ, rồi chép lại tất cả dưới hình thức một lá thư gửi cho ông Biện lý.

Ông gạch đi những đoạn chót viết về sự chọn lựa có thể được của đối lập, và chấm dứt tài liệu bằng câu:

“Tôi ký tên dưới đây, N.S. Roubachof, cựu nhân viên Trung ương Đảng bộ, cựu ủy viên Nhân dân, cựu Tư lệnh Đệ nhị Sư đoàn của Quân đội Cách mạng được ban thưởng Cách mạng Bội tinh vì dũng mãnh trước kẻ thù của nhân dân, vì những lý lẽ trình bày trên đây, đã quyết định tuyệt đối chối bỏ thái độ đối lập và công khai tố cáo những sai lầm của tôi”.

3.

Roubachof chờ từ ba hôm nay để được đưa tới trước Ivanof. Ông tưởng chuyện ấy sẽ xảy ra ngay sau khi ông trao cho viên ngục tốt già tài liệu thông báo sự đầu hàng của ông; hơn nữa, chính hôm đó là ngày chấm dứt thời hạn do Ivanof đã định. Có lẽ Ivanef nghiên cứu “Thuyết Trường thành tương đối”; cũng có lẽ tài liệu đã được đệ lên giới cao cấp thẩm quyền.

Roubachof mỉm cười nghĩ đến nỗi kinh ngạc của các tay “lý thuyết gia” trong Trung ương Đảng trước tài liệu đó. Trước Cách mạng và ngay sau đó, lúc vị lãnh tụ già còn sống cũng vậy, không có sự phân biệt nào giữa những “lý thuyết gia” với các “chánh trị gia.” Chiến thuật phải theo trong bất cứ tình trạng nào đều được suy luận thẳng từ chủ thuyết cách mạng. Trong một cuộc tranh luận tự do, những biện pháp chiến lược trong trận Nội chiến, những cuộc sung công mùa màng, việc phân chia và cấp phát ruộng đất, việc đưa ra một thứ tiền tệ mới, việc tổ chức lại các nhà máy - trên thật tế, tất cả những biện pháp hành chánh đều đại diện cho những hành động của triết học thực dụng. Mỗi người trong số những cái đầu có đánh số trong bức ảnh cũ kỹ trước kia đã trang trí bức tường của Ivanof, đều biết rõ về triết học luật pháp, kinh tế chánh trị và khoa học cai trị, hơn cả những giáo sư danh tiếng của tất cả các trường đại học Âu châu họp lại. Những cuộc tranh luận trong những kỳ đại hội của Đảng trong thời Nội chiến được giữ ở một mức độ mà trong lịch sử chưa bao giờ có một đại hội chánh trị nào đạt được; những cuộc tranh luận ấy giống như những báo cáo của các tạp chí khoa học - với sự khác biệt này là kết quả của cuộc tranh luận dính dáng đến đời sống và hạnh phúc của nhiều triệu người và tương lai của Cách mạng.

Bây giờ, đoàn Lão vệ binh đã kiệt lực: luận lý học của lịch sử muốn rằng chế độ càng vững, thì nó càng khe khắt, để ngăn chặn những động lực phong phú do Cách mạng giải phóng quay ngược trở lại và làm cho Cách mạng nổ thành muôn mảnh. Cái thời những đại hội triết học đã chấm dứt; thay vì những chân dung xưa kia, một vệt sáng chiếu trên giấy dán tường của Ivanof; những nguyên tắc của một triết học nóng bỏng phải nhường chỗ cho một thời kỳ chính thống khô khan. Chủ thuyết Cách mạng đông lại thành một thứ sùng bái giáo lý thuộc loại giáo lý cương yếu giản dị hóa cho dễ hấp thụ, với Người số I ở địa vị Đại trưởng lão thuyết Lễ triết học. Những diễn văn, những bài báo của ông ta trình bày tính cách của sách giáo lý cương yếu toàn thiện toàn mỹ; những bản văn đó được chia thành câu hỏi và lời đáp, với một thứ luận lý học huyền diệu trong sự giản dị hóa một cách thô kệch những vấn đề và hành động. Người số I áp dụng theo bản năng “luật trường thành tương đối của quần chúng”... Những kẻ thích hưởng lạc trong sự tàn bạo đã bắt buộc thần dân của họ phải hành động theo trật tự; Người số I đã dạy thần dân phải suy nghĩ theo trật tự.

Roubachof thấy thích thú với ý nghĩ chẳng biết những “lý thuyết gia” mới của Đảng nói gì về bức thơ của ông. Trong tình trạng hiện thời, bức thơ ấy là hiện thân của một thứ tà thuyết điên cuồng nhứt; những vị cha đẻ của lý thuyết mà mỗi lời nói đã trở thành một lời thiêng liêng, đã bị đả kích trong thơ ấy; trong bức thơ đó, con mèo được gọi là con mèo, và cả cá nhân thần thánh của Người số I cũng bị đả ngộ một cách khách quan trong thời điểm lịch sử của ông ta. Họ sẽ oằn oại đau đớn, những anh lý thuyết gia của thời này, mà công việc duy nhứt là giải thích những cái nhảy vọt bất ngờ, và những thay chiều đối hướng thành linh của Người số I như là những phát giác mới nhứt của triết học.

Người số I lắm khi cũng thích chơi các lý thuyết gia của ông nhiều đòn lạ lùng. Một hôm, ông nhờ ủy ban chuyên viên chủ trương biên tập tạp chí kinh tế của Đảng làm một phân tích về cuộc khủng hoảng kỹ nghệ của Mỹ. Phải mấy tháng trời mới hoàn thành bản phân tích; chót hết, một số đặc biệt ra đời, trong đó - căn cứ theo luận đề do Người số I trình bày trong diễn văn cuối cùng của ông tại Đại hội Đảng - họ chứng minh trên ba trăm

trương giấy rằng sự phồn thịnh của Mỹ chỉ là một thời kỳ giả tạo, và trên thực tế, Mỹ đang ở ngay lòng chỗ trũng của sự suy sụp mà họ chỉ có thể vượt qua sau cuộc chiến thắng của Cách mạng mà thôi. Ngay ngày số đặc biệt đó ra đời, Người số I tiếp một ký giả Mỹ và làm cho cả thế giới ngạc nhiên khi ông tuyên bố giữa hai bùm khói của chiếc ống điếu một câu văn tắt :

- Cuộc khủng hoảng Mỹ đã chấm dứt và mọi việc ở đó đều trở lại bình thường.

Các nhân viên trong ủy ban chuyên viên, chờ đợi bị đuổi và có thể bị bắt, ngay đêm đó thảo những bức thư trong đó họ thú nhận “họ đã phạm những lỗi lầm tai hại vì đã đưa ra những lý thuyết phản Cách mạng và những bản phân tích đối gạc”; họ nhấn mạnh về sự hối hận của họ và hứa sẽ công khai tạ tội trước công chúng. Chỉ có Isakovitch, người đồng thời với Roubachof và cũng là nhân viên duy nhất trong ban biên tập có chân trong Đoàn Lão vệ bệnh, đã chọn con đường tự tử. Những người hiểu chuyện sau đó quả quyết rằng Người số I đã dàn xếp vụ này trong mục tiêu duy nhất là loại Isakovitch mà ông nghi có khuynh hướng đối lập.

Tất cả là một hài kịch thô bỉ, Roubachof nghĩ thầm; thật sự, tất những trò lừa phỉnh với cái “triết lý Cách mạng” chỉ là những phương tiện củng cố nền độc tài; đầu loại hài kịch đó là một hiện tượng gây suy yếu cho chế độ, nó cũng có vẻ là một sự cần thiết lịch sử. Mặc kệ kẻ nào xem loại hài kịch đó là một sự kiện nghiêm trang, vì họ chỉ nhìn từ trước lên sân khấu chứ không nhìn những dàn xếp ở hậu trường. Ngày xưa, chánh sách cách mạng được qui định một cách tự do ở các phiên đại hội Đảng; hiện thời nó được quyết định trong hậu trường - điều đó cũng là một kết quả hợp lý của luật trường thành tương đối của quần chúng.

Roubachof nóng lòng được làm việc trở lại trong sự yên tĩnh của một thư viện có những chụp đèn xanh lá mạ, để xây dựng một lý thuyết mới trên những nền tảng lịch sử. Những thời gian phong phú để sản xuất triết lý cách mạng luôn luôn là những thời gian lưu vong, bị nghỉ ngơi bắt buộc giữa những thời khoản hoạt động chánh trị. Ông đi bách bộ trong xà lim và để cho trí tưởng tượng tự do nghĩ đến đời sống trong hai năm tới của ông,

lúc mà ông bị loại khỏi chánh trường, trong tình trạng lưu đày nội bộ; việc chối bỏ công khai lý tưởng của ông sẽ giúp ông được hưởng một sự đình hoãn cần thiết. Cái lối đầu hàng của ông không quan trọng; họ sẽ tạo ra những tờ tự thú và tuyên ngôn trung thành với đường lối không thể lầm lỗi của Người số I. Đó là một vấn đề hoàn toàn nghi thức - một thứ nghi thức cổ lỗ cần thiết để đưa từng câu vào quần chúng bằng đường lối phổ biến và lập tới lập lui không ngớt; những gì được xem là tốt phải chiếu sáng như vàng, và những gì bị xem là xấu phải đen như gỗ lim; những lời tuyên bố chánh trị phải được tô màu như những chú hề bán hàng trong hội chợ.

Đó là những đầu đề mà số 402 không hiểu gì cả, Roubachof nghĩ. Quan niệm danh dự hẹp hòi của hắn thuộc về một thời khác rồi. Phẩm giá là gì? Là một hình thức quy ước được giữ chặt bởi những truyền thống và những quy luật đấu thương cỡi ngựa của hiệp sĩ đạo. Quan niệm mới về danh dự khác hẳn: phụng sự không tự kiêu cho đến kết quả tối hậu...

“Thà chết chứ không chịu mất danh dự”, số 402 đã tuyên bố như vậy, có lẽ vừa gõ vừa vắn râu. Số 402 gõ với cái kiếng một tròng; Roubachof với cái kiếng kẹp mũi hai tròng; đó là tất cả sự khác biệt. Sự kiện quan trọng duy nhất hiện nay của Roubachof là làm việc yên lành trong một thư viện để xây dựng những tư tưởng mới của ông. Việc ấy cần nhiều năm để hoàn thành một quyển sách dày; nhưng đó là tác phẩm đầu tiên đưa độc giả đến con đường hiểu biết lịch sử của những chế độ dân chủ và rọi ánh sáng vào hiện tượng đong đưa kiểu quả lắc của vấn đề tâm lý quần chúng, những hiện tượng rất minh bạch ngày nay mà lý thuyết cổ điển về giai cấp đấu tranh không giải thích được.

Roubachof đi rất mau trong xà-lim và mỉm cười một mình. Không còn gì quan trọng nữa, miễn là người ta cho ông thời gian để triển khai học thuyết mới của ông. Răng ông không còn đau nữa; ông cảm thấy rất tỉnh táo, xốc vác và nóng ruột. Hai ngày đã trôi qua từ cuộc đàm thoại ban đêm với Ivanof và gởi tờ tự thú, nhưng vẫn chưa thấy chuyện gì xảy tới. Giờ khắc bay mau trong hai tuần lễ đầu bị bắt, giờ đây có vẻ như dừng lại đến vô định. Nó tan rã thành phút, thành giây. Ông làm việc từng chập, thỉnh thoảng phải ngừng lại vì thiếu tài liệu lịch sử. Ông chờ ở lỗ dòm nhiều lần

trọn mười lăm phút, trong hy vọng ngực tốt tới đưa ông lại văn phòng Ivanof. Nhưng hành lang vắng ngắt, và ánh đèn điện rọi sáng như thường lệ.

Có lúc ông mong Ivanof đích thân tới, và tất cả các hình thức tự thú sẽ được giải quyết ngay tại xà-lim; được như vậy thì dễ chịu biết bao. Lần này, ông sẽ không bài bác việc mang chai rượu mạnh đến. Ông tưởng tượng cuộc đàm thoại với đầy đủ chi tiết; hai người sẽ thảo luận cách nào về cú pháp của những lời thú nhận, và những tiếng hóm hình trắng trợn của Ivanof trong khi cả hai vùi đầu vào công việc. Vừa mỉm cười, Roubachof đi tới lui trong xà-lim, và nhìn đồng hồ mỗi mười phút. Ivanof đã hứa tối hôm đó sẽ gọi người đến tìm ông ngay hôm sau kia mà!

Sự thiếu kiên nhẫn của Roubachof mỗi lúc một tăng; đêm thứ ba sau cuộc đàm thoại với Ivanof, ông không ngủ được. Nằm dài trên giường trong đêm tối, lắng nghe những tiếng động không rõ ràng trong nhà ngục, ông lăn qua trở lại; lần thứ nhất từ ngày bị bắt, ông mong ước sự hiện diện ủy lạo của một thân thể đàn bà. Ông cố thở đều đều để dỗ giấc ngủ, nhưng lại càng bực bội hơn. Ông dần ý muốn nói chuyện với số 403; từ ngày ông đặt câu hỏi “Phẩm giá là gì?” hẳn đã biệt tăm.

Đến nửa đêm, sau khi thức trọn ba giờ trên giường, mắt nhìn đăm đăm vào mảnh giấy báo dán trên miếng kiếng bể, ông không chịu được nữa, dùng ngón tay gõ vào tường. Nóng nảy, ông chờ đợi: tường im phăng phắt. Ông gõ nữa, và chờ, lòng tự ái dâng lên nóng mặt. Số 402 vẫn không hồi đáp. Tuy nhiên, ông biết hẳn còn thức bên kia tường, và giết thì giờ với những cuộc phiêu lưu ngày trước; hẳn đã thú nhận với Roubachof không thể ngủ trước một hay hai giờ khuya, và hẳn trở lại những thói quen của thuở thiếu thời.

Roubachof nằm ngửa, mắt mở trao tráo trong bóng tối. Ổ rơm bằng phẳng và cứng ngắt; cái mền quá nóng làm ông đổ mồ hôi, nhưng nếu ông bỏ ra thì sẽ bị lạnh run. Ông hút liên tiếp đến điều thuốc thứ bảy hay thứ tám; tàn thuốc rải rác trên nền gạch quanh giường. Tiếng động nhỏ nhất cũng đã tắt ngấm; thời gian trở thành bất động và tan ra trong bóng tối vô định hình. Roubachof nhắm mắt và tưởng tượng Arlova nằm kế bên, lăn

cong thân mật của đôi vú cô nổi lên trong bóng mờ. Ông quên hẳn cô đã bị kéo lôi như Bogrof trong hành lang; sự yên lặng dày đặc đến nỗi làm ông ù tai. Hai ngàn người bị nhốt trong các gian nhỏ của cái ổ ong này hiện đang làm gì? Sự yên lặng phồng lên do sự hô hấp lặng lẽ, do những cơn mơ vô hình, do cơn thở hỗn hển bị chặn nghẽn vì sợ hãi và vì những khao khát của họ. Nếu lịch sử là một vấn đề làm toán, thì trọng lượng chung của hai ngàn cơn ác mộng ấy cân được bao nhiêu, và áp suất trên sự mong muốn bất lực nhân cho hai ngàn sẽ lên tới số nào? Hiện giờ, ông nghĩ thấy rõ ràng mùi thơm thân thiết của Arlova; dưới lớp mền len, thân hình cô đắm mờ hôi... Cánh cửa xà-lim mở ra vang dội; ánh sáng từ hành lang xói vào mắt ông.

Ông thấy hai người đồng phục, cả hai đều lạ hoặc đối với ông, sừng sáu bên dây nịt. Một trong hai người đến gần giường; hẳn to con, có một gương mặt ác ôn; giọng khàn khàn của hẳn có vẻ quá to đối với Roubachof. Hẳn ra lệnh cho Roubachof theo hẳn, không giải thích đi đâu.

Roubachof mò tìm dưới mền chiếc kiếng mắt, bỏ túi rồi đứng lên. Sự mệt nhọc làm tay chân ông nặng như chì trong khi ông đi trong hành lang cạnh tên khổng lồ đồng phục, cao hơn ông trọn một cái đầu. Người kia đi sau cách họ ba bước.

Roubachof nhìn đồng hồ; đã hai giờ khuya: ông có ngủ được một lúc. Họ đi về hướng phòng hút tóc - hướng mà họ đã mang Bogrof đi. Người lính thứ hai vẫn ở sau họ ba bước. Roubachof cảm thấy muốn quay đầu, như có một sự ngứa ngáy ở dưới cái ót, nhưng ông cố dẫn xuống. Dầu sau, họ cũng không thể thủ tiêu mình mà không một nghi thức nào cả, ông tự nhủ nhưng không hoàn toàn tin tưởng. Nếu chuyện đó xảy ra ngay cũng không có gì quan trọng lắm; ông chỉ mong muốn họ hành sự thật mau. Ông cố tự xét xem mình có sợ hay không, nhưng ông chỉ ý thức được sự khó chịu vì phải cố gắng để khỏi quay đầu lại nhìn kẻ đi sau ông.

Khi họ qua khỏi khúc quanh gần người thợ hút tóc, ông thấy cầu thang khu ốc trước mắt. Roubachof để ý xem tên khổng lồ cạnh ông có đi chậm lại không. Ông không cảm thấy sự sợ sệt nào cả, chỉ có tính tò mò và hơi khó chịu thôi; nhưng khi qua khỏi cầu thang, ông ngạc nhiên nhận thấy hai đầu gối mình run rẩy, và ông phải tự trấn tĩnh. Cùng lúc ấy, ông ngạc nhiên

thấy mình chúi kiếng vào tay áo tự bao giờ; hình như ông đã lấy kiếng xuống mà không hay trước khi tới chỗ người thợ hút tóc. Một sự lừa phỉnh, ông nghĩ. Về phần trên của thân thể, người ta có thể tự trấn an, nhưng ở phần dưới, từ bao tử trở xuống, người ta không thể dối gạt được. Ông nói thêm: nếu họ đánh mình, mình sẽ ký tất cả như họ muốn; nhưng ngày mai sẽ lại chối hết...

Đi vài bước nữa, “lý thuyết trường thành tương đối” trở lại trí óc ông, cả việc đã quyết định chịu thua và ký tờ đầu hàng. Ông thấy như trút bỏ được gánh nặng; nhưng cùng lúc đó, ông tự hỏi một cách ngạc nhiên vì có gì mà ông lại quên trọn vẹn những quyết định trong mấy ngày chót này. Người khổng lồ ngừng lại, mở cửa rồi biến dạng. Roubachof thấy trước mặt mình một bàn viết giống như của Ivanof, nhưng rọi bằng một thứ ánh sáng chói mắt và khó chịu, như muốn làm vỡ mắt ông ra. Quay mặt về phía cửa, sau bàn, Gletkin ngồi đó.

Cánh cửa khép lại sau Roubachof, và Gletkin đưa mắt nhìn qua phía trên chõng hồ sơ. “Mời ông ngồi”, ông nói với một giọng ngắn ngủn và lạt lẽo mà Roubachof nhớ ngay kể từ màn thứ nhất giữa hai người xảy ra tại xà lim ông. Ông cũng nhìn ra cái thẹo to trên sọ Gletkin; mặt ông ta trong bóng tối, còn nguồn ánh sáng duy nhất trong phòng xuất phát từ một đèn rọi bằng kim khí đặt sau ghế bành của Gletkin. Ánh sáng trắng và sống sượng tuồn dồn dập từ bóng đèn mạnh đặc biệt chói lòa mắt Roubachof, đến nỗi mấy giây sau ông mới nhận ra sự hiện diện của một người thứ ba - một nữ thư ký ngồi sau một tấm bình phong nhỏ, bên một bàn nhỏ, quay lưng ra ngoài.

Roubachof ngồi xuống trước mặt Gletkin, phía trước bàn, trên một chiếc ghế duy nhất: một chiếc ghế nhỏ rất bất tiện.

- Tôi được ủy nhiệm thẩm vấn ông trong lúc ông ủy viên Ivanof vắng mặt. - Gletkin nói. Ánh sáng từ chiếc đèn làm nhức mắt Roubachof; nếu ông quay nghiêng mặt, thì ảnh hưởng của ánh sáng ở góc mắt cũng khó chịu gần như vậy. Hơn nữa, nó có vẻ vô lý và làm ông bối rối nếu vừa nói chuyện vừa quay mặt chỗ khác.

- Tôi muốn được Ivanof thẩm vấn. - Roubachof nói.

- Viên dự thẩm được giới hữu quyền chỉ định - Gletkin nói - Ông có quyền khai hay không khai. Trong trường hợp của ông, từ chối có nghĩa là rút lại lời khai trong đó cách đây hai hôm, ông viết rằng ông sẵn sàng thú nhận, và như vậy là tự nhiên cuộc điều tra kết thúc. Trong tình trạng đó, tôi được lệnh gọi trường hợp của ông đến giới hữu trách có thẩm quyền để họ làm một bản án theo lối hành chánh.

Roubachof suy nghĩ thật mau những điều vừa nghe được. Có một chuyện gì chắc chắn đã xảy ra cho Ivanof. Có lẽ ông ta thành linh bị nghi phép, hay bị lột chức, hay bị bắt rồi. Có lẽ vì người ta nhớ lại tình bạn thâm niên giữa ông ta và Roubachof; có lẽ vì trình độ trí thức của ông ta cao, vì ông ta quá lanh lợi hay vì sự trung thành đối với Người số I căn cứ trên những khảo sát hợp lý chớ không phải trên một niềm tin mù quáng. Ông ta quá thông minh; ông là thuộc về lớp người cũ: lớp người mới là Gletkin với những phương pháp của ông ta.

Mong anh được bình an đời đời, Ivanof... Roubachof không có thời giờ thương hại; ông cần nghĩ nhanh, và ánh sáng làm ông khó chịu. Ông lột kiếng và chớp mắt; ông biết rằng không có kiếng, mắt ông sẽ trần truồng và ngơ ngác, và đôi mắt lạnh lùng của Gletkin quan sát từng nét trên người ông. Nếu ông im lặng, ông sẽ lâm nguy, bây giờ thì không còn cách nào lùì được nữa. Gletkin là một con người đáng ghê tởm, nhưng ông ta đại diện cho thế hệ mới, thế hệ cũ phải hòa giải với họ bằng không thì bị đè bẹp; không thể chọn lựa được. Bỗng nhiên, Roubachof cảm thấy mình già đi; chưa bao giờ ông có cảm giác đó. Từ trước đến nay, ông không hề nghĩ rằng mình đã quá năm mươi tuổi. Ông mang kiếng trở lại và cố gắng đổi đầu cái nhìn của Gletkin, nhưng ánh sáng chói lòa làm nước mắt ông trào ra; ông phải lột kiếng.

- Tôi sẵn sàng cung khai - Ông nói vừa cố chế ngự sự giận dữ làm ông hơi lạc giọng - Nhưng với điều kiện ông phải chấm dứt những thủ đoạn của ông. Tắt thứ ánh sáng chói mắt đó đi và dành những phương pháp này cho bọn lường gạt và bọn phản Cách mạng.

- Ông không có quyền đặt điều kiện - Gletkin nói vái giọng thung dung - Tôi không thể vì đôi mắt đẹp của ông mà thay đổi ánh sáng trong

văn phòng tôi. Hình như ông không có vẻ thấu hiểu tình thế của ông, và nhất là chính ông bị cáo có những hành động phản Cách mạng, chuyện mà ông đã thú nhận hai lần trong những lời tuyên bố công khai vào những năm sau này. Ông lầm, nếu ông tưởng tượng lần này ông cũng thoát khỏi một cách dễ dàng.

“Đồ con heo - Roubachof mắng thầm - Đồ con heo dơ bẩn mặc đồng phục”. Ông đỏ mặt. Ông cảm thấy như vậy và biết Gletkin đang quan sát ông. Hẳn mấy tuổi rồi, cái tên Gletkin này? Ba mươi sáu hay ba mươi bảy là cùng; hẳn đã tham dự Nội chiến hồi còn thật trẻ, và chứng kiến cuộc Cách mạng khởi đầu lúc hẳn còn là thằng bé. Đó là thế hệ bắt đầu biết suy nghĩ sau hồng thủy lụt. Một thế hệ không truyền thống, không kỷ niệm để dính chặt với cái thế giới cũ đã tàn lụn. Một thế hệ sanh ra không có cuống rún... Tuy nhiên, nó có quyền của nó. Cần phải xé bỏ cái cuống rún đó, chối bỏ sự liên hệ cuối cùng nối liền các người với những quan niệm về danh dự vô ích, và với cái thứ phẩm giá giả trá của thế giới cũ. Danh dự, là phụng sự không kiêu hãnh, bất kể thân mình, cho đến khi có kết quả tối hậu.

Cơn giận của Roubachof giảm dần dần. Ông giữ kiếng mắt trên tay và quay sang Gletkin. Vì phải nhắm mắt, ông cảm thấy mình càng ngỡ ngác hơn trước, nhưng điều đó không làm ông bực bội nữa. Sau đôi mi nhắm kín, lóng lánh ánh sáng đỏ hồng. Chưa lần nào ông cảm thấy cô quạnh dữ dội như bây giờ.

- Tôi làm tất cả những gì có thể phục vụ Đảng. - Ông nói.

Giọng ông khàn hơn. Không mở mắt, ông nói :

- Tôi yêu cầu ông đọc cáo trạng với đầy đủ chi tiết. Tới nay, chưa ai làm việc đó.

Ông nghe, hơn là thấy bằng đôi mắt chớp chớp một cử động thật mau xuyên qua bóng dáng cứng ngắc của Gletkin. Hai tay áo hồ bột rút lên trên dựa tay của chiếc ghế bành, ông ta thở nhẹ và sâu hơn, như trong một lúc tất cả cơ thể của Gletkin đều giãn ra. Roubachof đoán rằng Gletkin vừa nhận thấy sự chiến thắng trong đời ông ta. Hạ được Roubachof là bắt đầu một sự nghiệp lớn; và một phút trước đây, tất cả hãy còn ngang ngửa đối với Gletkin - với số phận của Ivanof trước mắt làm gương cho ông ta.

Roubachof hiểu ngay ông có quyền lực đối với Gletkin cũng như người này có quyền lực đối với ông. “Tao nắm cổ họng mày, con ơi, ông nói thầm với một cái nhãn mặt mĩa mai. Chúng mình cùng nắm cổ họng nhau, và nếu tao nhảy xuống khỏi cái đu, tao lôi mày theo”. Trong một lúc, Roubachof thấy vui sướng với ý nghĩ đó, trong khi Gletkin, trở thành cứng thẳng người và thận trọng, lục lạo trong đồng tài liệu. Kế đó, Roubachof xua bỏ sự căm dỗ và nhằm chằm chằm đôi mắt đỏ hoe. Phải đốt hết trong ta những dấu vết kiêu hãnh cuối cùng - và tự tử là gì nếu không phải là một hình thức đồng nghĩa với kiêu hãnh? Tên Gletkin này, chắc hẳn tưởng rằng chính những thủ đoạn của hắn chớ không phải những lý lẽ của Ivanof đã làm mình đầu hàng; có lẽ hắn cũng đã thuyết phục thượng cấp hắn và do đó lật được Ivanof. “Đồ súc sanh - Roubachof nói thầm, nhưng lần này không nổi giận - Mày là thứ luận lý thô bạo, mang đồng phục do chúng tao đã sáng tạo - đồ dã man của một thế hệ mới đang bắt đầu. Mày có biết gì đâu; nhưng nếu mày biết, mày cũng chẳng giúp được gì cho chúng tao...” Ông nhận thấy ánh sáng của ngọn đèn tăng thêm cường độ sống sượng - Roubachof biết có cách để tăng hay giảm cường độ của thứ đèn rọi này trong một cuộc thẩm vấn. Ông bị bắt buộc phải quay hẳn mặt chỗ khác và chùi nước mắt. “Đồ thô bạo - Ông nói thầm lần nữa - Tuy nhiên đúng là hiện nay chúng tao phải cần một thế hệ gồm những kẻ thô bạo như mày...”

Gletkin đã bắt đầu đọc cáo trạng. Giọng đều đều của ông ta càng dễ giận hơn bao giờ; Roubachof nghe, mặt quay đi, mắt nhắm nghiền. Ông đã quyết định xem những lời “thú tội” như một thể thức, như một hài kịch vô lý nhưng cần thiết, mà chỉ có những kẻ thông thạo mới có thể hiểu được ý nghĩa cong queo của nó; nhưng bản văn mà Gletkin đang đọc vượt quá những dự liệu tệ hại của ông về tính cách vô lý. Gletkin có thật sự tin tưởng rằng ông, Roubachof, đã thai nghén những cuộc âm mưu điên cuồng đó sao? Rằng trong nhiều năm, ông chỉ nghĩ đến việc đập phá tòa lâu đài mà Đoàn lão vệ binh và ông đã đặt nền móng hay sao? Và tất cả những kẻ đó, những người có cái đầu đánh số, những bậc anh hùng của Gletkin thiếu thời - Gletkin có tin rằng bỗng nhiên họ trở thành nạn nhân của một bệnh dịch làm cho tất cả bọn họ đều tham lợi và bị mua chuộc dễ dàng, và

họ chỉ có một mong muốn duy nhất là phá hủy Cách mạng? Và muốn làm như vậy, những đại chiến lược gia chánh trị ấy lại dùng những phương pháp mà họ mượn trong một quyển tiểu thuyết trinh thám loại dở sao?

Gletkin đọc với một giọng đều đều, không âm điệu - thứ giọng vô sắc, khô cứng của những kẻ tập đọc, tập viết trẻ nãi, vào tuổi thành nhân. Ông đang đọc những gì về cái gọi là thương thuyết với đại diện một ngoại cường, do Roubachof khởi xướng trong lúc ông còn ở B. - trong mục đích dùng võ lực phục hưng chế độ cũ. Tên của nhà ngoại giao ngoại quốc được kể ra, cả thời gian và nơi họ gặp nhau. Roubachof nghe chăm chỉ hơn. Trong trí nhớ ông, một cảnh nhỏ vô bổ hiện ra, một cảnh mà ông đã quên mà cũng chẳng hề nghĩ tới. Ông nhẩm tính thật mau ngày giờ đại để; hình như có sự trùng hợp. Phải chăng đây là sợi dây mà họ dùng để thắt cổ ông? Roubachof mỉm cười và đưa khăn tay lau đôi mắt đầy nước mắt.

Gletkin tiếp tục đọc một cách cầu kỳ bằng một giọng đều đều giết người. Ông ta có tin thật sự những điều ông đọc không? Ông không nhận ra sự vô lý thô bạo của bản văn sao? Hiện giờ, ông đọc đến lúc Roubachof chỉ huy Tổng cuộc sản xuất Nhôm, ông đọc bản thống kê chỉ rõ lẽ lối tổ chức hỗn loạn một cách đáng sợ của cái kỹ nghệ bành trướng hấp tấp này; số thợ thuyền bị tai nạn, số phi cơ rơi xuống đất nát biến vì những nguyên liệu xấu. Tất cả những cái đó là do hậu quả của sự phá hoại ác ôn của Roubachof. Tiếng “ác ôn” được lặp lại trong bản văn nhiều lần, giữa những tiếng chuyên môn và những con số. Trong vài giây, Roubachof tưởng Gletkin trở nên điên loạn; sự lẫn lộn những gì hợp lý với vô lý là do sự cuồng loạn tinh thần. Nhưng cáo trạng không do Gletkin tạo ra; ông ta chỉ đọc thôi: hoặc ông ta tin thật tình, hoặc ông ta cho rằng sự tố cáo có thể tin được...

Roubachof quay đầu về phía nữ tặc ký viên trong một góc tối. Cô ốm yếu và mang kiếng mắt. Cô chuốt viết chì một cách sáng suốt và không một lần nào nhìn về hướng Roubachof. Có lẽ cô cũng cho là đáng tin những điều quái dị mà Gletkin đang đọc. Cô hãy còn trẻ, hai mươi lăm hay hai mươi sáu tuổi; cô cũng đã lớn lên sau trận hồng thủy. Tên Roubachof có nghĩa gì đối với thế hệ mới gồm những người ăn lông ở lỗ của hang

Neanderthal? Ông ngồi trước ánh sáng chói lói của chiếc đèn rọi, không mở được hai mắt đầy nước mắt, và những kẻ của thế hệ mới đó đọc cho ông nghe bằng giọng vô sắc và nhìn ông với những con mắt lạnh lùng, một cách dửng dưng, như thể ông nằm dài trên đá cẩm thạch của một giảng đường về giải phẫu học.

Gletkin đã đến đoạn chót của cáo trạng. Nó chứa đựng lời tố cáo quan trọng nhất: cuộc mưu sát Người số I. Người bí mật X. mà Ivanof nêu ra trong cuộc thẩm vấn đầu tiên hiện trở lại trong đoạn này. Đó là một trong những phụ tá của viên quản lý nhà hàng mà Người số I gọi bữa ăn trưa bằng đồ lạnh những ngày quá bận việc. Bữa ăn lạnh này là một trong những khía cạnh về nếp sống khắc khổ của Người số I đã được tuyên truyền rất cần cù; nhờ cái bữa ăn nguội huyền thoại này mà tên X, do Roubachof xúi giục, lợi dụng để chấm dứt sớm đời sống của Người số I. Roubachof mỉm cười với mình, mắt nhắm hít; khi ông mở ra, Gletkin đã thôi đọc và đang nhìn ông. Sau vài giây yên lặng, Gletkin nói, với giọng bình thường của ông, nhưng quả quyết hơn là hỏi :

- Ông đã nghe cáo trạng và ông nhận tội.

Roubachof cố nhìn thẳng vào mặt ông. Nhưng không thể được, và phải nhắm mắt trở lại. Ông đã có ở đầu lưỡi một câu trả lời cay chua; ông dẫn lại và nói thật nhỏ làm người nữ thư ký ồm phải lắng tai nghe :

- Tôi nhận tội đã không hiểu sự cần thiết khốc hại đã quy định chánh sách của Chánh phủ, và do đó đã nảy sanh những tư tưởng đối lập. Tôi nhận tội đã nghe theo những xúc động trong tâm tư đưa tôi đến chỗ mâu thuẫn với sự cần thiết lịch sử đó. Tôi đã để tai nghe những lời kêu than áo nã của những kẻ bị hy sinh, thành thử trở nên điếc trước những luận điệu chứng minh sự cần thiết phải hy sinh họ. Tôi nhận tội đã đặt vấn đề phạm tội và vô tội trước vấn đề hữu ích và có hại. Chót hết, tôi nhận tội đã đặt tư tưởng của con người lên trên tư tưởng của nhân loại...

Roubachof ngừng lại và cố một lần nữa mở mắt ra. Ông nhấp nháy nhìn về phía người nữ thư ký, vừa quay đầu tránh luồng ánh sáng. Cô ta vừa viết xong những lời ông nói; ông thấy xuyên qua bán diện nhọn lều của cô hình như cô mỉm cười mỉa mai.

- Tôi biết, - Roubachof tiếp - lối lập luận sai lầm của tôi, nếu có hành động tiếp theo, có thể là một mối nguy hại vô cùng cho Cách mạng. Mọi đối lập vào những khúc quanh nguy cấp của lịch sử, đều tiềm tàng mầm mống một sự chia rẽ trong Đảng và từ đó, nảy sinh mầm mống nội loạn. Sự yếu kém của nhân loại và nền dân chủ tự do, trong khi quần chúng chưa giác ngộ, tương đương với sự tự tử của Cách mạng. Thế mà thái độ đối lập của tôi lại căn cứ trên sự tưởng nhớ những phương pháp đó - nhìn bên ngoài thật hấp dẫn, nhưng trên thật tế rất nguy hại. Đó là sự tưởng nhớ việc cải cách nên độc tài trên quan niệm tự do; tưởng nhớ một nền dân chủ thành lập trên những nền tảng rộng rãi hơn; hủy bỏ sự khủng bố; và làm mềm dẻo bớt lối tổ chức quá cứng rắn của Đảng. Tôi nhìn nhận rằng những đòi hỏi đó, trong tình thế hiện tại, rất khách quan nguy hiểm và chứa đựng một tính cách phản cách mạng.

Ông ngưng lại lần nữa vì khô cổ và khan tiếng. Trong sự yên lặng, ông nghe tiếng viết chì của người nữ thư ký chạy trên giấy: ông hơi ngẩng đầu lên, mắt nhắm hít, tiếp tục :

- Chính trong ý nghĩa đó, và chỉ trong ý nghĩa đó mà thôi, các ông có thể gọi tôi là phản cách mạng. Còn về những lời buộc tội vô lý trong cáo trạng thì không dính dáng gì đến tôi.

- Ông dứt lời chưa? - Gletkin hỏi.

Tiếng ông có một âm thanh tàn nhẫn làm cho Roubachof phải ngạc nhiên nhìn ông. Bóng dáng được chiếu sáng rạng rỡ của Gleikin nổi bật sau bàn trong tư thế thật đứng đắn. Roubachof tìm từ lâu một định nghĩa cho con người của Gletkin: “Sự thô bạo đứng đắn”.

- Lời khai của ông không gì mới mẻ - Gletkin nói với giọng lạnh nhạt và cay chua - Trong mỗi lần thú tội của ông trước kia, lần thứ nhất cách đây hai năm, lần thứ hai cách đây mười hai tháng, ông đã công khai thú nhận rằng thái độ ông đã “Khách quan phản cách mạng và ngược lại quyền lợi nhân dân”. Mỗi lần như vậy, ông đều cung kính xin Đảng xá tội và hứa trung thành với chánh sách của các bậc lãnh đạo. Bây giờ, ông tưởng tượng chơi lần thứ ba một ván bài như vậy nữa sao? Lời khai vừa rồi chỉ là chuyện hoàn toàn vô lối. Ông nhận “thái độ đối lập”, mà lại chối đã phạm

những hành động chỉ là hậu quả hợp lý của thái độ đó. Tôi đã nói rằng lần này ông khó thoát dễ dàng như các lần trước mà.

Gletkin ngưng nói bất ngờ cũng như ông đã khởi sự. Trong im lặng tiếp theo những lời của ông ta, Roubachof nghe tiếng vo vo nhỏ xíu của luồng điện trong chiếc đèn. Ngay lúc đó, ánh sáng lại mạnh hơn trước một chút nữa.

- Những lời khai trước kia của tôi, - Roubachof nói thật nhỏ - đã được tạo ra vì những lý do chiến thuật. Ông biết rõ rằng người đối lập nào cũng bị bắt buộc đưa ra những tuyên bố như vậy để được ở lại trong Đảng. Nhưng lần này, ý muốn của tôi khác...

- Nghĩa là lần này ông thành thật?

Gletkin hỏi. Câu hỏi đưa ra rất mau, và giọng ông ta rất đứng đắn, không chứa đựng sự mỉa mai nào cả.

- Phải. - Roubachof nói một cách bình tĩnh.

- Và trước kia, ông nói láo?

- Ông nghĩ sao cũng được.

- Để cứu cái đầu ông?

- Để tiếp tục công việc của tôi.

- Không có đầu, người ta làm việc không được. Như vậy, để cứu cái đầu ông?

- Cũng được.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi giữa những câu hỏi và đáp, Roubachof chỉ nghe tiếng viết chì của người nữ thư ký cào trên giấy, và tiếng vo vo của cái đèn. Chiếc đèn tuôn ra những thác ánh sáng trắng và một sức nóng không thay đổi bắt buộc Roubachof phải chạm mồ hôi đầy trán. Ông cố gắng để mở hai mắt nóng bỏng, nhưng khoảng cách giữa mỗi lần mở mắt càng lúc càng dài thêm; sự buồn ngủ cũng tăng gia, và khi Gletkin, sau một loạt câu hỏi thật nhanh, giữ yên lặng một lúc, thì Roubachof không còn xem sự kiện hiện giờ là cấp thời quan trọng nữa, cảm thấy cảm mình hạ lần xuống trước ngực. Khi câu hỏi kế tiếp làm ông choàng tỉnh, ông có cảm giác đã ngủ được trong một thời gian vô định.

- Tôi lặp lại, - Giọng Gletkin vang lên - những lời khai hồi quá của ông trước kia có mục tiêu đối gạt Đảng về những ý niệm thật sự của ông, và để tự cứu mạng.

- Tôi đã thú nhận rồi. - Roubachof nói.

- Và việc ông công khai chối bỏ cô thơ ký Arlova của ông cũng trong mục đích đó?

Roubachof gật đầu. Áp lực đè vào hai lỗ mắt được tỏa ra bởi tất cả những dây thần kinh phía bên phải của mặt ông. Ông nhận thấy rằng ông lại lên những cơn nhức nhối.

- Ông biết rằng nữ công dân Arlova luôn luôn kể tên ông ra như nhân chứng giải tội cho cô?

- Người ta có cho tôi hay như vậy. - Những cơn nhức lại dữ dội hơn trong chiếc răng chó của ông.

- Chắc ông cũng biết lời tuyên bố của ông lúc đó, mà ông vừa bảo rằng dối trá, đã có một ảnh hưởng quyết định cho bản án tử hình của cô Arlova?

- Người ta có cho tôi hay.

Roubachof có cảm giác phía tay phải trên mặt ông bị vộp bẻ co rúm lại. Đầu óc ông chậm lụt và nặng nề hơn; ông khó nhọc lắm mới ngăn nó gục xuống ngực. Giọng Gletkin xói vào tai ông :

- Như vậy, nữ công dân Arlova có thể vô tội phải không?

- Có thể lắm. - Roubachof nói với một ít mỉa mai còn sót lại làm cho lưỡi ông có mùi máu và mật đắng.

- ... Và cô bị hành quyết vì hậu quả của lời tuyên bố dối trá của ông mà ông đưa ra với mục đích cứu mạng mình?

- Cũng gần như vậy. - Roubachof nói. Đồ khốn nạn, ông nói thầm trong một cơn giận uế oái và bất lực. Lẽ tất nhiên là những gì mầy nói đều là sự thật trần truồng. Người ta muốn biết ai trong hai chúng ta là thằng đại hung ác. Nhưng nó lại nằm cổ tôi mà tôi thì không muốn tự vệ, bởi vì nó không được phép nhảy khỏi cái đu. Phải chi nó để cho tôi ngủ. Nếu nó còn tiếp tục quây tôi mãi, tôi sẽ rút lại tất cả những gì đã nói và từ chối nói nữa - chừng đó thì rồi đời tôi, mà nó cũng vậy.

- Và sau những việc đó, ông còn đòi hỏi được đối xử một cách nề trọng? Ông dám chối những âm mưu gây tội ác của ông? Sau tất cả những cái đó, ông còn bắt chúng tôi phải tin tưởng những điều ông nói nữa? - Gletkin vẫn nói với một giọng đứng đắn nhưng tàn nhẫn.

Roubachof không còn cố gắng để giữ đầu mình ngẩng lên được nữa. Lẽ tất nhiên Gletkin có lý để không tin Roubachof. Chính Roubachof cũng bắt đầu lạc lõng trong chiếc nhà bí mật đầy dối trá có tính toán trước và những lập luận biện chứng giả hiệu, trong hoàng hôn ngăn đôi sự thật và ảo ảnh. Sự thật tối hậu luôn luôn bước xa một bước; chỉ còn điều có thể thấy được là sự dối trá áp chót mà người ta dùng làm phương tiện để phục vụ sự thật. Người ta bị bắt buộc phải nói láo bằng mọi cách! Làm sao thuyết phục được Gletkin rằng lần này ông thành thật, rằng ông đã đến đoạn đường cuối cùng rồi? Luôn luôn con người phải thuyết phục một kẻ khác, nói, tranh luận - trong khi tất cả những gì hẳn mong muốn là được ngủ yên và tân lụn đi...

- Tôi không đòi hỏi gì cả, - Roubachof nói, và ông quay đầu một cách đau khổ về hướng có tiếng nói của Gletkin - nếu không phải để chứng minh một lần nữa sự trung thành của tôi đối với Đảng.

- Chỉ có một bằng chứng về sự trung thành của ông - Giọng của Gletkin nói lên - là ông phải đưa ra những lời thú nhận toàn bộ. Chúng tôi đã nghe nhiều về “thái độ đối lập” của ông và những nguyên do cao cả của ông. Điều mà chúng tôi cần, là sự thú nhận hoàn toàn và công khai những âm mưu gây tội ác của ông, vì đó là kết quả cần thiết của thái độ đó. Một lối duy nhất mà ông có thể dùng để phục vụ Đảng là ông phải trở thành hiện thân của một sự cảnh cáo, một tấm gương để chứng minh cho quần chúng thấy phe đối lập với chánh sách của Đảng sẽ phải nhận lãnh những hậu quả nào.

Roubachof nghĩ đến bữa ăn của Người số I. Những dây thần kinh trên mặt nóng bỏng làm ông đau nhức tột độ; nhưng sự đau đớn không còn dữ dội nữa; nó đến từng đợt ngấm ngấm và tê cóng. Ông nghĩ đến bữa ăn lạnh của Người số I và những bắp thịt trên mặt ông vạm thành một nụ cười :

- Tôi không thể thú nhận những tội ác mà tôi không hề phạm. - Ông cương quyết nói.

- Cái đó thì không được - Giọng Gletkin nói lên - Không, ông không thể làm như vậy được - và lần thứ nhất Roubachof hình như nhận thấy trong giọng đó một cái gì giống như chế nhạo.

Từ lúc đó, những gì mà Roubachof nhớ lại về cuộc thăm vấn giống như một đám tinh vân. Sau câu “ông không thể làm như vậy được” còn ở lại trong tai ông là vì cái âm điệu kỳ lạ của nó, trong trí nhớ của ông đã có một cái lỗ hổng chẳng biết bao giờ mới mất đi. Sau này, ông nhớ hình như ông ngủ và hình như đã mơ một giấc mơ thích thú một cách kỳ lạ. Giấc mơ ấy có lẽ chỉ kéo dài có vài giây; đó là một chuỗi rời rạc và bất tận những phong cảnh rạng rỡ, với những cây bạch dương thân yếu dọc hai bên con đường trong giang san riêng của cha mẹ ông, và một loại mây trắng đặc biệt mà ông đã thấy ngày xưa, lúc còn thơ ấu, phía trên những cây ấy.

Kế đó, ông nhớ tới sự hiện diện của một người thứ ba trong phòng, và giọng của Gletkin oang oang phía trên ông - có thể Gletkin đã đứng lên và cúi mình qua bàn nói :

- Tôi yêu cầu ông chú ý... Ông có nhìn ra người này không?

Roubachof gật đầu. Ông nhìn ra ngay. Người Sứ Mệnh, đầu hẵn không mặc chiếc áo mưa mà hẵn quen dùng để trùm lên vai và co quắp vì lạnh trong những lúc đi dạo trong sân. Một độc số quen thuộc xuyên qua trí nhớ của Roubachof: 2-5; 1-1; 4-3; 1-5; 3-2; 4-2... “Người Sứ Mệnh gửi lời chào ông”. Vào dịp nào số 402 đã đánh sang ông thông điệp đó?

- Ông biết người này hồi nào, ở đâu?

Roubachof phải cố gắng lắm mới nói được; sự cay đắng hầy còn trên chiếc lưỡi khô khan của ông :

- Tôi thấy hẵn nhiều lần từ cửa sổ của tôi, lúc hẵn đi dạo dưới sân.

- Và ông không biết hẵn từ trước sao?

Người Sứ Mệnh đứng gần cửa, vài bước sau ghế của Roubachof; ánh sáng đèn rọi chiếu thẳng vào hẵn. Mặt hẵn, ngày thường màu vàng, trở thành trắng bệt như vôi, mũi hẵn nhọn; chiếc môi sứ, với hai gò thịt lồi lên, run rẩy trên chiếc răng cửa trần. Hai tay hẵn buông thõng xuống đầu gối;

Roubachof hiện quay lưng lại đèn, thấy hẩn như một bóng ma hiện về trong ánh sáng của ngọn đèn. Một loạt số xuyên qua đầu ông: 4-5; 3-5; 4-3 ... - “bị tra tấn hôm qua”. Gần như cùng lúc đó, bóng của một kỷ niệm thoáng qua đầu ông - kỷ niệm đã nhìn thấy xưa kia con người thật của cái thân tàn ma dại đó, trước khi hẩn vào xà lim số 404.

- Tôi không nhớ rõ lắm - Ông trả lời do dự trước câu hỏi của Gletkin - Bây giờ tôi thấy hẩn gần hơn, hình như tôi có thấy hẩn ở đâu rồi.

Trước khi dứt câu, Roubachof cảm thấy đáng lẽ ông không nên nói ra câu đó. Ông mong một cách nhiệt thành rằng Gletkin cho ông vài phút để ông trấn tĩnh. Cái lối Gletkin tung câu hỏi ồ ạt và không ngừng nhắc ông nhớ lại hình ảnh một con chim săn mồi mổ tới tấp vào con vật bị nạn.

- Ông đã thấy người này lần chót ở đâu? Sự chính xác của trí nhớ ông trước kia là một huyền thoại trong Đảng mà.

Roubachof nín lặng. Ông bươi óc nhưng không thể đặt sự xuất hiện trước ánh đèn chói lòa kia, đôi môi run rẩy kia vào một thời gian hay không gian nào cả. Người Sứt Môi đứng bất động. Hẩn đưa lưỡi lên chỗ thịt lồi ra đỏ sẫm của cái môi trên; hết nhìn Roubachof tới Gletkin và trở lại Roubachof.

Người nữ thư ký không còn viết nữa; người ta chỉ nghe tiếng vo vo đều đều của cái đèn, và những tiếng rít của đôi tay áo hồ cứng của Gletkin; ông ta nghiêng tới trước, chống cùi chõ trên tay dựa của chiếc ghế bành để hỏi tiếp :

- Ông từ chối trả lời?

- Tôi không nhớ. - Roubachof nói.

- Tốt lắm. - Gletkin nói.

Ông ta càng nghiêng tới, như tựa hết sức nặng của mình lên người Người Sứt Môi :

- Xin ông gọi lại cho công dân Roubachof nhớ. Ông đã thấy ông Roubachof lần cuối cùng ở đâu?

Mặt của người Sứt Môi nhợt nhạt, không còn nhợt nhạt thêm được nữa. Mắt hẩn dừng lại mấy giây trên người nữ thư ký mà hình như hẩn vừa nhận ra sự hiện diện của cô, rồi nhìn ngay đi nơi khác, làm như muốn trốn

chạy và tìm một nơi để ẩn núp. Hãn đưa lưỡi liếm môi lần nữa và nói rất mau một hơi một :

- Tôi bị công dân Roubachof xúi dục thuốc Đảng trưởng.

Ban đầu, Roubachof chỉ ngạc nhiên bởi một giọng trầm và êm tai mà người ta không ngờ thoát ra từ một thể xác rày rạc như thế. Giọng nói của hãn có lẽ là vật duy nhất còn toàn vẹn ở hãn; nó hợp với cái vóc dáng bề ngoài của hãn thành một sự trái ngược lạ kỳ. Roubachof để mấy giây để hiểu ý nghĩa của những lời hãn vừa thốt. Từ khi người Sút Môi tới, ông đã chờ đợi một cái gì loại đó và đánh hơi trước sự nguy hiểm; nhưng hiện thời, ông ý thức những gì hài hước của sự tố cáo này. Một lúc sau, ông nghe Gletkin - lần này tiếng nói đó ở bên lưng ông, vì Roubachof quay mặt về người Sút Môi. Có sự giận dữ trong giọng nói của Gletkin :

- Tôi chưa hỏi ông chuyện đó. Tôi đã hỏi, ông gặp công dân Roubachof lần chót hết hồi nào?

“Vụng về - Roubachof nghĩ thầm - Anh ta không nên nhấn mạnh rằng tên kia đã trả lời lầm. Tôi đã không nhận thấy chuyện đó”. Bây giờ, ông thấy hình như đầu óc ông hoàn toàn sáng suốt, cùng một sự cảnh giác nồng nhiệt. Ông tìm một sự so sánh. “Nhân chứng này là một cây dương cầm tự động - Ông nghĩ - và bây giờ hãn mới lộn bài nhạc”. Câu trả lời kể đó của người Sút Môi còn êm tai hơn nữa :

- Xôi đã gặp công dân Roubachof sau một buổi tiếp tân tại Phái bộ Thương mại ở B. Chính tại đó ông đã xúi tôi tham dự cuộc âm mưu khủng bố đối với sanh mạng của Đảng trưởng.

Trong khi hãn nói, cái nhìn bị ám ảnh của hãn đặt lên người Roubachof và dừng ở đó. Roubachof mang kiếng vào và nhìn lại hãn một cách hiểu kỳ. Nhưng trong đôi mắt của thanh niên, ông không đọc thấy một lời tạ tội, mà là một tin tưởng huynh đệ và sự thăm trách của kẻ bứt rứt và bất lực. Chính Roubachof phải quay mặt trước.

Sau lưng ông vang lên giọng nói của Gletkin, đã trở nên tự tin và tàn bạo :

- Ông có nhớ cuộc gặp gỡ đó xảy ra ngày nào không?

- Tôi nhớ rất rõ - Người Sứ Mối nói với giọng êm ái một cách kỳ lạ - Đó là sau buổi tiếp tân nhân lễ nhậm chức của Cách mạng,

Cái nhìn không tự vệ của hắn vẫn hướng vào mắt Roubachof, như hắn tìm một cách vô vọng một hy vọng tự cứu cuối cùng. Một kỷ niệm, ban đầu mờ ảo rồi trở thành rõ ràng, hiện trong trí Roubachof. Ông đã nhìn ra người Sứ Mối. Nhưng phát giác ấy chỉ gây cho ông sự ngạc nhiên đau đớn. Ông quay sang Gletkin và nói một cách dịu dàng, vừa nháy mắt trước ánh sáng của ngọn đèn :

- Cái ngày rất đúng. Lúc này tôi không nhìn ra con trai của giáo sư Kieffer, vì tôi chỉ thấy anh ấy một lần thôi - trước khi anh được đưa vào tay ông. Ông có thể hài lòng về kết quả của việc làm của ông.

- Ông thú nhận nhìn ra hắn, và đã gặp hắn vào ngày và nơi đã nói trên phải không?

- Tôi vừa mới nói đó - Roubachof trả lời với sự chán chường. Sự cảnh giác nồng nhiệt đã biến mất, và những nhát búa âm thầm đang nện trong đầu ông - Nếu hồi này ông nói ngay anh này là con của người bạn Kieffer vô phước của tôi, tôi đã nhận ra anh ấy rồi.

- Tên hắn đã có khai trọn vẹn trong cáo trạng. - Gletkin nói.

- Cũng như mọi người, tôi chỉ biết giáo sư Kieffer dưới cái bút hiệu của ông thôi.

- Chi tiết đó không quan trọng. - Gletkin nói. Ông nghiêng người lần nữa về hướng người Sứ Mối, như muốn đè bẹp hắn bằng sức nặng của ông xuyên qua khoảng cách - Tiếp tục lời khai của ông đi. Nói cho chúng tôi biết cuộc hội họp đó xảy ra cách nào.

“Lại một sự vụng về nữa, Roubachof nói thầm, mặc dầu ông quá buồn ngủ. Chắc chắn không phải là một chi tiết không quan trọng. Nếu thật tình tôi xúi người này thực hiện cái âm mưu ngu xuẩn đó, tôi đã phải nhớ ra hắn ngay lần đề cập đầu tiên, dẫu có tên hay không”. Nhưng ông quá mệt để giải thích dài dòng; và hơn nữa, ông phải quay lại đèn. Như vậy thì ít ra ông cũng được quay lưng về phía Gletkin.

Trong khi hai người cãi nhau về lý lịch của người Sứ Mối; thì người này vẫn đứng, đầu cúi xuống và môi trên hắn rung bập bẩy trong ánh sáng

chối lòa của ngọn đèn rọi. Roubachof nghĩ đến ông bạn già cũng là đồng chí Kieffer, đại sứ gia của Cách mạng. Trong bức ảnh chụp tại bàn Đại hội, trong đó tất cả đều có râu và có những vòng tròn trên đầu như hào quang, giáo sư Kieffer ngồi bên trái của vị lãnh tụ già. Ông đã hợp tác với vị lãnh tụ trong những công cuộc soạn sử; ông cũng là bạn cờ mà có lẽ là người bạn thân duy nhất của vị lãnh tụ già. Sau cái chết của cụ già, Kieffer, người biết rõ lãnh tụ hơn ai hết, được trao trách nhiệm soạn tiểu sử của người. Ông đã làm việc đó hơn mười năm, nhưng quyển sách không được chào đời. Thuyết chánh thức về những biến động của cuộc Cách mạng đã bị nhiều sự thay đổi lạ lùng trong vòng mười năm đó; cần phải viết lại về vai trò của những vai chánh trong cuộc Cách mạng, sửa đổi các bậc thang giá trị; nhưng lão Kieffer là kẻ cứng đầu và không hiểu gì hết về chế độ độc tài mới dưới trào của Người số I...

- Cha tôi và tôi, - Người Sứ Môi nói với giọng du dương của hẳn - khi trở về từ Đại hội quốc tế Nhân chủng học, chúng tôi đi một vòng sang nước B. vì cha tôi muốn thăm người bạn cũ là công dân Roubachof...

Roubachof nghe hẳn với sự tò mò pha lẫn với một nỗi buồn man mát. Cho đến đoạn này, những điều hẳn kể đều đúng; lão Kieffer đã đến viếng ông, vì lão cần tâm sự và hỏi ý kiến ông. Buổi tối mà hai người đã sống với nhau đó có lẽ là thời gian thích thú cuối cùng của lão Kieffer.

- Chúng tôi chỉ ở với nhau một ngày - Người Sứ Môi tiếp, mắt không rời Roubachof, như tìm một sức mạnh và sự khuyến khích - Hôm đó đúng là ngày kỷ niệm Cách mạng; vì vậy mà tôi nhớ rõ ràng hôm đó. Suốt ngày, công dân Roubachof bận rộn vì những cuộc tiếp tân chánh thức và chỉ gặp cha tôi ít phút. Nhưng tối lại, khi cuộc tiếp tân tại sứ bộ chấm dứt, ông mời cha tôi về nơi ngụ riêng của ông, và cha tôi cho phép tôi đi theo. Công dân Roubachof mệt mỏi và mặc áo ngủ, nhưng ông tiếp chúng tôi một cách nồng nhiệt. Ông đã sửa soạn một bàn rượu, có Cognac và bánh, và sau khi ôm hôn cha tôi, ông tiếp đón chúng tôi bằng lời này: “Buổi tối vĩnh biệt của người da đỏ Mohican cuối cùng...”

Sau lưng Roubachof, giọng Gletkin ngắt ngang :

- Ông có nhận thấy ngay Roubachof có ý phục rượu ông, để để làm cho ông nhận những dự tính của ông ta không?

Roubachof có cảm giác thấy một nụ cười thoáng qua trên gương mặt tàn tạ của Người Sút Môi: lần thứ nhất ông nhận ra trên gương mặt đó một vài nét giống với thanh niên mà ông đã thấy tối hôm ấy.

Nhưng những nét đó biến mất ngay; Người Sút Môi nháy mắt và liếm chiếc môi sứt :

- Ông có vẻ đáng nghi, nhưng lúc đó tôi chưa phát giác ý định của ông.

“Tội nghiệp cho cái thằng nhỏ bần thủ này, - Roubachof nói thầm - họ đã làm gì mà vậy?...”

- Tiếp tục đi! - Giọng Gletkin nạt.

Phải mấy phút sau Người Sút Môi mới trấn tĩnh được sau khi bị chặn lời. Trong khoảnh khắc đó, người ta chỉ nghe cô nữ tốc ký viên ồm chuốt viết chì.

- Roubachof và cha tôi cùng nhau nhắc lại những kỷ niệm xưa rất lâu. Họ không gặp nhau nhiều năm rồi. Họ nói về thời trước Cách mạng, về những người thuộc về thế hệ cũ mà tôi chỉ nghe nói chứ không biết, và về nội chiến. Họ thường nói bằng cách ám chỉ nên tôi không theo dõi được, và họ cười về những kỷ niệm mà tôi không hiểu.

- Họ uống rượu nhiều không? - Gletkin hỏi.

Người Sút Môi bị ánh sáng rọi ngay mặt, nháy mắt một cách ngờ ngác. Roubachof nhận thấy hần hơi nghiêng qua nghiêng lại trong lúc nói, như mắc một chứng bệnh không thể đứng yên một chỗ :

- Theo tôi nghĩ, họ chỉ uống vừa thôi. Trong những năm sau này, tôi chưa thấy cha tôi vui vẻ như vậy bao giờ.

- Chuyện đó xảy ra, - Giọng của Gletkin cất lên - ba tháng trước khi khám phá được âm mưu phản Cách mạng của cha ông, đã làm ông ấy bị hành quyết ba tháng sau.

Người Sút Môi liếm môi và nín thinh.

Do một xung động bất ngờ, Roubachof quay mặt lại Gletkin, nhưng bị ánh sáng chói mắt, ông nhắm mắt và quay chậm chậm trở lại, vừa chùi

kiếng mắt vài tay áo. Cây viết chì của cô nữ thư ký rít trên giấy rồi ngừng lại. Kế đó, lại có tiếng Gletkin :

- Từ lúc đó, có phải cha ông đã hướng dẫn ông vào những âm mưu phản Cách mạng của ông ấy không.

Người Sút Môi liếm môi :

- Dạ phải.

- Và ông biết rằng Roubachof tán thành ý kiến của cha ông?

- Ông hãy lặp lại những câu chánh trong cuộc đàm thoại. Bỏ tất cả những gì không cần thiết.

Người Sút Môi bây giờ để hai tay sau lưng và tựa vai vào tường.

- Một lúc sau, cha tôi và Roubachof đề cập tới thời hiện tại. Hai người dùng toàn những từ ngữ có tính cách chỉ sự xấu xa khi đề cập đến những hiện trạng trong Đảng, và những phương pháp do Ủy ban chỉ đạo của Đảng áp dụng. Roubachof và cha tôi luôn luôn dùng mấy tiếng “Người Số 1” để chỉ Đảng trưởng Roubachof nói rằng từ khi Người số I đặt cái bàn tọa rộng của ông lên Đảng, thì không khí hết còn thở được nữa. Vì lẽ đó ông thích đi công tác ở ngoại quốc.

Gletkin quay sang Roubachof :

- Chuyện đó xảy ra ít lúc trước lời tuyên bố đầu tiên của ông trung thành với Đảng trưởng phải không?

Roubachof quay phân nửa sang phía ánh sáng :

- Đúng vậy.

- Có phải trong buổi tối đó, Roubachof ngộ ý đưa ra một lời tuyên bố như vậy không? - Gletkin hỏi Người Sút Môi.

- Dạ phải. Cha tôi trách Roubachof và nói ông không tin ông này làm như vậy. Roubachof cười và bảo cha tôi là ông già ngốc và là Don Quichotte. Ông nói điều cần thiết là phải chịu đựng lâu hơn những kẻ khác hầu chờ thời cơ để ra tay.

- Ông muốn nói gì với từ ngữ: “chờ thời cơ”?

Thanh niên lại nhìn vào mặt Roubachof với dáng điệu buồn thảm và dụi dụi. Roubachof có ý nghĩ vô lý rằng ông sắp sửa đi về phía hãn và

hôn lên trán hần. Ông mỉm cười về sự vô lý ấy trong khi cái giọng êm tai trả lời :

- Giờ mà nhà lãnh đạo Đảng bị gạt khỏi địa vị.

Cái mỉm cười của Roubachof không qua khỏi mắt Gletkin ông ta hỏi gay gắt :

- Những kỷ niệm đó làm ông thích thú?

- Có lẽ. - Roubachof nói, vừa nhắm mắt lại.

Gletkin sửa lại tay áo và tiếp tục hỏi Người Sứ Mối :

- Như vậy, Roubachof đã nói đến thì giờ mà vị lãnh tụ Đảng bị gạt khỏi nhiệm sở. Nhưng làm sao để thực hiện chuyện đó?

- Cha tôi nói rằng có ngày tức nước vỡ bờ và Đảng sẽ truất phế ông hay bắt buộc ông từ nhiệm; và phe đối lập lãnh việc phổ biến tư tưởng đó.

- Còn Roubachof?

- Roubachof cười cha tôi, lặp lại rằng ông ấy là kẻ ngu và là một Don Quichotte. Kế đó, ông nói rằng Người số I không phải là một hiện tượng bất ngờ, mà là hiện thân của một thứ đặc trưng của nhân loại - thí dụ, sự tin tưởng tuyệt đối vào tính cách không lầm lỗi của những niềm tin của ông, từ đó, ông rút tĩa sức mạnh cần thiết cho sự thiếu hần lương tri. Như vậy ông sẽ không bao giờ từ chức bất ngờ, và chỉ có thể bị loại bằng bạo lực. Người ta cũng không mong chờ gì ở Đảng được, vì Người số I nắm hết các giềng mối trong tay, và biến cải chế độ quan liêu của Đảng thành đồng lõa sống chết với ông, và ông biết như vậy

Mặc dầu buồn ngủ, Roubachof cũng phải nhìn nhận sự chính xác trong việc thanh niên nhắc lại những lời của ông. Chính ông cũng không nhớ những chi tiết của cuộc đàm thoại, nhưng ông biết Người Sứ Mối đã lặp lại một cách trung thực. Ông quan sát hần qua cặp kiếng mắt một cách đặc biệt chú ý.

Giọng của Gletkin lại vang lên :

- Như vậy là Roubachof nhấn mạnh sự cần thiết phải dùng bạo lực chống Người số I - tức là nhà lãnh đạo Đảng?

Người Sứ Mối gật đầu xác nhận.

- Những lý lẽ của Roubachof và rượu đã gây cho ông cảm giác mạnh phải không?

Con của giáo sư Kieffer không trả lời ngay. Kể đó hẳn nói hơi nhỏ hơn trước :

- Tôi gần như không có uống gì cả. Nhưng những điều ông nói gây cho tôi một cảm giác sâu xa.

Roubachof cúi đầu. Một mối nghi ngờ dâng lên trong người ông, gây cho ông gần như một thứ đau đớn thể xác và làm ông quên tất cả các đầu đề khác. Biết đâu thanh niên bạc phước này đã có những kết luận về tư tưởng của chính ông, Roubachof - và con người đang đứng trước mặt ông trong ánh sáng chói lòa của chiếc đèn rọi, là hiện thân những kết quả xuất phát từ lý luận của ông?

Gletkin không cho ông đi đến tận cùng dòng tư tưởng, ông nói với giọng chua chát :

- Và sau việc chuẩn bị bằng lý thuyết thì đến việc xúi giục anh đi thẳng vào hành động?

Người Sứt Môi nín lặng. Hẳn ngẩng lên trước ánh sáng đôi mắt chớp chớp của hẳn.

Gletkin chờ đợi câu trả lời mấy giây. Roubachof, dẫu không cố ý, cũng ngẩng đầu lên. Nhiều giây trôi qua, trong lúc đó, chỉ còn tiếng vo vo của ngọn đèn; lại giọng của Gletkin, đứng đắn hơn và lạt lẽo hơn :

- Ông có muốn người ta nhắc cho ông nhớ lại không?

Gletkin nói câu ấy với một tư thái thung dung rõ rệt, nhưng Người Sứt Môi giật nảy mình như bị quất một ngọn roi. Hẳn liếm môi và trong đôi mắt hẳn hiện ra sự khùng khiếp của một con thú. Giọng nói du dương của hẳn cất lên :

- Sự xúi dục không có tối hôm đó, nhưng sáng hôm sau, trong dịp chỉ có mình công dân Roubachof và tôi.

Roubachof mỉm cười. Dời cuộc đàm thoại tưởng tượng đó đến sáng hôm sau hẳn là lối dàn cảnh tế nhị của Gletkin; để cho lão Kieffer tham dự một cách vui vẻ cảnh con ông nhận những chỉ thị đánh thuốc độc người là chuyện khó xảy ra, dẫu đối với môn tâm lý học của đám dân Neanderthal

ăn lông ở lỗ... Roubachof quên đi nhận xét đó; ông quay sang Gletkin hỏi, mắt nháy lia trong ánh sáng :

- Tôi tưởng bị cáo có quyền đặt câu hỏi trong một cuộc đối chứng?

- Đó là quyền của ông. - Gletkin nói.

Roubachof quay sang thanh niên :

- Nếu tôi nhớ không lầm, anh vừa học xong bậc đại học lúc anh tới viếng tôi với cha anh?

Bây giờ là lần thứ nhất ông nói thẳng với Người Sút Môi, cái nhìn hiền từ và tin cậy trở lại với hắn, và hắn gật đầu.

- Như vậy là đúng - Roubachof nói - Và nếu tôi nhớ không lầm nữa, anh có ý vào làm việc dưới quyền cha anh tại Viện Nghiên cứu Lịch sử, phải không?

- Phải - Người Sút Môi đáp, và sau một lúc do dự, hắn tiếp - Tôi làm việc đến ngày cha tôi bị bắt.

- Tôi hiểu - Roubachof nói - Sau biến cố đó, tự nhiên anh không thể ở lại Viện, và có lẽ anh đã tìm được phương tiện khác để sống...

Ông ngừng lại, quay sang Gletkin, tiếp :

- ... Điều đó chứng tỏ lúc tôi gặp thanh niên này, tôi lẫn anh ấy đều không dự tính được có ngày anh ta làm việc trong một quán ăn; như vậy, sự xúi giục giết người bằng cách đánh thuốc độc, theo luận lý là không thể có!

Cây viết chì của cô thơ ký dừng lại thành linh. Roubachof đầu không nhìn cô, có cảm giác rằng cô ta ngừng viết và đã quay gương mặt nhọn như chuột sang Gletkin; nhưng đôi mắt cô ta không tỏ ra thoải mái, mà lại bối rối, sợ sệt. Cảm giác thăng thế tạm thời của Roubachof biến mất; ông lại có cảm giác kỳ lạ là đã phá hư sự tiến hành bình thường của một buổi lễ long trọng. Giọng của Gletkin càng bình tĩnh và đứng đắn hơn thường lệ :

- Ông còn câu hỏi nào nữa không?

- Bây giờ thì hết rồi.

- Không ai nói những chỉ thị của ông bắt buộc kẻ sát nhân phải dùng thuốc độc mà thôi - Gletkin dịu dàng nói - Ông đã ra lệnh ám sát; ông để cho công cụ của ông lựa chọn phương tiện. - Ông quay sang Người Sút Môi - Phải vậy không?

- Dạ phải. - Người Sút Môi đáp, giọng hần tỏ ra nhẹ nhõm.

Roubachof nhớ rằng cáo trạng dùng lời lẽ thật minh bạch: xúi dục giết người bằng cách đánh thuốc độc, nhưng bỗng nhiên ông trở thành đứng đưng trước tất cả những cái đó. Dầu thanh niên thật sự đã thi hành cuộc mưu toan rồ dại đó, dầu hẳn chỉ mới thai nghén một dự tính mơ hồ loại ấy, dầu sự thú tội của hẳn do kẻ khác gạ cho tất cả hay một phần, việc ấy giờ đây, không có một giá trị nào về mặt pháp lý; những sự kiện đó không làm thay đổi tội trạng ông chút nào! Điều trọng yếu là con người đáng tội nghiệp kia là hiện thân và cũng là hậu quả của tư tưởng ông. Vai trò bị đảo lộn không phải Gletkin, mà chính ông Roubachof, đã toan đưa sự hỗn độn vào một chánh nghĩa rõ ràng bằng cách chẻ cọng tóc làm bốn. Cáo trạng từ trước tới giờ vô lý, vừa mang tới - dẫu một cách nặng nề và thô bỉ - những vòng sắt đã thiếu trong một sợi lòi tới hoàn toàn hợp lý.

Tuy nhiên, theo Roubachof, hình như người ta có điểm bất công đối với ông. Nhưng ông đã quá kiệt lực để thốt ra thành lời.

- Ông còn câu hỏi nào nữa không? - Gletkin hỏi.

Roubachof lắc đầu.

- Phần ông đã xong rồi. - Gletkin nói với Người Sút Môi. Ông nhấn vào một nút điện; một ngục tốt đồng phục bước vào còng tay cậu Kieffer. Trước khi để bị đưa đi, ra đến cửa, Người Sút Môi còn quay lại nhìn Roubachof, giống như mỗi lần dứt cuộc đi dạo ngoài sân. Roubachof cảm thấy cái nhìn đó đè nặng lên người ông; ông gỡ kiếng, chùi vào tay áo và quay mắt nơi khác.

Khi Người Sút Môi đi khỏi, ông có cảm giác gần như ghen tức với hẳn. Giọng Gletkin như xói vào tai ông, chính xác, với một sự tươi nhuận tàn nhẫn :

- Ông có nhìn nhận rằng lời khai của Kieffer hợp với các sự kiện trên những điểm trọng yếu không?

Roubachof phải quay về chiếc đèn. Ông nghe ù tai và ánh sáng như ngọn lửa đỏ và nóng xuyên qua màn mi mỏng. Tuy nhiên, từ ngữ: “trên những điểm trọng yếu” không thoát khỏi tai ông. Với đoạn này trong câu nói, Gletkin vừa bắt một cái câu qua lỗ sơ hở của ông ta trong lúc thẩm vấn,

và cho phép mình thay đổi “xúi dục giết người bằng cách đánh thuốc độc” thành “xúi dục giết người” mà thôi.

- Trên những điểm trọng yếu - Ủ, Roubachof nói.

Tay áo của Gletkin rút lên và cô nữ tốc ký viên cũng xê dịch trên ghế của cô. Roubachof thấy mình đã nói ra câu quyết liệt, và ký tên vào tờ nhận tội. Làm sao những kẻ ăn lông ở lỗ lại hiểu được những gì mà ông, Roubachof, xem là tội phạm của ông và những gì mà, theo các tiêu chuẩn của ông, ông gọi là sự thật?

- Ánh sáng có làm ông khó chịu không? - Gletkin thỉnh thoảng hỏi ông.

Roubachof mỉm cười. Gletkin tiền trao cháo múc ngay. Đó cũng là tâm địa của đám người Neanderthal ăn lông ở lỗ. Tuy nhiên, khi ánh sáng ngọn đèn xuống một mức, Roubachof cảm thấy nhẹ nhõm và một cái gì giống như sự cảm ơn.

Dầu vẫn nháy mắt, bây giờ ông có thể nhìn thẳng vào mặt Gletkin. Ông thấy lại cái theo to đờ hỏn trên sọ hớt trọc của Gletkin.

- ... Chỉ trừ một điểm mà tôi xem như trọng yếu. - Roubachof nói.

- Xin cho biết. - Gletkin nói, và trở lại dáng điệu thẳng cứng và đứng đắn.

“Tự nhiên là hẳn tưởng mình ám chỉ cuộc trực diện không bao giờ xảy ra với thằng nhỏ Kieffer - Roubachof nghĩ - Đó là điều quan trọng đối với hẳn: hẳn muốn đặt dấu chấm lên chữ ‘i’, dầu những chấm đó giống như những vết mực rớt trên giấy. Nhưng đứng ở quan điểm của hẳn, có lẽ hẳn có lý...”

- Điều quan trọng đối với tôi, - Ông nói lớn - là cái này: thật ra thì theo những niềm tin của tôi thuở đó, tôi nói sự cần thiết phải dùng đến bạo lực. Nhưng bạo lực, theo tôi hiểu là hành động chánh trị, chứ không phải khủng bố cá nhân.

- Như vậy là ông chọn cuộc nội chiến?

- Không, hành động quần chúng.

- Như ông biết, hành động đó cũng đưa thẳng đến nội chiến. Có phải đó là sự phân biệt mà ông tha thiết muốn nêu rõ không?

Roubachof không trả lời. Cách đây một lúc, đó là điểm mà ông xem rất quan trọng. Bây giờ thì ông dừng dừng đối với nó. Trên thật tế, nếu phe đối lập chỉ có thể thắng chế độ quan liêu của Đảng và bộ máy rộng rãi của nó bằng nội chiến - tại sao sự kiện đó lại có giá trị hơn là bỏ thuốc độc vào bữa ăn của Người số I, vì như vậy cũng có thể làm sụp đổ chế độ mau hơn và ít tổn máu hơn!

Sự ám sát chánh trị không danh dự bằng sự giết chóc chánh trị tập thể ở chỗ nào? Thắng bé khốn khổ này chắc hẳn hiểu lắm về những gì nó muốn nói - nhưng sự lầm lẫn của nó phải chăng hợp lý hơn là chí hướng thật sự của nó trong mấy năm sau này?

Kẻ nào chống đối độc tài phải chấp nhận nội chiến làm phương tiện. Kẻ nào lùi trước nội chiến, phải bỏ sự đối lập và chấp nhận độc tài.

Những câu giản dị đó, Roubachof đã viết trong cuộc bút chiến với phe “ôn hòa”; từ gần suốt một đời, lại chứa đựng sự kết án chính ông. Ông không buồn tiếp tục cuộc tranh luận với Gletkin nữa. Ý thức về sự thất bại của chính mình gây cho ông một cảm giác nhẹ nhõm; sự bắt buộc phải tiếp tục cuộc tranh đấu, gánh nặng của trách nhiệm, ông đã trút bỏ; sự buồn ngủ trước kia bây giờ trở lại với ông. Ông nghe tiếng búa bổ trong đầu như một tiếng vọng thật xa, và trong một lúc, ông nhận thấy hình như sau cái bàn, không phải Gletkin ngồi, mà là Người số I, với cái dáng mĩa mai làm như thông cảm nhau lắm khi ông nhìn Roubachof vừa siết tay ông khi cả hai từ giã nhau lần chót, ông nhớ lại một chữ khắc mà ông đã đọc được trên cửa Nghĩa trang Errancis, nơi đã chôn Saint Just, Robespierre và mười sáu đồng chí của họ bị chặt đầu. Chữ ấy là:

- *Dormir.*

Một chữ duy nhất: ngủ.

Từ lúc này, những kỷ niệm của Roubachof lại trở thành mây mù. Có thể ông ngủ lần thứ hai trong vòng vài phút hay vài giây; nhưng lần này ông không nhớ mình có nằm mơ hay không. Ông bị Gletkin đánh thức để ký tờ khai. Gletkin trao cây viết máy cho ông; Roubachof nhận thấy với một chút nhòm gớm hơi ấm từ túi ông kia. Người nữ tốc ký viên cũng đã ngưng viết; một sự yên lặng tuyệt đối ngự trị trong phòng. Ngọn đèn không

kêu vo vo nữa và chiếu ra một ánh sáng bình thường, hơi nhạt, vì bình minh đã hiện ở cửa sổ.

Roubachof ký tên.

Cảm giác nhẹ nhõm và vô trách nhiệm vẫn còn, đầu ông quên mất lý do; kể đó, quá say ngủ, ông đọc qua những lời khai trong đó ông thú nhận đã xúi dục cậu Kieffer ám sát Đảng trưởng. Trong vài giây, ông có cảm giác đây là một sự hiểu lầm hài hước; ông muốn bôi bỏ chữ ký và xé tài liệu; nhưng ông nhớ lại tất cả; ông chùi kiếng mắt vào tay áo và trao tờ giấy cho Gletkin.

Kỷ niệm kể đó là ông đi trong hành lang, có một người khổng lồ đồng phục hộ tống và cũng chính người ấy đã đưa ông đến văn phòng của Gletkin trong một thời gian vô hạn định trước đó. Nửa ngủ nửa thức, ông đi ngang phòng hút tóc và chiếc cầu thang xuống hầm rượu; ông nhớ lại sự sợ sệt của ông hồi bận đi; ông hơi ngạc nhiên về sự kiện đó và mỉm cười vắn vớ với chung quanh. Kể đó ông nghe tiếng cửa xà-lim đóng lại sau lưng, rồi ông nằm vật xuống giường với cảm giác thoải mái thể xác; ông thấy ánh sáng xám của buổi ban mai trên kiếng cửa sổ và mảnh giấy báo quen thuộc dán trên tấm kiếng, và ngủ ngay.

Khi cửa xà-lim mở trở lại, trời chưa sáng hẳn; ông chỉ ngủ không hơn một giờ. Ông nghĩ chắc họ mang bữa ăn sáng tới; nhưng bên ngoài, thay vì người ngục tốt già, là người khổng lồ đồng phục. Và Roubachof biết mình phải trở lại văn phòng Gletkin vì cuộc thẩm vấn sẽ tiếp tục.

Ông vỗ nước lạnh vào trán và cổ, mang kiếng; rồi bước ra đi trong hành lang, ngang phòng hút tóc, cầu thang, bằng những bước hơi xiêu vẹo nhưng ông không hay biết.

4.

Kể từ lúc này một màn sương mù dày đặc trùm phủ những kỷ niệm của Roubachof. Ông chỉ nhớ từng đoạn rời rạc của cuộc đối thoại giữa ông và Gletkin, suốt mấy ngày mấy đêm, chỉ cách khoảng một hoặc hai giờ. Ông không thể nói đúng cuộc thẩm vấn đã kéo dài bao nhiêu ngày và đêm, có lẽ một tuần lễ.

Roubachof đã nghe nói về phương pháp nghiền nát hoàn toàn thể xác của bị cáo; hai hay ba dự thẩm thường thay phiên nhau để hỏi cung không ngừng. Phương pháp của Gletkin khác hơn là không bao giờ ông để cho người khác thay phiên cho ông, và ông đòi hỏi ở mình cũng bằng với Roubachof. Do đó, ông tức đọat của Roubachof sự nương tựa tâm lý cuối cùng: sự bi thảm của những con người bị đối xử tàn tệ, ưu thế tinh thần của nạn nhân.

Trong vòng bốn mươi tám giờ, Roubachof mất hết quan niệm về ngày và đêm. Sau khi ngủ được một giờ, khi tên khổng lồ tới lay ông thức dậy, ông ở vào tình trạng không thể quả quyết xem ánh sáng xám ở cửa sổ là ánh sáng bình minh hay hoàng hôn. Hành lang, phòng hút tóc, cầu thang xuống hầm rượu và cánh cửa rào luôn luôn được rọi sáng bằng một thứ ánh sáng buồn cười của những ngọn đèn điện. Nếu trong lúc thẩm vấn, ban ngày hiện rõ lần lần ở cửa sổ, đến nỗi Gletkin phải tắt đèn, thì đó là buổi sáng. Nếu trời tối lần lần, và nếu Gletkin bật đèn, đó là buổi chiều.

Nếu Roubachof đói trong lúc bị hỏi cung, Gletkin cho phép ông nhờ người đi tìm giúp nước trà và bánh xăng quít. Nhưng ít khi nào ông đói; nghĩa là ông đói rã ruột, vậy mà khi bánh mì được mang đến, ông buồn nôn ngay. Gletkin không hề ăn trước mặt ông, và Roubachof vì những lý do không giải thích được, không bao giờ hạ mình xin phép được ăn. Tất cả những gì liên quan đến các cơ năng của thân thể đều làm cho Roubachof

cảm thấy mất thế diện trước mặt Gletkin và Gletkin không hề tỏ ra mệt nhọc, không ngáp, không hút thuốc, có vẻ như không ăn không uống, và hình như lúc nào cũng ngồi ở bàn làm việc trong một tư thế đứng đắn, mặc bộ đồng phục hồ cứng với hai tay áo kêu sồn sột. Sự giảm thể nhứt đối với Roubachof là phải xin phép đi làm những việc cần dùng về vệ sinh. Gletkin cho ngục tốt, thường là tên khổng lồ, đưa ông đi cầu, còn hẳn thì ở ngoài chờ. Có lần Roubachof ngủ sau cánh cửa cầu đóng kín. Từ đó cánh cửa luôn luôn mở. Tình trạng của ông trong lúc bị hỏi cung lẫn lộn giữa sự ngỡ ngơ ngần ngừ và sự sáng suốt bất thường và lờ đờ. Ông chỉ bất tỉnh có một lần; ông thường cảm thấy sắp lâm vào tình trạng đó, nhưng sự kiêu hãnh nâng đỡ ông vào phút chót. Ông đốt một điếu thuốc, nhấp nháy đôi mắt, và cuộc thẩm vấn tiếp tục. Ông không khỏi ngạc nhiên thấy mình chịu đựng nổi như vậy. Ông biết rằng những kẻ tầm thường cho rằng sức chịu đựng của con người có những giới hạn thật hẹp hòi; họ không hiểu gì về sự thủng của trạng thái đó. Ông nghe nói có nhiều tù nhân bị ngăn không cho ngủ từ mười lăm đến hai mươi ngày mà vẫn chống trả nổi với lối đối xử đó.

Trong lúc bị Gletkin thẩm vấn lần thứ nhứt, sau khi ký tờ cung khai, ông tưởng đầu đó xong xuôi. Đến lần thẩm vấn thứ hai, ông thấy rõ rằng mọi việc chỉ mới khởi đầu. Có tất cả bảy tội trạng bị tố cáo, mà ông chỉ mới thú nhận có một. Ông tưởng tượng đã uống chén rượu nhục nhã đến tận cạn. Hiện giờ ông mới phát giác rằng sự bất lực cũng có những cấp độ như quyền lực; rằng sự thất bại cũng có thể làm mình say sưa như thắng lợi, và những chiều sâu của nó là một cái hố thăm thẳm không đáy. Và từng bước một, Gletkin bắt buộc Roubachof phải đi xuống chiếc thang đó.

Ông có thể giản dị hóa công việc của mình. Ông chỉ cần ký tất cả một lượt hay chối hết là yên thân. Một quan niệm kỳ lạ và phức tạp về bốn phạm ngàn ông đầu hàng sức cám dỗ đó. Cuộc đời của Roubachof chứa đầy một ý niệm tuyệt đối là ông chỉ biết hiện tượng “cám dỗ” trên lý thuyết mà thôi. Giờ đây sự cám dỗ theo đuổi ông suốt những ngày những đêm, trong lúc ông đi xiêu vẹo trong hành lang, trong ánh đèn trắng của Gletkin, một sự cám dỗ chứa đựng trong một chữ giản dị khắc tại nghĩa trang của những kẻ bại trận: Ngủ.

Khó mà kháng cự được, vì sức cảm dỗ ấy lặng lẽ và hiền hòa; nó không được sơn phết bằng những màu sắc chói lọi, nó không thuộc về nhục thể; nó không dùng lý lẽ. Tất cả lý lẽ đều từ phía Gletkin; nó chỉ lặp lại những chữ do người thợ hớt tóc đã viết: “Chết trong yên lặng”.

Lắm khi, trong những lúc trì độn pha lẫn với sự tỉnh táo sáng suốt, môi Roubachof mấp máy, nhưng Gletkin không nghe ông nói gì. Bấy giờ, Gletkin tăng hăng sửa lại tay áo, và Roubachof chùi kiếng vào tay áo thờ thần lắc đầu rồi ngủ; vì ông đã nhận được kẻ cảm dỗ chính là đối tượng cảm lặng mà ông tưởng đã quên rồi; và đối tượng đó không có việc gì phải làm trong phòng này, cũng như ở bất cứ nơi nào khác: giả tưởng văn phạm.

- Vậy là ông chối đã vì phe đối lập mà thương thuyết với những đại diện một Cường quốc, trong mục đích lật đổ chế độ hiện hành với sự giúp đỡ của Cường quốc đó? Ông phản đối cáo trạng về việc ông sẵn sàng nhượng đất - nghĩa là hy sinh một số tỉnh của chúng ta - để trả ơn sự ủng hộ trực tiếp hay gián tiếp những dự án của ông?

Phải, Roubachof phản đối việc đó; Gletkin đã kể lại ngày và giờ của cuộc đàm thoại với nhà ngoại giao đó - và Roubachof nhớ lại cảnh vô thường vô phạt đã hiện ra trong trí ông lúc Gletkin đọc cho ông nghe bản cáo trạng. Vừa ngủ gục sững sốt, ông nhìn Gletkin và hiểu rằng giải thích cảnh ấy với hẳn vô ích. Sau bữa ăn tối ngoại giao tại Sứ bộ ở B., màn đó diễn ra. Roubachof ngồi cạnh Herr von Z. vị Đệ Nhị tham vụ Sứ quán của quốc gia mà mấy tháng trước đó, Roubachof đã mất mấy cái răng. Ông đã nói chuyện với nhà ngoại giao to con đó về một đề tài thật hữu ích liên quan đến một giống “Bọ” rất hiếm có, được đồng thời nuôi trên đất riêng của Herr von Z. và trên đất nhà của cha Roubachof; có thể cha của Roubachof và cha của Herr von Z. đã trao đổi nhau nhiều mẫu giống lúc trước.

- Bây giờ mấy con bọ của phụ thân ông ra sao? - Herr von Z. hỏi.
- Chúng nó bị đập chết hết hồi Cách mạng để ăn thịt. - Roubachof nói.
- Còn đám bọ của chúng tôi thì hiện nay được dùng thay thế cho mờ. - Herr von Z. nói với giọng buồn bã.

Ông ta không giấu diếm sự khinh miệt đối với nền độc tài mới của nước ông; có lẽ vì sự tình cờ mà người ta đã quên tổng cổ ông khỏi nhiệm sở đương thời.

- Ông với tôi đều đồng cảnh ngộ. - Herr von Z. nói vừa ngồi lại cho thoải mái và uống cạn ly rượu - Cả hai chúng ta đều là những người sống sót trong thời đại của mình. Nuôi chuột bọ là chuyện dĩ vãng; chúng ta đang sống ở thế kỷ của đám bình dân thời cổ La Mã.

- Nhưng chớ quên rằng tôi đang đứng về phía đám bình dân cổ La Mã ấy. - Roubachof cười nói.

- Không phải tôi muốn nói như vậy - Herr von Z. nói - Trong thâm tâm, tôi cũng đồng ý về chương trình của người có đốm râu đen dưới mũi của chúng tôi - Nếu ông ta đừng la quá to như thế. Dầu sao, người ta cũng không thể tự làm cho mình bị đóng đinh vào cây thánh giá vì niềm tin của chính mình.

Họ uống thêm cà-phê, và khi đến tách thứ hai, Herr von Z. nói :

- Nếu vì lẽ gì ông phải làm trở lại cuộc Cách mạng trong xứ ông và hạ bệ Người số I, thì ông nên đối xử lịch sự hơn với mấy con bọ của ông.

- Chuyện đó có thể lắm chớ - Roubachof nói, và ngừng một lúc, ông nói - Hình như các bạn của ông cũng tin tưởng vào một biến chuyển như vậy phải không?

- Chắc chắn là vậy - Herr von Z. trả lời với giọng phóng khoáng như trước - Theo những vụ án bên xứ ông giúp chúng tôi hiểu, thì hình như bên ông có chuyện gì xảy ra khá ngộ nghĩnh.

- Vậy thì, bên các bạn thân của ông, chắc họ cũng có ý kiến về những biện pháp mà họ sẽ có một khi chuyển biến đó xảy ra không? - Roubachof hỏi.

Tới đó, Herr von Z. trả lời thật rõ ràng, như ông chờ đợi câu hỏi đó :

- Chúng tôi sẽ không nhúc nhích. Và như vậy thì phải được đền công.

Họ đứng gần bàn, tay cầm tách cà-fê.

- Sự đền công đã được định giá chưa? - Roubachof hỏi và nhận thấy giọng ồm ờ của mình có vẻ giả tạo.

- Có chớ. - Herr von Z. trả lời; và ông ta nói tên một tỉnh sản xuất lúa mì do một giống dân thiểu số cư ngụ. Rồi hai người từ giã nhau...

Roubachof không nghĩ đến màn đàm thoại ấy từ mấy năm nay - hay ít ra cũng không nghĩ tới một cách đúng đắn. Những chuyện trà dư tửu hậu - Nhưng làm sao giải thích được với Gletkin sự vô nghĩa hoàn toàn của câu chuyện? Roubachof ngủ gà ngủ gật nhìn Gletkin ngồi trước mặt, tàn nhẫn và lạnh lùng như thuở giờ. Không, không thể nào nói chuyện chuột bọ với hắn. Tên Gletkin này không hiểu gì về vụ con bọ. Hắn chưa bao giờ uống cà-phê với Herr von Z. Roubachof nhớ lại những do dự của

Gletkin trong khi hắn đọc, và những lỗi về âm điệu của hắn. Hắn thuộc nguồn gốc vô sản, tập đọc tập viết lúc đã thành nhân. Hắn làm sao hiểu được một câu chuyện khởi sự bằng đám chuột bọ thì sẽ dẫn dắt đến đâu, Trời cũng chẳng biết được.

- Như vậy là ông nhìn nhận có cuộc đàm thoại đó. - Gletkin nói.

- Cuộc đàm thoại vô thưởng vô phạt hoàn toàn. - Roubachof nói một cách chán nản; ông nhận thấy Gletkin lại đưa ông xuống thang một nấc nữa.

- Vô thưởng vô phạt cũng như những bài luận hoàn toàn lý thuyết của ông trước cậu Kieffer về sự cần thiết phải gạt Quốc trưởng khỏi chính quyền bằng bạo lực phải không?

Roubachof chùi kiếng mắt vào tay áo. Câu chuyện có đúng là vô thưởng vô phạt như ông tìm cách thuyết phục mình chẳng? Chắc chắn là không có “thương thuyết”; cũng chẳng có một thỏa hiệp nào cả; Herr von Z. cũng không có tư cách gì để ký một thỏa hiệp. Tất cả vụ này có thể xem như là “thăm dò” trong ngôn ngữ ngoại giao. Nhưng loại thăm dò ấy là một chiếc vòng trong sợi dây chuyền luận lý của các tư tưởng ông thời đó; ngoài ra, nó cũng hợp với một số truyền thống trong Đảng. Cụ lãnh tụ già, ít lâu trước Cách mạng, đã chẳng phải nhờ bộ Tham mưu của quốc gia đó giúp đỡ mới hồi hương được để lãnh đạo cuộc Cách mạng đến chiến thắng đó sao? Kế đó, trong hiệp ước hòa bình đầu tiên, cụ há chẳng phải nhượng địa để trả giá hòa bình đó sao? “Cái trò hy sinh không gian cũ mèm để đỡ đỡ mất thời gian” một người bạn thân của Roubachof đã nhận xét dí dỏm như vậy. Cuộc đàm thoại bị quên lãng và vô hại đã len vào sợi dây chuyền mà

hiện nay Roubachof thấy khó mà xem khác hơn lối nhìn của Gletkin. Cái tên Gletkin đọc chậm chạp, trí thông minh hoạt động cũng chậm chạp và đi tới những kết quả giản dị, cụ thể, có lẽ bởi vì hẳn chẳng hiểu gì hết về vụ chuột bọ... mà làm sao Gletkin hay biết về cuộc đàm thoại đó? Hoặc có đệ tam nhân nào nghe lén, nhưng đó là trường hợp khó xảy ra lúc đó; hoặc cái anh chàng Herr von Z. hịch hạc đó đã đóng vai trò của kẻ khơi ngòi - Trời mới biết vì những lý do phức tạp nào mà có chuyện như vậy. Một cái bẫy đã giăng ra cho Roubachof - một cái bẫy được quan niệm theo tâm địa chất phác như người tiền sử của Gletkin và Người số I; và ông, Roubachof đã vội vã chui vào.

- Ông đã tìm hiểu rõ cuộc đàm thoại giữa tôi và Herr von Z. ông cũng phải biết nó chẳng có hậu quả nào cả.

- Đúng - Gletkin nói - Bởi vì chúng tôi đã bắt ông kịp thời, và chúng tôi đã tiêu diệt đối lập trên toàn lãnh thổ. Những kết quả của âm mưu tạo phản đó sẽ hiện ra giữa ban ngày nếu chúng tôi đã không hành động.

Làm sao trả lời đây? Thật ra, nếu sự việc không xảy ra những hậu quả quan trọng, há chẳng phải vì Roubachof đã quá già và quá lụng để hành động với tất cả sự luận lý mà các truyền thống của Đảng bắt buộc, như trường hợp Gletkin hoạt động thay cho ông? Vì tất cả hoạt động của cái tự xưng là đối lập chỉ giới hạn trong sự chuyện gẫu theo kiểu các cụ già, vì tất cả thể hệ của Đoàn lão vệ binh cũng đều lụng như ông. Suy nhược vì những năm tranh đấu bất hợp pháp, bị sự ẩm ướt trong các ngục tối gặm nhấm vì họ đã ở trong các nơi đó phân nửa thời trẻ trung của họ; tinh thần khô cạn vì sự cố gắng tinh thần thường trực để đè nén nỗi kinh sợ thể xác mà người ta không bao giờ nói ra, nỗi kinh sợ mà mỗi người phải tự trấn lấy, trong nhiều năm, trong mấy chục năm. Suy nhược bởi những năm lưu vong, lưu đày, bởi tình trạng sôi sục của những cuộc tranh chấp trong nội bộ Đảng; suy nhược bởi những cuộc thất bại liên tiếp và bởi sự mất tinh thần khi chiến thắng cuối cùng. Phải chẳng nên nói rằng chưa bao giờ thật sự có đối lập tích cực và có tổ chức chống nền độc tài của Người số I? Tất cả đều là những trận giặc mồm của những kẻ bất lực giỡn với lửa, bởi vì thể hệ của Đoàn lão vệ binh đã phung phí tất cả cái gì họ chứa đựng, bị vắt đến giọt

cuối cùng, đến nhiệt lượng tinh thần cuối cùng. Và, như những kẻ chết tại nghĩa trang Errancis, Đoàn lão vệ binh chỉ còn mong ước một điều: ngủ và chờ cho hậu thế phán xét?

Làm sao trả lời cho tên ăn lông ở lỗ không thể lay chuyển được này? Hãn có lý hoàn toàn, nhưng hãn phạm một lỗi lầm căn bản: tưởng rằng người ngồi trước mặt hãn là lão Roubachof, thật sự chỉ là cái bóng của lão ấy mà thôi. Tất cả có nghĩa là: trừng trị lão ấy, không phải vì những tội mà lão đã phạm phải, mà vì những tội mà lão đã chẳng phạm nổi! “Người ta không thể tự làm cho mình bị đóng đinh trên cây thánh giá nhân danh niềm tin của chính mình”, Herr von Z. đã nói.

Trước khi ký vào tờ cung chiếu và bị đưa trở về xà-lim để nằm dài như chết trên giường cho đến khi cuộc hành hạ tái diễn, Roubachof đặt một câu hỏi với Gletkin. Câu hỏi ấy không dính dáng gì đến điểm tranh luận, nhưng Roubachof biết rằng mỗi lần một tờ cung khai sấp được ký, thì dễ thương lượng với Gletkin hơn - Gletkin thích tiền trao cháo mút. Câu hỏi của Roubachof dính dáng đến số phận Ivanof.

- Công dân Ivanof đã bị bắt. - Gletkin nói.

- Có thể biết vì lẽ gì không?

- Công dân Ivanof đã mở cuộc thăm vấn ông một cách sơ sài, và trong một cuộc đàm thoại riêng, ông đã bày tỏ những sự hoài nghi trắng trợn về nền tảng vững chắc của cáo trạng.

- Và nếu thật sự ông ấy không tin được thì sao? - Roubachof hỏi - Phải chăng vì ông ấy đã có những ý kiến quá tốt về tôi?

- Trong trường hợp đó, đáng lẽ ông ấy phải ngưng cuộc điều tra, báo cáo chánh thức cho giới trách thẩm quyền rằng theo ý kiến của ông ấy thì ông vô tội.

Gletkin có mĩa mai Roubachof không? Ông ta vẫn có vẻ đứng đắn và lạnh lùng như bao giờ.

Lần sau, khi Roubachof lại sấp cúi xuống biên bản của phiên thăm vấn, cây viết máy nóng hổi của Roubachof trên tay - cô tốc ký viên đã ra khỏi phòng - ông hỏi :

- Tôi có thể hỏi một câu không?

Vừa nói, ông vừa nhìn cái thep to trên sọ Gletkin :

- Người ta nói rằng ông thuộc phe chủ trương những phương pháp hà khắc kiểu Dracon tức là “biện pháp mạnh”. Tại sao ông không dùng áp lực cơ thể trực tiếp đối với tôi?

- Ông muốn nói sự tra tấn phải không? - Gletkin nói với giọng phóng khoáng - Như ông đã biết, bộ hình luật của ta cấm chuyện đó.

Ông ta ngừng một lúc. Roubachof ký xong biên bản.

- Hơn nữa, - Gletkin tiếp - có một vài loại bị cáo thú nhận khi bị áp lực cơ thể, mà lại phản cung tại phiên xử công khai, ông thuộc loại gan lì đó. Sự ích lợi chánh trị của lời tự thú của ông trong vụ án lệ thuộc vào tính cách tình nguyện.

Đây là lần thứ nhất mà Gletkin nói về phiên xử công khai. Nhưng lúc trở về, trong hành lang, trong khi đi bên người không lồ với những bước nặng nề, không phải viễn ảnh đó làm bận tâm Roubachof, mà là câu “Ông thuộc loại gan lì đó”. Muốn hay không, câu ấy cũng làm ông thoải mái và hài lòng.

“Tôi già và trở thành trẻ con,” ông nghĩ thầm khi nằm lên giường. Nhưng sự thích thú kéo dài đến lúc ông ngủ.

Sau một cuộc tranh luận dai dẳng, mỗi khi ký xong những lời thú nhận mới, rồi nằm dài trên giường, kiệt sức nhưng lại hài lòng một cách lạ kỳ, biết rằng sẽ bị đánh thức trong một hay nhiều lần là hai giờ nữa - mỗi lần như vậy, Roubachof chỉ có một mong ước: phải chi Gletkin, dẫu chỉ một lần thôi, cho ông ngủ để đầu óc sáng suốt trở lại. Ông biết rằng mong muốn của ông không thể được chấp thuận trước khi dấu chấm chót được đặt lên chữ “i” chót - ông cũng hiểu mỗi trận đấu sẽ chấm dứt bằng một cuộc thất bại mới và ông cũng chẳng chút hoài nghi nào về kết quả cuối cùng. Tại sao lại tiếp tục bần khoản và để cho người ta ngược đãi mình, thay vì bỏ hẳn một trận đấu thất bại, để khỏi bị đánh thức nữa? Ý nghĩ về cái chết từ lâu đã mất tất cả tính cách siêu hình; nó có một ý nghĩa êm dịu, quyến rũ và hữu hình: ý nghĩa đó là giấc ngủ. Tuy nhiên, một cảm giác kỳ lạ và khúc khuỷu về bốn phận bắt ông phải tỉnh táo và giao tranh đến tận cùng một trận đấu mà phần thua về mình - dẫu chỉ là một trận đấu với những cái cối

xay lúa bằng cánh gió. Phải tiếp tục đến lúc Gletkin đẩy ông xuống bực thang cuối cùng, và đến lúc cái chấm thô kệch của cáo trạng biến thành một chữ “i” hợp lý, trước đôi mắt nhấp nháy của ông. Phải theo con đường tới cùng. Bấy giờ, khi bước vào bóng tối với đôi mắt mở to, ông có thể đạt được quyền ngủ để không bao giờ thức dậy.

Một sự thay đổi cũng đã diễn ra ở Gletkin trong cái chuỗi ngày và đêm liên miên bất tận. Không có gì quan trọng lắm, nhưng không thoát được đôi mắt nóng buốt của Roubachof. Gletkin vẫn ngồi thẳng thớm, vẻ mặt lạnh lùng, với hai tay áo sệt sạt, trong bóng mờ của chiếc đèn, sau bàn làm việc của ông; nhưng lần lần, sự tàn nhẫn mất đi trong giọng nói của ông, và cũng lần lần, ông bớt cường độ ánh sáng chói lòa của chiếc đèn, và chót hết nó trở thành bình thường. Ông không bao giờ mỉm cười, và Roubachof tự hỏi phải chăng con người ăn lông ở lỗ không có thể cười được; và giọng nói của ông cũng chẳng được dịu dàng để diễn tả một khác biệt tình cảm tế nhị. Nhưng một lần, Roubachof hết thuốc sau một cuộc đối thoại mấy giờ đồng hồ, Gletkin không hút thuốc, đã lấy một gói trong túi ông và trao cho Roubachof.

Roubachof cũng đã chiếm được thành công trên một điểm về tội trạng liên quan tới vụ phá hoại Tổng vụ sản xuất nhôm. Đó là một sự tố cáo ít quan trọng trong toàn bộ tội phạm mà ông đã thú nhận, nhưng Roubachof cực lực phản đối như đối với những điểm quyết định khác. Họ ngồi đối diện nhau gần suốt đêm. Roubachof bác bỏ từng điểm một những chứng cứ buộc tội và những thống kê thiên lệch; giọng nói đầy mệt nhọc, ông đã kể ra những con số, những ngày tháng đã trở về như có phép lạ và đúng lúc trong đầu óc đau đớn của ông; và suốt thời gian đó, Gletkin không tìm được khởi điểm giúp ông có thể đưa ra cái chuỗi hợp lý. Vì từ cuộc gặp gỡ lần thứ hai hoặc thứ ba, một loại thỏa hiệp mặc nhiên đã được đồng ý giữa họ: khi Gletkin có thể chứng minh rằng nền tảng tố cáo vững chắc - dầu nền tảng đó chỉ có tính chất hợp lý và trừu tượng - thì ông ta được tự do thêm thốt những chi tiết thiếu sót, nghĩa là đặt dấu chấm lên chữ “i” như Roubachof thường nói. Dầu không ý thức rõ rệt thỏa hiệp ngầm đó, họ vẫn quen lẩn tránh với các quy tắc của trò chơi, và cả hai không cần phân biệt những

hành động mà Roubachof thật sự có làm, và những hành động mà đáng lý ra ông có thể làm, căn cứ vào những ý kiến của ông. Lần lần, họ mất tất cả quan niệm về những gì thuộc về bề ngoài, những gì thực tế, về giả tưởng hợp lý hay hành động có thật. Roubachof nhận thấy sự kiện đó trong những lúc sáng suốt hiếm hoi, và những lúc đó, ông có cảm tưởng là tỉnh dậy sau một trận say lạ lùng; về phần Gletkin, hình như không bao giờ ông nhận thấy điều đó.

Đến sáng, Roubachof vẫn không nhân nhượng về vấn đề phá hoại ở Tổng vụ sản xuất nhôm, giọng của Gletkin đã có vẻ nóng nảy - giống như lúc khởi đầu, khi Người Sứ Môi trả lời lầm. Ông tăng cường độ ngọn đèn, một sự kiện từ lâu không xảy ra. Nhưng bốt lại khi thấy nụ cười mỉa mai của Roubachof. Ông đặt thêm mấy câu hỏi nhưng vẫn không kết quả, kể đó ông nói với giọng kết thúc :

- Vậy là ông quyết liệt chối đã phạm những hành động phá hoại trong kỹ nghệ đã được giao phó cho ông hoặc đã toan tính những hành động như vậy?

Roubachof lắc đầu - mặc dầu ông quá buồn ngủ, ông vẫn muốn biết chuyện gì rồi sẽ xảy ra. Gletkin quay sang nữ tốc ký viên :

- Cô viết: ông dự thăm yêu cầu loại bỏ dữ kiện cáo tố này vì thiếu bằng chứng.

Roubachof đốt mau một liều thuốc để giấu cảm giác thắng trận trẻ con đang dâng trong người ông. Lần thứ nhất ông vừa thắng Gletkin một keo. Một chiến thắng không đáng kể trong một trận chiến đã thấy thua trước, nhưng cũng là một chiến thắng đã nhiều tháng, và cả nhiều năm qua, ông đã không nhận thấy một cảm giác như vậy... Gletkin nhận biên bản từ tay cô nữ thư ký và cho phép cô rút lui, đúng theo nghi thức mà hai bên đã ngầm ngầm đồng ý lúc sau này.

Khi chỉ còn hai người, và lúc Roubachof đứng lên ký biên bản, Gletkin trao cây viết máy cho ông và nói :

- Kinh nghiệm chứng minh rằng phá hoại là phương tiện hữu hiệu nhất của phe đối lập để gây khó khăn cho chánh phủ và để khích động sự

bất bình của thợ thuyền. Tại sao ông cố tự binh vực rằng ông không dùng phương pháp đó - hoặc ông không có ý dùng nó?

- Bởi vì về kỹ thuật, đó là chuyện vô lý - Roubachof nói - Và câu chuyện kéo dài bất tận về vụ phá hoại mà người ta dùng như ông ngáo ộp gây được một loại truyền nhiễm trong việc tố cáo kẻ khác, như vậy, tôi không thích.

Cảm giác thẳng trận, mà từ lâu ông không có, làm cho Roubachof linh hoạt hơn, và ông nói to hơn ngày thường.

- Nếu ông cho rằng sự phá hoại là một thứ giả tưởng hoàn toàn, vậy theo ông, đâu là những lý do thật sự trong tình trạng trầm trệ của kỹ nghệ chúng ta?

- Tiền công ăn món quá rẻ, những phương pháp kiểu cai tù và những biện pháp kỷ luật dã man - Roubachof nói - Tôi biết nhiều trường hợp tại Tổng vụ của tôi, nhiều thợ thuyền bị bắn về tội phá hoại chỉ vì một vài sơ xuất nhỏ do sự mệt nhọc quá độ gây ra. Khi một người đến nơi kiểm soát công nhân trễ hai phút thôi là bị đuổi, và thẻ căn cước bị đóng một con dấu làm họ lâm vào tình trạng không tìm việc làm nơi khác được nữa.

Gletkin nhìn Roubachof với cái nhìn lạnh lùng thường lệ, và với giọng lạnh lùng thường nhật, ông hỏi Roubachof :

- Hồi nhỏ, người ta có cho ông một cái đồng hồ không?

Roubachof ngạc nhiên nhìn ông. Tính cách nổi bật nhất của con người ăn lông ở lỗ là không biết hài hước, hay, một cách chính xác hơn, là không bao giờ biết bông đùa.

- Ông không muốn trả lời câu hỏi của tôi sao? - Gletkin hỏi.

- Muốn chứ. - Roubachof đáp, càng lúc càng ngạc nhiên hơn.

- Khi người ta cho ông cái đồng hồ thì ông được mấy tuổi?

- Tôi không nhớ rõ lắm; khoảng tám hay chín tuổi.

- Tôi, - Gletkin nói, bằng giọng đứng đắn - tôi được mười sáu tuổi mới biết rằng một giờ được chia ra sáu mươi phút. Trong làng tôi, khi các nông dân phải ra tỉnh, họ ra nhà ga lúc mặt trời mọc và nằm ngủ trong phòng chờ đợi cho đến khi xe lửa tới, thường thì vào giữa trưa; có khi tới tối hay sáng hôm sau mới có xe. Đó là những nông dân hiện làm việc trong các xưởng

của chúng ta. Thí dụ, hiện thời trong làng tôi có xưởng làm đường sắt lớn nhất thế giới. Năm đầu bọn cai thợ nằm dưới đất ngủ giữa hai lần sắt chảy trong lò, và cứ tiếp tục mãi như vậy cho tới ngày họ bị bắn. Trong các nước khác, nông dân cần một trăm hay hai trăm năm để có được thói quen về sự chính xác kỹ nghệ và sử dụng máy móc. Tại đây, họ chỉ có mười năm. Nếu chúng ta không tống cổ họ ra cửa hay không bắn bỏ vì một chuyện lôi thôi nhỏ, cả nước sẽ ngưng sản xuất, và bọn nông dân nằm ngủ trên các sân xưởng cho tới bao giờ cỏ mọc trong ống khói, và mọi việc sẽ trở lại như trước. Năm rồi, một phái đoàn phụ nữ từ Manchester ở Anh quốc đến viếng nước ta. Người ta chỉ cho họ xem tất cả, và sau đó họ viết những bài báo tở ỷ bất bình, bảo rằng bọn thợ trong các xưởng dệt ở Manchester không bao giờ chịu bị đối xử như vậy. Tôi có đọc ở đâu đó rằng kỹ nghệ bông vải ở Manchester đã có từ hai trăm năm nay, nghĩa là kể từ ngày họ mới khởi đầu. Ông, công dân Roubachof, ông vừa dùng những luận điệu giống như phái đoàn phụ nữ ở Manchester. Lẽ tự nhiên ông thông thạo hơn mấy chị đàn bà đó. Người ta phải tự hỏi tại sao ông dùng những luận điệu như họ. Nhưng đây, ông có một cái gì giống như họ: người ta cho ông một chiếc đồng hồ hồi ông còn nhỏ...

Roubaehof không nói gì và nhìn Gletkin một

cách hứng thú. Sao? Người ở hang Neanderthal thời ăn lông ở lỗ chun ra khỏi vỏ chằng? Nhưng Gletkin vẫn ngồi thẳng thớm trong ghế bành, lạnh lùng như bao giờ.

- Ông có lý ở một khía cạnh nào đó - Roubachof nói - Nhưng chính ông đã khơi ngòi chuyện này. Nhưng tại sao phải bày đặt ra những con vật tế thần để vượt những khó khăn mà các nguyên nhân xuất phát vừa được ông kể ra một cách thật hấp dẫn?

- Kinh nghiệm cho biết, - Gletkin nói, rằng người ta phải cho quần chúng sự giải thích giản dị, dễ hiểu của tất cả các hiện tượng khó khăn, phức tạp. Theo những gì tôi biết về lịch sử, nhân loại không thể nào bỏ qua được những con vật tế thần. Bất cứ ở thời nào, những con vật đó cũng là một sự kiện cần thiết; bạn ông là Ivanof dạy tôi rằng sự kiện đó bắt nguồn từ đạo giáo. Nếu tôi không lầm, ông ấy giải thích rằng từ ngữ này phát xuất

từ một tục lệ của người Hébreux; mỗi năm một lần, họ tế trời bằng một con dê mang tất cả tội lỗi của họ.

Gletkin ngừng một chút và sửa lại tay áo :

- Hơn nữa, trong lịch sử có những thí dụ về những con vật tế thân tự nguyện. Vào tuổi mà ông có một chiếc đồng hồ, một giáo sĩ trong làng cho tôi biết rằng Jesus Christ tự xem mình là con cừu non nhận hết của loài người. Tôi không bao giờ hiểu được khi một người tuyên bố rằng mình hy sinh cho nhân loại, thì người đó giúp nhân loại được những gì. Nhưng từ hai ngàn năm nay, hình như con người cho chuyện đó rất tự nhiên.

Roubachof nhìn Gletkin. Ông ta muốn đi đến đâu? Mục đích của cuộc đàm thoại này là gì? Con người ăn lông ở lỗ này đang lạc lõng trong một gian nhà bí mật nào đây?

- Dầu sao, - Roubachof nói - tốt hơn là nói sự thật với dân chúng, thay vì xem thiên hạ là phá hoại, là ác quỷ.

- Nếu người ta nói với dân làng tôi rằng họ hãy còn lù đù, chậm tiến, mặc dầu đã có Cách mạng và xưởng hăng, thì sẽ không gây cho họ một kết quả nào cả. Nếu nói với họ rằng họ là những vị anh hùng lao động, rằng mức sản xuất của họ cao hơn người Mỹ, nếu còn sự tệ hại là do bọn yêu quý và bọn phá hoại, thì ảnh hưởng sẽ khá hơn. Sự thật hữu ích cho nhân loại; sự láo xược có hại cho nhân loại. Trong quyển sử cương yếu do Đảng xuất bản cho các lớp học tối và tráng niên, người ta nhấn mạnh rằng trong những thế kỷ đầu của đạo Thiên Chúa, một sự tiến bộ khách quan đối với nhân loại đã được thực hiện. Chẳng biết Chúa Jesus có nói sự thật hay không khi ông quả quyết rằng ông là con của Trời và một thiếu nữ đồng trinh, việc đó không đáng chú ý đối với một người đầy đủ lương tri. Người ta bảo rằng đó là một sự kiện tượng trưng, nhưng người nông dân nói sao tin vậy. Chúng ta cũng có quyền phát minh những sự tượng trưng hữu ích mà người nông dân tin tưởng.

- Lối lập luận của ông làm tôi nhớ tới lối lập luận của Ivanof.

- Công dân Ivanof, cũng như ông, thuộc về giai cấp trí thức cũ; nói chuyện với ông ấy, có thể thâm thập được một ít hiểu biết lịch sử mà người

ta không có vì kém học. Sự khác biệt là tôi cố dùng những hiểu biết đó để phục vụ Đảng; nhưng công dân Ivanof là một người trí nô.

- Là một người?... Roubachof hỏi, vừa lật kiếng mắt.

- Công dân Ivanof, - Gletkin nói, vừa nhìn ông bằng cặp mắt lạnh lùng - vừa bị bắn tối qua, do một quyết định hành chánh.

Sau cuộc đàm thoại đó, Gletkin để cho Roubachof ngủ hai giờ trọn. Khi trở về xà lim, Roubachof tự hỏi tại sao tin Ivanof chết không gây cho ông một xúc động mạnh. Nó chỉ đánh tan cái vui chiến thắng nhỏ của ông thôi, và trả lại ông sự mệt nhọc và buồn ngủ. Hình như ông đã đến một tình trạng mà mọi xúc động mạnh không còn nữa. Hơn nữa, trước khi biết tin Ivanof chết, ông đã hồ thẹn về cảm giác thắng trận phù du kia. Cá tính của Gletkin đã chế ngự ông rất nhiều, đến nỗi những sự thắng trận của ông cũng đổi thành thất bại. Nặng nề và thản nhiên, ông ta ngồi đó, hiện thân tàn bạo của quốc gia, một quốc gia đã nhờ những Roubachof, những Ivanof mới có được. Con đẻ của họ, trở nên độc lập và vô tình cảm khi lớn lên, Gletkin không nhìn nhận mình là kẻ nối nghiệp tinh thần của Ivanof và của giai cấp trí thức cũ kỹ. Roubachof tự lặp lại cả trăm lần rằng Gletkin và những tên ăn lông ở lỗ mới, ngày nay lại có công tác hoàn thành công trình của thế hệ có những cái đầu đánh số. Sự kiện là, cũng cùng chủ thuyết đó, mà khi xuất phát từ miệng họ đã trở thành vô nhân đạo là do những lý lẽ có thể nói thuộc về khí hậu. Khi Ivanof đưa ra những lập luận như thế, thì trong giọng nói của ông còn có những âm điệu xuất phát từ dĩ vãng, những kỷ niệm từ một xã hội đã tàn lụn. Người ta có thể chối bỏ cái thiếu thời của mình, nhưng không thể xóa bỏ nó được. Ivanof đã kéo lê thê cái dĩ vãng của mình tới cùng; vì vậy mà ông đưa vào tất cả những gì ông nói cái giọng sàu sảo vẫn vơ; do đó mà Gletkin bảo ông là trí nô. Những tên Gletkins có gì đâu mà xóa bỏ; chúng cũng chẳng cần chối bỏ dĩ vãng, vì chúng chẳng có bao giờ. Họ sanh ra không có cuốn rún, không lạc thú, không sàu sảo.

5.

Một đoạn trong nhật ký của N.S. Roubachof

"Chúng ta là những kẻ đã biến mất khỏi sân khấu, chúng ta lấy quyền gì mà nhìn đám Gletkins một cách tự cao tự đại như vậy? Những con khỉ đã cười khi người Néanderthal ăn lông ở lỗ xuất hiện trên quả đất. Những con khỉ vẫn minh cao độ éo lã chuyển từ cảnh này sang cảnh khác; người ăn lông ở lỗ vụng về và dính chặt xuống đất. Bọn khỉ, no nê và thuận hòa, sống trong không khí an vui phong nhã, hoặc căn rận trong tư thái trầm mặc triết lý; người ăn lông ở lỗ đi khắp nơi trên thế giới với những bước nặng nề, vung chùy đập quanh mình. Mía mai, những con khỉ thích thú nhìn hăn từ ngọn cây và liệng trái bồ đào vào người hăn. Nhiều khi chúng ghê tởm: chúng ăn một cách thuần khiết và thanh nhã những trái và thân cây ngon ngọt; người man dã ăn thịt sống, tàn sát thú vật và đồng loại. Hăn đốn những cây cối đã có muôn đời, dời các tảng đá khỏi vị trí thiêng liêng từ ngàn xưa và vượt tất cả các luật lệ và truyền thống rừng xanh. Hăn thô bỉ, hung dữ, mất cả thể thống thú vật; đứng ở quan điểm những con khỉ trí thức, người man dã là hiện thân của một bước lùi dã man của lịch sử. Một ít con dã nhân còn sống ngẩng đầu một cách ghê tởm khi thấy một con người..."

6.

Năm hay sáu ngày sau, một việc bất ngờ đã xảy ra: Roubachof bất tỉnh ngay lúc thẩm vấn. Họ đã đến giai đoạn kết thúc của cáo trạng: vấn đề các lý do đã thúc đẩy các hành động của Roubachof. Cáo trạng định nghĩa lý do một cách giản dị là “một tâm địa phản Cách mạng”, và ghi qua loa, như một việc dĩ nhiên, rằng ông hoạt động cho một cường quốc ngoại quốc. Roubachof chiến đấu lần chót chống định thức ấy. Cuộc tranh luận kéo dài từ bình minh đến khoảng chín giờ sáng; bấy giờ, trong một lúc ít gay cấn nhất, Roubachof bỗng chuôi khỏi ghế và nằm dài dưới đất.

Khi ông tỉnh lại vài phút sau, thì thấy cái sọ có mấy chùm tóc của viên bác sĩ, và người này đang xối nước vào mặt ông bằng một cái chai và xoa hai màn tang của ông. Roubachof hít phải hơi thở của bác sĩ, với mùi cây húng giối và bánh phết mỡ; thế là ông mưa. Viên bác sĩ rầy la bằng một giọng chói tai, và khuyên nên đưa Roubachof ra chỗ thoáng khí một lúc.

Gletkin theo dõi cảnh ấy bằng đôi mắt lạnh lùng. Ông bấm chuông và ra lệnh rửa tấm thảm; rồi ông cho đưa Roubachof về xà-lim. Vài phút sau, viên ngục tốt già đến đưa ông ra sân vận động.

Lúc khởi đầu cuộc đi dạo, Roubachof như say trước khí lạnh làm rát mặt. Ông phát giác phổi ông thường thức ốc-xy như ổ gà trong miệng thường thức một thức uống mát dịu. Mặt trời chói rạng, tái và sáng; lúc ấy đúng mười một giờ sáng - giờ mà trước kia ông được đưa đi dạo mát, trong một thời gian dường như xa xôi vô định trước chuỗi ngày đêm mù mịt như một đám tinh vân này. Quả thật là ngu ngốc vì trước kia ông không biết thường thức ân huệ này! Tại sao người ta không thể chỉ sống và thờ rồi đi dạo trong tuyết, cảm thấy nắng ấm trên mặt? Tại sao không trút bỏ giấc ác mộng trong văn phòng Gletkin, trút bỏ ánh đèn chóa mắt, cùng tất cả cuộc dàn cảnh ma quái kia để mà sống như mọi người?

Vì đó là giờ vận động bình thường, ông đi cạnh anh nông dân ốm yếu mang giày gai. Hắn nhìn về phía Roubachof đang đi hơi xiêu vẹo; hắn tăng hăng một hai lần, rồi vừa nói vừa nhìn về đám lính canh :

- Lâu quá tôi không thấy ông. Ông có vẻ bệnh hoạn đến nỗi dường như ông khó chịu đựng lâu nữa được. Người ta nói sắp có giặc.

Roubachof không trả lời. Ông chống lại sự cám dỗ cúi xuống hốt một nắm tuyết bóp thành cục tròn trong tay. Vòng người quay chậm chậm trong sân. Độ hai mươi thước đằng trước, cặp dẫn đầu sắp dẫm lên giữa những bờ dốc nhỏ phủ tuyết - hai người mặc áo tơi xám, hình vóc xấp xỉ nhau, mỗi người đều có một đám mây hơi nước trước miệng.

- Sắp tới mùa gieo mạ - Người nông dân nói - Sau khi tuyết tan, người ta đuổi trều vào núi. Phải ba ngày để lên núi. Xưa kia, tất cả các làng trong vùng đều đưa trều lên đường cùng ngày. Suốt đời ông, chưa chắc ông thấy được nhiều trều như vậy, nhiều chó, nhiều bụi, và nghe được nhiều tiếng chó sủa, trều kêu như vậy... Đức Mẹ ơi, mọi người đều vui sướng làm sao!...

Roubachof đưa mặt ra ánh sáng mặt trời hãy còn tái nhạt nhưng cũng đã xuyên qua không khí một hơi ấm dịu. Ông nhìn những con chim đang bay lượn thật cao phía trên pháo tháp.

Giọng nói như than thở của người nông dân tiếp tục :

- Một ngày như hôm nay, khi không khí có mùi tuyết tan, nó làm tôi ra sao ấy. Cả ông cả tôi, chúng ta không sống lâu được đâu. Họ chà đạp chúng ta bởi vì chúng ta là những kẻ phản Cách mạng, và bởi vì họ không thể để cho những ngày như hồi xưa trở lại, những ngày mà mình rất hạnh phúc...

- Hồi trước, quả thật anh có hạnh phúc sao? - Roubachof hỏi, nhưng người nông dân chỉ nói lầm thảm những gì không nghe được, trái cổ của hắn động đập nhiều lần. Roubachof nhìn ngang qua quan sát hắn; lúc sau, ông nói :

- Anh có nhớ cái đoạn trong Thánh kinh nói về các bộ lạc ở sa mạc hét lên: “Ta hãy đề cử một người chỉ huy rồi trở về Ai Cập”.

Người nông dân gật đầu hăng hái nhưng không hiểu gì... Rồi người ta dẫn hết tù nhân vào trong.

Ảnh hưởng của không khí trong lành biến mất, trạng thái hôn ám, choáng váng và buồn nôn khởi sự trở lại. Đến cửa vào, Roubachof cúi xuống hốt một nắm tuyết chà lên trán và hai mắt nóng bỏng.

Ông không được đưa về xà lim như đã mong ước, mà bị dẫn thẳng tới văn phòng Gletkin. Ông ta đã ngồi ở bàn, trong tư thế như hồi Roubachof ra khỏi nơi đó. Các chiếc màn đã kéo kín đèn cháy sáng; thời gian dừng lại trong gian phòng này, như trong vùng nước đọng. Khi ngồi xuống trước mặt Gletkin, cái nhìn của Roubachof dừng lại trên một vết ướm trên tấm thảm. Ông nhớ lại sự khó chịu của ông lúc nãy. Ông ra khỏi nơi đây đã một giờ rồi.

- Bây giờ chắc ông đã thấy khá hơn lúc nãy - Gletkin nói - Chúng ta chưa xong câu hỏi chót, về động cơ của các âm mưu phản Cách mạng của ông.

Ông hơi ngạc nhiên nhìn tay phải của Roubachof hãy còn nắm một trái tuyết. Roubachof theo dõi cái nhìn ấy; ông mỉm cười đưa tay về chiếc đèn. Cả hai nhìn trái tuyết nhỏ tan trong tay ông trước sức nóng của ngọn đèn.

- Câu hỏi về động cơ là câu cuối cùng - Gletkin nói - Khi nào ông ký tờ cung chiếu, chúng ta sẽ xong việc với nhau.

Chiếc đèn phát ra một ánh sáng dữ dội hơn bao giờ hết. Roubachof bị bắt buộc phải nháy mắt.

- ... Chừng đó ông có thể nghỉ ngơi. - Gletkin nói.

Roubachof đưa tay lên hai màn tang, nhưng hơi mát của tuyết không còn nữa. Tiếng “nghỉ ngơi” dứt câu của Gletkin hãy còn lừng lơ trong yên lặng. Nghỉ ngơi và ngủ. “Ta hãy đề cử một người chỉ huy và trở về Ai Cập!...” Vừa nháy mắt xuyên qua kiếng kẹp mũi, ông rọi một cái nhìn sắc như dao vào mặt Gletkin :

- Ông biết rõ những lý do như tôi. Ông biết rằng tôi không hành động dưới sự thúc đẩy của một “tâm địa phản Cách mạng” và tôi cũng không làm việc cho một cường quốc ngoại quốc nào cả. Cái gì tôi nghĩ và làm, tôi đã nghĩ và làm theo niềm tin và lương tâm tôi.

Gletkin rút ra từ hộc tủ một tập hồ sơ. Ông duyệt qua rồi lấy ra một tờ đọc với giọng đều đều:

“... Đối với chúng tôi, vấn đề thiện chí chủ quan không có nghĩa gì cả. Kẻ tà phải đền tội, kẻ chính sẽ được xá lỗi. Đó là luật của chúng ta...” ông đã viết như vậy trong quyền nhựt ký sau khi bị bắt.

Roubachof nhận thấy sau mi sự nhấp nháy quen thuộc của cây đèn. Trên môi của Gletkin, câu mà ông đã thai nghén và viết ra có một âm thanh trần truồng một cách kỳ lạ, như lời thú tội với một giáo sĩ vô danh lại bị thâu vào đĩa hát rồi phát ra bằng cái giọng eo éo.

Gletkin rút một trang khác trong hồ sơ, nhưng ông chỉ đọc một câu, cái nhìn lạnh lùng của ông dán chặt vào Roubachof:

“Danh dự là phục vụ không kiêu hãnh, và cho đến kết quả tối hậu”.

Roubachof cố gắng chịu đựng cái nhìn ấy.

- Tôi không thấy, - Ông nói - phục vụ đảng ở chỗ nào khi những đảng viên lặn hụp trong vũng bùn trước mặt thiên hạ. Tôi đã ký tất cả những gì ông muốn. Tôi nhận tôi đã theo một chính sách sai lầm và khách quan nguy hiểm. Bấy nhiêu đó chưa đủ sao?

Ông mang kiếng vào, nhìn qua khỏi ngọn đèn rọi với dáng điệu thần thờ vừa nhấp mắt, và kết luận bằng một giọng chán nản và khàn khàn :

- Dầu sao, cái tên N. S. Roubachof tự nó đã là một trang sử của đảng. Kéo lê nó trong bùn, ông làm dơ cả lịch sử của cách mạng.

Gletkin duyệt qua hồ sơ :

- Tôi còn có thể trả lời ông bằng cách trích văn của chính ông. Ông đã viết:

“Tốt hơn là đưa từng câu vào quần chúng bằng đường lối lặp tới lặp lui và giản dị hóa. Những gì được xem là tốt phải chiếu sáng như vàng; những gì bị xem là xấu phải đen như gỗ lim. Để cho quần chúng thâm thập được, những hiện tượng chánh trị phải được tô màu như những chú hề bán hàng trong hội chợ”.

Roubachof nín lặng. Kế đó ông nói :

- Đó là điều ông muốn: tôi phải đóng vai quý trong màn hát hình của ông - hét to, nghiêng răng và le lưỡi - và có vẻ tự nhiên càng tốt. Danton và các bạn hữu của ông ấy đã được tha cho công tác đó.

Gletkin khép tập hồ sơ. Ông hơi nghiêng mình tới trước và sửa lại tay áo.

- Những lời tự thú của ông trong vụ án sẽ là công tác cuối cùng mà ông có thể giúp cho đảng.

Roubachof không trả lời. Ông nhắm mắt và nghỉ mệt dưới ánh sáng đèn như kẻ ngủ kiệt sức dưới ánh mặt trời; nhưng vẫn không thể tránh khỏi giọng nói của Gletkin :

- Danton và Quốc ước Hội nghị chỉ là trò trẻ trước những gì đang đặt ra ở đây. Tôi có đọc nhiều cuốn sách về những chuyện đó; những kẻ đó mang tóc giả đánh phấn và hét to về danh dự cá nhân của họ. Đối với họ, điều quan trọng là chết với một cử chỉ đẹp, không cần nghĩ xem cử chỉ đó là tốt hay xấu.

Roubachof nín thình, ông bị ù tai; giọng của Gletkin đè lên ông; nó đến từ khắp nơi bao quanh ông; nó đập lên sọ đau đớn của ông không chút xót thương.

- Ông biết cái gì được đặt ra ở đây - Gletkin tiếp - Lần thứ nhất trong lịch sử, một cuộc cách mạng chẳng những chiếm được chánh quyền, mà còn giữ được chánh quyền đó nữa. Chúng ta làm cho nước ta trở thành một pháo đài của kỷ nguyên mới. Nó chiếm một phần sáu diện tích quả đất và chứa đựng một phần mười dân số trên thế giới.

Giọng của Gletkin hiện thời vang lên ở sau lưng Roubachof. Ông ta đã đứng lên đi qua đi lại trong phòng. Lần thứ nhất một việc như vậy xảy ra. Đôi giày cao cổ của ông nghiêng lên từng bước, và một mùi chua của mồ hôi và da thuộc lan ra.

- Khi Cách mạng thành công ở nước ta, chúng ta tưởng tượng thế giới còn lại sẽ noi theo ta. Ngược lại, một làn sóng phản ứng lại nảy sanh, hăm dọa chôn vùi ta. Có hai trào lưu trong Đảng. Một, gồm những kẻ mạo hiểm muốn liều lĩnh đưa sự chiến thắng xa hơn trong mục đích kích động cuộc cách mạng ở ngoại quốc. Ông là một trong số người đó. Chúng tôi nhìn nhận rằng trào lưu đó nguy hiểm và thanh toán nó.

Roubachof muốn ngẩng đầu lên nói. Tiếng giày của Gletkin vang lên trong đầu ông. Ông quá mỏi mệt. Ông ngả mình ra sau và không mở mắt.

- Đảng trưởng, - Giọng Gletkin tiếp - có một viễn ảnh rộng hơn và một chiến thuật bền dẻo hơn. Ông hiểu rằng tất cả lệ thuộc vào khả năng cố sống cho qua thời kỳ phản ứng thế giới và gìn giữ pháo đài. Ông hiểu rằng chuyện đó có thể kéo dài mười, hoặc hai mươi, hoặc năm mươi năm, đến khi thế giới chín mùi cho một làn sóng cách mạng mới. Từ đây tới đó chúng ta chỉ có một bốn phận duy nhất là: không chết.

Một câu lơ lửng trên mặt trí nhớ của Roubachof :

“Bốn phận của một nhà cách mạng là bảo vệ sự sống còn của chính mình”. Ai nói câu đó? Chính ông, Roubachof? Hay Ivanof? Chính ông đã nhân danh nguyên tắc đó mà hy sinh Arlova. Và sự kiện đó đưa ông đến đâu?

- Không chết - Giọng Gletkin nói - Phải giữ thành trì với bất cứ giá hy sinh nào. Đảng trưởng đã nhìn nhận nguyên tắc đó với một sự sáng suốt vô song, và không ngót áp dụng nó. Chánh sách Quốc tế phải lệ thuộc chánh sách quốc gia. Kẻ nào không hiểu điều cần thiết đó phải bị tiêu diệt. Nhiều đoàn công chức tài giỏi của chúng ta ở Âu châu đã bị xử tử. Chúng ta không ngần ngại nghiền nát những lớp người do chính ta đào tạo ở ngoại quốc khi quyền lợi của Pháo đài bắt buộc. Chúng ta đã không lùi bước trước việc hợp tác với cảnh sát các nước phản động để tiêu diệt những phong trào cách mạng nổi lên bất hợp thời. Chúng ta không ngần ngại phản bội bạn hữu và hòa giải với kẻ thù để bảo vệ Pháo đài. Đó là trách nhiệm mà lịch sử giao phó cho ta, những đại diện của cuộc cách mạng thắng lợi đầu tiên. Những kẻ cạnh thị, những nhà thẩm mỹ, các luân lý gia không hiểu như vậy. Nhưng lãnh tụ cuộc Cách mạng đã hiểu rằng tất cả tùy thuộc một sự kiện: có hơi dài hơn những kẻ khác.

Gletkin ngưng đi trong phòng. Ông đứng sau lưng Roubachof. Cái theo trên đầu trục của ông bóng loáng mờ hôi. Ông thở hào hển, dùng khăn tay chậm mờ hôi trán, và có vẻ bối rối đã mất sự dè dặt thường lệ.

Ông ngồi lại bàn và sửa tay áo. Ông hạ bớt cường độ ánh sáng và tiếp với giọng lạnh lùng bình thường :

- “Đường lối của Đảng đã được vạch ra rõ ràng. Chiến thuật của Đảng đã được quy định bằng nguyên tắc mục đích biện chính cho thủ đoạn - tất

cả các thủ đoạn, không từ bỏ cái nào. Chính trong tinh thần của nguyên tắc đó, thừa công dân Roubachof, ông Biện lý xin xử ông tử hình.

Loạn Đảng của ông, công dân Roubachof, đã bị đập tan và hành quyết hết rồi. Ông muốn chia rẽ Đảng, ông phải biết rằng mọi phân hóa trong Đảng đều đưa tới nội chiến. Ông đã hay biết sự bất bình của nông dân, vì họ không hiểu ý nghĩa của những hy sinh mà họ bị bắt buộc phải nhận. Trong một trận giặc có thể chỉ vài tháng thôi, những trào lưu như vậy khả dĩ đưa đến hiểm họa. Do đó, Đảng cần phải giữ sự thống nhất của mình. Nói rõ hơn là Đảng phải được đúc trong một chiếc khuôn duy nhất - thấm nhuần một kỷ luật mù quáng và một tin tưởng tuyệt đối. Ông và các bạn hữu của ông, công dân Roubachof, các ông đã mở một vết thương trong cơ thể Đảng. Nếu sự hối hận của ông xác thực, thì ông phải giúp chúng tôi hàn gắn vết thương đó. Tôi đã nói với ông, đó là công tác chót mà Đảng đòi hỏi nơi ông.

Công tác của ông rất giản dị. Chính ông đã vạch nó ra: nhuộm vàng cái Chính, nhuộm đen cái Tà. Chánh sách của đối lập là tà. Bốn phận của ông là làm cho đối lập bị khinh khi; là làm cho quần chúng hiểu rằng đối lập là một tội ác và những lãnh tụ đối lập đều là những kẻ phạm tội ác. Đó là một ngôn ngữ giản dị mà quần chúng hiểu được. Nếu ông nói về những động cơ phức tạp, ông sẽ gieo sự hồ đồ vào quần chúng. Bốn phận của ông, công dân Roubachof, là tránh gợi thiện cảm và sự tội nghiệp của quần chúng đối với ông. Đối lập được thiện cảm và thương hại là một hiểm họa cho đất nước.

Đồng chí Roubachof, tôi mong rằng ông đã hiểu công tác mà Đảng giao phó cho ông”.

Đây là lần thứ nhất từ khi biết nhau, Gletkin gọi Roubachof là “đồng chí”. Roubachof ngẩng ngay đầu lên. Ông cảm thấy sự phẫn nộ dâng lên trong người mình nhưng ông không làm gì được. Cảm ông hơi rung và ông mang kiếng lên :

- Tôi hiểu.

- Tôi nhấn mạnh rằng Đảng không có một viên ảnh đèn bù nào đối với ông. Một số bị cáo bị áp lực vật chất. Một số khác được hứa tha mạng sống

hoặc mạng sống của cha mẹ thân quyến của họ bị chúng tôi giữ làm con tin. Đối với ông, đồng chí Roubachof, chúng tôi không đề nghị một sự trao đổi nào cả, và chúng tôi cũng chẳng hứa hẹn gì với ông hết.

- Tôi hiểu. - Roubachof lặp lại.

Gletkin nhìn qua hồ sơ :

- Trong quyển nhật ký của ông có một đoạn làm tôi xúc động. Ông đã viết: “Tôi nghĩ và làm đúng với sự cần thiết. Nếu tôi đúng, tôi sẽ không hối hận; nếu tôi bậy, tôi sẽ trả”.

Ông nhìn thẳng vào mặt Roubachof :

- Ông đã làm bậy, ông sẽ phải trả, đồng chí Roubachof. Đảng chỉ có một cam kết duy nhất: sau khi thắng trận, một ngày nào đó, và nếu chuyện này không còn có thể làm hại được nữa, thì những tài liệu mật sẽ được công bố. Chừng đó, thiên hạ sẽ biết những gì đã xảy ra trong hậu trường của trò hát hình này - như ông đã nói - mà chúng tôi đã phải dựng lên trước thiên hạ để hành động hợp với cuốn sách về lịch sử...

Ông do dự vài giây, sửa tay áo, và kết luận một cách vụng về, trong khi sắc đỏ hiện lên cái thẹo của ông :

- Và chừng đó, ông và vài bạn hữu của ông thuộc thế hệ cũ, các ông sẽ hưởng sự thiện cảm và thương hại mà các ông bị từ chối ngày nay.

Vừa nói, ông vừa đẩy tờ cung khai làm sẵn về phía Roubachof, và đặt cây viết máy bên cạnh. Roubachof đứng lên và nói với nụ cười gượng :

- Tôi tự hỏi mãi khi những con người ăn lông ở lỗ đi tới chỗ tình cảm thì chuyện gì sẽ xảy ra. Bây giờ thì tôi hiểu.

- Tôi không hiểu. - Gletkin nói, và ông cũng đã đứng lên.

Roubachof ký tờ cung khai trong đó ông thú nhận đã phạm những tội ác về những lý do phản Cách mạng và hoạt động cho một cường quốc ngoại quốc. Khi ngẩng lên, ông thấy bức ảnh của Người số I treo trên tường, và ông nhận dáng điệu mỉa mai như đã thông cảm nhau trước mà cách đây mấy năm, Người số I đã từ giã ông - Sự vô liêm sỉ áo não đang nhìn nhân loại từ chiều cao của bức ảnh được treo khắp nơi ấy.

- Nếu ông chẳng hiểu cũng không sao - Roubachof nói - Có nhiều chuyện chỉ có thế hệ cũ, những Ivanofs, những Roubachofs và những

Kieffers mới hiểu. Giờ đây, sự kiện đó không còn nữa.

- Tôi sẽ ra lệnh cho họ không làm rộn ông trước khi vụ án mở ra. -

Gletkin nói sau một lúc im lặng ngắn.

Ông trở lại thái độ nghiêm trang và chính xác.

Nụ cười của Roubachof trêu tức ông.

- Ông có một mong muốn riêng nào nữa không?

- Ngủ. - Roubachof nói.

Đứng ở cửa, cạnh viên ngọc tốt khổng lồ, ông chỉ là một cụ già nhỏ thó vô nghĩa lý với cái kiếng kẹp mũi và bộ râu dưới cằm.

- Tôi sẽ cho lệnh để ông ngủ yên giấc. - Gletkin nói.

Khi cửa đóng lại, ông trở vào bàn việc. Ông ngồi bất động mấy giây. Kể đó, ông bấm chuông gọi thư ký.

Cô ngồi trong góc, ở chỗ cũ.

- Tôi mừng cho sự thành công của đồng chí Gletkin. - Cô nói.

Gletkin điều chỉnh ngọn đèn trở lại ánh sáng bình thường.

- Thế là hết mất ngủ và kiệt sức - Ông vừa nói vừa nhìn ngọn đèn. Tất cả cái đó chỉ là vấn đề thể chất.

Giả tưởng văn phạm

*Trong khi chỉ cho chúng tôi mục đích, hãy chỉ đường cho chúng tôi,
Vì sự làm rối loạn các thủ đoạn và mục đích
Muốn rằng trong lúc thay đổi những thủ đoạn, các ông sẽ biến đổi
những mục đích;
Mỗi con đường mới phát giác một mục đích mới.*

Feddinand Lassalle
(Franz von Sickingen).

1.

“**K**hi được hỏi ông có nhận tội không, bị cáo Roubachof trả lời: ‘Nhận’ với một giọng rõ ràng. Ông biện lý hỏi thêm có phải ông hoạt động cho phe phản cách mạng không, bị cáo cũng trả lời ‘Phải’ với giọng nhỏ hơn...”

Con gái của người gác cổng Vassillii đọc chậm chậm từng vắn một. Cô đã mở tờ báo lên bàn và theo từng hàng bằng ngón tay; thỉnh thoảng cô đưa tay vuốt chiếc khăn choàng cổ in hoa.

“... Được hỏi bị cáo muốn có luật sư biện hộ không, ông tuyên bố ông không mong được quyền đó. Kế đó, tòa bước sang việc đọc cáo trạng...”

Người gác cổng Vassillii nằm trên giường, quay mặt vào tường. Vera Vassiliovna không bao giờ biết chắc cụ già có nghe cô đọc không hay đã ngủ. Có khi ông lầm nhảm những gì một mình. Cô đã tập tành không để ý đến điều đó, và có thói quen đọc báo to tiếng mỗi tối, “vì những lý do học hỏi” - đầu sau giờ làm việc ở xưởng, cô phải đi họp tiểu tổ và về nhà rất trễ.

“... Cáo trạng cho biết tội trạng của bị cáo Roubachof được chứng minh cho tất cả các tội danh đã ghi trong đó, bằng những bằng chứng có tính cách tài liệu cũng như bằng những lời thú nhận của bị cáo lúc thẩm vấn. Ông chánh án hỏi bị cáo có than phiền gì về thủ tục thẩm vấn không; bị cáo bảo không, thêm rằng ông tự ý thú nhận với sự hối quá thành thật về những tội ác phản cách mạng...”

Người gác cổng Vassillii không nhúc nhích. Phía trên đầu giường, ngay chỗ đầu ông, có treo bức ảnh của Người số I. Kế đó, hãy còn một cây đinh đã sét: cách đây không lâu, cây đinh đó mang bức ảnh của Roubachof chụp lúc làm chỉ huy trưởng Du kích quân. Tay Vassillii tự động mò trong nệm tìm cái lỗ nơi ông giấu quyền Thánh kinh dơ cũ cho con gái ông khỏi thấy; nhưng sau khi Roubachof bị bắt, người con gái đã tìm gặp và liệng đi, vì những lý do học hỏi.

“... Đáp lời ông biện lý, bị cáo Roubachof bắt đầu tả lại tiến trình của ông từ khi ông đối lập với chánh sách của Đảng cho đến lúc ông trở thành một người phản cách mạng và phản quốc. Trước một cử tọa đán mắt vào môi ông, bị cáo khởi sự cung khai: Thưa các công dân thẩm phán, tôi sẽ giải thích vì sao tôi đầu hàng trước ông dự thẩm và trước quý ông, những người đại diện pháp luật của nước ta. Lịch sử của tôi chứng minh với quý ông rằng vì sao sự lệch lạc đường lối do Đảng đề ra đưa thẳng tới họa thổ phỉ phản cách mạng. Kết quả tất nhiên của cuộc đấu tranh phản cách mạng của chúng tôi là đưa đẩy chúng tôi lần lần vào bùn nhơ. Tôi xin diễn tả sự sụp đổ của tôi để cảnh cáo những ai, trong giờ phút quyết liệt này, hãy còn do dự và âm thầm nuôi nấng hoài nghi về đường lối của Đảng và nền tảng vững chắc của chánh sách Đảng. Đây hổ thẹn, bị vùi xuống cát bụi, và sắp chết, tôi xin tả sự nghiệp hèn hạ của một kẻ phản quốc, để làm bài học và nêu gương khủng khiếp cho bao nhiêu triệu công dân...”

Người gác cổng Vassillii quay trở về giường và vùi mặt xuống ổ rơm. Ông có trước mắt hình ảnh vị chỉ huy trưởng râu rậm Roubachof, lãnh đạo du kích quân, trong những cơn nguy biến nhứt, vẫn tìm được những tiếng chửi thề ngộ nghĩnh làm vui cả trời lẫn người. “Bị vùi xuống cát bụi, sắp

chết...” Vassilii rên rỉ. Quyền Thánh kinh không còn ở đó nữa, nhưng ông thuộc lòng nhiều đoạn.

“... Ông biện lý ngắt câu chuyện của bị cáo đang thuật để đặt vài câu hỏi liên quan đến cựu nữ thơ ký của Roubachof, nữ công dân Arlova, bị hành quyết vì tội phản quốc. Theo những câu trả lời của bị cáo Roubachof, hình như lúc đó ông ấy bị dồn vào ngõ bí do sự thận trọng của Đảng, nên đã đổ trút lên Arlova trách nhiệm về những tội ác của ông để cứu mạng ông và có thể tiếp tục những âm mưu bẩn thỉu. N.S. Roubachof thú nhận tội ác này với một sự thành thật bất kể sĩ nhục và trắng trợn. Công dân biện lý đã nhận xét: ‘Ông có vẻ mất hết đạo lý’. Bị cáo đáp lại với một nụ cười chua chát: ‘Có vẻ thôi sao?’ Thái độ đó gây sự phẫn nộ và khinh miệt trong cử tọa, nhưng công dân chánh án ngăn chặn kịp thời. Lăm lăm, những sự diễn tả quan niệm công lý cách mạng nhường chỗ cho một làn sóng vui vẻ - thí dụ, khi bị cáo ngưng tả các tội ác của ông ta để yêu cầu ngưng phiên xử mấy phút, lấy cớ ông ta bị ‘đau răng đến không chịu nổi’. Mặc dầu thể thức xử án của công lý cách mạng rất nghiêm chỉnh, ông chánh án cũng đưa ra một đặc lệ, chấp nhận sự thỉnh cầu ấy và ra lệnh, với một cái nhún vai khinh bỉ, đình phiên xử năm phút”.

Người gác cổng Vassilii nằm ngửa và nghĩ đến những ngày Roubachof được công kênh từ phiên họp này đến phiên họp khác, sau khi ông thoát khỏi tay những kẻ ngoại quốc và ông thấy Roubachof đứng với cặp nạng, trên diễn đàn, dưới những lá cờ đỏ và những trang trí khác, mỉm cười, chùi kiếng vào tay áo, giữa những tiếng hò hét hoan hô không ngớt.

“Bọn lính đưa Đức chúa Jesus vào giữa sân, nghĩa là trong pháp đình, rồi họ tập họp cả đội binh. Chúng mặc áo đỏ cho Chúa. Và chúng đánh lên đầu Chúa bằng một cọng sậy, phun nước miếng vào Chúa, rồi quỳ gối lạy trước Chúa”.

- Ba nói làm nhằm gì đó? - Cô con gái hỏi.

- Không có gì cả. - Lão Vassilii vừa nói vừa quay mặt vào tường. Ông đưa tay vào cái lỗ trong nệm, nhưng không có gì trong đó. Trên đầu ông, cũng không có gì ở cây đinh. Cô gái đã gỡ chân dung của Roubachof khỏi

tường và liệng vào thùng rác, ông đã không phản đối - ông đã quá già để chịu đựng sự sỉ nhục phải vào tù.

Cô gái ngưng đọc và đặt chiếc lò dầu hôi lên bàn để pha trà. Một mùi dầu hôi nồng nặc lan trong căn phòng.

- Ba có nghe con đọc không? - Cô gái hỏi.

Vassilii quay đầu về phía con gái một cách ngoan ngoãn :

- Ba nghe đủ hết.

- Đó, ba thấy không - Vừa nói cô vừa bơm dầu hôi vào cây đèn kêu xì xì - Chính ông khai rằng ông là thằng phản quốc. Nếu không đúng sự thật, thì chính ông đã không tự miệng nói ra. Trong buổi họp của xưởng, chúng con đã biểu quyết một quyết nghị mà tất cả mọi người sẽ ký vào.

- Con biết gì nhiều trong vụ này mà nói! - Vassilii nói trong một tiếng thờ dãi.

Vera Vassiliovna nhìn nhanh ông một cái làm ông phải quay vào tường ngay. Mỗi lần cô nhìn ông như vậy, Vassilii nhớ lại rằng ông là một sự ngăn trở đối với Vera Vassiliovna, vì cô muốn chiếm gian phòng này. Cách đây ba tuần, cô và một thanh niên thợ máy trong nhà máy đã ghi tên vào sổ hôn thú, nhưng cả hai chưa có chỗ ở; thanh niên ở chung một phòng với hai đồng nghiệp, và trong thời này, phải mấy năm mới được Cuộc Gia cư cấp cho một phòng.

Lò dầu bơm đã cháy. Vera Vassiliovna đặt chiếc ấm nước lên đó.

- Người thợ ký của tiểu tổ đã đọc quyết nghị cho chúng con nghe. Trong đó, chúng con yêu cầu tiêu diệt không chút thương xót bọn phản quốc. Kẻ nào tỏ ra tội nghiệp họ thì kẻ đó cũng là một tên phản quốc và phải bị tố cáo - Cô giải thích với một giọng ung dung cả quyết - Dân cần lao phải tỏ ra thận trọng. Mỗi người chúng con đều nhận được một bản quyết nghị để đi gom chữ ký.

Vera Vassiliovna móc từ chiếc áo choàng thợ thuyền ra một tờ giấy hơi nhàu và trải ra trên bàn. Vassilii đang nằm ngửa; chiếc đinh sét ló ra khỏi tường ngay trên đầu ông. Ông liếc về phía tờ giấy mở ra bên cạnh lò dầu. Rồi bỗng nhiên ông quay đầu đi. “Và Chúa Jesus nói: Pierre, ta đã nói với người, hôm nay gà chưa gáy thì người đã chối ba lần rằng không biết ta...”

Nước reo trong chiếc ấm. Lão Vassilii uể oải :

- Những người có tham dự Nội chiến có phải ký không?

Chiếc khăn quàng in hoa đội trên đầu, cô gái cúi xuống cái ấm.

- Không ai bị bắt buộc - Cô nói vừa nhìn ông với cái nhìn kỳ quái lúc này - Ở nhà máy, họ biết ông ở đây. Người thơ ký tiêu tổ hỏi con sau buổi họp có phải ba với ông vẫn là bạn tới cùng phải không, và hai người có thường nói chuyện với nhau không.

Lão Vassilii bật ngồi lên ngay. Sự cố gắng làm ông ho, và những đường gân ở chiếc cổ gầy và có vẻ lao hạch nổi vòng lên.

Cô gái để trên bìa bàn hai cái ly, bỏ vào đó một ít bụi trà lấy từ một bao giấy ra.

- Ba còn lăm bắm gì nữa vậy?

- Đưa ba cái tờ giấy quý đó đi.

Cô gái trao giấy cho ông.

- Ba có muốn con đọc báo nữa, để ba biết thiệt rõ ông nói cái gì không?

- Không - Lão vừa nói vừa ghi tên lão vào giấy - Ba không muốn biết. Thôi, cho ba ly trà.

Cô gái đưa ly. Môi Vassilii động đậy; ông lăm bắm những gì với mình, vừa uống từng hớp nhỏ chất nước vàng nhạt.

Khi hai cha con uống trà xong, cô gái tiếp tục đọc báo. Vụ án các bị cáo Roubachof và Kieffer đến đoạn kết thúc. Những cuộc tranh luận về dự án ám sát Đảng trưởng đã gây trong cử tọa những cơn bão phẫn nộ; nhiều tiếng hét: “Bắn bỏ những con chó điên!” nổi lên nhiều lần. Câu hỏi chót của ông biện lý về động cơ thúc đẩy những hành động của Roubachof. Với một giọng nhỏ và kéo dài, Roubachof với dáng mệt lữ, trả lời :

- Tất cả những gì tôi có thể nói, là một khi phe đối lập chúng tôi nghĩ ra mục tiêu tàn ác là đẩy chánh phủ khỏi Tổ quốc Cách mạng, chúng tôi đã dùng những phương pháp có vẻ hợp với mục đích chúng tôi; những phương pháp đó cũng hèn hạ và đê tiện như mục tiêu đó.

Vera Vassiliovna đứng lên xô mạnh ghế :

- Thật là gớm ghiếc. Cái lối ông trườn sát bụng làm mình muốn mửa.

Cô đặt tờ báo xuống và dẹp lò, ly một cách ồn ào. Vassilii nhìn cô. Trà nóng làm ông can đảm hơn. Ông ngồi dậy :

- Con đừng tưởng tượng rằng con hiểu điều gì trong những chuyện đó. Chỉ trời mới biết ông nghĩ gì khi ông nói như vậy. Đảng dạy tất cả mọi người đều phải quý quyết, mà kẻ nào quá quý quyết thì mất tất cả nhân phẩm. Con nhún vai vô ích - Ông nói thêm một cách giận dữ - Xã hội đã đi đến chỗ đó rồi; ngày nay, sự khôn khéo và nhân phẩm lẫn lộn nhau, mà kẻ nào chọn cái này thì phải bỏ cái kia. Tính toán quá thì cũng chẳng ra cái gì. Vì vậy có câu: “Dầu lời của người là ừ ừ, không không; những gì thêm vào đó xuất xứ từ kẻ tinh quái”.

Ông nằm vật xuống ổ rơm và quay mặt sang nơi khác để khỏi thấy cái nhăn mặt của con gái. Đã từ lâu ông không nói nghịch ý con gái một cách can đảm như vậy. Chỉ trời mới biết câu chuyện sẽ đi tới đâu, một khi con gái ông nghĩ rằng cô cần gian phòng để ở với chồng. Dầu sao, cũng cần phải quý quyết trong đời này - hoặc trong lúc tuổi già có thể đi ở tù hay bị bắt buộc phải ngủ dưới gầm cầu trong rét buốt. Đúng như vậy; hoặc là tinh quái, hoặc là lương thiện: hai cái ấy không thể đi đôi nhau.

- Bây giờ, con đọc đoạn chót. - Cô gái báo trước.

Ông Biện lý đã hỏi xong Roubachof. Kế đó, bị cáo Kieffer bị hỏi cung một lần nữa; ông lặp lại tất cả chi tiết của cuộc cung khai kỳ trước về ý đồ ám sát.

“... Ông chánh án hỏi bị cáo Roubachof xem ông này có muốn đặt câu hỏi với Kieffer không, vì đó là quyền của ông. Bị cáo trả lời ông không xứng đáng sử dụng quyền đó. Cuộc hỏi cung các nhân chứng chấm dứt, và Tòa đình xử. Khi xử lại, công dân biện lý bắt đầu buộc tội...”

Lão Vassilii không nghe lời buộc tội của ông biện lý. Ông quay vào tường và ngủ. Ông không biết ông đã ngủ bao lâu, cô gái đã châm thêm dầu vào đèn bao lâu, và bao lần ngón tay trở của cô dò đến hàng tận cùng của trang báo rồi trở lên phía trên của cột báo kế tiếp. Ông chỉ thức dậy khi ông biện lý, tóm tắt bản buộc tội, xin tòa xử tử hình bị cáo. Có lẽ con gái ông đã đổi giọng lúc đến đoạn cuối, có lẽ cô đã nghỉ một chút; nhưng khi Vassilii thức giấc, cô đến câu chót của bản buộc tội, in bằng chữ đậm:

“Tôi yêu cầu tất cả các con chó điên này phải bị xử bắn”.

Các bị cáo được phép nói những lời cuối cùng.

“... Bị cáo Kieffer quay sang các vị thẩm phán và khẩn cầu được tha chết vì ông ta còn quá trẻ. Ông nhìn nhận lần nữa sự hèn hạ của tội ác và cố gắng trút hết trách nhiệm cho người xúi dục là Roubachof. Ông cà-lăm dữ dội, gây ra một sự vui nhộn trong các khán giả nhưng công dân chánh án ngăn chặn mau lẹ. Kế đó Roubachof được phép nói...”

Nơi đây, phóng viên rất linh động: bị cáo Roubachof đã “nhìn cử tọa với đôi mắt đầy khát vọng, nhưng không tìm gặp một gương mặt nào sẵn sàng với ông, ông đành cúi đầu với vẻ tuyệt vọng”.

Những lời cuối cùng của Roubachof rất ngắn. Ông làm tăng thêm cảm giác khó chịu do thái độ của ông gây ra trước tòa án trước đây.

“Thưa công dân chánh án, - Roubachof nói - tôi nói nơi đây lần cuối cùng của đời tôi. Nếu hôm nay tôi tự hỏi: ‘Tại sao anh chết?’, tôi thấy trước mặt tôi sự hư vô tuyệt đối. Không có gì cần phải chết, nếu người ta chết mà không hối hận, không hòa giải được với Đảng và Phong trào. Vì vậy, bên lề giờ cuối cùng của tôi, tôi quỳ gối trước đất nước, trước quần chúng và cả dân tộc. Mặt nạ chánh trị, trò hề tranh luận và những cuộc âm mưu đã chấm dứt. Về phương diện chánh trị, chúng tôi đã chết trước khi công dân biện lý xin cái đầu của chúng tôi. Khốn nạn cho kẻ bại trận, bị lịch sử vùi xuống cát bụi! Trước quý vị công dân thẩm phán, tôi chỉ có một minh chứng: là đã không chọn cho tôi con đường dịu dàng hơn. Sự tự cao và những chứng tích kiêu hãnh cuối cùng nói thì thào vào tai tôi: Chết một cách yên lặng, đừng nói gì cả; hoặc chết với một cử chỉ đẹp, với một lời ca xúc động của con thiên nga sắp lìa đời; để cho lòng dâng trào và thách đố những kẻ tố cáo anh. Việc đó có thể giản dị hơn cho một tên phiến loạn già nua, nhưng tôi đã vượt khỏi sức cảm dỗ đó. Như vậy là bốn phận tôi đã dứt. Tôi đã trả; món nợ của tôi đối với lịch sử đã thanh toán xong. Xin quý vị thương hại là chuyện lỗ bịch. Tôi không còn gì để nói nữa”.

“... Sau cuộc thảo luận ngắn, ông chánh án đọc bản án. Tòa án tối cao của nền công lý cách mạng kết án tối đa mỗi bị cáo trong mỗi trường hợp:

Tử hình (bằng vũ khí) và tịch thân gia sản. Họ sẽ bị bắn”. Lão Vassilii nhìn trên trời cây đinh sét phía trên đầu ông. Ông thì thầm :

- Mong anh được mãn nguyện. A-men.

Và ông quay mặt vào tường.

2.

Giờ đây, tất cả đều chấm dứt. Roubachof biết rằng từ đây tới khuya ông sẽ không còn nữa.

Ông đi tới đi lui trong xà-lim, nơi ông trở về sau vụ xử án từng bừng; sáu bước rưỡi về phía cửa sổ, sáu bước rưỡi về hướng đối nghịch. Khi ông dừng lại, chú ý nghe, ở miếng gạch đen thứ ba khởi từ cửa sổ, sự yên lặng giữa bốn bức tường vôi trùm phủ ông, như nó dâng lên từ một đáy giếng. Ông vẫn không hiểu tại sao đầu đó lại lặng lẽ như vậy, phía trong cũng như phía ngoài. Nhưng ông biết rằng hiện thời, không có việc gì có thể phá tan sự bình yên này.

Quay trở lại dĩ vãng, ông nhớ một cách chính xác thời gian mà sự bình yên màu nhiệm ấy đã xâm chiếm ông. Đó là lúc cuộc xử án diễn tiến, trước khi ông nói những lời cuối cùng. Ông tưởng mình đã loại khỏi bản ngã những dấu vết ích kỷ và tự cao cuối cùng, nhưng ngay lúc đó, khi mắt ông dò xét các gương mặt của cử tọa, và chỉ thấy sự dửng dưng và chế nhạo, ông cảm thấy lần cuối cùng dâng trào ý muốn khó ngăn chặn là muốn được thương hại như con chó muốn cục xương; lạnh buốt trong lòng, ông muốn tự sưởi ấm với ngọn lửa của các lời lẽ của mình. Ông bị sức cám dỗ dữ dội nói về dĩ vãng của mình, và chồm lên, đầu chỉ một lúc thôi, xé tan màn lưới do Ivanof và Gletkin bao phủ ông; ông muốn hét lên như Danton trước những kẻ buộc tội ông ta: “Các người đã đặt những bàn tay của các người lên sự sống trọn vẹn của tôi. Sự sống đó có đứng lên trước các người như một thách đố được không...” Ông biết rõ bài diễn văn của Danton trước tòa án cách mạng! Ông có thể lặp nó lại từng chữ. Hồi còn trẻ, ông đã học thuộc lòng nó: “Các người muốn dập tắt nên Cộng hòa trong máu. Phải cần bao nhiêu thì giờ nữa cho những bước của tự do trở thành những tấm mộ

bia? Sự bạo tàn đang đi tới; nó đã xé mặt nạ của nó, nó ngẩng đầu cao lên và tiến trên thân của chúng tôi.”

Lời lẽ như đang đốt lưỡi ông. Nhưng sự căm dỗ chỉ một lúc thôi; và khi ông khởi nói những lời cuối cùng, ông cảm thấy yên lặng như một quả chuông trầm xuống ông. Ông nhận thấy đã quá trễ.

Quá trễ để đi ngược con đường, để dò theo những tấm mộ bia đánh dấu những bước đi trước kia của ông. Những lời lẽ không ban bố được gì nữa.

Quá trễ cho tất cả bọn ông. Khi đến giờ ra trước công chúng lần cuối cùng, không một ai trong bọn ông có thể biến chiếc băng bị cáo thành diễn đàn, lột trần sự thật trước mặt công chúng, và như Danton trước các kẻ xử mình, bác bỏ cáo trạng.

Có những kẻ phải im lặng vì sự khủng bố thể xác như Người Sứt Môi; những kẻ khác mong được còn mạng sống? Những kẻ khác nữa định cứu vợ con khỏi móng vuốt của Gletkin. Những kẻ lỗi lạc giữ yên lặng để phục vụ Đảng lần cuối cùng, bằng cách để cho bị hy sinh như những con vật tế thần - và hơn nữa, mỗi kẻ lỗi lạc đều có một cô Arlova trên lương tâm. Họ bị vướng quá sâu trong dĩ vãng của chính họ, rơi vào màn lưới do chính họ dệt ra, đúng với những quy luật của nền luân lý cong queo của họ và lối luân lý cong queo của chính họ; tất cả bọn họ đều phạm tội, nhưng không phải những tội mà họ tự tố cáo. Họ không thể đi ngược đường. Họ ra khỏi sân khấu đúng theo những quy lệ về trò chơi của họ. Công chúng không chờ đợi ở họ tiếng hát của con thiên nga. Họ phải ghép mình theo sách vở, và vai trò của họ là sửa như những con chó sói trong đêm tối...

Như vậy là hết. Ông không còn gì phải làm với tất cả những cái ấy. Ông khỏi phải sửa như chó sói nữa. Ông đã trả, món nợ đã thanh toán. Ông là một người đã mất đi cái bóng của mình, không còn vướng víu gì nữa. Ông đã theo dõi mỗi tư tưởng mình cho đến kết quả tối hậu và hành động hợp với kết quả đó cho đến cùng; những giờ khắc còn lại thuộc về đối tượng lặng lẽ mà vương quốc khởi sự đứng vào điểm mà tư tưởng đúng với luân lý chấm dứt. Ông đã đặt cho đối tượng lặng lẽ ấy cái tên là “giả tưởng

văn phạm” với sự e thẹn trước ngôi thứ nhất của số ít mà Đảng đã chôn sâu vào tâm não của đám đồ đệ.

Roubachof ngừng trước bức tường ngăn ông với phòng số 406. Xà-lim đã trống từ khi Rip Van Winkle đi. Ông gỡ kiếng mắt, nhìn nhanh quanh mình rồi gõ:

2-5; 1-5...

Ông lắng nghe với một cảm giác hồ thẹn rất trẻ con, rồi gõ nữa:

2-51; 1-5;

Ông lắng nghe nữa, rồi lặp lại những tín hiệu đó. Vách tường vẫn câm lặng. Ông chưa bao giờ có ý thức gõ chữ “Tôi”. Có lẽ chưa bao giờ ông gõ chữ đó. Ông lắng nghe. Âm thanh chìm mất không vang dội.

Ông tiếp tục đi trong xà-lim. Từ khi quả chuông im lặng trùm phủ ông, ông bươi óc về một mớ câu hỏi mà ông muốn tìm lời giải đáp trước khi quá trễ. Đó là những câu hỏi ngây ngô thuộc về ý nghĩa của sự đau khổ, hoặc đúng hơn, về sự khác biệt giữa sự đau khổ có ý nghĩa và sự đau khổ có nghĩa. Lẽ tất nhiên, chỉ có sự đau khổ có ý nghĩa là không thể tránh được thôi; nghĩa là sự đau khổ đã mọc sâu gốc rễ trong định mạng sinh lý. Phần khác, mọi đau khổ thuộc nguồn gốc xã hội đều bất thường, nghĩa là vô nghĩa lý. Mục tiêu duy nhất của cuộc cách mạng là hủy bỏ mọi đau khổ vô nghĩa. Nhưng ông nhận thấy sự hủy diệt của loại đau khổ thứ hai này chỉ có thể được với cái giá của một sự tăng gia rộng rãi và tạm thời của tổng số những khổ đau loại thứ nhất. Lại nữa, câu hỏi hiện nay có được đặt ra dưới hình thức này không: một dịch vụ như vậy có biện chính được không? Lẽ dĩ nhiên là được, nếu người ta nói trong sự trừu tượng của “nhân loại”; nhưng áp dụng cho “con người” số ít, dưới biểu tượng 2 - 5; 1 - 5 tức là “Je” (tôi), con người thật sự bằng xương, bằng thịt, bằng da và bằng máu, thì nguyên tắc đó đưa tới sự vô lý. Hồi còn trẻ, ông đã tưởng rằng làm việc cho Đảng, ông sẽ tìm thấy lời giải đáp cho tất cả các câu hỏi loại đó. Sự làm việc của ông kéo dài bốn mươi năm, và ngay hồi khởi sự, ông đã quên câu hỏi đã thúc đẩy ông đảm nhận công tác đó. Hiện thời, bốn mươi năm đã trôi qua, và ông trở về với sự phân vân của thuở thiếu thời. Đảng đã lấy tất cả những gì ông cho và không hề giúp được ông câu giải đáp. Và đối tượng

câm nín mà ông đã gõ cái tên thần bí lên tường của cái xà-lim trống, cũng chẳng trả lời cho ông. Hẳn điếc trước mọi câu hỏi trực tiếp, đầu khẩn cấp và tuyệt vọng đến đâu cũng vậy.

Tuy nhiên, có nhiều con đường đưa đến hẳn. Có khi hẳn phản ứng một cách bất ngờ trước một sự điều hợp hay chỉ cần nhớ tới một sự điều hợp, nhớ tới hai bàn tay chắp vào nhau của bức tranh Pietà, hoặc một vài cảnh tượng lúc ấu thơ. Những sự điều hòa của hẳn đáp lại một vài kêu gọi như đối với một âm-xích, và một khi những hình bóng hay âm vang ấy thức dậy, thì nảy sinh những trạng thái mà người ta gọi là “phút xuất thần”, và những cuộc “trầm mặc” thiêng liêng; những nhà tâm lý học vĩ đại như, trang nghiêm như của thời đại mới nhìn nhận như một sự kiện, sự hiện diện của trạng thái đó, và họ gọi nó là “xúc cảm đại dương”. Trên thật tế, tính cách cá nhân tan trong trạng thái đó như một hạt muối trong biển cả; nhưng cũng cùng lúc đó, sự minh mông vô định của biển cả hình như chứa đựng trong một hạt cát. Hạt cát ấy không còn đặt mình trong thời gian hay trong không gian nữa. Đó là một trạng thái trong đó tư tưởng mất hết định hướng và quay mòng mòng, như cây kim chỉ nam rung động ở từ cực; và chót hết, tư tưởng tách rời khỏi trục để ngao du tự do xuyên qua không gian, như một chùm ánh sáng trong đêm tối; bấy giờ, hình như tất cả các tư tưởng, tất cả những cảm xúc, cho đến sự đau khổ, sự vui sướng chỉ còn là những đường rạch kỳ ảo của một tia sáng, bị phân giải ở giáp trụ của ý thức.

Roubachof đi trong xà-lim. Ngày xưa, ông đã hồ thẹn trốn tránh loại mơ mộng ngây ngô này. Giờ đây, ông không còn mắc cỡ nữa. Trong cõi chết, sự siêu thần trở thành thật tế. Ông ngừng trước cửa sổ và úp trán vào kiếng. Phía trên pháo đài có một vết xanh. Một màu xanh nhạt làm ông nhớ lại một màu xanh nào đó mà ông đã thấy phía trên đầu mình một lần nọ hồi còn nhỏ, lúc ông nằm dài trên cỏ trong vườn của cha ông, nhìn những cành bạch dương đong đưa trên nền trời. Hình như chỉ cần một khoảng trời xanh cũng đủ gây ra “trạng thái đại dương”. Ông đọc thấy rằng, theo những khám phá mới như về vật lý không gian, thể tích của vũ trụ có giới hạn - mặc dầu không gian vô giới hạn. Nó hợp thành một hệ thống đóng kín,

giống như diện tích của một quả cầu. Chưa bao giờ ông hiểu nổi việc đó; nhưng bây giờ, ông cảm thấy một mong muốn khẩn thiết hiểu được sự kiện ấy. Ông nhớ lại nơi mà ông đọc chuyện ấy: trong lúc bị bắt lần thứ nhất tại Đức, các đồng chí đã lén gửi vào xà-lim một tờ báo bí mật của Đảng: ở trên cao, có một bài ba cột về cuộc về cuộc đình công trong một xưởng dệt; phía dưới có bài một cột, loại lấp lổ trống, in bằng chữ nhỏ, sự khám phá về vũ trụ có giới hạn, và ngay chính giữa bài đó lại bị rách mất. Ông không hiểu người ta viết gì trên phần giấy thiếu đó.

Roubachof đứng bên cửa sổ, dùng kiếng mắt gõ vào tường của xà-lim vắng người? Thuở ấu thơ, ông có ý định học khoa thiên văn, thế mà từ bốn mươi năm nay ông lại làm chuyện khác. Tại sao viên biện lý không hỏi ông: “Bị cáo Roubachof, ông nghĩ gì về vô cực?” Ông chẳng biết trả lời ra sao - và đó mới chính là nguồn gốc thật sự của sự phạm tội của ông... Trên đời, còn gì nặng hơn nữa?

Khi ông đọc bài báo đó, lúc ấy cũng như hiện nay ông chỉ có một mình trong xà-lim, những khớp xương hầy còn đau đớn sau một buổi bị tra tấn, ông đã chuồi vào một trạng thái xuất thần lạ lùng - sự “xúc cảm đại dương” đã mang ông lên chỗ chơi vui. Sau đó, ông hổ thẹn vì việc ấy. Đảng không tán thành những trạng thái như vậy. Đảng gọi những sự kiện đó là sự thần bí tiểu tư sản, sự trốn lánh vào tháp ngà, “từ bỏ bốn phạm”, “đào ngũ trong lúc đang đấu tranh giai cấp”. Sự “xúc cảm đại dương” là phản cách mạng.

Vì trong mọi cuộc tranh đấu, con người phải đứng vững hai chân trên mặt đất. Đảng dạy ta rằng vô cực là một số lượng đáng hoài nghi trên bình diện chánh trị, tiếng “Tôi” là một phẩm lượng đáng hoài nghi. Đảng không nhìn nhận sự hiện diện của cái “Tôi”. Định nghĩa về tiếng cá nhân là: thương số của một triệu chia cho một triệu.

Đảng không chấp nhận một cá nhân tự định đoạt vận mạng mình - và đồng thời bắt buộc cá nhân chối bỏ quyền ấy. Đảng không chấp nhận cá nhân có quyền chọn lựa một trong hai giải pháp - và đồng thời buộc phải chọn ngay giải pháp hay. Đảng không chấp nhận cá nhân có được khả năng phân biệt cái hay và cái dở - và đồng thời nó nói bằng một giọng xúc động

về sự phạm tội và sự phản bội. Cá nhân - một bánh xe trong guồng máy của một cái đồng hồ được vận cho chạy trong một thời gian vô hạn và không cái gì có thể làm nó ngừng lại hay ảnh hưởng được nó - cá nhân bị đặt dưới oai lực của định mạng kinh tế, và Đảng bắt buộc guồng máy phải nổi lên chống chiếc đồng hồ để thay đổi sự vận chuyển của nó. Có một sai lầm nào đó trong bài toán, và phương trình không đứng vững.

Trong bốn mươi năm, ông đã tranh đấu với định mạng kinh tế. Đó là chứng bệnh chánh yếu của nhân loại, ung thư nuốt lần ruột gan loài người. Chính đó là nơi phải mổ; phần còn lại trong tiến trình của cuộc điều trị tự nó đi tới. Tất cả những chuyện khác đều thuộc những chủ nghĩa hưởng lạc, lãng mạn, lang băm. Không thể trị một con bệnh sắp chết bằng những lời khuyến khích thành kính. Giải pháp duy nhất là con dao của nhà giải phẫu và sự tính toán lạnh lùng của hắn. Nhưng bất cứ nơi nào con dao ấy đi qua, thì một vết thương khác hiện ra ở chỗ của vết thương cũ. Và một lần nữa, phương trình không đứng vững.

Trong suốt bốn mươi năm, ông đã sống đúng với sự mong muốn của đoàn thể, tức của Đảng. Ông đã theo đúng các quy luật của sự tính toán hợp luận lý. Ông đã đốt trong lương tâm ông tất cả những gì còn lại của cái luân lý cũ kỹ, không hợp lý, bằng chất ắc-xít lý luận. Rồi sự kiện đó đưa ông đến đâu? Những tiền đề của một sự thật hiển nhiên đã đưa tới một kết quả hoàn toàn vô lý; những suy luận chính xác của Ivanof và Gletkin đã đưa ông thẳng tới một ván bài kỳ dị, huyền hoặc là vụ án công khai. Phải chăng con người không nên theo đuổi tư tưởng mình đến một kết luận tối hậu?

Roubachof nhìn xuyên qua những chấn song cửa sổ về vết xanh phía trên cây đại liên của pháo tháp. Khi ông nhìn lại dĩ vãng, ông thấy hình như suốt bốn mươi năm, ông chỉ làm chuyện điên rồ - một loại bệnh điên sát nhân ở Mã Lai trong địa hạt lý luận thuần túy. Phải chăng con người không nên tự giải thoát hoàn toàn khỏi những ngăn trở cũ kỹ, những cái thẳng quân bình như “Anh chớ nên làm điều này”, và “Anh không có quyền làm chuyện nọ”. Như vậy có lẽ hay hơn là lúi thẳng vào mục đích.

Màu xanh bắt đầu biến sang màu hồng, trời đã về chiều; chung quanh chòi canh, một đàn chim đen bay quanh với những cái vỗ cánh chập và

chừng mực. Không, phương trình không đứng vững. Bất con người quay mắt về mục đích và đặt vào tay hẳn một con dao mổ không đủ; những kinh nghiệm với con dao mổ không hợp với nó. Sau này, một ngày tới đây không chừng. Hiện trong lúc này, con người hãy còn quá trẻ, quá vụng về. Nó điên lên trên mảnh đất thí nghiệm minh mông đó, tức là Tổ quốc của Cách mạng, Pháo đài của tự do! Gletkin minh chứng tất cả những gì xảy tới nhân danh nguyên tắc ấy, rằng phải cứu Pháo đài. Nhưng ở trong đó giống như cái gì? Không, người ta không thể xây dựng Thiên đàng bằng bê-tông cốt sắt. Pháo đài sẽ được cứu, nhưng không có thông điệp nào gởi cho thế giới, cũng chẳng nêu gương được gì cả. Chế độ của Người số I đã làm bản lý tưởng của Quốc gia Xã hội, như một vài vị Giáo hoàng của thời Trung cổ làm bản lý tưởng của Đế quốc Thiên Chúa. Ngọn cờ Cách mạng đang bị treo rũ, đầy màu tang tóc.

Roubachof đi trong xà-lim. Đâu đó im lìm và gần như tối đen. Có lẽ họ sắp đến tìm ông. Có một sai lầm đâu đó trong phương trình - không trong toàn bộ hệ thống của tư tưởng toán học. Ông đã đánh hơi được điều đó từ lâu, từ câu chuyện của Richard và bức tranh Pietà, nhưng ông chưa bao giờ dám thú nhận cảm giác ấy. Có lẽ Cách mạng tới quá sớm, một đứa con xảo thai với tứ chi dị dạng. Có lẽ tất cả đều do một sai lầm nặng nề về giờ khắc nào đó. Nền văn minh La Mã hình như cũng bị kết án ngay ở thế kỷ thứ nhất trước Thiên Chúa; nó cũng có vẻ mục nát sâu đậm như của chúng ta. Cũng trong thời đó, những kẻ lỗi lạc tưởng rằng thời gian đã chín mùi cho một cuộc thay đổi vĩ đại; ấy vậy mà xã hội cũ hờ hững vẫn còn kéo dài năm trăm năm. Lịch sử có bộ mạch máu chảy chậm; con người được đếm bằng số năm, lịch sử được đếm bằng số thế hệ. Có lẽ hiện nay mới là ngày thứ hai sau khi thành lập vũ trụ. Ông thích sống và xây dựng thuyết trường thành tương đối của quần chúng!

Đâu đó đều im lặng trong xà-lim. Roubachof chỉ nghe tiếng rít của giày mình trên nền gạch. Sáu bước rưỡi về phía cửa cái, đó là hướng mà họ sẽ đến tìm ông, sáu bước rưỡi về phía cửa sổ, đó là hướng đêm xuống. Rồi đây tất cả đều chấm dứt. Nhưng khi ông tự hỏi: Đúng ra, tại sao anh chết? Ông không tìm được lời giải đáp.

Có một sự sai lầm trong hệ thống; phải chăng sai lầm ấy nằm trong quy tắc mà cho đến nay ông xem như bất di bất dịch, và ông nhân danh quy tắc đó để hy sinh kẻ khác, rồi tự thấy mình bị hy sinh: đó là nguyên tắc mục đích chứng minh thủ đoạn. Chính câu đó đã giết chết tình huynh đệ vĩ đại trong Cách mạng và liệng tất cả những kẻ ấy vào sự thác loạn. Ông há chẳng đã viết trong hồi ký rồi sao? “Chúng ta đã liệng qua khỏi mạn thuyền tất cả những ước lệ, nguyên tắc chỉ đạo duy nhất của chúng ta là nguyên tắc về kết quả hợp lý; chúng ta chèo một chiếc thuyền không có những vật dẫn thuyền về mặt tinh thần”.

Có lẽ trung tâm của chứng bệnh ở nơi đó. Có lẽ việc nhân loại lưu thông không vật nặng dẫn thuyền là không hợp với họ. Và có lẽ lý lẽ là một cái kim chỉ nam hư, dẫn dắt ta qua những khúc sông quanh co, và mục đích bị mất hút trong sương mù.

Cũng có lẽ cái thời tối tăm sắp đến rồi sao?

Có lẽ sau này, một phong trào mới sắp nảy sinh - với những lá cờ mới, một tinh thần mới biết rõ định mạng kinh tế cũng như “xúc cảm đại dương”. Có lẽ những đảng viên của cái đảng mới ấy sẽ đội mũ thầy tu và giảng rằng chỉ có sự trong sạch của các thủ đoạn mới chứng minh được những mục đích. Có lẽ họ dạy rằng nguyên tắc con người là thương số của một triệu chia cho một triệu là trật, và họ sẽ đưa ra một thứ số học mới căn cứ trên bài toán nhân: trên sự phối hợp của một triệu con người để hợp thành một thực thể mới và thực thể ấy, vốn không phải là một khối vô định hình, sẽ có một ý thức và một tính cách cá nhân riêng, một “xúc cảm đại dương” nhân cho một triệu, trong một hệ thống không gian vô giới hạn nhưng đóng kín.

Roubachof ngừng bước để nghe. Tiếng trống đồng hồi bị chặn nghẹt chạy dài theo hành lang đến tai ông.

3.

Hồi trống như được gió đưa từ xa đến; nó hãy còn xa và đang tới gần. Roubachof không nhúc nhích. Chân ông trên nền gạch không còn tuân theo ý muốn nữa; ông cảm thấy trọng lực của quả đất dâng lên hai chân ông lần lần. Ông lùi lại ba bước về phía cửa sổ, mắt không rời lỗ dòm. Ông thở thật sâu và đốt một điếu thuốc. Ông nghe một tiếng nhỏ gần giường:

- *Họ đến tìm Người Sút Môi. Hẳn gọi lời chào ông.*

Sự nặng nề ở hai chân biến mất. Ông đến cửa và đập tay vào cánh sắt với những cái vỗ mau và nhịp nhàng. Hiện thời không cần truyền tin qua phòng số 406 nữa. Xà-lim ấy trống trơn; sợi dây đứt đoạn ở đó. Ông vừa vỗ vừa dán mắt vào lỗ dòm.

Trong hành lang, ánh đèn điện vàng ỏ như mọi khi. Ông vẫn thấy những cánh cửa từ số 401 đến 407. Tiếng trống to dần. Nhiều tiếng bước chân đến gần, chậm và kéo lê. Ông nghe rất rõ trên nền gạch. Bỗng Người Sút Môi đứng sừng sững trong tầm mắt ông qua lỗ dòm. Hẳn đứng đó, môi run run, như trong ánh sáng của ngọn đèn rọi tại văn phòng Gletkin; hai tay bị còng buông thông sau lưng trong một tư thế uốn cong lạ lùng. Hẳn không thấy mắt của Roubachof sau lỗ dòm và hẳn nhìn cánh cửa của ông với hai con ngươi đờ đẫn nhưng tìm tòi, như hy vọng sống sót của hẳn ở sau cánh cửa đó. Rồi ông nghe một khẩu lệnh, và Người Sút Môi ngoan ngoãn quay lại để đi. Sau hẳn là người khổng lồ với hai cây súng sáu ở đây nịt. Cả hai lần lướt biến khỏi tầm mắt ông.

Hồi trống mất hút đằng xa; đầu đó im lìm trở lại. Một âm thanh nhỏ nổi lên ở tường, gần giường:

- *Thái độ hẳn đứng đắn lắm...*

Từ ngày Roubachof cho số 402 hay sự đầu hàng của ông, họ không nói chuyện với nhau nữa. Số 402 tiếp:

- Ông còn mười phút nữa. Ông cảm thấy ra sao?

Roubachof hiểu rằng số 402 bắt chuyện để giúp ông dễ chờ đợi. Ông thầm cảm ơn hẳn. Ông ngồi lên giường và trả lời:

- Tôi mong chuyện nay mau chấm dứt...

- Đừng sợ - Số 402 gõ - Chúng tôi đều biết rằng ông là một người quý quái... - Hẳn ngần ngừ, rồi lặp mau mấy tiếng chót: Một người quý quái... - Chắc hẳn hẳn không muốn cuộc đàm thoại dứt đi - Ông nhớ không: “Những cái vú vàng hực như những quả bom”? Ha Ha! Quý quái thiệt...

Roubachof lắng nghe những tiếng động ngoài hành lang. Không nghe gì cả. Số 402 hình như đoán được ý nghĩ của ông, vì hẳn tiếp ngay:

- Đừng lắng nghe. Tôi sẽ cho hay lúc cần, khi họ tới... Ông sẽ làm gì nếu được ân xá?

Roubachof suy nghĩ, rồi gõ:

- Tôi sẽ học thiên văn.

- Ha ha! Có lẽ tôi cũng vậy. Người ta bảo những hành tinh khác cũng có người ở không chừng. Tôi xin phép cho ông một lời khuyên.

- Lẽ tất nhiên - Roubachof ngạc nhiên trả lời.

- Đừng để bị kẹt. Đây là đề nghị kỹ thuật của một chiến binh. Trút sạch bong bóng đi. Trong trường hợp như vậy, chuyện đó rất hay. Đầu óc chấp nhận, nhưng xác thịt lại yếu. Ha ha!

Roubachof mỉm cười và tuân lời đi đến bồn vệ sinh. Kể đó ông ngồi lại giường và gõ:

- Cảm ơn. Ý hay lắm. Tương lai ông ra sao?

Số 402 nín lặng vài giây. Rồi ông gõ, hơi chậm hơn trước:

- Còn mười tám năm nữa. Không hẳn vậy, chỉ 6.530 ngày....

Hẳn ngừng, rồi thêm:

- Trong tâm tâm, tôi muốn được như ông...

Kể đó, sau một lúc nghỉ:

- Nghĩ thử xem. Còn 6.530 đêm không phụ nữ.

Roubachof không nói gì. Rồi ông gõ:

- Nhưng ông có thể đọc sách, học hỏi...

- Tôi không có đầu óc như vậy. - Số 402 gõ.

Bỗng hấn gõ mạnh và gấp:

- *Họ tới...*

Hấn ngưng. Vài giây sau, hấn thêm:

- *Tiết thật, đúng vào lúc câu chuyện thích thú...*

Roubachof bước xuống khỏi giường, ông suy nghĩ một lúc rồi gõ:

- *Ông tử tế với tôi quá. Cám ơn.*

Chìa khóa xoay trong ổ. Cánh cửa mở rộng. Ở ngoài, tên khổng lồ mặc đồng phục đứng với một người thường phục. Người thường phục gọi tên Roubachof rồi đọc một bản văn rút từ một tài liệu. Trong khi ông bị chúng bẻ tay ra sau lưng và còng lại, thì số 402 gõ thật gấp:

- *Tôi muốn được như ông. Tôi muốn được như ông. Vĩnh biệt.*

Bên ngoài, trong hành lang, tiếng trống đồng hồi nổi lên trở lại. Ông đi với họ đến trước chỗ người thợ hút tóc. Roubachof biết rằng sau mỗi cánh cửa sắt có một con mắt nhìn ông xuyên qua lỗ dòm, nhưng ông không quay đầu sang trái hay sang phải. Cái còng tay làm trầy cổ tay ông; tên khổng lồ đã bóp quá chặt và quật tay ông ra sau lưng, hai cánh tay cũng đau.

Họ thấy chiếc cầu thang xuống hầm rượu. Roubachof chậm bước lại. Người thường phục ngừng ở đầu cầu thang. Hấn nhỏ thó và có cặp mắt hơi lộ. Hấn hỏi :

- Ông có muốn điều gì khác không?

- Không. - Roubachof đáp; và ông bắt đầu xuống cầu thang. Người thường phục đứng ở đầu cầu thang nhìn theo ông với đôi mắt lộ.

Cầu thang chật chội và thiếu ánh sáng. Roubachof phải giữ gìn cho khỏi té vì ông không thể vịn tay được. Hồi trống đã dứt. Ông nghe người mặc đồng phục đi sau ông ba bước.

Cầu thang quanh theo khu ốc. Roubachof phải cúi xuống để dễ thấy; cái kiếng kẹp mũi sút rơi xuống chừng hai bước dưới chỗ ông đang đi; nó dội lên rơi xuống thêm hai nấc thang nữa rồi bể tan từng mảnh và dừng lại dưới chân cầu thang. Roubachof dừng lại một giây, do dự; rồi ông tiếp tục mò mẫm đi tới cho đến cuối thang, ông nghe người đi sau cúi xuống lượm cái kiếng mắt bỏ túi, nhưng ông không quay đầu lại.

Hiện nay ông gần như đui, nhưng dưới chân ông là đất bằng phẳng. Ông đến một hành lang dài; vách tường không rõ ràng và ông không thấy đầu tường ở đâu. Người mặc đồng phục vẫn ở sau ông ba bước. Roubachof cảm thấy mặt hần nhìn vào ót ông, nhưng ông không quay lại. Ông bước từng bước thật cẩn thận.

Ông nhận thấy hình như mình đã đi trong hành lang này được nhiều phút rồi. Chưa có gì xảy đến. Nếu tên mặc đồng phục móc súng, có lẽ ông đã nghe. Như vậy cho tới bây giờ, ông hãy còn được an ninh. Hay là người ấy làm như nha sĩ, giấu đồ nghề trong tay áo trong khi cúi xuống người bệnh? Roubachof cố nghĩ đến việc khác, nhưng phải tập trung tinh thần để giữ cho khỏi quay đầu lại.

Lạ lùng là cơn đau răng của ông cũng ngưng đúng vào phút mà sự yên lặng trùm phủ ông, trong lúc vụ án đang diễn tiến. Có lẽ bọc mủ đã bẻ đúng vào phút ấy. Ông đã nói gì với họ? “Tôi quỳ gối trước tổ quốc, trước quần chúng, trước cả dân tộc”. Rồi sao nữa? Quần chúng này, dân tộc này sẽ ra sao? Trong bốn mươi năm, dân tộc đã bị đưa qua sa mạc, bằng những lời hăm dọa và hứa hẹn, bằng khủng bố tưởng tượng và tưởng thưởng tưởng tượng. Nhưng đâu là Đất hứa?

Quả thật có một mục đích như vậy cho cái nhân loại lang bạt này chăng? Đó là một câu hỏi mà ông muốn được câu giải đáp trước khi quá trễ. Moïse cũng không được phép bước vào Đất hứa. Nhưng Moïse đã nhìn thấy từ đầu núi, Đất hứa nằm phía dưới chân ông. Như vậy, chết cũng dễ vì đã thấy trước mắt mục đích của ông ta một cách chắc chắn. Còn ông, Nicolas Salmanovitch Roubachof, không được đưa lên chót núi; và nhìn bất cứ nơi nào, ông cũng chỉ thấy sa mạc và bóng đen của đêm tối.

Một phát lặng lẽ trúng sau đầu ông. Ông chờ đợi từ lâu nhưng vẫn gặp cảnh không kịp chuẩn bị. Ông ngạc nhiên cảm thấy hai gối sụm xuống và thân hình ông đánh nửa vòng tròn ốc. “Giống như trên sân khấu, - Ông nói thăm khi té xuống - vậy mà tôi không cảm thấy gì hết”. Ông nằm dưới đất, co quắp lại, gò má đập nền gạch mát lạnh. Quanh ông tối đen, biển cả mang ông đi vừa ru ông trên mặt nước đêm. Những kỷ niệm xuyên qua đầu ông như những vệt sương trên mặt nước.

Bên ngoài, có người gõ cửa, ông mơ thấy người ta đến bắt ông; nhưng ông đang ở xứ nào đây?

Ông cố gắng thọc tay vào tay áo ngủ. Nhưng bức ảnh màu máng phía trên đầu giường nhìn ông, ảnh đó của ai vậy?

Của Người số I hay của người kia - người có nụ cười mĩa mai hay người có cái nhìn lờ đờ?

Một bóng dị hình cúi xuống sát ông, ông nghe thấy mùi da mới của chiếc dây nịt; nhưng phù hiệu gì mà cái bóng dị hình ấy mang trên tay áo và trên hai vai của bộ đồng phục - và nhân danh ai nó đưa chiếc nòng đen của cây súng ngấn lên?

Một nhát chùy thứ hai giáng sau tai ông. Đầu đó đều lặng lẽ. Lại biến cả với tiếng sóng âm ì. Một lượn sóng nâng ông lên chầm chầm. Nó đến từ xa và tiếp tục con đường của nó một cách oai nghi, như một cái nhún vai của Cõi Bất diệt.

HẾT

Table of Contents

Cuộc Thăm Vấn Thứ Nhất

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.
- 9.
- 10.
- 11.
- 12.
- 13.
- 14.

Cuộc Thăm Vấn Thứ Hai

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.
- 7.
- 8.

Cuộc thăm vấn thứ ba

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

5.

6.

Giả tưởng văn phạm

1.

2.

3.